

BỘ TÀI CHÍNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: **14098**/BTC-NSNN

Hà Nội, ngày **11** tháng **9** năm 2025

V/v Thẩm định hồ sơ Nghị định
của Chính phủ quy định chi tiết
thi hành một số điều của Luật số
89/2025/QH15 theo trình tự, thủ
tục rút gọn

Kính gửi: Bộ Tư pháp

Tại Kỳ họp thứ 9, Quốc hội khóa XV đã thông qua Luật Ngân sách nhà nước (NSNN) số 89/2025/QH15 ngày 25/6/2025, có hiệu lực thi hành từ năm ngân sách 2026.

Căn cứ quy định tại Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật; thực hiện nhiệm vụ được giao, Bộ Tài chính đã có Văn bản số 8930/BTC-NSNN ngày 20/6/2025 gửi xin ý kiến các bộ, cơ quan trung ương, địa phương và đăng tải lấy ý kiến rộng rãi trên cổng thông tin điện tử của Chính phủ, Bộ Tài chính; trên cơ sở nội dung Luật NSNN được Quốc hội thông qua và tiếp thu, giải trình ý kiến tham gia của các cơ quan, Bộ Tài chính đã tổ chức hội nghị để xin ý kiến đóng góp trực tiếp của các bộ, cơ quan trung ương và địa phương để tiếp tục hoàn thiện hồ sơ trình Chính phủ dự thảo Nghị định quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật số 89/2025/QH15.

Thực hiện chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại Quyết định số 1526/QĐ-TTg ngày 14/7/2025 ban hành Danh mục và phân công cơ quan chủ trì soạn thảo văn bản quy định chi tiết thi hành các luật, nghị quyết được Quốc hội khóa XV thông qua tại Kỳ họp thứ 9; để có cơ sở trình Chính phủ xem xét, quyết định, Bộ Tài chính đề nghị Bộ Tư pháp thẩm định hồ sơ trình Chính phủ dự thảo Nghị định quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật số 89/2025/QH15 theo trình tự, thủ tục rút gọn và gửi về Bộ Tài chính (kèm theo files điện tử đến địa chỉ Email: vuxuantu@mof.gov.vn) trong ngày **16**/9/2025 để tổng hợp trình Chính phủ.

Tài liệu kèm theo gồm:

- (1) Dự thảo Tờ trình của Bộ Tài chính trình Chính phủ dự thảo Nghị định quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật NSNN.
- (2) Dự thảo Nghị định của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật NSNN.
- (3) Bản tổng hợp, tiếp thu, giải trình ý kiến góp ý của cơ quan, tổ chức, cá nhân về hồ sơ dự thảo Nghị định quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật NSNN.

(4) Bản so sánh dự thảo Nghị định với Nghị định số 163/2016/NĐ-CP, Nghị định số 45/2017/NĐ-CP và Nghị định số 149/2025/NĐ-CP của Chính phủ.

(5) Báo cáo về rà soát các chủ trương, đường lối của Đảng, các văn bản pháp luật, điều ước quốc tế có liên quan đến dự thảo Nghị định quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật NSNN.

Bộ Tài chính rất mong nhận được sự quan tâm, phối hợp của Quý Bộ/. 

Nơi nhận:

- Như trên;
- Thủ tướng Chính phủ (để b/c);
- Phó Thủ tướng Hồ Đức Phớc (để b/c);
- Bộ trưởng (để b/c);
- Văn phòng Chính phủ (để phối hợp);
- Vụ PC (để phối hợp);
- Lưu: VT, NSNN (7b). 

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**



Nguyễn Đức Chi



CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày tháng 9 năm 2025

Dự thảo lần 3

TỜ TRÌNH

Dự thảo Nghị định quy định chi tiết thi hành một số điều
của Luật Ngân sách nhà nước

Kính gửi: Chính phủ.

Tại Kỳ họp thứ 9, Quốc hội khóa XV đã thông qua Luật Ngân sách nhà nước (NSNN) số 89/2025/QH15 ngày 25 tháng 6 năm 2025, có hiệu lực thi hành từ năm ngân sách 2026. Căn cứ quy định tại Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật và chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại Quyết định số 1526/QĐ-TTg ngày 14 tháng 7 năm 2025 về việc ban hành Danh mục và phân công cơ quan chủ trì soạn thảo văn bản quy định chi tiết thi hành các luật, nghị quyết được Quốc hội khóa XV thông qua tại Kỳ họp thứ 9, Bộ Tài chính kính trình Chính phủ dự thảo Nghị định quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật NSNN (thay thế Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật NSNN, Nghị định số 45/2017/NĐ-CP ngày 21 tháng 4 năm 2017 quy định chi tiết lập kế hoạch tài chính 05 năm và kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước 03 năm, Nghị định số 149/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 quy định chi tiết một số nội dung sửa đổi của Luật Ngân sách nhà nước tại Điều 4 Luật số 56/2024/QH15) như sau:

I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH NGHỊ ĐỊNH

1. Cơ sở chính trị, pháp lý

a) Cơ sở chính trị

- Kết luận số 93/KL-TW ngày 26 tháng 8 năm 2024 của Bộ Chính trị về tiếp tục đổi mới cơ chế phân cấp quản lý, phân bổ NSNN để đảm bảo vai trò chủ đạo của ngân sách trung ương (NSTW) và chủ động của ngân sách địa phương (NSDP), các cơ quan, đơn vị có liên quan "*Ban Cán sự đảng Chính phủ phối hợp với Đảng đoàn Quốc hội, lãnh đạo, chỉ đạo cụ thể hóa, thể chế hóa bằng hệ thống*

pháp luật để triển khai thực hiện; theo đó, xác định cụ thể các văn bản Luật cần sửa đổi, bổ sung để đưa vào chương trình xây dựng pháp luật theo hướng sửa đổi tổng thể Luật NSNN, Luật Quản lý thuế...trong đó lưu ý thời điểm triển khai để hạn chế tác động đến việc thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của cả nước và các địa phương”.

- Các Nghị quyết của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh 06 vùng kinh tế¹.

- Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22 tháng 12 năm 2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia.

- Kết luận của Bộ Chính trị số 126-KL/TW ngày 14 tháng 2 năm 2025 về một số nội dung, nhiệm vụ tiếp tục sắp xếp, tinh gọn tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị năm 2025, số 127-KL/TW ngày 28 tháng 2 năm 2025 về triển khai nghiên cứu, đề xuất tiếp tục sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị (sáp nhập các bộ, ban ngành trung ương; sáp nhập một số đơn vị hành chính cấp tỉnh, không tổ chức cấp huyện, sáp nhập một số đơn vị hành chính chính cấp xã).

- Nghị quyết số 27-NQ/TW ngày 09 tháng 11 năm 2022 của Ban Chấp hành Trung ương về tiếp tục xây dựng và hoàn thiện nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong giai đoạn mới; Quy định số 178-QĐ/TW ngày 27 tháng 6 năm 2024 của Bộ Chính trị về kiểm soát quyền lực, phòng, chống tham nhũng, tiêu cực trong công tác xây dựng pháp luật; Nghị quyết số 66-NQ/TW ngày 30 tháng 4 năm 2025 của Ban Chấp hành Trung ương về đổi mới công tác xây dựng và thi hành pháp luật đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới.

- Nghị quyết số 60-NQ/TW ngày 12 tháng 4 năm 2025 tại Hội nghị lần thứ 11 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về sáp nhập đơn vị hành chính cấp tỉnh, không tổ chức cấp huyện, sáp nhập cấp xã và xây dựng mô hình tổ chức chính quyền địa phương 2 cấp.

b) Cơ sở pháp lý

Nghị quyết số 203/2025/QH15 ngày 16 tháng 6 năm 2025 của Quốc hội sửa đổi, bổ sung một số điều của Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

¹ Nghị quyết số 11-NQ/TW ngày 10/2/2022 về phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045; Nghị quyết số 13-NQ/TW ngày 2/4/2022 về phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng đồng bằng Sông Cửu Long đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045; Nghị quyết số 25-NQ/TW ngày 6/10/2022 về phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng Tây Nguyên đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045; Nghị quyết số 24-NQ/TW ngày 7/10/2022 về phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng Đông Nam Bộ đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045; Nghị quyết số 26-NQ/TW ngày 3/11/2022 về phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng Bắc Trung Bộ và duyên hải Miền Trung đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 và Nghị quyết số 30-NQ/TW ngày 23/11/2022 về phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng đồng bằng Sông Hồng đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045).

Luật NSNN số 89/2025/QH15 ngày 25 tháng 6 năm 2025 đã giao Chính phủ quy định chi tiết 26 nội dung. Tại dự thảo Nghị định này, Bộ Tài chính đề xuất quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành một số điểm, khoản, điều Quốc hội giao Chính phủ hướng dẫn gồm: khoản 3 Điều 10, khoản 3 Điều 11, khoản 5 Điều 15, khoản 2 Điều 16, khoản 5 Điều 17, khoản 9, 15, 16, 17, 18 và khoản 19 Điều 25, điểm h và điểm l khoản 9 Điều 31, khoản 11 Điều 32, điểm c khoản 2 Điều 45, khoản 1 Điều 51, khoản 5 Điều 58, khoản 2 Điều 59, khoản 4 Điều 61, khoản 5 Điều 66, khoản 6 Điều 69 và khoản 2 Điều 74 Luật Ngân sách nhà nước.

Tại Quyết định số 1526/QĐ-TTg ngày 14 tháng 7 năm 2025 về việc ban hành Danh mục và phân công cơ quan chủ trì soạn thảo văn bản quy định chi tiết thi hành các luật, nghị quyết được Quốc hội khóa XV thông qua tại Kỳ họp thứ 9, Thủ tướng Chính phủ đã giao Bộ Tài chính trình Chính phủ Nghị định quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật NSNN theo trình tự, thủ tục rút gọn để bảo đảm có hiệu lực đồng thời với thời điểm hiệu lực của Luật NSNN.

2. Cơ sở thực tiễn

Trên cơ sở Luật NSNN số 83/2015/QH13, Điều 4 Luật số 56/2024/QH15 của Quốc hội, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật NSNN, Nghị định số 45/2017/NĐ-CP ngày 21 tháng 4 năm 2017 quy định chi tiết lập kế hoạch tài chính 05 năm và kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước 03 năm, Nghị định số 149/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 quy định chi tiết một số nội dung sửa đổi của Luật Ngân sách nhà nước tại Điều 4 Luật số 56/2024/QH15.

Để triển khai thi hành Luật số 89/2025/QH15, cần thiết phải ban hành mới Nghị định để thay thế Nghị định số 163/2016/NĐ-CP, Nghị định số 45/2017/NĐ-CP, Nghị định số 149/2025/NĐ-CP giúp cụ thể hóa nhiệm vụ được Quốc hội giao Chính phủ hướng dẫn chi tiết. Nhằm:

(1) Khắc phục những điểm hạn chế, bất cập để rà soát, sửa đổi cho phù hợp với quy định tại Luật số 89/2025/QH15 và phù hợp với thực tiễn.

(2) Quy định cụ thể việc quản lý NSNN theo kết quả thực hiện nhiệm vụ; quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách; quản lý nguồn tài trợ, đóng góp tự nguyện thuộc nguồn NSNN; Kinh phí hỗ trợ các tổ chức xã hội thực hiện các nhiệm vụ được Nhà nước giao; ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong quản lý NSNN; công tác lập dự toán NSNN, chấp hành, kế toán, quyết toán NSNN; xây dựng kế hoạch tài chính 05 năm để làm cơ sở tổ chức triển khai thực hiện thống nhất trong phạm vi cả nước.

(3) Sửa đổi, bổ sung và quy định rõ trình tự, thủ tục điều chỉnh nhiệm vụ thu, chi trong quá trình chấp hành NSNN; quyết định sử dụng số tăng thu so với dự toán, dự toán chi còn lại của cấp ngân sách; quyết định thưởng vượt thu, hỗ trợ

bù giảm thu; trình tự, thủ tục phân bổ vốn cho các chương trình, nhiệm vụ, dự án ngoài kế hoạch đầu tư công trung hạn.

(4) Việc sắp xếp, tinh gọn bộ máy và sắp xếp đơn vị hành chính, xây dựng mô hình tổ chức chính quyền địa phương 2 cấp, cần rà soát, sửa đổi các quy định liên quan đến quy trình lập, chấp hành, quyết toán, công khai, giám sát NSNN cho phù hợp.

Như vậy, việc ban hành Nghị định quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật NSNN vừa cụ thể các nội dung Quốc hội giao Chính phủ quy định chi tiết, vừa kịp thời cụ thể hóa các chủ trương, đường lối của Đảng, Nhà nước về đẩy mạnh phân cấp, phân quyền; đáp ứng các vấn đề thực tiễn và bối cảnh phát triển mới, tạo sự chủ động, linh hoạt hơn cho các cấp, ngành, địa phương trong lập dự toán, điều hành, quản lý, quyết toán và công khai NSNN; giải quyết kịp thời các vấn đề phát sinh khi thực hiện sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị, nhất là thực hiện mô hình chính quyền địa phương 02 cấp.

II. MỤC ĐÍCH BAN HÀNH, QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG NGHỊ ĐỊNH

1. Mục đích ban hành Nghị định

Việc ban hành Nghị định quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật NSNN nhằm cụ thể hóa các nội dung Quốc hội giao Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành tại Luật NSNN số 89/2025/QH15 của Quốc hội.

2. Quan điểm xây dựng Nghị định

Việc xây dựng Nghị định dựa trên các quan điểm:

Thứ nhất, đảm bảo thống nhất với các nguyên tắc sửa đổi Luật đã được áp dụng trong quá trình xây dựng Luật NSNN; đồng bộ với Nghị quyết số 203/2025/QH15 của Quốc hội ngày 16 tháng 6 năm 2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của Hiến pháp nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và các Luật có liên quan vừa được Quốc hội thông qua tại kỳ họp thứ 9 vừa qua.

Thứ hai, chi quy định chi tiết nội dung đã được giao tại Luật NSNN. Đồng thời, để đảm bảo tính hệ thống, cần dẫn chiếu hoặc nêu lại nội dung đã được quy định tại Luật NSNN.

Thứ ba, bảo đảm tính ổn định, đồng bộ của hệ thống pháp luật, cũng như chức năng quản lý nhà nước của các Bộ, ngành và địa phương theo quy định của pháp luật.

Thứ tư, kế thừa những quy định hiện hành đã được thực tiễn chứng minh đem lại các tác động tích cực đến kinh tế - xã hội của đất nước; những nội dung cần sửa đổi, bổ sung phải có quy định rõ ràng, minh bạch.

Thứ năm, đơn giản hóa trình tự, thủ tục; đảm bảo tính khả thi; đề cao trách nhiệm của người đứng đầu, cá thể hóa trách nhiệm; tăng cường phân cấp, phân quyền, tạo tính chủ động cho các bộ, ngành, địa phương trong việc lập, chấp hành, quyết toán, công khai, giám sát NSNN.

III. QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH

1. Trên cơ sở hồ sơ dự án Luật NSNN đã được Chính phủ trình Quốc hội tại Tờ trình số 312/TTr-CP ngày 05 tháng 5 năm 2025 và kết quả rà soát với các cơ quan của Quốc hội về nội dung tiếp thu, giải trình, chỉnh lý dự án Luật, Bộ Tài chính đã chủ động xây dựng hồ sơ trình Chính phủ dự thảo Nghị định quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật NSNN năm 2025 và có Văn bản số 8930/BTC-NSNN ngày 20/6/2025 gửi xin ý kiến các bộ, cơ quan trung ương, địa phương và đăng tải lấy ý kiến rộng rãi trên cổng thông tin điện tử của Chính phủ, Bộ Tài chính.

2. Trên cơ sở Luật số 89/2025/QH15 đã được Quốc hội thông qua, căn cứ ý kiến góp ý của các bộ, cơ quan trung ương và địa phương, Bộ Tài chính đã khẩn trương rà soát, cập nhật, tiếp thu, hoàn thiện một bước hồ sơ dự thảo Nghị định và tổ chức Hội nghị xin ý kiến trực tiếp của các bộ, cơ quan trung ương và địa phương vào ngày 07 tháng 7 năm 2025 tại Hà Nội.

Trên cơ sở đó, Bộ Tài chính đã tiếp tục nghiên cứu tiếp thu, giải trình đối với các ý kiến góp ý, hoàn thiện dự thảo và hồ sơ trình Nghị định, gửi Bộ Tư pháp thẩm định theo quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật tại Văn bản số/BTC-NSNN ngày... tháng 7 năm 2025.

3. Bộ Tư pháp đã tổ chức họp Hội đồng thẩm định để thẩm định hồ sơ Nghị định vào ngày ... tháng ... năm 2025 và ban hành Báo cáo thẩm định số/BCTĐ-BTP ngày ... tháng ... năm 2025. Bộ Tài chính đã có Báo cáo tiếp thu, giải trình ý kiến thẩm định của Bộ Tư pháp tại Báo cáo số .../BC-BTC ngày ... tháng 7 năm 2025.

4. Căn cứ ý kiến thẩm định của Bộ Tư pháp, ý kiến góp ý của các Bộ, ngành và các địa phương đối với hồ sơ Nghị định, Bộ Tài chính đã tiếp thu, giải trình và hoàn thiện hồ sơ Nghị định để trình Chính phủ.

(Chi tiết ý kiến góp ý của các Bộ, ngành và địa phương² và tiếp thu, giải trình của Bộ Tài chính tại Phụ lục kèm theo).

IV. BÔ CỤC VÀ NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA NGHỊ ĐỊNH

1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

² Đến hết ngày 8/9/2025, Bộ Tài chính đã nhận được ý kiến góp ý của 13 Bộ, cơ quan ngang Bộ và 40/63 địa phương; trong đó, có 03 Bộ, cơ quan ngang Bộ và 22/40 địa phương thống nhất hoàn toàn với dự thảo Nghị định.

a) Nghị định này quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành một số điểm, khoản, điều Quốc hội giao Chính phủ hướng dẫn gồm: khoản 3 Điều 10, khoản 3 Điều 11, khoản 5 Điều 15, khoản 2 Điều 16, khoản 5 Điều 17, khoản 9, 15, 16, 17, 18 và 19 Điều 25, điểm h, 1 khoản 9 Điều 31, khoản 11 Điều 32, điểm c khoản 2 Điều 45, khoản 1 Điều 51, khoản 5 Điều 58, khoản 2 Điều 59, khoản 4 Điều 61, khoản 5 Điều 66, khoản 6 Điều 69 và khoản 2 Điều 74 Luật NSNN.

b) Dự thảo Nghị định được áp dụng đối với: (i) Các cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị và Mặt trận Tổ quốc Việt Nam; (ii) Các đơn vị sự nghiệp công lập; (iii) Các tổ chức và cá nhân khác có liên quan đến NSNN.

2. Bộ cục của dự thảo Nghị định

Dự thảo Nghị định bao gồm 08 Chương, 52 Điều, cụ thể:

- Chương I - Những quy định chung, gồm 11 điều: từ Điều 1 đến Điều 11.
- Chương II - Lập dự toán NSNN, gồm 07 điều: từ Điều 12 đến Điều 18.
- Chương III - Chấp hành NSNN, gồm 11 điều: từ Điều 19 đến Điều 29.
- Chương IV - Kế toán và quyết toán NSNN, gồm 05 điều: từ Điều 30 đến Điều 34.
- Chương V - Công khai NSNN, giám sát của cộng đồng về NSNN, gồm 06 điều: từ Điều 35 đến Điều 40.
- Chương VI - Sử dụng vốn đầu tư phát triển của NSDP cho các dự án đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng trên địa bàn thuộc nhiệm vụ chi của ngân sách cấp trên trực tiếp; hỗ trợ địa phương khác đầu tư xây dựng dự án, công trình trọng điểm, liên kết vùng, liên kết quốc gia, liên kết quốc tế, có sức lan tỏa, tạo động lực phát triển kinh tế - xã hội và nhiệm vụ quan trọng khác, gồm 03 điều: từ Điều 41 đến Điều 43.
- Chương VII - Lập kế hoạch tài chính 05 năm, gồm 06 điều: từ Điều 44 đến Điều 49.
- Chương VIII - Điều khoản thi hành, gồm 03 điều: từ Điều 50 đến Điều 52.

3. Nội dung cơ bản của dự thảo Nghị định

Trên cơ sở mục tiêu, quan điểm nêu tại Mục II Tờ trình; Bộ Tài chính trình Chính phủ những nội dung cơ bản của dự thảo Nghị định như sau:

3.1. Các nội dung sửa đổi, hoàn thiện

(1) Quy định ngân sách cấp tỉnh từng địa phương được phép bội chi khi đáp ứng đủ các quy định và điều kiện sau: (i) Bội chi ngân sách từng địa phương do Quốc hội quyết định trong dự toán NSNN hằng năm. Trong tổ chức thực hiện, trường hợp cần phải thay đổi mức vay, bội chi của các địa phương, Bộ Tài chính báo cáo Chính phủ điều chỉnh mức vay, bội chi giữa các địa phương nhưng không vượt quá tổng mức vay, bội chi NSDP đã được Quốc hội quyết định và báo cáo Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Quốc hội tại kỳ họp gần nhất; (ii) Chỉ được sử dụng để đầu tư các dự án thuộc kế

hoạch đầu tư công trung hạn đã được Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định; (iii) Chỉ được phép bởi chi NSDP năm dự toán khi không phát sinh nợ quá hạn đối với các khoản nợ vay phải thanh toán tính đến ngày 31 tháng 3 năm hiện hành (khoản 4, khoản 5 Điều 3).

(2) Các đơn vị sử dụng ngân sách thực hiện quản lý ngân sách theo kết quả thực hiện nhiệm vụ, lập riêng phần kinh phí cho từng nhiệm vụ, dịch vụ và sản phẩm cụ thể. Việc lập dự toán cho từng nhiệm vụ, dịch vụ, sản phẩm phải căn cứ yêu cầu về kết quả, tiêu chuẩn kỹ thuật, thời gian hoàn thành cụ thể cho từng nhiệm vụ, dịch vụ, sản phẩm hoặc thông tin về hiệu quả, hoạt động của chương trình; định mức kỹ thuật kinh tế, chế độ, định mức chi tiêu theo quy định hiện hành hoặc giá trị của nhiệm vụ, dịch vụ, sản phẩm tương đương, cùng loại (Điều 5).

(3) Quy định việc hỗ trợ các tổ chức xã hội thực hiện các nhiệm vụ được Nhà nước giao với các nguyên tắc: (i) Kinh phí hoạt động của các tổ chức xã hội được thực hiện theo nguyên tắc tự bảo đảm; (ii) Các tổ chức xã hội được cấp có thẩm quyền giao biên chế, NSNN bảo đảm tiền lương, các chế độ, chính sách khác theo quy định và kinh phí hoạt động gắn với số biên chế được giao. Kinh phí hỗ trợ bố trí trong dự toán chi NSNN hằng năm của cơ quan Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các cấp. Đồng thời, quy định quy trình hỗ trợ kinh phí từ NSNN đối với nhiệm vụ được Đảng, Nhà nước giao (Điều 8).

(4) Điều chỉnh lại một số mốc thời gian trong quy trình lập dự toán NSNN, đảm bảo tính khả thi trong tổ chức triển khai thực hiện (Điều 15, Điều 16).

(5) Điều chỉnh quy định về tổ chức chi NSNN: (i) Căn cứ dự toán ngân sách được cấp có thẩm quyền giao và các điều kiện chi NSNN theo quy định của Luật NSNN, Thủ trưởng đơn vị sử dụng ngân sách lập đề nghị chi gửi Kho bạc Nhà nước để thanh toán hoặc tạm ứng theo chế độ; (ii) Căn cứ hồ sơ đề nghị chi của Thủ trưởng đơn vị sử dụng ngân sách, Kho bạc Nhà nước kiểm tra hồ sơ, đối chiếu với dự toán đã giao cho đơn vị và thực hiện thanh toán theo đề nghị; (iii) Thời gian điều chỉnh dự toán (Điều 21).

(6) Tổ chức điều hành NSNN: (i) Đối với quỹ NSTW: Bộ Tài chính tạm ứng từ quỹ dự trữ tài chính trung ương, ngân quỹ nhà nước và các nguồn tài chính hợp pháp khác để xử lý, bao gồm cả phát hành tín phiếu Kho bạc Nhà nước. Trường hợp sau khi tạm ứng từ các nguồn này còn thiếu nguồn, Bộ Tài chính báo cáo Thủ tướng Chính phủ quyết định tạm ứng từ Ngân hàng Nhà nước Việt Nam; (ii) Đối với quỹ ngân sách cấp tỉnh: Sở Tài chính trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định tạm ứng từ quỹ dự trữ tài chính và các nguồn tài chính hợp pháp khác của địa phương. Trường hợp sau khi tạm ứng từ các nguồn này còn thiếu nguồn, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh đề nghị Bộ Tài chính tạm ứng từ quỹ dự trữ tài chính trung ương và NSTW. Số tạm ứng phải hoàn trả đúng thời hạn được cơ quan có thẩm quyền quyết định, không quá 12 tháng kể từ ngày tạm ứng; (iii) Đối với quỹ ngân sách cấp xã: Trên cơ sở đề nghị của Ủy ban nhân dân cấp xã, Sở Tài chính trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định tạm ứng từ quỹ dự trữ tài chính cấp tỉnh, ngân sách cấp tỉnh và các nguồn tài chính hợp pháp khác của tỉnh.

cho ngân sách cấp xã. Số tạm ứng phải hoàn trả đúng thời hạn được cơ quan có thẩm quyền quyết định, không quá 12 tháng kể từ ngày tạm ứng (Điều 22).

(7) Sử dụng dự phòng NSNN, bổ sung quy định trình tự xử lý: Trường hợp phát sinh nhiệm vụ được chỉ từ dự phòng ngân sách, các Bộ, cơ quan trung ương và địa phương tổng hợp, lập đề xuất bổ sung dự toán, kèm thuyết minh chi tiết, gửi cơ quan tài chính cùng cấp. Căn cứ đề nghị của các Bộ, cơ quan trung ương và địa phương, Bộ Tài chính chủ trì, tổng hợp trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định bổ sung dự toán từ dự phòng NSTW; đối với dự phòng ngân sách các cấp ở địa phương, căn cứ đề nghị của các cơ quan, đơn vị, cơ quan quản tài chính địa phương trình Ủy ban nhân dân cùng cấp quyết định bổ sung dự toán từ dự phòng NSDP để thực hiện (Điều 25).

(8) Rà soát, bổ sung để quy định rõ phạm vi, đối tượng thực hiện công khai NSNN; quy định rõ trách nhiệm và nội dung công khai NSNN đối với các cấp ngân sách, đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được ngân sách hỗ trợ, quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách; thời điểm thực hiện công khai ngân sách; trách nhiệm của cơ quan nhà nước trong việc kiểm tra, giám sát thực hiện công khai NSNN, giám sát NSNN của cộng đồng (Điều 35, 36, 37, 39 và 40).

3.2. Các nội dung bổ sung mới

(1) Trách nhiệm của bộ quản lý ngành, lĩnh vực trong việc ban hành văn bản hướng dẫn việc xác định kết quả đầu ra, tiêu chuẩn và định mức kỹ thuật - kinh tế, quy trình thực hiện nhiệm vụ, cơ chế giám sát và đánh giá kết quả thuộc ngành, lĩnh vực quản lý; xác định rõ mục tiêu, kết quả đầu ra cần đạt được, làm cơ sở giao nhiệm vụ và bố trí ngân sách theo cơ chế quản lý theo kết quả thực hiện nhiệm vụ (khoản 6 Điều 5).

(2) Bổ sung mới quy định về quản lý nguồn tài trợ, đóng góp tự nguyện thuộc nguồn NSNN, trên cơ sở đó quy định các nguyên tắc, quy trình tiếp nhận nguồn tài trợ, đóng góp tự nguyện; quản lý và sử dụng nguồn tài trợ, đóng góp tự nguyện bằng tiền (Điều 7).

(3) Bổ sung quy định thẩm quyền của HĐND cấp tỉnh về quyết định chế độ, tiêu chuẩn, định mức chi NSDP; quy định các nguyên tắc để HĐND cấp tỉnh quyết định các chế độ chi ngân sách ở địa phương (Điều 9).

(4) Quy định việc lập dự toán đối với đơn vị được giao quản lý tài sản kết cấu hạ tầng, đơn vị được phân cấp quản lý vận hành khai thác, bảo trì tài sản kết cấu hạ tầng, đơn vị được giao thực hiện nhiệm vụ: Lập dự toán kinh phí thực hiện nhiệm vụ gửi cơ quan quản lý nhà nước về lĩnh vực hoạt động chuyên môn tương ứng rà soát, tổng hợp cùng với dự toán chi NSNN của cơ quan quản lý nhà nước gửi cơ quan tài chính cùng cấp (khoản 3 Điều 13).

(5) Quy định trách nhiệm của Bộ Khoa học và Công nghệ căn cứ đề xuất của các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan khác ở trung ương và các địa phương, tổng hợp và dự kiến tổng mức chi NSNN cho lĩnh vực chi khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số, chi tiết chi đầu tư phát triển và chi thường xuyên, bảo đảm tổng mức và cơ cấu phù hợp với chủ

trương của Đảng và pháp luật của Nhà nước, gửi Bộ Tài chính để tổng hợp (điểm a khoản 4 Điều 15).

(6) Quy định trước ngày 20 tháng 11 Thủ tướng Chính phủ giao dự toán NSNN năm sau theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Luật NSNN: (i) Nhiệm vụ thu, chi ngân sách cho từng Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ và cơ quan khác ở trung ương; chi đầu tư phát triển chi tiết lĩnh vực giáo dục - đào tạo và dạy nghề, lĩnh vực khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số; chi thường xuyên chi tiết theo từng lĩnh vực; (ii) Nhiệm vụ thu, chi, bội chi, vay và mức bổ sung từ NSTW cho từng tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, chi đầu tư phát triển, chi thường xuyên chi tiết lĩnh vực giáo dục - đào tạo và dạy nghề, lĩnh vực khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số (khoản 8 Điều 15).

(7) Quy định chậm nhất 05 ngày làm việc kể từ ngày Thủ tướng Chính phủ có quyết định giao dự toán, Bộ Tài chính giao chi tiết nhiệm vụ thu, chi NSNN theo quy định tại khoản 6 Điều 27 Luật NSNN: Theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ và chi tiết nhiệm vụ thu, chi NSNN để thực hiện chức năng, nhiệm vụ quản lý ngành cho từng Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan khác ở trung ương và từng tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (khoản 9 Điều 15).

(8) Quy định quy trình, trình tự phân bổ dự toán chưa chi tiết đầu năm: Căn cứ đề xuất của đơn vị cấp dưới trực thuộc, đơn vị dự toán cấp I rà soát, tổng hợp, đề xuất kinh phí bổ sung dự toán và chịu trách nhiệm về cơ sở pháp lý, căn cứ tính toán gửi cơ quan tài chính cùng cấp; Bộ Tài chính rà soát, tổng hợp báo cáo Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định; cơ quan tài chính báo cáo Ủy ban nhân dân cùng cấp xem xét, quyết định (Điều 24).

(9) Bổ sung mới quy định về nguyên tắc, trình tự và thủ tục hỗ trợ ngân sách cấp dưới khi huy thu do nguyên nhân khách quan (khoản 6 Điều 26).

(10) Bổ sung quy định trình tự, thủ tục phân bổ vốn cho các chương trình, nhiệm vụ, dự án ngoài kế hoạch đầu tư công trung hạn từ nguồn dự phòng ngân sách, từ nguồn tăng thu so với dự toán, dự toán còn lại của cấp ngân sách (Điều 27).

(11) Quy định cụ thể các yêu cầu, trình tự báo cáo quyết toán NSNN đối với đơn vị sử dụng ngân sách; đơn vị dự toán cấp trên trực tiếp của đơn vị sử dụng ngân sách, đơn vị giao dự toán; cơ quan tài chính các cấp và trình tự quyết toán ngân sách cấp xã, cấp tỉnh và quyết toán NSNN (Điều 32).

(12) Bổ sung mới quy định xử lý kết dư NSNN của các cấp ngân sách để thực hiện các nội dung chi và hạch toán khoản kết dư NSNN còn lại vào thu ngân sách năm sau (Điều 33).

3.3. Các nội dung lược bỏ

Bỏ các quy định liên quan đến số kiểm tra, về Kế hoạch tài chính - NSNN 03 năm; Bỏ quy định khoản phí do cơ quan nhà nước thu nộp NSNN được khấu trừ các khoản khoản chi phí hoạt động; Bỏ quy định các nguyên tắc phân cấp

nguồn thu, nhiệm vụ chi và quan hệ giữa các cấp ngân sách trong thời kỳ ổn định ngân sách; Bộ quy định tổng mức hỗ trợ vốn đầu tư phát triển hằng năm của NSTW cho NSDP tối đa không vượt quá 30% tổng chi đầu tư xây dựng cơ bản của NSTW; Bộ quy định về thẩm định của cơ quan tài chính các cấp thay bằng kiểm tra, tổng hợp quyết toán NSNN đơn vị dự toán cấp I; đồng thời quy định nội dung kiểm tra quyết toán NSNN của đơn vị dự toán cấp I,...cho phù hợp với quy định của Luật NSNN số 89/2025/QH15.

3.4. Các nội dung về phân cấp, phân quyền

(1) Quy định cụ thể trình tự, thủ tục điều chỉnh nhiệm vụ thu, chi trong quá trình chấp hành NSNN. Theo đó, (i) Trường hợp điều chỉnh dự toán thu, chi của một số Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan khác của trung ương và một số tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, nhưng không làm tăng tổng mức vay, bội chi NSNN, Bộ Tài chính chủ trì xây dựng phương án điều chỉnh dự toán, trình Chính phủ quyết định điều chỉnh, báo cáo Ủy ban Thường vụ Quốc hội và báo cáo Quốc hội tại kỳ họp gần nhất; (ii) Trường hợp điều chỉnh dự toán thu, chi NSDP, cơ quan tài chính địa phương chủ trì xây dựng phương án điều chỉnh dự toán thu, chi NSDP, báo cáo Ủy ban nhân dân cùng cấp quyết định điều chỉnh, báo cáo Thường trực Hội đồng nhân dân cùng cấp và báo cáo Hội đồng nhân dân cùng cấp tại kỳ họp gần nhất (*khoản 2 Điều 22*).

(2) Quy định trình tự, thủ tục quyết định ứng trước dự toán ngân sách năm sau. Theo đó, (i) Trên cơ sở đề nghị của các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan khác ở trung ương và Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, Bộ Tài chính chủ trì trình Chính phủ quyết định ứng trước dự toán NSTW năm sau; tổng hợp, báo cáo Ủy ban thường vụ Quốc hội, báo cáo Quốc hội cùng với báo cáo tình hình thực hiện ngân sách năm; (ii) Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định ứng trước dự toán ngân sách năm sau của cấp mình; báo cáo Thường trực Hội đồng nhân dân, báo cáo Hội đồng nhân dân cùng cấp cùng với báo cáo tình hình thực hiện ngân sách năm (*khoản 4, 5 Điều 23*).

(3) Quy định trình tự, thủ tục quyết định sử dụng số tăng thu so với dự toán, dự toán chi còn lại của cấp ngân sách. Theo đó, (i) Đối với NSTW: Trước ngày 28 tháng 2, Bộ Tài chính chủ trì tổng hợp, xây dựng phương án chi tiết về việc sử dụng số tăng thu và dự toán chi còn lại, báo cáo Chính phủ xem xét, quyết định việc sử dụng số tăng thu và dự toán chi còn lại, báo cáo Ủy ban Thường vụ Quốc hội và báo cáo Quốc hội tại kỳ họp gần nhất; (ii) Đối với NSDP: Trước ngày 28 tháng 2, cơ quan tài chính địa phương chủ trì xây dựng phương án chi tiết về việc sử dụng số tăng thu và dự toán chi còn lại, báo cáo Ủy ban nhân dân cùng cấp xem xét, quyết định phương án sử dụng, báo cáo Thường trực Hội đồng nhân dân và Hội đồng nhân dân cùng cấp tại kỳ họp gần nhất (*khoản 1, 2, 3 và 4 Điều 26*).

(4) Quy định trình tự, thủ tục quyết định thường vượt dự toán thu. Theo đó, trước ngày 28 tháng 2, Bộ Tài chính tổng hợp, xác định số tăng thu so với dự toán và mức thường dự kiến cho từng địa phương, báo cáo Chính phủ xem xét, quyết định phương án thường vượt dự toán thu cho các địa phương. Căn cứ vào mức

thường do Chính phủ quyết định, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh báo cáo Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định phương án sử dụng số được thường vượt thu (khoản 5 Điều 26).

3.5. Các nội dung cắt giảm, đơn giản hóa các thủ tục

Căn cứ quy định của Luật NSNN số 89/2025/QH15, dự thảo Nghị định đã cắt giảm, đơn giản hóa các thủ tục so với Nghị định số 163/2016/NĐ-CP tại tất cả các khâu trong quy trình NSNN. Cụ thể:

(1) Trong công tác xây dựng dự toán, đã cắt giảm và đơn giản hóa thủ tục: (i) Quy trình xây dựng và thông báo số kiểm tra thu, chi ngân sách hằng năm, dự kiến thu, chi ngân sách 02 năm tiếp theo cho các bộ, cơ quan trung ương và các địa phương; quy trình xây dựng và báo cáo kế hoạch tài chính - NSNN 03 năm đến các cấp có thẩm quyền; (ii) Trình tự và yêu cầu lập dự toán chi, nhất là lĩnh vực khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số; (iii) Về xử lý nhu cầu kinh phí tăng thêm đối với các chế độ, chính sách.

(2) Trong quá trình chấp hành ngân sách, đã cắt giảm và đơn giản hóa thủ tục: (i) Liên quan đến việc điều chỉnh dự toán ngân sách; (ii) Bổ sung kinh phí từ nguồn dự phòng NSTW, bổ sung kinh phí từ các khoản dự toán chưa phân bổ chi tiết đầu năm; (iii) Đơn giản hóa quá trình kiểm tra phân bổ, kiểm soát thanh toán do đã tăng cường vai trò, trách nhiệm của thủ trưởng đơn vị dự toán và đơn vị sử dụng ngân sách.

(3) Trong quá trình quyết toán NSNN, đã đơn giản hóa và giảm thủ tục: (i) Quy trình kiểm tra và nội dung, thủ tục xét duyệt quyết toán của cơ quan tài chính và đơn vị dự toán cấp I; (ii) Bỏ thủ tục thẩm định quyết toán của cơ quan tài chính cấp trên đối với ngân sách cấp dưới trực tiếp ở địa phương.

V. NHỮNG NỘI DUNG BỔ SUNG MỚI SO VỚI DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH GỬI THẨM ĐỊNH (cập nhật sau)

VI. DỰ KIẾN NGUỒN LỰC, ĐIỀU KIỆN BẢO ĐẢM CHO VIỆC THI HÀNH NGHỊ ĐỊNH

Việc thi hành Nghị định được thực hiện trên cơ sở sử dụng bộ máy của các cơ quan nhà nước hiện có, không làm phát sinh nguồn lực mới về nhân sự và cơ sở vật chất do không phát sinh trình tự, thủ tục, yêu cầu mới so với quy định hiện hành. Mặt khác, Luật NSNN được ban hành đã tăng cường các quy định về phân cấp, phân quyền, cắt giảm trình tự, thủ tục nên việc thi hành sẽ tiết kiệm về thời gian và nguồn lực hơn so các quy định trước.

VII. NHỮNG VẤN ĐỀ XIN Ý KIẾN

Đề báo đảm việc ban hành Nghị định đáp ứng yêu cầu và có hiệu lực đồng thời với Luật NSNN số 89/2025/QH15, Bộ Tài chính kính trình Chính phủ:

1. Giao Văn phòng Chính phủ khẩn trương tổ chức lấy ý kiến các Thành viên Chính phủ đối với hồ sơ Nghị định; chỉ đạo các Thành viên Chính phủ khẩn trương có ý kiến đối với hồ sơ Nghị định.

2. Giao Bộ Tài chính nghiên cứu, tiếp thu, giải trình ý kiến của các Thành viên Chính phủ, hoàn thiện hồ sơ Nghị định, báo cáo Chính phủ xem xét, ban hành.

Trên đây là Tờ trình về dự thảo Nghị định quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật NSNN.

Bộ Tài chính kính trình Chính phủ xem xét, quyết định/.

(Xin gửi kèm theo: (1) Dự thảo Nghị định của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật NSNN; (2) Bản tổng hợp, tiếp thu, giải trình ý kiến góp ý của cơ quan, tổ chức, cá nhân về hồ sơ dự thảo Nghị định quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật NSNN; (3) Bản so sánh dự thảo Nghị định với Nghị định số 163/2016/NĐ-CP, Nghị định số 45/2017/NĐ-CP và Nghị định số 149/2025/NĐ-CP của Chính phủ; (4) Báo cáo về rà soát các chủ trương, đường lối của Đảng, các văn bản pháp luật, điều ước quốc tế có liên quan đến dự thảo Nghị định quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật NSNN; (5) Báo cáo thẩm định số .../BCTĐ-BTP ngày .../.../2025 của Bộ Tư pháp; (6) Báo cáo số .../BC-BTC ngày .../.../2025 của Bộ Tài chính tiếp thu, giải trình ý kiến thẩm định của Bộ Tư pháp).

Nơi nhận:

- Như trên (kèm tài liệu);
- Thủ tướng Chính phủ (để b/c)
- Các Phó Thủ tướng Chính phủ (để b/c);
- Văn phòng Chính phủ (kèm tài liệu) (để p/li);
- Bộ Tư pháp;
- Bộ TC; Lãnh đạo Bộ, các đơn vị thuộc Bộ;
- Lưu: VT, QLQH

BỘ TRƯỞNG

Nguyễn Văn Thắng

CHÍNH PHỦ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /2025/NĐ-CP

Hà Nội, ngày tháng năm 2025

Dự thảo lần 3

NGHỊ ĐỊNH

Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ số 63/2025/QH15 ngày 18 tháng 02 năm 2025;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15 ngày 25 tháng 6 năm 2025;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Tài chính,

Chính phủ ban hành Nghị định quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước.

Chương I NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh:

Nghị định này quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành khoản 3 Điều 10, khoản 3 Điều 11, khoản 5 Điều 15, khoản 2 Điều 16, khoản 5 Điều 17, khoản 9, 15, 16, 17, 18 và khoản 19 Điều 25, điểm h và điểm l khoản 9 Điều 31, khoản 11 Điều 32, điểm c khoản 2 Điều 45, khoản 1 Điều 51, khoản 5 Điều 58, khoản 2 Điều 59, khoản 4 Điều 61, khoản 5 Điều 66, khoản 6 Điều 69 và khoản 2 Điều 74 Luật Ngân sách nhà nước.

2. Đối tượng áp dụng:

- Các cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị và Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Các đơn vị sự nghiệp công lập;
- Các tổ chức và cá nhân khác có liên quan đến ngân sách nhà nước.

Điều 2. Nguyên tắc cân đối, quản lý và phân cấp ngân sách nhà nước

1. Nguyên tắc cân đối, quản lý và phân cấp quản lý nguồn thu, nhiệm vụ

chi, quan hệ giữa các cấp ngân sách thực hiện theo quy định tại Điều 7, 8 và 9 Luật Ngân sách nhà nước.

2. Nguồn thu, nhiệm vụ chi của ngân sách trung ương, ngân sách địa phương thực hiện theo quy định tại Điều 36, 37, 38 và Điều 39 Luật Ngân sách nhà nước. Bộ Tài chính hướng dẫn chi tiết việc phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi giữa ngân sách trung ương và ngân sách địa phương, xác định số bổ sung từ ngân sách cấp trên cho ngân sách cấp dưới; quản lý ngân sách cấp xã và các hoạt động tài chính khác của cấp xã.

Điều 3. Bội chi ngân sách nhà nước

1. Bội chi ngân sách nhà nước bao gồm bội chi ngân sách trung ương và bội chi ngân sách địa phương cấp tỉnh được quy định tại khoản 1 Điều 4 Luật Ngân sách nhà nước.

2. Bội chi ngân sách trung ương được bù đắp từ các nguồn sau:

a) Vay trong nước từ phát hành trái phiếu Chính phủ, công trái xây dựng Tổ quốc và các khoản vay trong nước khác theo quy định của pháp luật;

b) Vay ngoài nước từ các khoản vay của Chính phủ các nước, các tổ chức quốc tế và phát hành trái phiếu Chính phủ ra thị trường quốc tế, không bao gồm các khoản vay về cho vay lại.

3. Bội chi ngân sách địa phương cấp tỉnh được bù đắp từ các nguồn sau:

a) Vay trong nước từ phát hành trái phiếu chính quyền địa phương và các khoản vay trong nước khác theo quy định của pháp luật;

b) Vay từ nguồn Chính phủ vay về cho ngân sách địa phương vay lại.

4. Ngân sách địa phương cấp tỉnh được phép bội chi trong phạm vi mức bội chi do Quốc hội quyết định trong dự toán ngân sách nhà nước hằng năm, đồng thời đáp ứng các điều kiện sau:

a) Chi được sử dụng để đầu tư các dự án thuộc kế hoạch đầu tư công trung hạn đã được Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định;

b) Tính đến ngày 31 tháng 3 năm hiện hành, ngân sách địa phương không có nợ quá hạn đối với các khoản nợ vay đến hạn phải thanh toán.

5. Trong tổ chức thực hiện, trường hợp cần phải thay đổi mức vay, bội chi ngân sách giữa các địa phương, Bộ Tài chính báo cáo Chính phủ điều chỉnh mức vay, bội chi ngân sách giữa các địa phương bảo đảm không vượt quá tổng mức bội chi ngân sách địa phương đã được Quốc hội quyết định và mức dư nợ vay của ngân sách địa phương quy định tại điểm a và điểm b khoản 6 Điều 7 Luật Ngân sách nhà nước, báo cáo Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Quốc hội tại kỳ họp gần nhất.

6. Số dư nợ vay của ngân sách địa phương cấp tỉnh, bao gồm cả số vay theo dự toán, không vượt mức dư nợ vay quy định tại khoản 6 Điều 7 Luật Ngân sách nhà nước.

Điều 4. Quy định quản lý, hạch toán vay, trả nợ vay của ngân sách nhà nước

1. Các khoản vay của ngân sách trung ương và ngân sách cấp tỉnh để bù đắp bội chi và trả nợ gốc quy định tại khoản 5 Điều 5, khoản 4 và điểm b khoản 5 Điều 7 Luật Ngân sách nhà nước được quản lý, hạch toán trên tài khoản của từng cấp ngân sách. Trường hợp khoản vay ngoài nước theo hiệp định hoặc thỏa thuận tài trợ quy định giải ngân trực tiếp đến chương trình, dự án, thì định kỳ phải hạch toán vào ngân sách nhà nước theo quy định của Bộ Tài chính.

2. Nợ gốc, lãi, phí và chi phí phát sinh khác từ các khoản vay được chi trả đầy đủ, đúng hạn theo đúng cam kết, hợp đồng đã ký và trong phạm vi dự toán.

3. Hạch toán các khoản chi trả nợ:

a) Các khoản chi trả nợ lãi, phí và chi phí phát sinh khác từ các khoản vay được hạch toán vào chi cân đối ngân sách của từng cấp ngân sách;

b) Các khoản trả nợ gốc được hạch toán giảm số dư nợ vay của từng cấp ngân sách.

4. Giao Bộ Tài chính quy định chi tiết việc quản lý, hạch toán kế toán đối với các khoản vay; trả nợ gốc; chi trả nợ lãi, phí và các chi phí phát sinh khác từ các khoản vay của ngân sách nhà nước.

Điều 5. Quản lý ngân sách nhà nước theo kết quả thực hiện nhiệm vụ

1. Quản lý ngân sách nhà nước theo kết quả thực hiện nhiệm vụ là việc sử dụng thông tin về đầu ra, kết quả thực hiện và hiệu quả hoạt động của nhiệm vụ, dịch vụ, sản phẩm gắn với khả năng cân đối của ngân sách nhà nước hằng năm, đáp ứng điều kiện quy định tại khoản 2 Điều này để làm cơ sở để lập, phân bổ, chấp hành và quyết toán ngân sách nhà nước, nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng ngân sách.

2. Điều kiện áp dụng quản lý ngân sách nhà nước theo kết quả thực hiện nhiệm vụ:

a) Xác định được kết quả cần đạt được của nhiệm vụ, dịch vụ, sản phẩm với các chỉ tiêu về khối lượng, số lượng, chất lượng, tiêu chuẩn kỹ thuật và thời gian hoàn thành;

b) Có đầy đủ tiêu chuẩn, định mức kỹ thuật – kinh tế, định mức chi tiêu hoặc đơn giá của nhiệm vụ, dịch vụ, sản phẩm tương đương trong điều kiện tương tự để lập, phân bổ, chấp hành, quyết toán ngân sách nhà nước và giám sát

đánh giá kết quả thực hiện;

c) Có văn bản thỏa thuận giữa cơ quan giao nhiệm vụ và cơ quan nhận nhiệm vụ về yêu cầu, kết quả đầu ra, trách nhiệm thực hiện và phương thức thanh toán, quyết toán ngân sách nhà nước.

3. Phạm vi áp dụng là các chính sách, chương trình, dự án, đề án, nhiệm vụ mà kết quả thực hiện là các mục tiêu, dịch vụ, sản phẩm xác định được cụ thể về khối lượng, số lượng, chất lượng theo tiêu chuẩn kỹ thuật và kinh phí ngân sách được xác định trên cơ sở định mức hoặc đơn giá.

4. Hình thức quản lý ngân sách nhà nước theo kết quả thực hiện nhiệm vụ bao gồm:

- a) Quản lý ngân sách theo chương trình;
- b) Quản lý ngân sách dựa trên số lượng đầu ra dự kiến;
- c) Quản lý ngân sách dựa trên kết quả thực hiện thực tế;
- d) Quản lý ngân sách dựa trên mục tiêu hiệu quả hoạt động.

5. Nguyên tắc áp dụng:

a) Tăng thẩm quyền gắn với tăng trách nhiệm cá nhân của người đứng đầu đơn vị, chịu trách nhiệm toàn diện trước pháp luật về kết quả thực hiện nhiệm vụ và sử dụng ngân sách;

b) Đơn giản hóa quy trình thanh toán, quyết toán ngân sách nhà nước;

c) Kết quả thực hiện nhiệm vụ (về khối lượng, số lượng, chất lượng, thời gian và chi phí) phải bảo đảm tối thiểu bằng hoặc tốt hơn so với phương thức quản lý ngân sách theo yếu tố đầu vào.

6. Trách nhiệm của Bộ quản lý ngành, lĩnh vực:

a) Căn cứ quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều này, xác định phạm vi, đối tượng áp dụng quản lý ngân sách theo kết quả thực hiện nhiệm vụ thuộc ngành, lĩnh vực quản lý;

b) Ban hành văn bản hướng dẫn việc xác định kết quả đầu ra, tiêu chuẩn và định mức kỹ thuật – kinh tế, quy trình thực hiện nhiệm vụ, cơ chế giám sát và đánh giá kết quả thuộc ngành, lĩnh vực quản lý; yêu cầu thỏa thuận giữa cơ quan giao và cơ quan nhận nhiệm vụ;

c) Trong quá trình xây dựng chiến lược, kế hoạch phát triển ngành, lĩnh vực gắn với kế hoạch phát triển kinh tế – xã hội 05 năm và hàng năm, xác định rõ mục tiêu, kết quả đầu ra cần đạt được, làm cơ sở giao nhiệm vụ và bố trí ngân sách theo cơ chế quản lý theo kết quả thực hiện nhiệm vụ.

7. Căn cứ quyết định của cấp có thẩm quyền, đơn vị dự toán ngân sách,

đơn vị sử dụng ngân sách có trách nhiệm lập dự toán, tổ chức thực hiện và quyết toán ngân sách nhà nước về quản lý ngân sách theo kết quả thực hiện nhiệm vụ theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và hướng dẫn tại Nghị định này.

Điều 6. Quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách

1. Quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách tự bảo đảm kinh phí hoạt động, ngân sách nhà nước không hỗ trợ.

Ngân sách nhà nước bố trí kinh phí cho các quỹ thực hiện nhiệm vụ về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số, xây dựng chính sách, pháp luật theo quy định của pháp luật quản lý ngành, lĩnh vực phù hợp với khả năng của ngân sách nhà nước.

2. Căn cứ khả năng cân đối của ngân sách nhà nước, quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách được cơ quan có thẩm quyền xem xét hỗ trợ vốn điều lệ từ ngân sách nhà nước khi đáp ứng đủ các điều kiện:

a) Được thành lập và hoạt động theo đúng quy định của pháp luật;

b) Có khả năng tài chính độc lập;

c) Có nguồn thu, nhiệm vụ chi không trùng với nguồn thu, nhiệm vụ chi của ngân sách nhà nước.

3. Quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách và cơ quan quản lý quỹ phải thực hiện theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và quy định của Nghị định này về lập dự toán, chấp hành, quyết toán, kiểm toán, công khai đối với phần vốn ngân sách nhà nước bố trí, hỗ trợ. Đối với các quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách theo quy định của pháp luật về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số thì thực hiện theo quy định tại Điều này và pháp luật về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số.

4. Hằng năm, cơ quan quản lý quỹ do trung ương quản lý báo cáo Bộ Tài chính tình hình thực hiện kế hoạch tài chính năm hiện hành, kế hoạch tài chính năm sau và quyết toán tài chính của quỹ để tổng hợp báo cáo Chính phủ báo cáo Quốc hội cùng với báo cáo dự toán và quyết toán ngân sách nhà nước; cơ quan quản lý quỹ do địa phương quản lý báo cáo Sở Tài chính tình hình thực hiện kế hoạch tài chính năm hiện hành, kế hoạch tài chính năm sau và quyết toán tài chính của quỹ để tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân cấp tỉnh báo cáo Hội đồng nhân dân cùng cấp cùng với báo cáo dự toán và quyết toán ngân sách địa phương.

5. Quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách chịu trách nhiệm về việc quản lý, sử dụng, quyết toán, đánh giá kết quả, hiệu quả thực hiện nhiệm vụ của quỹ, báo cáo cơ quan quản lý quỹ cùng với báo cáo quyết toán tài chính của quỹ.

Cơ quan quản lý quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách có trách nhiệm rà

soát sửa đổi, bổ sung quy định về tổ chức, hoạt động để tăng cường quản lý, nâng cao tính minh bạch, hiệu quả hoạt động của các quỹ, sắp xếp lại các quỹ có nguồn thu, nhiệm vụ chi trùng với nguồn thu, nhiệm vụ chi của ngân sách nhà nước hoặc không còn phù hợp, hoạt động không hiệu quả.

6. Cơ quan quản lý quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách ở trung ương chủ trì, phối hợp với Bộ Tài chính báo cáo Chính phủ để giải trình với các cơ quan của Quốc hội, Quốc hội khi có yêu cầu; cơ quan quản lý quỹ tài chính ngoài ngân sách ở địa phương chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính báo cáo Ủy ban nhân dân cấp tỉnh để giải trình với Thường trực Hội đồng nhân dân, Hội đồng nhân dân cùng cấp khi có yêu cầu.

Điều 7. Quản lý nguồn tài trợ, đóng góp tự nguyện cho ngân sách nhà nước

1. Nguyên tắc quản lý nguồn tài trợ, đóng góp tự nguyện:

a) Khoản tài trợ, đóng góp tự nguyện phải được thực hiện trên cơ sở tự nguyện và từ thu nhập, tài sản hợp pháp của tổ chức, cá nhân;

b) Việc tiếp nhận, quản lý và sử dụng phải bảo đảm công khai, minh bạch, đúng mục đích, hiệu quả và tuân thủ quy định của pháp luật;

c) Các khoản tài trợ, đóng góp tự nguyện được phản ánh đầy đủ, kịp thời vào ngân sách nhà nước .

2. Nghiêm cấm mọi hành vi lợi dụng việc tài trợ, đóng góp để trục lợi hoặc vi phạm pháp luật.

3. Quy trình tiếp nhận nguồn tài trợ, đóng góp tự nguyện:

a) Cơ quan, đơn vị, tổ chức (sau đây gọi chung là đơn vị) được tiếp nhận khoản tài trợ, đóng góp bằng tiền hoặc hiện vật nếu nội dung tài trợ, đóng góp phù hợp với chức năng, nhiệm vụ và đảm bảo các nguyên tắc quy định tại khoản 1 Điều này, đồng thời báo cáo cơ quan quản lý cấp trên để báo cáo Bộ trưởng các Bộ, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ và các cơ quan khác ở Trung ương (đối với đơn vị do trung ương quản lý) hoặc Chủ tịch Ủy ban nhân dân cùng cấp (đối với đơn vị do địa phương quản lý) về việc tiếp nhận;

b) Trường hợp phát hiện việc tiếp nhận nguồn tài trợ, đóng góp tự nguyện của đơn vị có dấu hiệu vi phạm các nguyên tắc quy định tại khoản 1 Điều này, chậm nhất là 10 ngày kể từ ngày nhận được báo cáo của đơn vị tiếp nhận, cơ quan có thẩm quyền quy định tại điểm a khoản này quyết định đình chỉ việc tiếp nhận và yêu cầu đơn vị tiếp nhận phải hoàn trả cho tổ chức, cá nhân thực hiện tài trợ, đóng góp;

c) Việc tiếp nhận phải được lập thành biên bản hoặc văn bản xác nhận giữa đơn vị tiếp nhận và bên tài trợ, đóng góp tự nguyện, trong đó nêu rõ các thông tin tên của tổ chức, cá nhân, mục đích, hình thức và nội dung tài trợ, đóng góp tự nguyện.

4. Quản lý, sử dụng nguồn tài trợ, đóng góp tự nguyện bằng tiền:

a) Đơn vị tiếp nhận mở tài khoản tại Kho bạc Nhà nước hoặc ngân hàng thương mại để quản lý nguồn tài trợ, đóng góp tự nguyện và theo dõi riêng theo từng nội dung tài trợ, đóng góp tự nguyện;

b) Đơn vị tiếp nhận chủ động triển khai thực hiện quản lý, sử dụng nguồn tài trợ, đóng góp tự nguyện theo đúng cam kết; báo cáo kết quả thực hiện gửi cơ quan quản lý cấp trên (nếu có) để gửi cơ quan tài chính cùng cấp tổng hợp, trình cấp có thẩm quyền bổ sung dự toán và tổng hợp quyết toán ngân sách nhà nước theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước.

5. Việc quản lý, sử dụng nguồn tài trợ, đóng góp tự nguyện bằng hiện vật thực hiện theo quy định của pháp luật về tài sản công và pháp luật có liên quan.

6. Đơn vị tiếp nhận có trách nhiệm thực hiện công khai thông tin về tình hình tiếp nhận, quản lý và kết quả sử dụng nguồn tài trợ, đóng góp tự nguyện theo quy định tại Nghị định này và quy định của pháp luật có liên quan.

Điều 8. Kinh phí hỗ trợ các tổ chức xã hội thực hiện các nhiệm vụ được Nhà nước giao

1. Kinh phí hoạt động của các tổ chức xã hội được thực hiện theo nguyên tắc tự bảo đảm.

2. Các tổ chức xã hội được cấp có thẩm quyền giao biên chế, ngân sách nhà nước bảo đảm tiền lương, các chế độ, chính sách khác theo quy định của pháp luật và kinh phí hoạt động gắn với số biên chế được giao. Kinh phí hỗ trợ bố trí trong dự toán chi ngân sách nhà nước hằng năm của cơ quan Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các cấp.

3. Quy trình hỗ trợ kinh phí từ ngân sách nhà nước đối với nhiệm vụ được Đảng, Nhà nước giao:

a) Đối với các tổ chức xã hội hoạt động trong phạm vi toàn quốc và liên tỉnh: Trên cơ sở quyết định giao nhiệm vụ của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ; các tổ chức xã hội lập dự toán chi thực hiện nhiệm vụ theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước và pháp luật có liên quan gửi cơ quan Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam rà soát, tổng hợp gửi Bộ Tài chính để tổng hợp trình cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định;

b) Đối với các tổ chức xã hội hoạt động trong phạm vi cấp tỉnh, cấp xã theo phân cấp: Trên cơ sở quyết định giao nhiệm vụ của Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cấp xã, các tổ chức xã hội lập dự toán chi thực hiện nhiệm vụ theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước và pháp luật có liên quan gửi cơ quan Ủy ban Mặt trận Tổ quốc cùng cấp ở địa phương rà soát, tổng hợp gửi cơ quan tài chính cùng cấp để tổng hợp trình cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định;

c) Việc phân bổ, quản lý, sử dụng, quyết toán và công khai kinh phí hỗ trợ thực hiện theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước và pháp luật có liên quan.

Điều 9. Thẩm quyền của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh về quyết định chế độ, tiêu chuẩn, định mức chi ngân sách địa phương

1. Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định cụ thể hoặc giao Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định các chế độ, tiêu chuẩn, định mức chi ngân sách địa phương và các chế độ chi ngân sách để thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, an sinh xã hội, bảo đảm trật tự, an toàn xã hội trên địa bàn theo quy định tại điểm h và điểm l khoản 9 Điều 31 Luật Ngân sách nhà nước.

2. Việc quyết định các chế độ, tiêu chuẩn, định mức chi ngân sách địa phương và các chế độ chi ngân sách tại khoản 1 Điều này phải bảo đảm các nguyên tắc sau:

a) Tuân thủ quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước và các quy định pháp luật có liên quan;

b) Phù hợp với khả năng cân đối ngân sách của địa phương trong từng thời kỳ;

c) Bảo đảm tính công khai, minh bạch, tiết kiệm, hiệu quả trong quản lý và sử dụng ngân sách nhà nước;

d) Góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, nâng cao đời sống Nhân dân, giữ vững an ninh, quốc phòng trên địa bàn.

Điều 10. Sử dụng quỹ dự trữ tài chính

1. Quỹ dự trữ tài chính của trung ương do Bộ trưởng Bộ Tài chính làm chủ tài khoản. Quỹ dự trữ tài chính cấp tỉnh do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hoặc ủy quyền cho giám đốc Sở Tài chính làm chủ tài khoản.

2. Quỹ dự trữ tài chính được sử dụng theo quy định tại khoản 2 Điều 11 Luật Ngân sách nhà nước.

3. Thẩm quyền quyết định sử dụng quỹ dự trữ tài chính:

a) Đối với quỹ dự trữ tài chính trung ương: Thủ tướng Chính phủ quyết định sử dụng quỹ cho ngân sách trung ương để đáp ứng các nhu cầu chi theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 11 Luật Ngân sách nhà nước. Bộ trưởng Bộ Tài chính quyết định sử dụng quỹ tạm ứng cho quỹ ngân sách trung ương và quỹ ngân sách cấp tỉnh để xử lý thiếu hụt tạm thời theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 11 và khoản 1 Điều 60 Luật Ngân sách nhà nước;

b) Đối với quỹ dự trữ tài chính cấp tỉnh: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định sử dụng quỹ cho ngân sách cấp tỉnh để đáp ứng các nhu cầu chi theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 11 Luật Ngân sách nhà nước; tạm ứng cho quỹ ngân sách cấp tỉnh, quỹ ngân sách cấp xã để xử lý thiếu hụt tạm thời theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 11 và khoản 2, khoản 3 Điều 60 Luật Ngân sách nhà nước; tạm ứng cho các công trình, nhiệm vụ, dự án hạ tầng quan trọng trên địa bàn theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 11 Luật Ngân sách nhà nước.

Điều 11. Ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong quản lý ngân sách nhà nước

1. Các cơ quan, tổ chức có trách nhiệm ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong việc lập dự toán, chấp hành, kế toán, quyết toán, công khai và giám sát ngân sách nhà nước.

2. Hệ thống thông tin quản lý ngân sách nhà nước, các cơ sở dữ liệu ngành tài chính được tích hợp, liên thông, phục vụ công tác quản lý ngân sách thống nhất, công khai, minh bạch.

3. Bộ Tài chính chủ trì xây dựng, hoàn thiện các hệ thống thông tin quản lý ngân sách nhà nước thống nhất, tập trung, kết nối, liên thông với Cơ sở dữ liệu quốc gia về tài chính; quản lý thống nhất thông tin, dữ liệu về ngân sách nhà nước; ban hành tiêu chuẩn kỹ thuật và hướng dẫn kết nối, chia sẻ dữ liệu tài chính - ngân sách với các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan khác ở trung ương (sau đây gọi tắt là các Bộ, cơ quan trung ương) và địa phương.

Chương II

LẬP DỰ TOÁN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

Điều 12. Lập dự toán ngân sách nhà nước tại các cơ quan thu ngân sách

1. Cơ quan Thuế tỉnh, thành phố:

a) Lập dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn, dự toán hoàn thuế theo chế độ thuộc phạm vi quản lý gửi Cục Thuế, Sở Tài chính;

b) Hướng dẫn cơ quan Thuế cơ sở trực thuộc lập dự toán thu ngân sách nhà nước thuộc phạm vi quản lý gửi cơ quan tài chính cấp xã, bảo đảm yêu cầu, nội dung và thời gian lập dự toán ngân sách ở địa phương.

2. Cơ quan Hải quan khu vực lập dự toán thu ngân sách nhà nước từ hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu theo chế độ và địa bàn từng tỉnh, thành phố thuộc phạm vi quản lý, gửi Cục Hải quan, Sở Tài chính.

3. Cơ quan, đơn vị được cấp có thẩm quyền giao tổ chức thực hiện thu ngân sách nhà nước từ các khoản phí, lệ phí và các khoản thu khác thuộc ngân sách nhà nước theo quy định của pháp luật lập dự toán thu ngân sách thuộc phạm vi quản lý gửi cơ quan thuế và cơ quan tài chính cùng cấp.

Điều 13. Lập dự toán ngân sách nhà nước tại các đơn vị dự toán ngân sách

1. Các đơn vị sử dụng ngân sách lập dự toán thu, chi ngân sách thuộc phạm vi, nhiệm vụ được giao, chịu trách nhiệm về cơ sở pháp lý và đề xuất số liệu dự toán, gửi đơn vị dự toán ngân sách cấp trên trực tiếp.

Trường hợp đơn vị sử dụng ngân sách là cơ quan hành chính nhà nước được giao thực hiện hoạt động cung cấp dịch vụ, thu phí thì phải lập riêng dự toán kinh phí thực hiện nhiệm vụ cung cấp dịch vụ, thu phí.

Trường hợp đơn vị sử dụng ngân sách được cấp có thẩm quyền cho phép thực hiện quản lý ngân sách theo kết quả thực hiện nhiệm vụ theo quy định tại Điều 5 Nghị định này, thì phải lập riêng phần kinh phí cho từng nhiệm vụ, dịch vụ và sản phẩm cụ thể.

2. Đơn vị dự toán ngân sách cấp trên trực tiếp (trường hợp không phải là đơn vị dự toán cấp I) xem xét, tổng hợp dự toán thu, chi ngân sách của các đơn vị thuộc phạm vi quản lý, chịu trách nhiệm về hồ sơ và số liệu báo cáo, gửi đơn vị dự toán cấp I.

3. Đối với đơn vị được giao quản lý tài sản kết cấu hạ tầng, đơn vị được phân cấp quản lý vận hành khai thác, bảo trì tài sản kết cấu hạ tầng, đơn vị được giao thực hiện nhiệm vụ lập dự toán kinh phí thực hiện nhiệm vụ, gửi cơ quan quản lý nhà nước về lĩnh vực hoạt động chuyên môn tương ứng để xem xét, tổng hợp cùng với dự toán chi ngân sách của cơ quan quản lý nhà nước.

4. Đơn vị dự toán cấp I xem xét, tổng hợp dự toán thu, chi ngân sách do các đơn vị cấp dưới trực thuộc và các đơn vị quy định tại khoản 3 Điều này lập, chịu trách nhiệm về hồ sơ và số liệu báo cáo, gửi cơ quan tài chính cùng cấp.

5. Việc lập dự toán thu, chi ngân sách nhà nước của các đơn vị dự toán ngân sách phải đảm bảo căn cứ, yêu cầu quy định tại Điều 44 và khoản 2 Điều 45 Luật Ngân sách nhà nước.

Điều 14. Lập dự toán ngân sách nhà nước, phương án phân bổ ngân sách trung ương và lập dự toán ngân sách địa phương

1. Về lập dự toán ngân sách nhà nước, phương án phân bổ ngân sách trung ương:

a) Bộ Tài chính chủ trì tổng hợp và lập dự toán thu, chi ngân sách nhà nước, phương án phân bổ ngân sách trung ương trình Chính phủ theo các tài liệu quy định tại Điều 49 Luật Ngân sách nhà nước;

b) Theo phân công của Chính phủ, thừa ủy quyền Thủ tướng Chính phủ, Bộ trưởng Bộ Tài chính thay mặt Chính phủ báo cáo và giải trình về lập dự toán thu, chi ngân sách nhà nước, phương án phân bổ ngân sách trung ương với các cơ quan của Quốc hội và Quốc hội theo quy định của pháp luật;

c) Các Bộ, cơ quan trung ương chủ trì, phối hợp với Bộ Tài chính giải trình các nội dung đề xuất dự toán ngân sách nhà nước trong phạm vi ngành, lĩnh vực phụ trách khi được yêu cầu.

2. Về lập dự toán ngân sách địa phương:

a) Cơ quan tài chính cấp xã chủ trì tổng hợp dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn do các cơ quan thu ngân sách lập, dự toán thu, chi ngân sách của đơn vị dự toán cấp I thuộc phạm vi quản lý, lập dự toán thu, chi ngân sách của cấp xã, báo cáo Ủy ban nhân dân cấp xã để trình Thường trực Hội đồng nhân dân cấp xã xem xét, cho ý kiến.

Sau khi có ý kiến của Thường trực Hội đồng nhân dân cấp xã, Ủy ban nhân dân cấp xã gửi dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn, dự toán thu, chi ngân sách cấp xã đến Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Sở Tài chính;

b) Sở Tài chính chủ trì tổng hợp dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn do các cơ quan thu ngân sách lập, dự toán thu, chi ngân sách của đơn vị dự toán cấp I thuộc phạm vi quản lý và dự toán thu, chi ngân sách của cấp xã; lập dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn, dự toán thu, chi ngân sách địa phương báo cáo Ủy ban nhân dân cấp tỉnh để trình Thường trực Hội đồng nhân dân cấp tỉnh xem xét, cho ý kiến.

Sau khi có ý kiến của Thường trực Hội đồng nhân dân cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh gửi dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn, dự toán thu, chi ngân sách địa phương đến Bộ Tài chính, Kiểm toán nhà nước, Bộ Khoa học và Công nghệ (đối với dự toán chi cho lĩnh vực khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số), các Bộ chủ chương trình mục tiêu quốc gia (đối với dự toán chi chương trình mục tiêu quốc gia).

Điều 15. Thời gian hướng dẫn lập, xây dựng, tổng hợp, quyết định và giao dự toán ngân sách nhà nước

1. Trước ngày 15 tháng 5 hằng năm, Thủ tướng Chính phủ ban hành quy định về việc xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, dự toán ngân sách nhà nước năm sau; trên cơ sở đó, chậm nhất sau 10 ngày, Bộ Tài chính ban hành văn bản hướng dẫn.

2. Căn cứ quy định của Thủ tướng Chính phủ và hướng dẫn của Bộ Tài chính tại khoản 1 Điều này, chậm nhất sau 07 ngày kể từ ngày Bộ Tài chính ban hành văn bản hướng dẫn:

a) Các Bộ, cơ quan trung ương hướng dẫn xây dựng dự toán ngân sách năm sau trong phạm vi, lĩnh vực được giao quản lý;

b) Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hướng dẫn xây dựng dự toán ngân sách năm sau ở địa phương phù hợp với yêu cầu, nội dung và thời gian lập dự toán ngân sách của địa phương.

3. Trước ngày 10 tháng 7 hằng năm:

a) Các Bộ, cơ quan trung ương gửi Bộ Tài chính, Kiểm toán nhà nước dự toán thu, chi ngân sách, phương án phân bổ ngân sách năm sau, chi tiết theo từng lĩnh vực và từng đơn vị dự toán ngân sách, đơn vị sử dụng ngân sách; đồng gửi Bộ Khoa học và Công nghệ (đối với dự toán chi khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số), Bộ chủ chương trình mục tiêu quốc gia (đối với dự toán chi chương trình mục tiêu quốc gia);

b) Ủy ban nhân dân cấp tỉnh gửi Bộ Tài chính, Kiểm toán nhà nước dự toán ngân sách địa phương năm sau; đồng gửi Bộ Khoa học và Công nghệ (đối với dự toán chi khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số), Bộ chủ chương trình mục tiêu quốc gia (đối với dự toán chi chương trình mục tiêu quốc gia).

c) Trường hợp cơ quan có thẩm quyền yêu cầu bổ sung cơ sở, căn cứ tính toán số liệu, tài liệu thuyết minh dự toán thì các Bộ, cơ quan trung ương và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ở địa phương có trách nhiệm hoàn thiện và gửi báo cáo bổ sung chậm nhất sau 15 ngày kể từ ngày cơ quan có thẩm quyền yêu cầu. Sau thời gian trên, các Bộ, cơ quan trung ương và địa phương chịu trách nhiệm toàn diện trước pháp luật về việc chậm báo cáo bổ sung.

4. Trước ngày 01 tháng 8 hằng năm:

a) Bộ Khoa học và Công nghệ gửi Bộ Tài chính báo cáo tổng hợp, đề xuất dự kiến tổng mức chi ngân sách nhà nước cho lĩnh vực chi khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trên cơ sở tổng hợp đề xuất của các Bộ, cơ quan trung ương và các địa phương, chi tiết chi đầu tư phát triển và chi thường xuyên, bảo đảm tổng mức và cơ cấu phù hợp với chủ trương của Đảng và pháp luật của Nhà nước;

b) Các Bộ chủ chương trình mục tiêu quốc gia gửi Bộ Tài chính dự kiến tổng mức kinh phí cho từng chương trình, chi tiết chi đầu tư phát triển và chi thường xuyên, bảo đảm trong phạm vi tổng mức kinh phí đã được phê duyệt và khả năng thực hiện.

5. Trước ngày 10 tháng 8 hằng năm:

a) Bộ Tài chính báo cáo Thủ tướng Chính phủ dự kiến các nguyên tắc, các chỉ tiêu chủ yếu và khung cân đối dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm sau;

b) Bộ Khoa học và Công nghệ (đối với lĩnh vực chi khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số) và các Bộ chủ chương trình mục tiêu quốc gia (đối với chương trình mục tiêu quốc gia) gửi Bộ Tài chính phương án dự toán chi năm sau cho từng Bộ, cơ quan trung ương và từng tỉnh, thành phố theo mẫu biểu quy định tại Điều 18 Nghị định này.

6. Trên cơ sở ý kiến của Thủ tướng Chính phủ về dự kiến các nguyên tắc, các chỉ tiêu chủ yếu và khung cân đối dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm sau, Bộ Tài chính hoàn thiện báo cáo dự toán thu, chi ngân sách nhà nước và phương án phân bổ ngân sách trung ương năm sau, báo cáo Chính phủ để trình Ủy ban Thường vụ Quốc hội cho ý kiến trước ngày 20 tháng 9 theo quy định tại khoản 2 Điều 46 Luật Ngân sách nhà nước.

7. Trên cơ sở ý kiến thẩm tra của các cơ quan của Quốc hội, Bộ Tài chính chủ trì hoàn thiện báo cáo đánh giá tình hình thực hiện ngân sách nhà nước năm hiện hành, dự toán ngân sách nhà nước, báo cáo phân bổ ngân sách trung ương năm sau trình Chính phủ để gửi đến các Đại biểu Quốc hội chậm nhất 20 ngày trước ngày khai mạc kỳ họp Quốc hội cuối năm.

8. Căn cứ nghị quyết của Quốc hội về dự toán ngân sách nhà nước và phân bổ ngân sách trung ương năm sau, trước ngày 20 tháng 11 Thủ tướng Chính phủ giao dự toán thu, chi ngân sách cho từng Bộ, cơ quan trung ương và từng tỉnh, thành phố theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Luật Ngân sách nhà nước.

9. Chậm nhất 05 ngày làm việc kể từ ngày Thủ tướng Chính phủ có quyết định giao dự toán, Bộ Tài chính giao chi tiết nhiệm vụ thu, chi ngân sách nhà nước cho từng Bộ, cơ quan trung ương và từng tỉnh, thành phố theo quy định tại khoản 6 Điều 27 Luật Ngân sách nhà nước.

10. Căn cứ quyết định giao dự toán ngân sách của Thủ tướng Chính phủ và Bộ Tài chính, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trình Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định trước ngày 10 tháng 12 dự toán thu, chi ngân sách nhà nước và phân bổ dự toán ngân sách cấp tỉnh theo quy định tại khoản 1, 2, điểm b và điểm c khoản 9 Điều 31 Luật Ngân sách nhà nước.

Chậm nhất 05 ngày làm việc kể từ ngày Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định dự toán ngân sách, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao dự toán thu, chi ngân sách năm sau cho từng cơ quan, đơn vị thuộc cấp mình và cấp xã theo quy định tại khoản 5 Điều 32 Luật Ngân sách nhà nước, đồng thời báo cáo Bộ Tài chính về dự toán ngân sách đã được Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao.

11. Chậm nhất sau 10 ngày kể từ ngày Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định dự toán và phân bổ ngân sách, căn cứ quyết định giao dự toán ngân sách của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Hội đồng nhân dân cấp xã quyết định dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn, thu, chi ngân sách cấp xã và phân bổ dự toán ngân sách cấp xã.

Chậm nhất sau 05 ngày làm việc kể từ ngày Hội đồng nhân dân cấp xã quyết định dự toán ngân sách, Ủy ban nhân dân cấp xã giao dự toán thu, chi ngân sách cho từng cơ quan, đơn vị trực thuộc, đồng thời báo cáo Sở Tài chính về dự toán ngân sách đã được Hội đồng nhân dân cấp xã quyết định và Ủy ban nhân dân cấp xã giao.

Điều 16. Lập lại dự toán ngân sách nhà nước

1. Việc lập lại dự toán ngân sách nhà nước và phương án phân bổ ngân sách trung ương thực hiện theo quy định tại Điều 50 của Luật Ngân sách nhà nước; thời gian lập lại do Quốc hội quyết định.

2. Việc lập lại dự toán ngân sách địa phương và phương án phân bổ ngân sách cấp tỉnh được thực hiện như sau:

a) Trường hợp dự toán ngân sách địa phương và phương án phân bổ ngân sách cấp tỉnh chưa được Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh lập lại dự toán đối với nội dung chưa được quyết định, trình Hội đồng nhân dân cấp tỉnh vào thời gian do Hội đồng nhân dân quyết định, nhưng phải bảo đảm việc quyết định dự toán hoàn thành trước ngày 15 tháng 12;

b) Trường hợp Thủ tướng Chính phủ giao dự toán thu, chi ngân sách năm sau cho các tỉnh, thành phố chậm hơn thời hạn quy định tại khoản 5 Điều 46 của Luật Ngân sách nhà nước (sau ngày 20 tháng 11), Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trình dự toán ngân sách địa phương và phương án phân bổ ngân sách cấp tỉnh chậm nhất 05 ngày làm việc kể từ ngày được giao dự toán để Hội đồng nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định. Trường hợp chưa được Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh lập lại dự toán đối với nội dung chưa được quyết định, trình Hội đồng nhân dân cấp tỉnh vào thời gian do Hội đồng nhân dân quyết định, nhưng phải bảo đảm việc quyết định dự toán hoàn thành trước ngày 18 tháng 12.

3. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định thời gian lập lại dự toán đối với ngân sách cấp xã, bảo đảm việc trình, quyết định và giao dự toán ngân sách cho các cơ quan, đơn vị trực thuộc và đơn vị được giao dự toán tại cấp xã hoàn thành trước ngày 31 tháng 12 theo quy định tại khoản 8 Điều 46 của Luật Ngân sách nhà nước.

Điều 17. Tổ chức thảo luận dự toán ngân sách nhà nước

1. Các Bộ, cơ quan trung ương và các cơ quan, đơn vị ở địa phương tổ chức thảo luận dự toán ngân sách với các cơ quan, đơn vị trực thuộc theo quy định tại khoản 1 Điều 48 Luật Ngân sách nhà nước.

2. Cơ quan tài chính các cấp:

a) Chủ trì tổ chức thảo luận về dự toán ngân sách hằng năm với các cơ quan, đơn vị cùng cấp và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (đối với Bộ Tài chính), Ủy ban nhân dân cấp xã (đối với Sở Tài chính) theo nội dung quy định tại khoản 2 Điều 48 Luật Ngân sách nhà nước. Sở Tài chính quyết định hình thức thảo luận dự toán ngân sách với Ủy ban nhân dân cấp xã phù hợp với tình hình thực tế tại địa phương;

b) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan cùng cấp trong việc tổng hợp, lập dự toán ngân sách và phương án phân bổ dự toán ngân sách của ngân sách cấp mình bảo cáo cấp có thẩm quyền theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước;

c) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan đề xuất các phương án cân đối ngân sách và các biện pháp nhằm thực hiện chính sách tăng thu, tiết kiệm chi ngân sách.

Điều 18. Mẫu biểu lập dự toán ngân sách nhà nước

Giao Bộ Tài chính quy định cụ thể hệ thống mẫu biểu lập, xây dựng, tổng hợp dự toán ngân sách nhà nước, phương án phân bổ ngân sách trung ương; dự toán ngân sách địa phương, phương án phân bổ ngân sách địa phương.

Chương III

CHẤP HÀNH NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

Điều 19. Phân bổ và giao dự toán ngân sách nhà nước

1. Sau khi được Thủ tướng Chính phủ, Bộ Tài chính, Ủy ban nhân dân giao dự toán ngân sách, đơn vị dự toán cấp 1 ở trung ương và địa phương thực hiện phân bổ và giao dự toán ngân sách nhà nước cho các đơn vị, bảo đảm thời hạn và

quy định tại Điều 52 Luật Ngân sách nhà nước, gửi cơ quan tài chính cùng cấp và Kho bạc Nhà nước nơi giao dịch để thực hiện. Các đơn vị được phân bổ và giao dự toán ngân sách bao gồm:

a) Đơn vị sử dụng ngân sách thuộc phạm vi quản lý;

b) Cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập được giao quản lý tài sản kết cấu hạ tầng theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công; đơn vị được phân cấp quản lý vận hành, khai thác, bảo trì tài sản kết cấu hạ tầng theo quy định của pháp luật có liên quan; doanh nghiệp được giao quản lý tài sản kết cấu hạ tầng theo hình thức không tính thành phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp để thực hiện công tác bảo trì tài sản theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công; đơn vị được người có thẩm quyền giao thực hiện nhiệm vụ có sử dụng ngân sách nhà nước theo quy định của Luật Đầu tư công, Luật Xây dựng và pháp luật có liên quan;

c) Đơn vị thuộc ngân sách cấp dưới trong trường hợp có ủy quyền thực hiện nhiệm vụ chỉ của mình theo quy định tại khoản 6 Điều 9 Luật Ngân sách nhà nước.

2. Dự toán giao cho các đơn vị sử dụng ngân sách phải chi tiết theo từng lĩnh vực, nhiệm vụ chỉ. Trường hợp nhiệm vụ chỉ thực hiện quản lý ngân sách theo kết quả thực hiện nhiệm vụ, thì dự toán phải chi tiết theo từng nhiệm vụ, dịch vụ, sản phẩm; các nhiệm vụ chỉ ủy quyền thì dự toán phải chi tiết theo từng nhiệm vụ được ủy quyền.

3. Cơ quan tài chính cùng cấp thực hiện kiểm tra, có ý kiến đối với dự toán của đơn vị dự toán cấp I đã giao cho đơn vị sử dụng ngân sách theo quy định tại khoản 2 Điều 51 Luật Ngân sách nhà nước sau khi nhận được báo cáo kèm theo thuyết minh phân bổ dự toán của đơn vị dự toán ngân sách.

4. Bộ Tài chính quy định cụ thể nội dung báo cáo, thuyết minh phân bổ của đơn vị dự toán ngân sách, mẫu biểu giao dự toán của đơn vị dự toán cấp I cho đơn vị sử dụng ngân sách, hạch toán kế toán và nhập dữ liệu dự toán đã giao cho các đơn vị sử dụng ngân sách trên hệ thống thông tin quản lý ngân sách và kho bạc.

Điều 20. Tổ chức thu ngân sách nhà nước

1. Tổ chức quản lý và thực hiện thu thuế, phí, lệ phí và các khoản thu khác thuộc ngân sách theo quy định của pháp luật nộp trực tiếp vào Kho bạc Nhà nước. Trường hợp được phép thu qua ủy nhiệm thu thì phải nộp đầy đủ, đúng thời hạn vào Kho bạc Nhà nước theo quy định của Bộ Tài chính.

2. Các khoản viện trợ không hoàn lại bằng tiền của Chính phủ các nước, các tổ chức, cá nhân ngoài nước cho Nhà nước, Chính phủ Việt Nam và chính

quyền địa phương phải thu nộp kịp thời vào ngân sách nhà nước, trường hợp theo hiệp định hoặc thỏa thuận tài trợ có quy định giải ngân trực tiếp đến chương trình, dự án, thì định kỳ phải hạch toán đầy đủ vào ngân sách nhà nước theo quy định của Bộ Tài chính.

3. Kho bạc Nhà nước được mở tài khoản tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và ngân hàng thương mại để tập trung các khoản thu của ngân sách nhà nước; hạch toán đầy đủ, kịp thời các khoản thu vào ngân sách, điều tiết các khoản thu cho ngân sách các cấp theo đúng quy định.

4. Giao Bộ Tài chính quy định cụ thể về việc tổ chức thu, hạch toán kế toán các khoản thu, hoàn trả các khoản thu, viện trợ không hoàn lại vào Kho bạc Nhà nước.

Điều 21. Tổ chức chi ngân sách nhà nước

1. Căn cứ các điều kiện chi ngân sách nhà nước quy định tại khoản 2 Điều 12 Luật Ngân sách nhà nước, Thủ trưởng đơn vị sử dụng ngân sách quy định tại khoản 1 Điều 19 Nghị định này lập hồ sơ đề nghị chi gửi Kho bạc Nhà nước để thanh toán hoặc tạm ứng theo quy định.

Các nhiệm vụ chi phát sinh thường xuyên phải chia đều trong năm để chi; các nhiệm vụ chi đầu tư phát triển, các nhiệm vụ chi ngân sách nhà nước theo quy định tại Điều 40 Luật Ngân sách nhà nước và các khoản chi không phát sinh thường xuyên khác được thanh toán theo tiến độ thực hiện và trong phạm vi dự toán được giao.

2. Căn cứ hồ sơ đề nghị chi của Thủ trưởng đơn vị sử dụng ngân sách, Kho bạc Nhà nước kiểm tra hồ sơ, đối chiếu với dự toán đã giao cho đơn vị và thực hiện thanh toán theo đề nghị; có quyền từ chối các khoản chi không đủ điều kiện chi, không có trong dự toán, trừ trường hợp tạm cấp ngân sách theo quy định tại Điều 53 Luật Ngân sách nhà nước.

3. Bộ Tài chính quy định chi tiết về kiểm tra chuyên ngành việc thực hiện dự toán được giao và chấp hành điều kiện chi ngân sách nhà nước của đơn vị sử dụng ngân sách.

4. Việc tạm cấp ngân sách thực hiện theo quy định tại Điều 53 của Luật Ngân sách nhà nước:

a) Căn cứ đề nghị của đơn vị sử dụng ngân sách, Kho bạc Nhà nước nơi giao dịch thực hiện tạm cấp ngân sách cho các nhiệm vụ chi lương, các khoản có tính chất tiền lương và chi nghiệp vụ phí, công vụ phí quy định tại điểm a và điểm b khoản 2 Điều 53 Luật Ngân sách nhà nước;

b) Căn cứ đề nghị của đơn vị dự toán cấp 1, cơ quan tài chính cùng cấp có ý kiến bằng văn bản về việc tạm cấp ngân sách cho các nhiệm vụ chi quy định tại

điểm d và điểm d khoản 2 Điều 53 Luật Ngân sách nhà nước, gửi Kho bạc Nhà nước để thực hiện tạm cấp;

c) Căn cứ đề nghị của Ủy ban nhân dân các cấp, Bộ Tài chính (đối với đề nghị của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh) và Sở Tài chính (đối với đề nghị của Ủy ban nhân dân cấp xã) có ý kiến bằng văn bản về việc tạm cấp số bổ sung cân đối từ ngân sách cấp trên cho ngân sách cấp dưới theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 53 Luật Ngân sách nhà nước, gửi Kho bạc Nhà nước để thực hiện;

d) Sau khi dự toán ngân sách được cấp có thẩm quyền giao, Kho bạc Nhà nước hạch toán thu hồi các khoản kinh phí đã tạm cấp tại điểm a, b và c khoản này.

5. Trường hợp các cơ quan, tổ chức, đơn vị dự toán ngân sách không chấp hành đầy đủ kịp thời chế độ báo cáo, quyết toán, báo cáo tài chính và báo cáo khác theo quy định, cơ quan tài chính có quyền yêu cầu Kho bạc Nhà nước tạm đình chỉ chi ngân sách, trừ các khoản chi lương, phụ cấp, trợ cấp xã hội, học bổng và một số khoản chi cấp thiết theo quy định của Bộ Tài chính và chịu trách nhiệm về quyết định của mình. Khi quyết định tạm đình chỉ chi ngân sách, cơ quan tài chính đồng thời thông báo cho cơ quan quản lý cấp trên của các cơ quan, tổ chức, đơn vị bị tạm đình chỉ chi ngân sách biết.

6. Việc tạm ứng và thu hồi vốn, kinh phí cho các đơn vị sử dụng ngân sách, chủ đầu tư thực hiện các nhiệm vụ chi thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 58 Luật Ngân sách nhà nước.

Trường hợp đến hết thời gian chính lý quyết toán mà chưa thu hồi hết số vốn, kinh phí đã tạm ứng, việc xử lý số dư tạm ứng thực hiện theo quy định tại điểm c khoản 3 Điều 30 Nghị định này.

7. Đối với các khoản chi đầu tư phát triển:

a) Việc chi cho các chương trình, dự án, nhiệm vụ thuộc đối tượng đầu tư công (không bao gồm các nhiệm vụ quy định tại điểm b và điểm c khoản này) thực hiện theo quy định của Chính phủ về quản lý, thanh toán, quyết toán chương trình, nhiệm vụ, dự án sử dụng vốn đầu tư công;

b) Việc chi cấp bù lãi suất, phí quản lý cho ngân hàng chính sách được thực hiện theo tiến độ và trong phạm vi dự toán được giao;

c) Việc chi cấp vốn điều lệ cho các ngân hàng chính sách, quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách và hỗ trợ đầu tư cho các đối tượng khác theo quyết định của Chính phủ hoặc Thủ tướng Chính phủ được thực hiện trong phạm vi dự toán được giao và theo quy định của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ có liên quan;

d) Các khoản chi đầu tư phát triển khác được thực hiện theo tiến độ và trong phạm vi dự toán được giao.

8. Đối với các khoản chi thực hiện quản lý theo kết quả thực hiện nhiệm vụ:

Căn cứ vào dự toán được giao, hợp đồng, thỏa thuận đã ký kết, tiến độ triển khai thực hiện nhiệm vụ, dịch vụ, sản phẩm và mức độ đạt được các chỉ tiêu kết quả đã được cơ quan giao nhiệm vụ phê duyệt, thủ trưởng đơn vị sử dụng ngân sách lập hồ sơ đề nghị chi gửi Kho bạc Nhà nước nơi giao dịch để thanh toán hoặc tạm ứng theo chế độ quy định.

9. Đối với các khoản chi từ nguồn vốn vay ngoài nước của Chính phủ, viện trợ không hoàn lại theo hiệp định hoặc thỏa thuận tài trợ có quy định giải ngân qua ngân hàng phục vụ để chuyển tiền trực tiếp cho chương trình, dự án, trường hợp được bố trí trong dự toán chi đầu tư công thực hiện theo quy định của Chính phủ về quản lý, thanh toán, quyết toán dự án sử dụng vốn đầu tư công; trường hợp được bố trí trong dự toán chi thường xuyên, căn cứ đề nghị của đơn vị sử dụng ngân sách, Kho bạc Nhà nước hạch toán ghi thu, ghi chi ngân sách nhà nước.

10. Đối với số chi bổ sung từ ngân sách cấp trên cho ngân sách cấp dưới, cơ quan tài chính cấp dưới thực hiện rút dự toán tại Kho bạc Nhà nước.

11. Đối với các khoản chi dự trữ quốc gia thực hiện theo quy định của pháp luật về dự trữ quốc gia và pháp luật khác có liên quan.

12. Giao Bộ Tài chính quy định chi tiết và hướng dẫn quy trình, thủ tục, hồ sơ đề nghị chi, hạch toán kế toán, thanh toán đối với các nhiệm vụ chi đầu tư phát triển, chi dự trữ quốc gia, chi từ nguồn vốn vay, viện trợ nước ngoài, chi kinh phí ủy quyền và chi bổ sung từ ngân sách cấp trên cho ngân sách cấp dưới quy định chi tiết về tổ chức thực hiện công tác kế toán ngân sách nhà nước.

Điều 22. Tổ chức điều hành ngân sách nhà nước

1. Cơ quan tài chính có trách nhiệm bảo đảm nguồn để thanh toán kịp thời các khoản chi theo dự toán. Trường hợp quỹ ngân sách thiếu hụt tạm thời được xử lý như sau:

a) Đối với quỹ ngân sách trung ương: Bộ Tài chính tạm ứng từ quỹ dự trữ tài chính trung ương, ngân quỹ nhà nước và các nguồn tài chính hợp pháp khác để xử lý, bao gồm cả phát hành tín phiếu Kho bạc Nhà nước. Trường hợp sau khi tạm ứng từ các nguồn này còn thiếu nguồn, Bộ Tài chính báo cáo Thủ tướng Chính phủ quyết định tạm ứng từ Ngân hàng Nhà nước Việt Nam theo quy định tại khoản 1 Điều 60 Luật Ngân sách nhà nước;

b) Đối với quỹ ngân sách cấp tỉnh: Sở Tài chính trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định tạm ứng từ quỹ dự trữ tài chính cấp tỉnh và các nguồn tài chính hợp pháp khác của địa phương. Trường hợp sau khi tạm ứng từ các nguồn này còn thiếu nguồn, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh đề nghị Bộ Tài chính tạm ứng từ quỹ dự trữ tài chính trung ương, ngân sách trung ương và các nguồn tài chính hợp pháp khác của trung ương. Số tạm ứng phải hoàn trả đúng thời hạn được cơ quan có thẩm quyền quyết định, không quá 12 tháng kể từ ngày tạm ứng;

c) Đối với quỹ ngân sách cấp xã: Căn cứ đề nghị của Ủy ban nhân dân cấp xã, Sở Tài chính trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định tạm ứng cho ngân sách cấp xã từ quỹ dự trữ tài chính cấp tỉnh, ngân sách cấp tỉnh và các nguồn tài chính hợp pháp khác của địa phương. Số tạm ứng phải hoàn trả đúng thời hạn được cơ quan có thẩm quyền quyết định, không quá 12 tháng kể từ ngày tạm ứng.

2. Trình tự, thủ tục điều chỉnh nhiệm vụ thu, chi trong quá trình chấp hành ngân sách nhà nước:

a) Trường hợp điều chỉnh dự toán thu, chi của một số Bộ, cơ quan trung ương và một số tỉnh, thành phố, nhưng không làm tăng tổng mức vay, bội chi ngân sách nhà nước theo quy định tại khoản 2 Điều 54 Luật Ngân sách nhà nước, Bộ Tài chính chủ trì xây dựng phương án điều chỉnh dự toán, trình Chính phủ quyết định điều chỉnh, định kỳ báo cáo Ủy ban Thường vụ Quốc hội và báo cáo Quốc hội tại kỳ họp gần nhất;

b) Trường hợp điều chỉnh dự toán thu, chi ngân sách địa phương theo quy định tại khoản 3 Điều 54 Luật Ngân sách nhà nước, cơ quan tài chính địa phương chủ trì xây dựng phương án điều chỉnh dự toán thu, chi ngân sách địa phương, trình Ủy ban nhân dân cùng cấp quyết định điều chỉnh, định kỳ báo cáo Thường trực Hội đồng nhân dân và báo cáo Hội đồng nhân dân cùng cấp tại kỳ họp gần nhất theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 54 Luật Ngân sách nhà nước.

3. Việc điều chỉnh dự toán đã giao cho các đơn vị sử dụng ngân sách được thực hiện theo quy định tại Điều 55 Luật Ngân sách nhà nước.

4. Trường hợp chi đầu tư các chương trình, dự án sử dụng vốn vay ODA và vốn vay ưu đãi từ nhà tài trợ chưa được dự toán hoặc vượt so với dự toán được giao, Bộ Tài chính chủ trì, trình Chính phủ báo cáo Ủy ban Thường vụ Quốc hội cho ý kiến trước khi thực hiện và báo cáo Quốc hội tại kỳ họp gần nhất.

5. Trường hợp cần sử dụng quỹ dự trữ tài chính để đáp ứng các nhu cầu chi theo quy định tại khoản 2 Điều 11 Luật Ngân sách nhà nước, Bộ Tài chính trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định hoặc quyết định theo thẩm quyền việc sử dụng quỹ dự trữ tài chính trung ương, Sở Tài chính trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định việc sử dụng quỹ dự trữ tài chính cấp tỉnh theo quy định tại khoản 3 Điều 10 Nghị định này.

Điều 23. Nguyên tắc, tiêu chí và điều kiện ứng trước dự toán ngân sách năm sau

1. Nguyên tắc ứng trước dự toán năm sau:

a) Ngân sách các cấp được ứng trước dự toán năm sau để thực hiện các chương trình, nhiệm vụ, dự án quan trọng, cấp bách theo quy định tại khoản 1 Điều 59 Luật Ngân sách nhà nước, đảm bảo tiết kiệm, hiệu quả;

b) Mức ứng trước dự toán ngân sách năm sau tối đa không vượt quá 30% tổng dự toán chi của chương trình, nhiệm vụ, dự án;

c) Khi phân bổ dự toán năm sau, cơ quan có thẩm quyền giao dự toán phải bố trí đủ để thu hồi số vốn đã được ứng trước; trường hợp không bố trí hoặc bố trí không đủ để thu hồi hết số ngân sách đã ứng trước, thì không được ứng tiếp dự toán năm sau cho các đơn vị còn dư ứng trước.

2. Tiêu chí ứng trước dự toán năm sau:

a) Các chương trình, nhiệm vụ, dự án đầu tư đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt, đủ điều kiện thực hiện theo quy định của pháp luật về đầu tư công, xây dựng, ngân sách và các pháp luật khác có liên quan, cần đẩy nhanh tiến độ thực hiện;

b) Các nhiệm vụ chi thường xuyên quan trọng, cấp bách đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt hoặc đã có chủ trương cần phải thực hiện ngay nhưng chưa được bố trí dự toán hoặc bố trí chưa đủ.

3. Điều kiện được ứng trước dự toán ngân sách năm sau:

a) Phải bảo đảm cân đối được quỹ ngân sách của từng cấp;

b) Cơ quan, đơn vị và chủ đầu tư phải có hồ sơ, báo cáo thuyết minh về sự cần thiết phải ứng trước dự toán.

4. Trên cơ sở đề nghị của các Bộ, cơ quan trung ương và Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố, Bộ Tài chính chủ trì trình Chính phủ quyết định ứng trước dự toán ngân sách trung ương năm sau; tổng hợp, báo cáo Ủy ban Thường vụ Quốc hội, báo cáo Quốc hội cùng với báo cáo tình hình thực hiện ngân sách năm.

5. Trên cơ sở đề nghị của các cơ quan, đơn vị, cơ quan tài chính ở địa phương chủ trì trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định ứng trước dự toán ngân sách năm sau của cấp mình; báo cáo Thường trực Hội đồng nhân dân, báo cáo Hội đồng nhân dân cùng cấp cùng với báo cáo tình hình thực hiện ngân sách năm.

Điều 24. Phân bổ dự toán chưa chi tiết đầu năm

1. Dự toán chưa phân bổ chi tiết đầu năm là phần dự toán ngân sách đã được cấp có thẩm quyền quyết định, nhưng chưa đủ điều kiện để giao chi tiết cho cơ quan, đơn vị sử dụng ngân sách và ngân sách cấp dưới tại thời điểm giao dự toán đầu năm, bao gồm:

a) Kinh phí thực hiện chính sách, chế độ, chương trình, nhiệm vụ do Bộ, cơ quan trung ương quản lý ngành, lĩnh vực đề xuất nhưng cần tiếp tục hoàn thiện căn cứ pháp lý hoặc hướng dẫn để triển khai;

b) Kinh phí thực hiện các chính sách, chế độ chi ngân sách dự kiến ban hành trong năm dự toán thuộc thẩm quyền của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh theo quy định tại điểm 1 khoản 9 Điều 31 của Luật Ngân sách nhà nước, nhưng đến thời điểm giao dự toán vẫn chưa được ban hành;

c) Kinh phí thực hiện nhiệm vụ chi đã được cấp có thẩm quyền quyết định chủ trương thực hiện nhưng chưa đủ hồ sơ, điều kiện theo quy định để giao dự toán chi tiết ngay từ đầu năm;

d) Kinh phí thực hiện nhiệm vụ đã có định mức, tiêu chuẩn chi nhưng tại thời điểm lập dự toán chưa xác định được số lượng đối tượng thụ hưởng cụ thể.

2. Trên cơ sở phê duyệt của cấp có thẩm quyền đối với chính sách, chế độ, chương trình, nhiệm vụ đã được bố trí từ nguồn dự toán chưa phân bổ chi tiết đầu năm và tiến độ thực hiện, đơn vị sử dụng ngân sách có văn bản đề xuất bổ sung kinh phí, kèm theo thuyết minh chi tiết nội dung chi và các tài liệu có liên quan, gửi đơn vị dự toán cấp 1 để tổng hợp, báo cáo cơ quan tài chính cùng cấp; Riêng đối với lĩnh vực khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số, báo cáo cơ quan khoa học và công nghệ để tổng hợp gửi cơ quan tài chính.

3. Căn cứ đề nghị của đơn vị dự toán cấp 1, cơ quan khoa học và công nghệ cùng cấp, Bộ Tài chính có trách nhiệm rà soát, tổng hợp, báo cáo Thủ tướng Chính phủ, cơ quan tài chính các cấp ở địa phương có trách nhiệm rà soát, tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân cùng cấp xem xét, quyết định phân bổ từ nguồn dự toán chưa phân bổ chi tiết để bổ sung cho các nhiệm vụ chi thuộc trách nhiệm bảo đảm của ngân sách cấp mình.

4. Trường hợp nhiệm vụ chi thuộc trách nhiệm bảo đảm của ngân sách cấp trên, Ủy ban nhân dân cấp xã báo cáo Sở Tài chính để tổng hợp, trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, xử lý từ nguồn dự toán chưa phân bổ chi tiết của ngân sách cấp tỉnh. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh báo cáo Bộ Tài chính để tổng hợp, trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, xử lý từ nguồn dự toán chưa phân bổ chi tiết của ngân sách trung ương.

5. Đơn vị dự toán cấp 1 sau khi được cấp có thẩm quyền bổ sung dự toán từ nguồn dự toán chưa phân bổ chi tiết có trách nhiệm kịp thời phân bổ và giao dự

toán chi tiết cho các đơn vị trực thuộc để thực hiện, bảo đảm đúng mục tiêu, nội dung chi và tiến độ thực hiện theo quy định tại Điều 51 và Điều 52 của Luật Ngân sách nhà nước.

6. Quy trình đề xuất bổ sung kinh phí thực hiện theo quy trình lập dự toán quy định tại Chương II Nghị định này.

Điều 25. Sử dụng dự phòng ngân sách nhà nước

1. Dự phòng ngân sách nhà nước được sử dụng cho các nội dung quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 10 Luật Ngân sách nhà nước. Thẩm quyền quyết định sử dụng dự phòng ngân sách nhà nước theo quy định tại khoản 4 Điều 10 Luật Ngân sách nhà nước.

2. Trong năm, trường hợp phát sinh nhiệm vụ được chủ từ dự phòng ngân sách nhà nước, các Bộ, cơ quan trung ương và cơ quan, đơn vị ở địa phương tổng hợp, lập đề xuất bổ sung dự toán, kèm thuyết minh chi tiết, gửi cơ quan tài chính cùng cấp:

a) Đối với dự phòng ngân sách trung ương, căn cứ đề nghị của các Bộ, cơ quan trung ương và địa phương, Bộ Tài chính chủ trì, tổng hợp trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định bổ sung dự toán chi từ dự phòng để thực hiện;

b) Đối với dự phòng ngân sách các cấp ở địa phương, căn cứ đề nghị của các cơ quan, đơn vị, cơ quan tài chính trình Ủy ban nhân dân cùng cấp quyết định bổ sung dự toán chi từ dự phòng để thực hiện;

3. Đối với dự phòng ngân sách các cấp được sử dụng, phân bổ vốn cho các chương trình, nhiệm vụ, dự án ngoài kế hoạch đầu tư công trung hạn thực hiện theo quy định tại Điều 27 Nghị định này.

4. Định kỳ hằng quý, Bộ Tài chính báo cáo Chính phủ về báo cáo Ủy ban Thường vụ Quốc hội việc sử dụng dự phòng ngân sách trung ương, báo cáo Quốc hội tại kỳ họp gần nhất; Ủy ban nhân dân báo cáo Thường trực Hội đồng nhân dân việc sử dụng dự phòng ngân sách địa phương, báo cáo Hội đồng nhân dân tại kỳ họp gần nhất.

Điều 26. Phân bổ sử dụng nguồn tăng thu so với dự toán, dự toán chi còn lại của cấp ngân sách

1. Đối với ngân sách trung ương:

Trước ngày 28 tháng 2 hằng năm, Bộ Tài chính chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan tổng hợp, xây dựng phương án sử dụng số thu vượt dự toán và dự toán chi còn lại của ngân sách trung ương năm trước, trình Chính phủ xem xét, quyết định và báo cáo Ủy ban Thường vụ Quốc hội kết quả thực hiện, báo cáo Quốc hội tại kỳ họp gần nhất.

2. Đối với ngân sách địa phương:

Trước ngày 28 tháng 2 hằng năm, cơ quan tài chính địa phương chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan xây dựng phương án sử dụng số thu vượt dự toán và dự toán chi còn lại của cấp ngân sách năm trước, trình Ủy ban nhân dân cùng cấp quyết định và báo cáo Thường trực Hội đồng nhân dân kết quả thực hiện, báo cáo Hội đồng nhân dân tại kỳ họp gần nhất.

3. Trường hợp trong năm ngân sách có điều chỉnh dự toán thu theo quy định tại Điều 54 của Luật Ngân sách nhà nước, việc tổng hợp, phân bổ và báo cáo tình hình sử dụng số thu vượt dự toán theo quy định tại các khoản 1, 2 và các điểm a và điểm b khoản 5 Điều này phải bảo đảm không trùng lặp với các nội dung đã được phân bổ, sử dụng trong quá trình thực hiện theo quyết định của cấp có thẩm quyền.

4. Trình tự, thủ tục phân bổ vốn cho các chương trình, nhiệm vụ, dự án ngoài kế hoạch đầu tư công trung hạn thực hiện theo quy định tại Điều 27 Nghị định này.

5. Thường vượt dự toán thu hằng năm:

a) Việc thường vượt dự toán thu từ các khoản thu phân chia giữa ngân sách trung ương và ngân sách địa phương theo quy định tại các điểm a, b, c và điểm d khoản 2 Điều 36 của Luật Ngân sách nhà nước được thực hiện khi ngân sách trung ương không bị hụt thu so với dự toán và địa phương có số thu thực hiện cao hơn dự toán do Thủ tướng Chính phủ giao;

b) Việc thường vượt dự toán thu thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu qua biên giới đất liền thực hiện theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều 61 của Luật Ngân sách nhà nước, căn cứ vào chênh lệch số thu thực hiện lớn hơn số dự toán thu Thủ tướng Chính phủ giao;

c) Căn cứ vào mức thường do Chính phủ quyết định, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định phương án sử dụng số được thường theo quy định tại điểm c khoản 3 Điều 61 của Luật Ngân sách nhà nước.

6. Kết thúc năm ngân sách, căn cứ khả năng cân đối ngân sách, ngân sách cấp trên xem xét hỗ trợ ngân sách cấp dưới xử lý hụt thu trong các trường hợp sau:

a) Số thu thực hiện thấp hơn dự toán do nguyên nhân khách quan như thiên tai, thảm họa, dịch bệnh, thay đổi chính sách pháp luật của Nhà nước làm giảm thu, hoặc các trường hợp đặc biệt khác theo quyết định của Chính phủ;

b) Ngân sách cấp dưới đã thực hiện điều chỉnh giảm nhiệm vụ chi theo quy định tại khoản 1 Điều 61 của Luật Ngân sách nhà nước và đã sử dụng tối đa các

nguồn lực tài chính hợp pháp khác của địa phương nhưng chưa bảo đảm được cân đối ngân sách địa phương;

c) Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tổng hợp, báo cáo số hụt thu, nguyên nhân và biện pháp xử lý theo quy định tại các điểm a và điểm b khoản này, gửi Bộ Tài chính để tổng hợp, trình Chính phủ xem xét, quyết định hỗ trợ từ ngân sách trung ương; Ủy ban nhân dân cấp xã gửi báo cáo cho Sở Tài chính để tổng hợp, trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét hỗ trợ từ ngân sách địa phương.

Điều 27. Phân bổ, sử dụng nguồn dự phòng ngân sách nhà nước, nguồn tăng thu so với dự toán, dự toán chi còn lại của cấp ngân sách hằng năm cho các chương trình, nhiệm vụ, dự án ngoài kế hoạch đầu tư công trung hạn

1. Nguyên tắc phân bổ, sử dụng:

a) Đúng thẩm quyền, mục tiêu, phạm vi, đối tượng theo quy định tại Điều 10 và Điều 61 Luật Ngân sách nhà nước;

b) Ưu tiên phân bổ vốn tập trung, tiết kiệm, hiệu quả và bảo đảm khả năng cân đối nguồn lực, công khai, minh bạch;

c) Địa phương nhận hỗ trợ vốn từ ngân sách cấp trên phải cân đối, bố trí đủ vốn từ ngân sách cấp mình và các nguồn tài chính hợp pháp khác để hoàn thành chương trình, nhiệm vụ, dự án theo đúng tiến độ, mục tiêu đầu tư được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

2. Phân bổ, sử dụng vốn thực hiện chương trình, nhiệm vụ, dự án từ nguồn dự phòng ngân sách nhà nước hằng năm:

Căn cứ quy định tại Điều 10 Luật Ngân sách nhà nước; trên cơ sở đề xuất của các cơ quan, đơn vị và địa phương, Bộ Tài chính tổng hợp trình Thủ tướng Chính phủ (đối với ngân sách trung ương), cơ quan tài chính địa phương tổng hợp trình Ủy ban nhân dân (đối với ngân sách địa phương) quyết định sử dụng nguồn dự phòng ngân sách cấp mình để phân bổ vốn cho cơ quan, đơn vị và địa phương theo tổng mức hoặc chi tiết từng chương trình, nhiệm vụ, dự án.

3. Phân bổ, sử dụng vốn thực hiện chương trình, nhiệm vụ, dự án từ nguồn tăng thu so với dự toán, dự toán chi còn lại của cấp ngân sách hằng năm:

Trên cơ sở đề xuất của các cơ quan, đơn vị và địa phương, Bộ Tài chính (đối với ngân sách trung ương), cơ quan tài chính địa phương (đối với ngân sách địa phương) tổng hợp phương án phân bổ vốn cho các chương trình, nhiệm vụ, dự án ngoài kế hoạch đầu tư công trung hạn trong phương án sử dụng nguồn tăng thu so với dự toán và dự toán chi còn lại của ngân sách cấp mình theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị định này.

4. Trình tự, thủ tục đầu tư, quyết định chủ trương đầu tư, quyết định đầu tư và tổ chức thực hiện chương trình, nhiệm vụ, dự án thực hiện theo quy định của pháp luật về đầu tư công và pháp luật khác có liên quan.

5. Việc quản lý, thanh toán, quyết toán vốn thực hiện chương trình, nhiệm vụ, dự án theo quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 28. Mở tài khoản tại Kho bạc Nhà nước

1. Các đơn vị sử dụng ngân sách và các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ phải mở tài khoản tại Kho bạc Nhà nước, chịu sự kiểm tra của cơ quan tài chính và Kho bạc Nhà nước trong quá trình thanh toán, sử dụng kinh phí. Trường hợp đơn vị sử dụng ngân sách, tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ được phép mở tài khoản tại ngân hàng để tập trung một số khoản thu thì phải quản lý và sử dụng theo đúng quy định của pháp luật.

2. Giao Bộ Tài chính quy định chi tiết và hướng dẫn về việc mở và sử dụng tài khoản tại Kho bạc Nhà nước.

Điều 29. Chế độ báo cáo

1. Các cơ quan, tổ chức, đơn vị thực hiện báo cáo về tình hình chấp hành ngân sách nhà nước theo quy định tại Điều 62 Luật Ngân sách nhà nước.

2. Bộ Tài chính quy định mẫu biểu và thời hạn báo cáo áp dụng đối với các báo cáo quy định tại các khoản 1, 2, 3, 4, 5, 6 và khoản 7 Điều 62 Luật Ngân sách nhà nước.

3. Mẫu biểu và thời hạn báo cáo áp dụng đối với các báo cáo quy định tại khoản 8 Điều 62 Luật ngân sách nhà nước thực hiện theo Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc ban hành quy chế lập, thẩm tra, trình Quốc hội quyết định dự toán ngân sách nhà nước, phương án phân bổ ngân sách trung ương và phê chuẩn quyết toán ngân sách nhà nước.

Chương IV

KẾ TOÁN VÀ QUYẾT TOÁN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

Điều 30. Khóa sổ kế toán và xử lý thu, chi ngân sách nhà nước cuối năm

1. Kết thúc năm ngân sách, các cơ quan, tổ chức, đơn vị có liên quan đến thu, chi ngân sách nhà nước thực hiện khóa sổ kế toán và xử lý thu chi ngân sách nhà nước cuối năm đảm bảo nội dung, yêu cầu quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều này.

2. Các cơ quan, tổ chức, đơn vị và các cấp ngân sách trong thời gian chỉnh lý quyết toán theo quy định tại khoản 2 Điều 66 Luật Ngân sách nhà nước thực hiện các nội dung sau:

a) Hạch toán tiếp các khoản thu, chi ngân sách phát sinh từ ngày 31 tháng 12 trở về trước nhưng chứng từ đang luân chuyển;

b) Hạch toán chi ngân sách các khoản tạm ứng đã đủ điều kiện chi, các khoản thanh toán cho công việc, khối lượng đã được thực hiện từ ngày 31 tháng 12 trở về trước được giao trong dự toán ngân sách;

c) Đối với các đơn vị thực hiện cơ chế thực hiện cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập và chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế và kinh phí quản lý hành chính đối với các cơ quan nhà nước được thực hiện và hạch toán các khoản chi từ nguồn tiết kiệm kinh phí quản lý hành chính và phân phối kết quả tài chính của năm trước;

d) Điều chỉnh các sai sót trong hạch toán kế toán các khoản thu, chi ngân sách nhà nước.

3. Việc khóa sổ kế toán phải bảo đảm các yêu cầu sau:

a) Các khoản thu thuộc ngân sách các năm trước, nhưng nộp từ ngày 01 tháng 01 năm sau thì phải hạch toán và quyết toán vào thu ngân sách năm sau, trừ các khoản thu quy định tại điểm a khoản 2 Điều này;

b) Hết thời gian chỉnh lý quyết toán ngân sách, các khoản dự toán chi, bao gồm cả các khoản bổ sung trong năm, chưa thực hiện, chưa chi hết hoặc hết nhiệm vụ chi phải hủy dự toán, trừ các trường hợp được chuyển nguồn sang năm sau để tiếp tục thực hiện theo quy định tại Điều 31 Nghị định này;

c) Các khoản đã tạm ứng theo chế độ đến hết thời gian chỉnh lý quyết toán vẫn chưa đủ thủ tục thanh toán thì xử lý như sau:

Đối với số dư tạm ứng vốn đầu tư công chưa thu hồi không đưa vào quyết toán, thì được chuyển sang năm sau để quản lý, thu hồi tạm ứng và quyết toán phần thanh toán khối lượng hoàn thành.

Đối với tạm ứng kinh phí cho các nhiệm vụ đang trong quá trình thực hiện hợp đồng hoặc nhiệm vụ chi được chuyển nguồn sang năm sau theo quy định tại Điều 31 Nghị định này, thì số dư tạm ứng được chuyển sang năm sau để quản lý, thu hồi tạm ứng và quyết toán khối lượng, nhiệm vụ hoàn thành. Trường hợp không được chuyển số dư tạm ứng sang năm sau, thì cơ quan, tổ chức, đơn vị nộp lại ngân sách nhà nước trước ngày 15 tháng 02 năm sau. Sau thời hạn này, đơn vị chưa nộp, Kho bạc Nhà nước thực hiện thu hồi số tạm ứng bằng cách trừ lĩnh vực chi tương ứng thuộc dự toán ngân sách năm sau của cơ quan, tổ chức, đơn vị; trường hợp dự toán năm sau không bố trí kinh phí lĩnh vực chi đó hoặc bố trí ít

hơn số dư tạm ứng phải thu hồi, Kho bạc Nhà nước thông báo cho cơ quan tài chính cùng cấp để xử lý;

d) Các khoản tạm thu, tạm giữ thực hiện xử lý theo quyết định của cấp có thẩm quyền. Trường hợp đến hết ngày 31 tháng 12 năm thực hiện dự toán, số dư trên tài khoản tạm thu, tạm giữ mà chưa được cấp có thẩm quyền quyết định xử lý, được chuyển sang năm sau để theo dõi và xử lý tiếp theo quy định của pháp luật;

đ) Các loại vật tư, hàng hóa tồn kho tại các đơn vị dự toán đến cuối ngày 31 tháng 12 năm thực hiện dự toán, cơ quan, tổ chức, đơn vị thực hiện kiểm kê theo quy định và xử lý như sau: Giá trị đã mua hàng hóa, vật tư tồn kho được quyết toán vào chi ngân sách năm thực hiện dự toán theo quy định; trường hợp sử dụng tiếp cho năm sau, cơ quan, tổ chức, đơn vị theo dõi chặt chẽ, sử dụng và có báo cáo riêng; trường hợp không sử dụng tiếp, cơ quan, tổ chức, đơn vị thành lập hội đồng thanh lý bán, nộp tiền vào ngân sách nhà nước; đối với đơn vị sự nghiệp công lập được sử dụng theo quy định của pháp luật;

e) Đến cuối ngày 31 tháng 12 số dư tài khoản tiền gửi các khoản ngân sách cấp của đơn vị dự toán mở tại Kho bạc Nhà nước được tiếp tục chi trong thời gian chỉnh lý quyết toán; hết thời gian chỉnh lý quyết toán mà vẫn còn dư, thì nộp trả ngân sách nhà nước, trừ trường hợp nhiệm vụ chi được chuyển nguồn sang năm sau theo quy định tại Điều 31 của Nghị định này.

Số dư trên tài khoản tiền gửi không thuộc ngân sách nhà nước cấp, được chuyển sang năm sau sử dụng theo quy định của pháp luật có liên quan.

Điều 31. Chuyển nguồn ngân sách từ năm trước sang năm sau

1. Đến hết thời gian chỉnh lý quyết toán, các khoản dự toán chi ngân sách nhà nước, các khoản tạm ứng trong dự toán, số dư tài khoản tiền gửi các khoản ngân sách nhà nước cấp chưa thực hiện được hoặc chưa chi hết, được chuyển nguồn sang năm sau tiếp tục sử dụng, bao gồm:

a) Các khoản dự toán được Thủ tướng Chính phủ, Ủy ban nhân dân các cấp bổ sung sau ngày 30 tháng 9 năm thực hiện dự toán, trừ trường hợp đã hết nhiệm vụ chi;

b) Chi đầu tư phát triển thực hiện chuyển nguồn sang năm sau đối với kế hoạch vốn đầu tư công được kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân theo quy định của Luật Đầu tư công;

c) Các chương trình mục tiêu quốc gia đang trong thời gian thực hiện theo nghị quyết của Quốc hội nhưng không quá ngày 31 tháng 12 năm sau;

d) Chi mua sắm hàng hóa, dịch vụ (bao gồm thuê hàng hóa, dịch vụ), sửa chữa, cải tạo, nâng cấp, mở rộng, xây dựng mới hạng mục công trình trong các

dự án đã đầu tư xây dựng, đặt hàng, giao nhiệm vụ đã đầy đủ hồ sơ, đã ký hợp đồng hoặc đã hoàn thành đấu thầu theo quy định của pháp luật về đấu thầu trước ngày 31 tháng 12 năm thực hiện dự toán;

d) Nguồn thực hiện chính sách tiền lương, phụ cấp, trợ cấp và các khoản tính theo tiền lương; nguồn thực hiện các chính sách an sinh xã hội;

e) Kinh phí được giao tự chủ của các đơn vị sự nghiệp công lập và các cơ quan nhà nước;

g) Chi khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số;

h) Chi dự trữ quốc gia;

i) Các khoản chi viện trợ cho Chính phủ nước ngoài đã được cấp có thẩm quyền giao dự toán;

k) Các khoản chi từ nguồn viện trợ không hoàn lại của Chính phủ các nước, các tổ chức, cá nhân nước ngoài cho Nhà nước, Chính phủ Việt Nam và chính quyền địa phương, các khoản tài trợ, đóng góp tự nguyện của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước đã được xác định nhiệm vụ chi cụ thể;

l) Các khoản kinh phí phải hoàn trả ngân sách cấp trên theo kết luận, kiến nghị của cơ quan thanh tra, kiểm toán;

m) Số dư tạm ứng vốn đầu tư công chưa thu hồi; số dư tạm ứng kinh phí cho các nhiệm vụ đang trong quá trình thực hiện hợp đồng hoặc tạm ứng cho nhiệm vụ chi quy định tại các điểm a, b, c, d, đ, e, g, h, i, k và l khoản này;

n) Số dư tài khoản tiền gửi các khoản ngân sách nhà nước cấp cho các nhiệm vụ chi quy định tại các điểm a, b, c, d, đ, e, g, h, i, k và l khoản này.

2. Các khoản tăng thu so với dự toán, dự toán chi còn lại của cấp ngân sách được sử dụng theo quy định tại khoản 2 Điều 61 của Luật Ngân sách nhà nước, trường hợp phương án sử dụng đã được cấp có thẩm quyền quyết định sử dụng vào năm sau thì được chuyển nguồn sang ngân sách năm sau để thực hiện.

3. Bộ Tài chính quy định cụ thể quy trình, thủ tục xử lý, hạch toán, kế toán chuyển nguồn sang năm sau.

Điều 32. Yêu cầu, trình tự xét duyệt, tổng hợp, báo cáo quyết toán ngân sách nhà nước

1. Việc lập quyết toán ngân sách nhà nước phải bảo đảm các yêu cầu quy định tại Điều 67 Luật Ngân sách nhà nước.

2. Đối với đơn vị sử dụng ngân sách thực hiện quản lý ngân sách nhà nước theo kết quả thực hiện nhiệm vụ được quyết toán theo số ngân sách nhà nước đã thực chi thực hiện nhiệm vụ, kèm theo báo cáo kết quả đạt được và mức độ hoàn

thành của các mục tiêu, chỉ tiêu, chất lượng, khối lượng sản phẩm, dịch vụ công đã được giao.

3. Trình tự xét duyệt, tổng hợp quyết toán ngân sách của các đơn vị dự toán ngân sách:

a) Đơn vị sử dụng ngân sách lập báo cáo quyết toán ngân sách theo chế độ quy định và gửi đơn vị dự toán cấp trên trực tiếp, đơn vị giao dự toán. Trường hợp cơ quan cấp dưới nhận kinh phí ủy quyền của cơ quan cấp trên, thì báo cáo quyết toán phản kinh phí ủy quyền với cơ quan cấp trên đã ủy quyền;

b) Việc xét duyệt quyết toán được thực hiện theo khoản 2 Điều 69 Luật Ngân sách nhà nước;

c) Đơn vị dự toán cấp trên trực tiếp của đơn vị sử dụng ngân sách, đơn vị giao dự toán thực hiện xét duyệt, ra thông báo xét duyệt quyết toán đối với đơn vị sử dụng ngân sách thuộc phạm vi quản lý, đơn vị giao dự toán theo quy định tại khoản 1 Điều 51 của Luật Ngân sách nhà nước;

d) Đơn vị dự toán cấp trên tổng hợp báo cáo quyết toán ngân sách nhà nước thuộc phạm vi quản lý đã được xét duyệt theo quy định tại khoản 2 Điều 69 của Luật Ngân sách nhà nước gửi đơn vị dự toán cấp trên trực tiếp; đối với đơn vị dự toán cấp I tổng hợp quyết toán của các đơn vị thuộc phạm vi quản lý và đơn vị được giao dự toán gửi cơ quan tài chính cùng cấp;

đ) Cơ quan tài chính các cấp kiểm tra quyết toán của đơn vị dự toán ngân sách cấp I về tính đầy đủ, khớp đúng giữa các số liệu quyết toán với xác nhận của Kho bạc Nhà nước; tổng hợp quyết toán năm của các đơn vị dự toán cấp I thuộc ngân sách cấp mình và quyết toán năm của ngân sách cấp dưới. Trường hợp đơn vị dự toán cấp I đồng thời là đơn vị sử dụng ngân sách, đơn vị lập báo cáo quyết toán gửi cơ quan tài chính để kiểm tra về tính đầy đủ, khớp đúng giữa các số liệu quyết toán với xác nhận của Kho bạc Nhà nước. Thủ trưởng đơn vị chịu trách nhiệm về quyết toán ngân sách của đơn vị mình.

4. Trình tự lập, xét duyệt, tổng hợp quyết toán ngân sách đối với các chương trình, dự án, nhiệm vụ chi đầu tư phát triển, dự án quan trọng quốc gia và chương trình mục tiêu quốc gia:

a) Chủ đầu tư các chương trình, dự án, nhiệm vụ đầu tư phát triển, dự án quan trọng quốc gia, chương trình mục tiêu quốc gia phải báo cáo quyết toán nguồn vốn sử dụng, quyết toán nguồn vốn ngân sách, tình hình sử dụng vốn, giá trị khối lượng, công việc hoàn thành đã được quyết toán trong năm, gửi cơ quan thanh toán vốn, cơ quan cấp trên của chủ đầu tư và cơ quan tài chính cùng cấp. Khi chương trình, dự án phát triển, dự án quan trọng quốc gia hoàn thành phải lập báo cáo quyết toán toàn bộ nguồn vốn, quyết toán nguồn vốn ngân sách kèm theo

báo cáo thuyết minh tình hình sử dụng vốn gửi cơ quan thanh toán vốn và cơ quan có thẩm quyền xét duyệt báo cáo quyết toán các chương trình, dự án, nhiệm vụ đầu tư phát triển, dự án quan trọng quốc gia, chương trình mục tiêu quốc gia;

b) Tổ chức, đơn vị được giao dự toán chi chương trình mục tiêu quốc gia thực hiện quyết toán phần dự toán ngân sách được giao theo quy định, đồng thời báo cáo cơ quan cấp trên trực tiếp để tổng hợp báo cáo cơ quan quản lý chương trình mục tiêu quốc gia;

c) Đối với các chương trình mục tiêu quốc gia, dự án quan trọng quốc gia do Quốc hội quyết định chủ trương đầu tư, ngoài các quy định tại điểm a và điểm b khoản này, chủ chương trình, dự án còn phải lập báo cáo quyết toán trình Chính phủ xem xét để trình Quốc hội.

5. Trình tự quyết toán ngân sách cấp xã:

a) Ủy ban nhân dân cấp xã lập quyết toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn và quyết toán thu, chi ngân sách cấp xã báo cáo Thường trực Hội đồng nhân dân cùng cấp cho ý kiến trước ngày 10 tháng 3 năm sau và tiếp thu, hoàn chỉnh để trình Hội đồng nhân dân cùng cấp xem xét, phê chuẩn, đồng thời gửi Sở Tài chính;

b) Hội đồng nhân dân cấp xã xem xét, phê chuẩn báo cáo quyết toán ngân sách cấp mình trước ngày 31 tháng 3 năm sau, gửi Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Sở Tài chính chậm nhất sau 05 ngày làm việc kể từ ngày báo cáo quyết toán được phê chuẩn.

6. Trình tự quyết toán ngân sách cấp tỉnh:

a) Sở Tài chính tổng hợp quyết toán ngân sách cấp xã đã được Hội đồng nhân dân cấp xã phê chuẩn; kiểm tra quyết toán của đơn vị dự toán cấp I thuộc ngân sách cấp tỉnh về tính đầy đủ, khớp đúng giữa các số liệu quyết toán với xác nhận của Kho bạc Nhà nước; tổng hợp quyết toán ngân sách các đơn vị dự toán cấp I thuộc ngân sách cấp tỉnh; tổng hợp, lập báo cáo quyết toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn và quyết toán thu, chi ngân sách địa phương trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh để gửi Bộ Tài chính, Kiểm toán nhà nước trước ngày 01 tháng 5 năm sau;

b) Ủy ban nhân dân cấp tỉnh báo cáo Thường trực Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết toán ngân sách để cho ý kiến và tiếp thu, hoàn chỉnh để trình Hội đồng nhân dân cấp tỉnh phê chuẩn quyết toán ngân sách địa phương trước ngày 01 tháng 7 năm sau.

7. Trình tự quyết toán ngân sách nhà nước:

a) Các đơn vị dự toán cấp I thuộc ngân sách trung ương lập báo cáo quyết toán thu, chi ngân sách thuộc phạm vi quản lý gửi về Bộ Tài chính, Kiểm toán nhà nước trước ngày 05 tháng 7 năm sau;

b) Ủy ban nhân dân cấp tỉnh gửi Bộ Tài chính, Kiểm toán nhà nước báo cáo quyết toán ngân sách địa phương đã được Hội đồng nhân dân cấp tỉnh phê chuẩn trước ngày 05 tháng 7 năm sau;

c) Trên cơ sở kết quả xét duyệt, tổng hợp đối với quyết toán ngân sách của đơn vị dự toán cấp I thuộc ngân sách trung ương và báo cáo quyết toán ngân sách địa phương đã được Hội đồng nhân dân cấp tỉnh phê chuẩn, Bộ Tài chính tổng hợp, lập báo cáo quyết toán ngân sách nhà nước trình Chính phủ và gửi Kiểm toán nhà nước chậm nhất ngày 15 tháng 8 năm sau;

d) Chính phủ báo cáo Ủy ban Thường vụ Quốc hội quyết toán ngân sách nhà nước chậm nhất ngày 20 tháng 9 năm sau để cho ý kiến và tiếp thu, hoàn chỉnh đề trình Quốc hội;

đ) Trình tự, thủ tục thẩm tra của các cơ quan của Quốc hội về phê chuẩn quyết toán ngân sách nhà nước thực hiện theo Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc ban hành quy chế lập, thẩm tra, trình Quốc hội quyết định dự toán ngân sách nhà nước, phương án phân bổ ngân sách trung ương và phê chuẩn quyết toán ngân sách nhà nước;

e) Quốc hội xem xét, phê chuẩn quyết toán ngân sách nhà nước chậm nhất là 12 tháng sau khi kết thúc năm ngân sách.

8. Sau khi quyết toán ngân sách cấp tỉnh và ngân sách cấp xã đã được Hội đồng nhân dân phê chuẩn, quyết toán ngân sách nhà nước đã được Quốc hội phê chuẩn, trường hợp phát hiện thu, chi ngân sách không đúng quy định, bao gồm các kiến nghị thanh tra, kiểm toán, thì thực hiện xử lý theo quy định tại khoản 8 Điều 67 của Luật Ngân sách nhà nước và được tổng hợp vào quyết toán vào ngân sách năm xử lý, như sau: Số thu, chi ngân sách không đúng quy định được thu hồi năm nào thì tổng hợp vào quyết toán thu ngân sách năm đó; chi hoàn trả năm nào thì tổng hợp vào quyết toán chi ngân sách năm đó; không điều chỉnh vào quyết toán ngân sách nhà nước đã được Quốc hội, Hội đồng nhân dân các cấp phê chuẩn.

Điều 33. Xử lý kết dư ngân sách nhà nước

1. Số kết dư ngân sách trung ương, kết dư ngân sách cấp tỉnh theo quy định tại khoản 15 Điều 4 của Luật Ngân sách nhà nước được xác định sau khi kết thúc năm ngân sách, trên cơ sở so sánh giữa tổng số thu lớn hơn tổng số chi ngân sách nhà nước không bao gồm các khoản vay và các khoản chi từ nguồn vay, bao gồm cả chi trả nợ gốc.

2. Việc xử lý kết dư ngân sách thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 74 Luật Ngân sách nhà nước sau khi Quốc hội, Hội đồng nhân dân các cấp phê chuẩn quyết toán ngân sách, cụ thể:

a) Kết dư ngân sách trung ương, ngân sách cấp tỉnh được sử dụng để trả nợ gốc và chi trả nợ lãi các khoản vay của ngân sách nhà nước trong năm xử lý kết dư mà đầu năm chưa bố trí hoặc bố trí chưa đủ nguồn để chi trả; số kết dư còn lại được trích 50% vào quỹ dự trữ tài chính cùng cấp, 50% hạch toán vào thu ngân sách năm sau. Trường hợp quỹ dự trữ tài chính cùng cấp đã đủ mức 25% dự toán chi ngân sách hằng năm thì số kết dư còn lại hạch toán vào thu ngân sách năm sau;

b) Kết dư ngân sách cấp xã được hạch toán vào thu ngân sách năm sau.

Điều 34. Mẫu biểu báo cáo quyết toán ngân sách nhà nước

1. Mẫu biểu báo cáo quyết toán ngân sách nhà nước Chính phủ trình Quốc hội thực hiện theo Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc ban hành quy chế lập, thẩm tra, trình Quốc hội quyết định dự toán ngân sách nhà nước, phương án phân bổ ngân sách trung ương và phê chuẩn quyết toán ngân sách nhà nước.

2. Giao Bộ Tài chính quy định chi tiết mẫu biểu báo cáo quyết toán ngân sách nhà nước.

Chương V

CÔNG KHAI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC, GIÁM SÁT CỦA CỘNG ĐỒNG VỀ NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

Điều 35. Phạm vi, đối tượng thực hiện công khai ngân sách nhà nước

1. Phạm vi công khai:

a) Dự toán ngân sách nhà nước trình Quốc hội, Hội đồng nhân dân; dự toán ngân sách nhà nước đã được cấp có thẩm quyền quyết định; báo cáo tình hình thực hiện ngân sách nhà nước; quyết toán ngân sách nhà nước được Quốc hội, Hội đồng nhân dân phê chuẩn;

b) Dự toán, tình hình thực hiện, quyết toán ngân sách của các đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

c) Kế hoạch tài chính, tình hình thực hiện kế hoạch tài chính và quyết toán tài chính của các quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách;

d) Việc công khai trong đầu tư công thực hiện theo quy định tại Điều 15 Luật Đầu tư công;

đ) Số liệu và báo cáo thuyết minh các tài liệu ngân sách được công khai không bao gồm số liệu chi tiết, báo cáo thuyết minh thuộc lĩnh vực quốc phòng, an ninh, dự trữ quốc gia và các tài liệu, số liệu giao dự toán theo quy định của pháp luật về bảo vệ bí mật nhà nước.

2. Đối tượng phải thực hiện công khai ngân sách nhà nước, gồm:

- a) Các cấp ngân sách nhà nước;
- b) Đơn vị dự toán ngân sách;
- c) Tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;
- đ) Các quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách.

3. Đối tượng phải thực hiện công khai thủ tục ngân sách nhà nước bao gồm:

- a) Cơ quan thu ngân sách;
- b) Cơ quan tài chính;
- c) Kho bạc Nhà nước.

Điều 36. Trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị trong công khai ngân sách nhà nước

1. Bộ Tài chính thực hiện công khai các nội dung sau:

a) Số liệu và thuyết minh dự toán ngân sách nhà nước, phân bổ ngân sách trung ương trình Quốc hội quyết định; dự kiến kế hoạch tài chính năm của các quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách do trung ương quản lý;

b) Số liệu dự toán ngân sách nhà nước, phân bổ ngân sách trung ương đã được Quốc hội quyết định, Thủ tướng Chính phủ giao;

c) Số liệu và thuyết minh tình hình thực hiện ngân sách nhà nước (03 tháng, 06 tháng, 09 tháng, năm) đã báo cáo Chính phủ;

d) Số liệu và thuyết minh quyết toán ngân sách nhà nước đã được Quốc hội phê chuẩn.

2. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thực hiện công khai hoặc giao Sở Tài chính thực hiện công khai các nội dung sau:

a) Số liệu và thuyết minh dự toán ngân sách địa phương, phân bổ ngân sách cấp tỉnh trình Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định; dự kiến kế hoạch tài chính của các quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách do cấp tỉnh quản lý;

b) Số liệu dự toán ngân sách địa phương, phân bổ ngân sách cấp tỉnh đã được Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao;

c) Số liệu và thuyết minh tình hình thực hiện ngân sách địa phương 03 tháng, 06 tháng, 09 tháng, năm đã báo cáo Ủy ban nhân dân cấp tỉnh;

d) Số liệu và thuyết minh quyết toán ngân sách địa phương đã được Hội đồng nhân dân cấp tỉnh phê chuẩn.

3. Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện công khai ngân sách cấp xã, các hoạt động tài chính khác ở cấp xã và các khoản hỗ trợ trực tiếp của ngân sách nhà nước cho người dân trên địa bàn:

a) Số liệu và thuyết minh dự toán ngân sách cấp xã, kế hoạch hoạt động tài chính khác ở cấp xã trình Hội đồng nhân dân cấp xã;

b) Số liệu dự toán ngân sách cấp xã, kế hoạch hoạt động tài chính khác ở cấp xã đã được Hội đồng nhân dân cấp xã quyết định;

c) Số liệu và thuyết minh tình hình thực hiện dự toán ngân sách xã 03 tháng, 06 tháng, 09 tháng, năm;

d) Số liệu và thuyết minh quyết toán ngân sách cấp xã, kết quả thực hiện các hoạt động tài chính khác ở cấp xã đã được Hội đồng nhân dân cấp xã phê chuẩn;

đ) Các khoản hỗ trợ trực tiếp của ngân sách nhà nước cho người dân trên địa bàn, bao gồm: Chính sách, chế độ hỗ trợ của Nhà nước; quy trình và thủ tục xét duyệt, thủ tục chi trả; kết quả xét duyệt, chi trả cho các đối tượng thụ hưởng.

4. Các đơn vị dự toán ngân sách thực hiện công khai dự toán thu, chi ngân sách nhà nước được cấp có thẩm quyền giao và nguồn kinh phí khác (nếu có); tình hình thực hiện dự toán ngân sách nhà nước 03 tháng, 06 tháng, 09 tháng, năm; quyết toán ngân sách nhà nước đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Đối với các khoản chi thực hiện quản lý theo kết quả thực hiện nhiệm vụ, ngoài các nội dung công khai theo quy định trên, đơn vị dự toán phải công khai báo cáo kết quả đạt được và mức độ hoàn thành của các mục tiêu, chỉ tiêu, chất lượng, khối lượng sản phẩm, dịch vụ công đã được giao.

5. Các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ thực hiện công khai dự toán thu, chi ngân sách nhà nước được cấp có thẩm quyền giao và nguồn kinh phí khác (nếu có); tình hình thực hiện dự toán ngân sách nhà nước 03 tháng, 06 tháng, 09 tháng, năm; quyết toán thu, chi tài chính, các khoản đóng góp của tổ chức và cá nhân; cơ sở xác định mức hỗ trợ và số tiền ngân sách nhà nước hỗ trợ cho đơn vị.

6. Các quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách thực hiện công khai: Kế hoạch tài chính được cấp có thẩm quyền giao, bao gồm cả kế hoạch bổ sung, điều chỉnh (nếu có); tình hình thực hiện kế hoạch tài chính (06 tháng, năm); quyết toán tài chính hằng năm được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Điều 37. Thời điểm thực hiện công khai ngân sách

1. Dự toán ngân sách nhà nước, phương án phân bổ ngân sách hằng năm trình Quốc hội, Hội đồng nhân dân phải được công khai chậm nhất sau 05 ngày làm việc kể từ ngày khai mạc kỳ họp Quốc hội, Hội đồng nhân dân.

2. Dự toán ngân sách nhà nước, phương án phân bổ ngân sách hằng năm được cấp có thẩm quyền quyết định, giao; quyết toán ngân sách nhà nước hằng năm đã được cấp có thẩm quyền phê chuẩn, phê duyệt phải được công khai chậm nhất sau 30 ngày kể từ ngày văn bản phê chuẩn được ban hành.

3. Tình hình thực hiện ngân sách nhà nước 03 tháng, 06 tháng, 09 tháng phải được công khai chậm nhất sau 10 ngày kể từ ngày kết thúc kỳ báo cáo; tình hình thực hiện ngân sách nhà nước năm phải được công khai chậm nhất sau 10 ngày kể từ ngày báo cáo được trình cấp có thẩm quyền.

4. Văn bản về chính sách, chế độ hỗ trợ trực tiếp của Nhà nước cho người dân trên địa bàn phải được công khai chậm nhất sau 03 ngày làm việc kể từ ngày Ủy ban nhân dân cấp xã nhận được văn bản; kết quả xét duyệt, chi trả chính thức cho các đối tượng được hưởng các chính sách, chế độ của nhà nước theo quy định phải được công khai chậm nhất sau 30 ngày kể từ ngày Ủy ban nhân dân cấp xã duyệt, chi trả.

5. Các quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách phải công khai kế hoạch tài chính và quyết toán tài chính chậm nhất sau 10 ngày kể từ ngày được cấp có thẩm quyền giao hoặc phê duyệt; công khai tình hình thực hiện tài chính 06 tháng, năm chậm nhất sau 10 ngày kể từ ngày báo cáo cấp có thẩm quyền.

6. Thủ tục ngân sách nhà nước phải được công khai chậm nhất sau 05 ngày làm việc kể từ ngày cấp có thẩm quyền ban hành quy định.

Điều 38. Hình thức, chỉ tiêu, mẫu biểu và chế độ báo cáo công khai ngân sách nhà nước

1. Hình thức công khai ngân sách nhà nước thực hiện theo quy định tại điểm b, khoản 1, Điều 15 Luật Ngân sách nhà nước.

2. Bộ Tài chính quy định cụ thể về chỉ tiêu, mẫu biểu và chế độ báo cáo công khai ngân sách nhà nước.

Điều 39. Trách nhiệm của cơ quan nhà nước trong việc kiểm tra, giám sát thực hiện công khai ngân sách nhà nước

1. Bộ Tài chính có trách nhiệm kiểm tra, giám sát việc thực hiện công khai ngân sách của các Bộ, cơ quan trung ương và Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố; trường hợp phát hiện không thực hiện công khai hoặc thực hiện công khai không đúng quy định tại các điều 35, 36 và 37 Nghị định này thì có văn bản yêu cầu khắc phục kịp thời hoặc công khai danh sách cơ quan, đơn vị tùy theo tính chất, mức độ vi phạm.

2. Các Bộ, cơ quan trung ương có trách nhiệm kiểm tra, giám sát và kịp thời xử lý các hành vi không thực hiện công khai hoặc thực hiện công khai ngân sách không đúng quy định của các cơ quan, đơn vị trực thuộc.

3. Ủy ban nhân dân có trách nhiệm kiểm tra, giám sát việc thực hiện công khai ngân sách của các cơ quan, đơn vị trực thuộc và Ủy ban nhân dân cấp xã (đối với Ủy ban nhân dân cấp tỉnh); trường hợp phát hiện không thực hiện công khai hoặc thực hiện công khai không đúng quy định thì có văn bản yêu cầu khắc phục kịp thời hoặc công khai danh sách cơ quan, đơn vị tùy theo tính chất, mức độ vi phạm.

Điều 40. Giám sát ngân sách nhà nước của cộng đồng

1. Giám sát ngân sách nhà nước của cộng đồng là hoạt động do Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các cấp thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 16 Luật Ngân sách nhà nước, Luật Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và quy chế giám sát, phản biện xã hội của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam.

2. Hình thức giám sát thực hiện theo quy định của Luật Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các văn bản pháp luật có liên quan.

3. Cơ quan, tổ chức, đơn vị được giám sát và các cơ quan có liên quan có trách nhiệm:

a) Cung cấp đầy đủ, kịp thời thông tin, tài liệu liên quan đến nội dung giám sát theo yêu cầu của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các cấp hoặc các tổ chức thành viên của Mặt trận;

b) Xem xét, giải quyết, giải trình và trả lời kiến nghị của Nhân dân, của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các cấp hoặc các tổ chức thành viên của Mặt trận trong phạm vi thẩm quyền cho phép; trường hợp vượt thẩm quyền, kịp thời báo cáo cơ quan có thẩm quyền xem xét, giải quyết;

c) Công khai kết quả giải quyết, giải trình đối với các kiến nghị của Nhân dân, của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các cấp hoặc các tổ chức thành viên của Mặt trận liên quan đến nội dung giám sát.

Chương VI

SỬ DỤNG VỐN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN CỦA NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG CHO CÁC DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG KẾT CẤU HẠ TẦNG TRÊN ĐỊA BÀN THUỘC NHIỆM VỤ CHỈ CỦA NGÂN SÁCH CẤP TRÊN TRỰC TIẾP; HỖ TRỢ ĐỊA PHƯƠNG KHÁC ĐẦU TƯ XÂY DỰNG DỰ ÁN, CÔNG TRÌNH TRỌNG ĐIỂM, LIÊN KẾT VÙNG, LIÊN KẾT QUỐC GIA, LIÊN KẾT QUỐC TẾ, CÓ SỨC LAN TỎA, TẠO ĐỘNG LỰC PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI VÀ NHIỆM VỤ QUAN TRỌNG KHÁC

Điều 41. Nguyên tắc thực hiện

1. Địa phương sử dụng vốn đầu tư phát triển của ngân sách địa phương cho các dự án đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng trên địa bàn thuộc nhiệm vụ chỉ của ngân sách cấp trên trực tiếp; hỗ trợ địa phương khác đầu tư xây dựng dự án, công trình trọng điểm, liên kết vùng, liên kết quốc gia, liên kết quốc tế, có sức lan tỏa, tạo động lực phát triển kinh tế - xã hội và nhiệm vụ quan trọng khác (sau đây gọi tắt là địa phương hỗ trợ) phải bảo đảm trong khả năng cân đối ngân sách địa phương và không làm ảnh hưởng đến việc thực hiện nhiệm vụ thuộc trách nhiệm của ngân sách cấp mình.

2. Địa phương hỗ trợ trao đổi, thống nhất với cơ quan, tổ chức được giao trực tiếp quản lý dự án đầu tư thuộc nhiệm vụ chỉ của ngân sách cấp trên trực tiếp và địa phương nhận hỗ trợ về tổng mức chi (hoặc hỗ trợ), phương thức chi (hoặc hỗ trợ) và thời gian thực hiện.

3. Cơ quan, tổ chức được giao trực tiếp quản lý dự án đầu tư thuộc nhiệm vụ chỉ của ngân sách cấp trên trực tiếp và địa phương nhận hỗ trợ có trách nhiệm phối hợp với địa phương hỗ trợ để xây dựng, hoàn thành dự án, công trình theo đúng tiến độ, mục tiêu, bảo đảm hiệu quả, công khai, minh bạch, không để thất thoát, lãng phí.

4. Phương thức chi cho các dự án đầu tư trên địa bàn thuộc nhiệm vụ chỉ của ngân sách cấp trên trực tiếp và hỗ trợ địa phương khác thực hiện theo hình thức trực tiếp đầu tư hoặc bằng tiền.

5. Việc lập kế hoạch đầu tư công trung hạn, lập dự toán và quyết toán ngân sách nhà nước hằng năm đối với khoản chi cho các dự án đầu tư trên địa bàn thuộc nhiệm vụ chỉ của ngân sách cấp trên trực tiếp và hỗ trợ địa phương khác; quyết toán dự án hoàn thành thực hiện theo quy định pháp luật về ngân sách nhà

nước, đầu tư công, pháp luật khác có liên quan và quy định tại Điều 42 Nghị định này.

Điều 42. Lập kế hoạch đầu tư công trung hạn, lập dự toán, quyết toán ngân sách nhà nước hằng năm và quyết toán dự án hoàn thành đối với các dự án đầu tư trên địa bàn thuộc nhiệm vụ chi của ngân sách cấp trên trực tiếp và hỗ trợ địa phương khác

1. Theo hình thức trực tiếp đầu tư:

a) Căn cứ quy định của pháp luật về đầu tư công và nội dung trao đổi, thống nhất quy định tại khoản 2 Điều 41 Nghị định này, địa phương hỗ trợ:

Tổng hợp khoản chi cho các dự án đầu tư trên địa bàn thuộc nhiệm vụ chi của ngân sách cấp trên trực tiếp và hỗ trợ địa phương khác vào kế hoạch đầu tư công trung hạn của địa phương mình, làm cơ sở để lập dự toán chi đầu tư phát triển của địa phương hằng năm;

Tổ chức triển khai thực hiện dự án, công trình theo tiến độ đã trao đổi, thống nhất; quyết toán nguồn vốn hỗ trợ, quyết toán dự án hoàn thành theo đúng quy định của pháp luật và thực hiện bàn giao công trình sau khi hoàn thành đầu tư xây dựng theo quy định tại Điều 41 Nghị định này;

b) Cơ quan, tổ chức được giao trực tiếp quản lý dự án đầu tư thuộc nhiệm vụ chi của ngân sách cấp trên trực tiếp, địa phương nhận hỗ trợ có trách nhiệm phối hợp với địa phương hỗ trợ trong việc lập dự toán ngân sách nhà nước hằng năm; tiếp nhận, quản lý công trình sau khi hoàn thành đầu tư xây dựng theo quy định tại Điều 43 Nghị định này.

2. Theo hình thức bằng tiền:

a) Căn cứ nội dung trao đổi, thống nhất quy định tại khoản 2 Điều 41 Nghị định này, địa phương hỗ trợ:

Lập dự toán chi đầu tư phát triển của địa phương hằng năm đối với khoản chi cho các dự án đầu tư trên địa bàn thuộc nhiệm vụ chi của ngân sách cấp trên trực tiếp và hỗ trợ địa phương khác;

Thực hiện chuyển tiền cho cơ quan cấp trên, địa phương nhận hỗ trợ theo tiến độ thực hiện dự án, công trình, nhiệm vụ; quyết toán nguồn vốn hỗ trợ theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước;

b) Cơ quan, tổ chức được giao trực tiếp quản lý dự án đầu tư thuộc nhiệm vụ chi của ngân sách cấp trên trực tiếp, địa phương nhận hỗ trợ có trách nhiệm quản lý, sử dụng nguồn vốn được hỗ trợ đúng mục tiêu, đúng chế độ quy định;

thực hiện quyết toán vốn đầu tư dự án hoàn thành theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước, đầu tư công, pháp luật khác có liên quan.

Điều 43. Quản lý công trình kết cấu hạ tầng sau đầu tư

1. Công trình thuộc trung ương quản lý, sau khi hoàn thành đầu tư xây dựng, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chuyển giao, điều chuyển cho cơ quan quản lý nhà nước ở trung ương để quản lý, vận hành, khai thác, bảo trì; trường hợp chuyển giao, điều chuyển về địa phương quản lý thì việc bàn giao, điều chuyển công trình và việc quản lý, vận hành, khai thác, bảo trì theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công.

2. Công trình thuộc địa phương quản lý, sau khi hoàn thành đầu tư xây dựng dự án, công trình, Ủy ban nhân dân cấp dưới bàn giao, điều chuyển cho cơ quan quản lý nhà nước cấp trên trực tiếp để quản lý, vận hành, khai thác, bảo trì; trường hợp bàn giao, điều chuyển về địa phương quản lý (bao gồm cả trường hợp hỗ trợ địa phương khác) thì việc bàn giao, điều chuyển công trình và việc quản lý, vận hành, khai thác, bảo trì theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công.

Chương VII

LẬP KẾ HOẠCH TÀI CHÍNH 05 NĂM

Điều 44. Đối tượng lập kế hoạch tài chính 05 năm

1. Bộ Tài chính chủ trì, phối hợp với các Bộ, cơ quan trung ương có liên quan lập kế hoạch tài chính 05 năm quốc gia báo cáo Chính phủ trình Quốc hội xem xét, quyết định.

2. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chỉ đạo Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan khác ở địa phương xây dựng kế hoạch tài chính 05 năm tỉnh, thành phố báo cáo Hội đồng nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định.

Điều 45. Căn cứ lập kế hoạch tài chính 05 năm

1. Căn cứ lập kế hoạch tài chính 05 năm quốc gia:

a) Tình hình thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, kế hoạch tài chính 05 năm quốc gia giai đoạn trước;

b) Các chiến lược phát triển kinh tế - xã hội, tài chính, nợ công và cải cách hệ thống thuế; quy hoạch có liên quan theo quy định của pháp luật về quy hoạch; dự kiến mục tiêu, chỉ tiêu và định hướng phát triển kinh tế - xã hội 05 năm kế hoạch của quốc gia, ngành và lĩnh vực;

c) Quy định của pháp luật về tài chính - ngân sách, bao gồm cả điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên; định hướng sửa đổi, bổ sung, ban hành mới trong thời gian 05 năm kế hoạch;

d) Dự báo tác động của tình hình thế giới và trong nước đến khả năng huy động và nhu cầu sử dụng các nguồn lực tài chính - ngân sách trong thời gian 05 năm kế hoạch;

đ) Chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ về xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và kế hoạch tài chính 05 năm.

2. Căn cứ lập kế hoạch tài chính 05 năm tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương:

a) Tình hình thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 05 năm và kế hoạch tài chính 05 năm giai đoạn trước của địa phương;

b) Các chiến lược phát triển kinh tế - xã hội, tài chính, nợ công; quy hoạch có liên quan theo quy định của pháp luật về quy hoạch; dự kiến mục tiêu, chỉ tiêu và định hướng phát triển kinh tế - xã hội 05 năm kế hoạch của quốc gia, ngành, lĩnh vực và địa phương;

c) Dự báo tình hình kinh tế - xã hội có ảnh hưởng đến khả năng huy động và nhu cầu sử dụng các nguồn lực tài chính - ngân sách của địa phương trong thời gian 05 năm kế hoạch;

d) Quy định của pháp luật về tài chính - ngân sách; định hướng sửa đổi, bổ sung, ban hành mới trong thời gian 05 năm kế hoạch;

đ) Chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh về xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và kế hoạch tài chính 05 năm.

Điều 46. Yêu cầu lập kế hoạch tài chính 05 năm

1. Phù hợp với mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp đề ra trong Chiến lược quốc gia về phát triển kinh tế - xã hội; các chiến lược về tài chính, nợ công, cải cách hệ thống thuế; dự kiến mục tiêu, chỉ tiêu, định hướng phát triển kinh tế - xã hội 05 năm kế hoạch của cả nước, địa phương.

2. Phù hợp với dự báo tình hình kinh tế - xã hội, khả năng cân đối nguồn thu ngân sách nhà nước, huy động và trả nợ, các yêu cầu bảo đảm an toàn tài chính quốc gia trong thời gian 05 năm kế hoạch; phù hợp với các nguyên tắc cân đối, quản lý, phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi ngân sách nhà nước, nguyên tắc quản lý an toàn nợ công.

3. Ưu tiên bố trí ngân sách nhà nước để thực hiện các chủ trương, chính sách lớn của Đảng, Nhà nước trong từng thời kỳ.

4. Công khai, minh bạch, hiệu quả.

Điều 47. Nội dung kế hoạch tài chính 05 năm

1. Nội dung kế hoạch tài chính 05 năm quốc gia:

a) Đánh giá tình hình thực hiện các mục tiêu, chỉ tiêu, nhiệm vụ chủ yếu trong kế hoạch tài chính 05 năm quốc gia giai đoạn trước, những kết quả đạt được, hạn chế yếu kém và nguyên nhân, bài học kinh nghiệm;

b) Xác định mục tiêu tổng quát;

c) Xác định mục tiêu cụ thể, chủ yếu về tài chính - ngân sách nhà nước, gồm: Thu và cơ cấu thu ngân sách, chi và cơ cấu chi ngân sách; bội chi ngân sách nhà nước; nợ Chính phủ, nợ công, nợ nước ngoài của quốc gia; huy động vốn vay trong và ngoài nước; huy động và phân phối các nguồn lực, cơ cấu ngân sách nhà nước trong thời gian 05 năm kế hoạch;

d) Xác định khung cân đối ngân sách nhà nước, bao gồm:

Tổng thu ngân sách nhà nước (số tuyệt đối và tỷ lệ so với tổng sản phẩm trong nước - GDP), trong đó chi tiết thu nội địa, thu dầu thô, thu cân đối từ hoạt động xuất, nhập khẩu và thu viện trợ; các yếu tố tác động đến thu ngân sách nhà nước và các giải pháp chủ yếu để thực hiện;

Tổng chi ngân sách nhà nước (số tuyệt đối và tỷ lệ so với GDP), trong đó chi tiết chi đầu tư phát triển, chi dự trữ quốc gia, chi trả nợ lãi, chi viện trợ, chi thường xuyên; các yếu tố tác động đến chi ngân sách nhà nước và các giải pháp chủ yếu để thực hiện;

Cân đối ngân sách nhà nước: Bội chi ngân sách nhà nước (số tuyệt đối và tỷ lệ so với GDP); tổng mức vay của ngân sách nhà nước, bao gồm vay bù đắp bội chi và vay để trả nợ gốc của ngân sách nhà nước; các yếu tố tác động đến cân đối ngân sách nhà nước và các giải pháp để bảo đảm an toàn, bền vững ngân sách nhà nước;

d) Các chỉ tiêu về quản lý nợ, gồm: Các chỉ tiêu giới hạn về nợ, mức dư nợ công, nợ Chính phủ, nợ nước ngoài của quốc gia; tỷ lệ trả nợ so với tổng thu ngân sách nhà nước; tổng mức huy động; các giải pháp về chính sách và quản lý nhằm bảo đảm an toàn, bền vững nợ công;

e) Các giải pháp tài chính khác nhằm thực hiện kế hoạch tài chính 05 năm quốc gia.

2. Nội dung kế hoạch tài chính 05 năm tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương:

a) Đánh giá tình hình thực hiện các mục tiêu, chỉ tiêu, nhiệm vụ chủ yếu trong kế hoạch tài chính 05 năm của tỉnh, thành phố giai đoạn trước, những kết quả đạt được, hạn chế yếu kém và nguyên nhân, bài học kinh nghiệm;

b) Xác định mục tiêu tổng quát;

c) Xác định mục tiêu cụ thể, chủ yếu về tài chính - ngân sách của địa phương, gồm: thu và cơ cấu thu ngân sách, chi và cơ cấu chi ngân sách; bội chi ngân sách địa phương; nợ của ngân sách cấp tỉnh; huy động và phân phối các nguồn lực, cơ cấu ngân sách địa phương trong thời gian 05 năm kế hoạch;

d) Xác định khung cân đối ngân sách địa phương, bao gồm:

Tổng thu ngân sách nhà nước trên địa bàn và thu ngân sách địa phương, trong đó chi tiết thu nội địa, thu dầu thô, thu cân đối từ hoạt động xuất, nhập khẩu và thu viện trợ; các yếu tố tác động đến thu ngân sách nhà nước và các giải pháp chủ yếu để thực hiện.

Tổng chi ngân sách địa phương, trong đó chi tiết chi đầu tư phát triển, chi trả nợ lãi, chi viện trợ, chi thường xuyên; các yếu tố tác động đến chi ngân sách địa phương và các giải pháp chủ yếu để thực hiện.

Cân đối ngân sách địa phương: Bội chi ngân sách địa phương; tổng mức vay của ngân sách địa phương, bao gồm vay bù đắp bội chi và vay để trả nợ gốc của ngân sách địa phương; các yếu tố tác động đến cân đối ngân sách địa phương và các giải pháp để bảo đảm an toàn, bền vững ngân sách địa phương.

d) Các chỉ tiêu về quản lý nợ của địa phương, gồm: Hạn mức vay, dư nợ vay của chính quyền địa phương; dự kiến vay, trả nợ; các giải pháp về chính sách và quản lý nhằm bảo đảm an toàn, bền vững nợ của chính quyền địa phương;

e) Các giải pháp tài chính khác nhằm thực hiện kế hoạch tài chính 05 năm tỉnh, thành phố.

Điều 48. Trình tự lập kế hoạch tài chính 05 năm

1. Trình tự lập kế hoạch tài chính 05 năm quốc gia:

a) Trước ngày 15 tháng 5 năm thứ năm của kế hoạch tài chính 05 năm quốc gia giai đoạn trước, Thủ tướng Chính phủ ban hành Chỉ thị về việc lập kế hoạch tài chính 05 năm giai đoạn sau cùng với việc ban hành quy định xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, dự toán ngân sách nhà nước năm sau;

b) Trước ngày 10 tháng 8 năm thứ năm của kế hoạch tài chính 05 năm giai đoạn trước, Bộ Tài chính báo cáo Thủ tướng Chính phủ định hướng kế hoạch tài chính 05 năm quốc gia giai đoạn sau;

c) Trên cơ sở ý kiến của Thủ tướng Chính phủ, Bộ Tài chính chủ trì hoàn thiện kế hoạch tài chính 05 năm quốc gia giai đoạn sau, báo cáo Chính phủ để trình Ủy ban Thường vụ Quốc hội cho ý kiến trước ngày 20 tháng 9 năm thứ năm của kế hoạch tài chính 05 năm quốc gia giai đoạn trước;

d) Trên cơ sở ý kiến của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Bộ Tài chính chủ trì hoàn thiện kế hoạch tài chính 05 năm quốc gia giai đoạn sau báo cáo Chính phủ để trình Quốc hội cho ý kiến cùng thời điểm trình dự toán ngân sách nhà nước năm đầu của kế hoạch tài chính 05 năm quốc gia giai đoạn sau;

đ) Trên cơ sở ý kiến của Quốc hội khóa trước, Chính phủ trình Quốc hội khóa mới tại kỳ họp thứ nhất để xem xét, quyết định kế hoạch tài chính 05 năm quốc gia giai đoạn sau.

2. Trình tự lập kế hoạch tài chính 05 năm tỉnh, thành phố:

a) Căn cứ chỉ thị của Thủ tướng Chính phủ về việc lập kế hoạch tài chính 05 năm giai đoạn sau, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chỉ đạo Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan xây dựng kế hoạch tài chính 05 năm tỉnh, thành phố giai đoạn sau;

b) Trước ngày 20 tháng 8 năm thứ năm của kế hoạch tài chính 05 năm giai đoạn trước, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh báo cáo Thường trực Hội đồng nhân dân cùng cấp kế hoạch tài chính 05 năm tỉnh, thành phố giai đoạn sau để cho ý kiến;

c) Trước ngày 10 tháng 9 năm thứ năm của kế hoạch tài chính 05 năm giai đoạn trước, trên cơ sở ý kiến của Thường trực Hội đồng nhân dân cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hoàn thiện kế hoạch tài chính 05 năm của địa phương gửi Bộ Tài chính để cho ý kiến;

d) Căn cứ ý kiến của Bộ Tài chính, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hoàn chỉnh kế hoạch tài chính 05 năm tỉnh, thành phố giai đoạn sau báo cáo Hội đồng nhân

dân cùng cấp cho ý kiến cùng thời điểm trình dự toán ngân sách năm đầu thời kỳ kế hoạch 05 năm giai đoạn sau;

đ) Trên cơ sở ý kiến của Hội đồng nhân dân khóa trước, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trình Hội đồng nhân dân khóa mới tại kỳ họp thứ nhất để xem xét, quyết định kế hoạch tài chính 05 năm tỉnh, thành phố giai đoạn sau.

Điều 49. Trách nhiệm của các cơ quan trong lập kế hoạch tài chính 05 năm

1. Bộ Tài chính chủ trì xây dựng Chỉ thị của Thủ tướng Chính phủ về việc lập kế hoạch tài chính 05 năm, xây dựng kế hoạch tài chính 05 năm quốc gia và tham gia ý kiến với Ủy ban nhân dân cấp tỉnh về kế hoạch tài chính 05 năm tỉnh, thành phố giai đoạn sau.

2. Các Bộ, cơ quan trung ương phối hợp với Bộ Tài chính trong quá trình lập kế hoạch tài chính 05 năm quốc gia.

3. Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố chỉ đạo Sở Tài chính và các cơ quan, đơn vị có liên quan khác ở địa phương lập kế hoạch tài chính 05 năm tỉnh, thành phố.

Chương VIII

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 50. Điều khoản chuyển tiếp

Đối với quyết toán ngân sách năm 2024 và quy trình, yêu cầu lập dự toán ngân sách năm 2026 áp dụng theo các quy định của Luật ngân sách nhà nước số 83/2015/QH13 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 59/2020/QH14 và Luật số 56/2024/QH15, Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước.

Điều 51. Điều khoản thi hành

1. Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 và áp dụng từ năm ngân sách 2026, trừ trường hợp các quy định tại Nghị định này có liên quan đến nội dung quy định tại khoản 3 Điều 77 Luật Ngân sách nhà nước được thực hiện từ ngày 01 tháng 7 năm 2025.

2. Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước, Nghị định số 45/2017/NĐ-CP ngày 21 tháng 4 năm 2017 quy định chi tiết lập kế hoạch tài chính 05 năm và kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước 03 năm, Nghị định số 149/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung sửa đổi của Luật Ngân sách nhà nước tại Điều 4 Luật số 56/2024/QH15 hết hiệu lực kể từ ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành.

Điều 52. Trách nhiệm thi hành

1. Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn và tổ chức thực hiện Nghị định này.

2. Bộ trưởng, thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan khác ở trung ương và Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh thành phố chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này./.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc CP;
- HĐND, UBND các tỉnh, TP trực thuộc TW;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán nhà nước;
- UBTW Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Công TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: Văn thư, KTTT ().

**TM. CHÍNH PHỦ
THỦ TƯỚNG**

Phạm Minh Chính



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 08 tháng 9 năm 2025

BẢN TỔNG HỢP, TIẾP THU, GIẢI TRÌNH Ý KIẾN GÓP Ý, THAM VẤN CHÍNH SÁCH CỦA
DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH HƯỚNG DẪN CHI TIẾT THỰC HÀNH MỘT SỐ ĐIỀU CỦA LUẬT NSNN NĂM 2025

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, Bộ Tài chính đã có Văn bản số 8930/BTC-NSNN ngày 20/6/2025 gửi xin ý kiến các Bộ, cơ quan trung ương và địa phương và đăng tải trên cổng thông tin điện tử của Chính phủ và Bộ Tài chính để lấy ý kiến rộng rãi về hồ sơ trình Chính phủ dự thảo Nghị định hướng dẫn chi tiết thi hành một số Điều của Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15

1. Tính đến ngày 08/9/2025, Bộ Tài chính đã nhận được 13/16 văn bản của các Bộ, cơ quan ngang Bộ; 40/63 văn bản góp ý của các địa phương; không có ý kiến tham gia qua cổng thông tin điện tử (theo Văn bản số 702/TTĐT-BĐTCP ngày 10/7/2025 của Công TTĐT Chính phủ và Văn bản số 1157/CNTT-DVC ngày 18/7/2025 của Cục Công nghệ thông tin và chuyển đổi số - Bộ Tài chính).
2. Kết quả cụ thể như sau: Hầu hết các ý kiến tham gia đều nhất trí sự cần thiết và các nội dung tại dự thảo hồ sơ trình Chính phủ dự thảo Nghị định. Đối với các ý kiến tham gia bổ sung, Bộ Tài chính xin được tiếp thu, giải trình cụ thể như sau:

ĐIỀU	KHOẢN, ĐIỂM	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
Chương I. Những quy định chung			
Điều 1. Phạm vi, đối tượng áp dụng	Khoản 1.	(1) Điện Biên (2) Quảng Ninh (3) Hà Nội (4) Bộ Tư pháp	(1) Đề nghị bổ sung phạm vi áp dụng một số nội dung căn quy định chi tiết, gồm: Quy định sử dụng Quỹ dự trữ tài chính (tại khoản 3 Điều 11, khoản 9 Điều 25); Quy định các nhiệm vụ chi NSNN được bố trí từ hai nguồn chi đầu tư công và chi thường xuyên (tại khoản 6 Điều 40). Lý do: Để bao phủ nội dung đã xây dựng tại Điều 9, dự thảo Nghị định và đảm bảo đầy đủ các nội dung Chính phủ căn quy định chi tiết theo dự thảo Luật NSNN (sửa đổi). (2) Đề nghị xem xét, bổ sung hướng dẫn chi tiết phạm vi, đối tượng, trình tự thực hiện chi viện trợ theo quy định tại điểm m Điều 31, điểm a khoản 5 Điều 19 dự thảo Luật NSNN. (3) Đề nghị bổ sung phạm vi áp dụng nội dung căn quy định chi tiết, gồm: Khoản 3 Điều 11 Luật NSNN quy định về Quỹ Dự trữ Tài chính (4) So với Luật NSNN, dự thảo Nghị định chưa quy định chi tiết khoản 3 Điều 11, khoản 10 Điều 31, khoản 7 Điều 40,...; thừa khoản 16 Điều 25 Ý kiến tiếp thu: (1) Bổ sung phạm vi áp dụng "quỹ dự trữ tài chính"; Tiếp thu, hoàn thiện tại Dự thảo. Ý kiến giải trình: (1) Về việc bổ sung phạm vi áp dụng "Quy định các nhiệm vụ chi NSNN được bố trí từ hai nguồn chi đầu tư công và chi thường xuyên": Bộ Tài chính sẽ có Nghị định riêng hướng dẫn về vấn đề này cho nên không quy định tại Nghị định Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật NSNN. (2) Bộ Tài chính sẽ có Nghị định riêng hướng dẫn về vấn đề này cho nên không quy định tại Nghị định Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật NSNN. (3)(4) Tiếp thu, hoàn thiện tại dự thảo

ĐIỀU	KHOẢN, ĐIỂM	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH	
Điều 2, Nguyên tắc quản lý và phân cấp ngân sách	Khoản 1.	Bộ Tư pháp	Khoản 1 Điều 2 dự thảo Nghị định quy định về nguyên tắc quản lý NSNN nhưng chưa liệt kê theo quy định tại Điều 8 Luật NSNN	Tiếp thu, hoàn thiện lại Dự thảo, sửa đổi nghị như sau "1. Nguyên tắc phân cấp, quản lý ngân sách nhà nước và phân cấp quản lý nguồn thu, nhiệm vụ chi, quan hệ giữa các cấp ngân sách thực hiện theo quy định tại Điều 7, 8 và 9 Luật Ngân sách nhà nước."
	Khoản 2.	(1) Cao Bằng (2) Quảng Ninh (3) Bộ KH&CN	(1) Điểm c, khoản 2, Điều 2 của dự thảo quy định: "... Ngân sách nhà nước có thể bố trí kinh phí cho các quỹ thực hiện nhiệm vụ về khoa học, công nghệ,...". Tuy nhiên, theo quy định tại khoản 1 Điều 5 của dự thảo quy định: "...các quỹ thực hiện nhiệm vụ về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số... được ngân sách nhà nước bố trí kinh phí hoạt động...", đề nghị xem xét quy định lại để đảm bảo tính đồng nhất. (2) Sửa lại điểm d khoản 2 như sau: "d) Nhiệm vụ chi được ngân sách cấp nào do ngân sách cấp đó bảo đảm, trừ các trường hợp quy định tại khoản 5 Điều 9 Luật Ngân sách nhà nước". Lý do: Để thống nhất các nội dung quy định tại Luật NSNN và Nghị định hướng dẫn của Chính phủ. (3) Đề nghị sửa đổi như sau "Ngân sách nhà nước có thể bố trí kinh phí cho các quỹ thực hiện nhiệm vụ về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số theo đề xuất của cơ quan quản lý nhà nước về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo." Lý do: Để phù hợp với quy định tại Điều 8 Luật Ngân sách nhà nước (sửa đổi) đã có quy định về việc nhà nước bố trí NSNN vào các quỹ thực hiện phát triển KH, CN, ĐMST và CBS, không phải là "có thể bố trí" và quy định tại Điều 63 Luật KH, CN & ĐMST và lập dự toán NSNN. Đồng thời, bổ sung "theo đề xuất của cơ quan quản lý nhà nước về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo" để đảm bảo việc bố trí kinh phí được phù hợp.	(1)(2)(3) Tiếp thu, hoàn thiện tại Dự thảo như sau: "2. Nguồn thu, nhiệm vụ chi của ngân sách trung ương, ngân sách địa phương thực hiện theo quy định tại Điều 36, 37, 38 và Điều 39 Luật Ngân sách nhà nước. Bộ Tài chính hướng dẫn chi tiết việc phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi giữa ngân sách trung ương và ngân sách địa phương, xác định số bổ sung từ ngân sách cấp trên cho ngân sách cấp dưới; quản lý ngân sách cấp xã và các hoạt động tài chính khác của cấp xã."

ĐIỀU	KHOẢN, ĐỀM	CHÚ THÍCH GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
Điều 3. Bội chi ngân sách nhà nước	Khoản 1	Bộ Tư pháp	Khoản 1 Điều 3 dự thảo Nghị định quy định bội chi NSNN bao gồm bội chi NSTW và bội chi NSDP cấp tỉnh. Nội dung quy định tại khoản 1 Điều 3 là khái niệm bội chi NSTW, bội chi NSDP cấp tỉnh đã được quy định tại khoản 1 Điều 4 Luật NSNN <i>Ý kiến giải trình:</i> Nội dung này quy định lại theo Luật NSNN để đảm bảo tính đầy đủ
	Khoản 5.	Cao Bằng, TP. HCM	(1) Điểm c, khoản 5, Điều 3 dự thảo quy định: “... phải thanh toán đến ngày 31 tháng 3 năm hiện hành. 6. Số dư nợ vay của ngân sách địa phương, bao gồm cả vay bù đắp bội chi ngân sách theo dự toán...” , đề nghị cơ quan soạn thảo lồng ghép vào số thứ tự 6 để thể hiện rõ đây là khoản độc lập trong cùng Điều (2) Quy định tại khoản 6 và tại khoản 5 Điều 3 dự thảo Nghị định quy định liên quan đến các quy định vì điều kiện để ngân sách cấp tỉnh từng địa phương được phép bội chi, khoản này không đề cập đến mức dư nợ vay. Do đó, kiến nghị Bộ Tài chính rà soát lại quy định tại Điều 3 dự thảo Nghị định để thống nhất giữa các nội dung. (1)(2) Tiếp thu, hoàn thiện tại dự thảo

ĐIỀU	KHOẢN, ĐIỂM	CHỨC THỂ GỢP Ý		NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
Điều 5. Quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách	Khoản 2.	Cao Bằng, Hà Tĩnh, Thanh tra Chính phủ	(1) Điểm e của dự thảo quy định: "... Ngân sách nhà nước có thể bố trí kinh phí cho các quỹ thực hiện nhiệm vụ về khoa học, công nghệ,...". Tuy nhiên, theo quy định tại khoản 1 Điều 5 của dự thảo quy định: "...các quỹ thực hiện nhiệm vụ về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số... được ngân sách nhà nước bố trí kinh phí hoạt động...", đề nghị xem xét quy định lại để đảm bảo tính thống nhất. (2) Tại điểm e khoản 2 Điều 2 và Điều 5 Dự thảo: Đề nghị bổ sung nội dung, quy trình chi hoàn trả vốn ứng cho quỹ phát triển đất để có cơ sở bố trí nguồn ngân sách địa phương hoàn trả quỹ phát triển đất theo quy định của Luật Đầu tư và các văn bản hướng dẫn (3) Thanh tra Chính phủ: "Tại Nghị định số 85/2025/NĐ-CP" ngày 08/4/2025 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công, Điều 40 quy định về trình tự, thủ tục thực hiện kế hoạch đầu tư công trung hạn cấp vốn điều lệ của các quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách. Do đó, để đảm bảo quy định của Luật Đầu tư công, đề nghị nghiên cứu, bổ sung thêm điểm d vào Khoản 2 Điều 5 dự thảo Nghị định như sau: "d) Việc cấp vốn điều lệ từ ngân sách nhà nước phải đảm bảo theo quy định của Luật Đầu tư công"	<i>Ý kiến giải trình:</i> (1) Tiếp thu bộ môn từ "có thể" để đảm bảo thống nhất (2) Không tiếp thu, nội dung này đã được quy định tại Điều 18 Nghị định số 104/2024/NĐ-CP ngày 31/7/2024 của Chính phủ quy định về Quỹ phát triển đất. (3) Đề nghị giữ như dự thảo đã việc chi cấp vốn điều lệ cho quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách đã được quy định tại điểm e Khoản 6 Điều 21 dự thảo Nghị định (kèm theo cuộc họp ngày 07/7/2025).

ĐIỀU	KHOẢN, ĐIỂM	CHỦ THỂ GÓP Ý		NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
	Khoản 4.	Hà Tĩnh	đề nghị Bộ Tài chính bổ sung thêm hoặc làm rõ cơ quan quyết toán thu, chi quỹ tài chính ngoài ngân sách. Lý do: thực tế triển khai nhiều cơ quan, đơn vị có cách hiểu khác nhau về công tác quyết toán thu, chi quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách, do đó cần quy định rõ nội dung này	<i>Ý kiến tiếp thu:</i> Tiếp thu bổ sung quỹ có trách nhiệm quyết toán thu, chi quỹ tại khoản 5 Điều 5 như sau. 5. Quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách chịu trách nhiệm về việc quản lý, sử dụng, quyết toán, đánh giá kết quả, hiệu quả thực hiện nhiệm vụ của quỹ, báo cáo cơ quan quản lý quỹ cùng với báo cáo quyết toán của quỹ.
	Khoản 5	Bộ pháp	Tu đề nghị sửa thống nhất cụ từ "Quỹ tài chính ngoài ngân sách" thành "Quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách"	Tiếp thu, hoàn thiện tại Dự thảo.
	Khoản 6.	Cau Bang	Khoản 6, Điều 5 của dự thảo quy định: "... cơ quan quản lý quỹ tài chính ngoài ngân sách ở địa phương có trách nhiệm rà soát, sắp xếp, tổ chức lại bộ máy hoạt động của quỹ, chủ trì phối hợp với Sở Tài chính báo cáo Ủy ban nhân dân cấp tỉnh để giải trình với Hội đồng nhân dân cùng cấp khi có yêu cầu". Đề nghị điều chỉnh thành: "... Ủy ban nhân dân cấp tỉnh để giải trình với Thường trực Hội đồng nhân dân, Hội đồng nhân dân cùng cấp khi có yêu cầu". Lý do: hằng năm Thường trực HĐND tỉnh có tổ chức các phiên giải trình theo chuyên đề theo quy định của Luật hoạt động giám sát của Quốc hội và Hội đồng nhân dân năm 2015, nếu chỉ quy định giải trình với Hội đồng nhân dân thì các mốc thời gian khi thực hiện đo các kỳ họp của Hội đồng nhân dân có rất nhiều nội dung và theo các kỳ họp nhất định.	<i>Ý kiến tiếp thu:</i> Tiếp thu, hoàn thiện tại Dự thảo.

ĐIỀU	KHOẢN, ĐIỂM	CHỦ THỂ GÓP Ý		NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
	Đề nghị bổ sung	Bộ KHCHN	Theo quy định của Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo số 93/2023/QH15, trong lĩnh vực KH,CN&ĐMST có các quỹ được NSNN cấp kinh phí để thực hiện tài trợ, hỗ trợ thực hiện nhiệm vụ KH,CN&ĐMST (Các quỹ này được xác định rõ không phải là quỹ tài chính ngoài ngân sách nhà nước) và Quỹ để thực hiện đầu tư mạo hiểm. Để phù hợp với pháp vi quy định tại Điều 5 về quỹ tài chính ngoài ngân sách nhà nước, <u>đề nghị ghi rõ đối với các quỹ là quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách nhà nước theo quy định của pháp luật về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số thì thực hiện điều chỉnh theo quy định tại Điều này và pháp luật về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số.</u> Đồng thời, pháp luật về KHCHN&ĐMST hiện không có quy định riêng đối với việc lập, chấp hành, quyết toán, kiểm toán, công khai đối với phần vốn ngân sách nhà nước bổ trí, hỗ trợ tại các Quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách nhà nước trong lĩnh vực KH,CN&ĐMST. Do vậy, để không bị khoảng trống pháp luật, đề nghị không quy định riêng về việc lập, chấp hành, quyết toán, kiểm toán, công khai đối với phần vốn ngân sách nhà nước bổ trí, hỗ trợ tại các Quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách nhà nước trong lĩnh vực KH,CN&ĐMST theo pháp luật về KH,CN&ĐMST tại Dự thảo Nghị định.	Tiếp thu, hoàn thiện tại dự thảo
Điều 6. Quản lý nguồn tài trợ, đóng góp tự nguyện thuộc nguồn ngân sách nhà nước	Khoản 1	Bộ pháp	Điểm c Khoản 1 Điều 6 quy định "Nghiêm cấm mọi hành vi lợi dụng Tư việc tài trợ, Công góp tự nguyện để trục lợi, vi phạm pháp luật", nội dung này không phải nguyên tắc, vì vậy đề nghị chỉnh sửa cho phù hợp.	Tiếp thu, hoàn thiện tại dự thảo

ĐIỀU	KHOẢN, ĐIỂM	CHỦ THỂ GỢP Ý		NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
	Khoản 3	Điểu 1.3.3, Vĩnh Long	(1) Điểu 1.3.3: Đề nghị làm rõ cấp có thẩm quyền là cơ quan nào. (2) Vĩnh Long: Đề nghị thực hiện theo hình thức ghi thu, ghi chi nhằm đảm bảo thực hiện nhiệm vụ chi kịp thời.	<i>Ý kiến giải trình:</i> (1) Luật NSNN năm 2025 đã quy định nhiệm vụ, quyền hạn cụ thể của các cơ quan trong quyết định, điều chỉnh dự toán NSNN. Vì vậy, đề nghị giữ như dự thảo. (2) Việc bổ sung dự toán là phù hợp với quy định về thẩm quyền quyết định, điều chỉnh dự toán do nguồn tài trợ, đóng góp tự nguyện thuộc phạm vi thu NSNN. Vì vậy, đề nghị giữ như dự thảo.
Điều 7. Kinh phí hỗ trợ các tổ chức xã hội thực hiện các nhiệm vụ được Nhà nước giao		Lạng Sơn	Tại khoản 1, Điều 7 Dự thảo quy định: "... <i>Trường hợp có khoản thu gắn với nhiệm vụ chi cụ thể theo quy định của pháp luật thì được bố trí tương ứng từ các khoản thu này trong dự toán chi ngân sách để thực hiện ...</i> " Đề nghị xem xét bổ sung nội dung hướng dẫn cụ thể về việc loại trừ khoản thu gắn với nhiệm vụ chi này trong việc tính để xác định số bổ sung cân đối từ ngân sách Trung ương cho ngân sách địa phương.	<i>Ý kiến giải trình:</i> Các khoản thu được loại trừ khi xác định số bổ sung cân đối từ NSTW cho NSDP đã được quy định cụ thể tại điểm b, khoản 2 Điều 42 Luật NSNN năm 2025. Vì vậy, đề nghị giữ như dự thảo.
Điều 8. Thẩm quyền của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh về quyết định chế độ, tiêu chuẩn, định mức chi ngân sách địa phương	Khoản 1	Hải Phòng	Đề nghị phân quyền quyết định trực tiếp cho UBND cấp tỉnh để tiếp tục nâng cao, đảm bảo tính linh hoạt.	<i>Ý kiến giải trình:</i> Quy định tại dự thảo bảo đảm thống nhất với điểm b khoản 9 Điều 31 Luật NSNN năm 2025. Vì vậy, đề nghị giữ như dự thảo.
Điều 9. Sử dụng quỹ dự trữ tài chính	Khoản 3	Bộ Tài chính	Đề nghị rà soát lại quy định về thời gian tạm ứng tại Điều 9 và thời gian hoàn trả hay thời gian tạm ứng để đảm bảo phù hợp với quy định tại Luật NSNN	Tiếp thu, hoàn thiện tại Dự thảo.
Chương II. Lập dự toán NSNN				

ĐIỀU	KHOẢN, ĐIỂM	CHỦ THỂ GÓP Ý		NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
Điều 10. Lập dự toán ngân sách nhà nước tại các cơ quan thu ngân sách	Khoản 1.	Quảng Nam	Đề nghị điều chỉnh cụm từ " <i>Thuế tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương</i> " thành " <i>Thuế khu vực</i> ".	<i>Ý kiến giải trình:</i> Sửa thành " <i>Thuế tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương</i> " bảo đảm phù hợp với Quyết định số 1376/QĐ-CT ngày 30/6/2025 của Cục trưởng Cục Thuế ban hành quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Thuế tỉnh, thành phố thuộc Cục Thuế.
	Khoản 3	Bộ Tư pháp	Điều 3 Nghị định số 150/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và UBND xã, phường, đặc khu thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương quy định: " <i>Sở là cơ quan chuyên môn thuộc UBND cấp tỉnh</i> ". Do đó cơ quan chủ trì soạn thảo cần làm rõ lý do Thuế tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương phải gửi cả Sở Tài chính và UBND cấp tỉnh để đảm bảo tránh phát sinh thêm thủ tục nội bộ giữa các cơ quan.	<i>Ý kiến giải trình:</i> Việc cơ quan Thuế tỉnh lập dự toán thu NSNN gửi UBND cấp tỉnh và Sở Tài chính để biết và căn đối với dự toán thu NSNN của cơ quan thu. Do đó việc này không làm phát sinh thêm thủ tục nội bộ giữa các cơ quan
Điều 11. Lập dự toán ngân sách tại các đơn vị dự toán ngân sách và các tổ chức được ngân sách hỗ trợ.	Khoản 2.	Bộ Tư pháp, Bộ KHHCN	(1) Bộ Tư pháp: Tại dự thảo nghị định sử dụng thuật ngữ " <i>định mức kinh tế</i> ". Trong khi đó, Nghị định 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ sử dụng thuật ngữ " <i>định mức kinh tế - kỹ thuật</i> ". Đề nghị rà soát, sử dụng thống nhất. (2) Bộ KHHCN: Đây là nội dung đã được đề cập tại Luật Ngân sách nhà nước số 83/2015/QH13, quy định chi tiết tại Điều 1; Nghị định số 163/2016/NĐ-CP quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật ngân sách nhà nước với mục tiêu tập trung hướng tới hiệu quả sử dụng ngân sách nhà nước thông qua kết quả tạo ra, đơn giản hóa quy trình quản lý ngân sách nhà nước trong khâu kiểm soát chi, quyết toán chi ngân sách nhà nước. Tuy nhiên, thực tế vẫn chính sách chưa thực sự được áp dụng rộng rãi trong các lĩnh vực do quy định còn chưa rõ về cách lập dự toán, phạm vi áp dụng, quy trình thực hiện, quy trình hậu kiểm... Do vậy, đề nghị bổ sung rõ các quy định này. Đồng thời, giao Bộ Tài chính hướng dẫn chi tiết.	(1) Tiếp thu, hoàn thiện tại Dự thảo. (2) Tiếp thu, hoàn thiện tại " <i>Điều 1.3. Lập dự toán ngân sách nhà nước tại các đơn vị dự toán ngân sách</i> " dự thảo Nghị định

ĐIỀU	KHOẢN, ĐIỂM	CHỨC THỂ CỘP Y		NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
	Khoản 3.	Hà Nội	Tại khoản 3 Điều 11 dự thảo Nghị định quy định về lập dự toán ngân sách tại các đơn vị dự toán ngân sách nhà nước và tổ chức được ngân sách hỗ trợ: “Đơn vị dự toán ngân sách cấp trên trực tiếp (trước hợp không phải là đơn vị dự toán cấp 1) xem xét, tổng hợp dự toán và chịu trách nhiệm về cơ sở pháp lý, căn cứ tính toán, số liệu dự toán của các đơn vị cấp dưới trực thuộc gửi đơn vị dự toán cấp 1.” Đề nghị cơ quan soạn thảo nghiên cứu bổ sung nội dung: Trường hợp đơn vị dự toán ngân sách cấp trên đồng thời là đơn vị dự toán cấp 1: đơn vị dự toán cấp 1 xem xét, tổng hợp dự toán và chịu trách nhiệm về cơ sở pháp lý, căn cứ tính toán, số liệu dự toán của các đơn vị dự toán cấp dưới trực thuộc.	Ý kiến giải trình: Đề nghị giữ như dự thảo để đảm bảo phù hợp với quy định tại Luật NSNN số 89/2025/QĐ15 đồng thời dự thảo Nghị định cũng đã quy định cụ thể về trách nhiệm của các đơn vị dự toán ngân sách cấp trên trực tiếp và đơn vị dự toán cấp 1.
Điều 12. Lập dự toán ngân sách nhà nước, phương án phân bổ ngân sách trung ương và lập dự toán ngân sách địa phương	Khoản 2.	(1) Nam Định (2) Hà Tĩnh	(1) Tại khoản 2 Điều 12 của Dự thảo quy định về “Lập dự toán ngân sách địa phương” và tại khoản 6 Điều 30 của Dự thảo quy định về “Yêu cầu, trình tự báo cáo quyết toán ngân sách nhà nước”: đề nghị Bộ Tài chính nghiên cứu, sửa đổi trình tự lập Dự toán, Quyết toán để phù hợp với quy định của Luật Tổ chức chính quyền địa phương, Cụ thể: Tại Điều 31 Luật Tổ chức chính quyền địa phương không có nội dung quy định nhiệm vụ, quyền hạn của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh trong việc cho ý kiến về lập Dự toán, Quyết toán ngân sách địa phương. (2) Tại điểm a khoản 2 Điều 12 dự thảo quy định Sở Tài chính lập dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn, dự toán thu, chi ngân sách địa phương báo cáo UBND tỉnh. Tuy nhiên, tại điểm b khoản 4 Điều 13 và điểm b khoản 1 Điều 15 dự thảo quy định UBND tỉnh lập dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn, dự toán thu, chi ngân sách địa phương. Do đó, để đảm bảo tính thống nhất của văn bản, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo sửa nội dung trên theo hướng UBND cấp tỉnh chỉ đạo Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan xây dựng dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn, dự toán thu, chi ngân sách địa phương trình UBND tỉnh.	Ý kiến giải trình: (1) Quy định tại dự thảo bảo đảm thống nhất với Luật NSNN năm 2025. Vì vậy, đề nghị giữ như dự thảo. (2) Sở Tài chính có trách nhiệm xây dựng dự toán thu NSNN trên địa bàn, dự toán thu, chi NSDP và báo cáo UBND cấp tỉnh Vì vậy, đề nghị giữ như dự thảo.

ĐIỀU	KHOẢN, ĐIỂM	CHỨC NĂNG GÓP Ý		NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
	Đề nghị bổ sung	Bộ KH&CN	Đề nghị rà soát, sửa đổi, bổch nội dung quy định tại Điều 12 về Lập dự toán ngân sách nhà nước, trong đó quy định cụ thể: lập dự toán ngân sách trung ương và ngân sách địa phương. Đối với lĩnh vực khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số, quy định vai trò, trách nhiệm của Bộ KH&CN đảm bảo phù hợp với quy định tại Điều 28 Luật Ngân sách nhà nước sửa đổi (Bộ KH&CN chỉ thực hiện hướng dẫn, tổng hợp và đề xuất dự toán chi ngân sách nhà nước cho lĩnh vực khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số; gửi Bộ Tài chính tổng hợp, trình cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định). - Đồng thời, bổ sung Điều riêng về Phân bổ và giao dự toán ngân sách nhà nước tiếp sau Điều 12 về Lập dự toán ngân sách nhà nước. Lý do: Lập dự toán, phân bổ và giao dự toán là các bước của chu trình quản lý ngân sách nhà nước. Tại các bước này, quy trình thực hiện, chủ thể thực hiện, vai trò của các cơ quan quản lý cần được hướng dẫn cụ thể, chi tiết. Đồng thời, đảm bảo thống nhất nhiệm vụ, trách nhiệm của Bộ KH&CN tại khâu hướng dẫn, tổng hợp và đề xuất dự toán chi ngân sách nhà nước cho lĩnh vực khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số gửi Bộ Tài chính tổng hợp, trình cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định theo quy định của Điều 28 Luật Ngân sách nhà nước.	Tiếp thu, đã biên cập lại tại điều 14 dự thảo Nghị định
Điều 13. Thời gian hướng dẫn lập, xây dựng, tổng hợp, quyết định và giao dự toán ngân sách nhà nước	Khoản 2.	Hải Phòng	Tại Khoản 2 Điều 13 dự thảo Nghị định quy định: “<i>Trước ngày 01 tháng 6 hàng năm, Bộ Tài chính ban hành văn bản hướng dẫn về xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, dự toán ngân sách nhà nước năm sau</i>”. Nội dung về mốc thời gian nêu trên hiện được dự thảo tương tự quy định tại Khoản 2, khoản 3 Điều 22 Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật NSNN năm 2015; tuy nhiên, do các yếu tố khách quan, Thông tư hướng dẫn xây dựng dự toán thời gian qua thường được ban hành vào tháng 7 hàng năm; vì vậy, đề nghị Bộ Tài chính căn cứ tình hình thực tế dự kiến mốc thời gian quy định tại Nghị định đảm bảo phù hợp với thực tiễn và việc triển khai thực hiện.	Ý kiến giải trình: Từ năm ngân sách 2027, Bộ Tài chính ban hành văn bản hướng dẫn xây dựng dự toán NSNN (không ban hành Thông tư). Do đó, thời hạn ban hành văn bản hướng dẫn dự toán NSNN sẽ được đảm bảo do không còn các thủ tục hành chính liên quan đến ban hành văn bản quy phạm pháp luật

ĐIỀU	KHOẢN, ĐIỂM	CHỦ THỂ GÓP Ý		NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
	Khoản 3.	Hà Tĩnh	Tại điểm b khoản 3 Điều 13 dự thảo sử dụng cụm từ "ngân sách tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương", trong khi tại một số điều khoản khác như khoản 5 Điều 3, khoản 6 Điều 30 lại sử dụng cụm từ "ngân sách cấp tỉnh". Do đó, đề nghị Bộ Tài chính xem xét sử dụng cụm từ thống nhất trong dự thảo.	Tiếp thu, hoặc điều chỉnh tại Dự thảo.
	Khoản 4.	Hải Phòng, Bộ Tư pháp	(1) Hải phòng: Tại điểm b khoản 4 Điều 13 dự thảo Nghị định quy định: "<i>Trước ngày 10 tháng 7 hàng năm: b) Ủy ban nhân dân cấp tỉnh lập, tổng hợp dự toán ngân sách địa phương năm sau gửi Bộ Tài chính...</i>" Tuy nhiên, tại điểm d khoản 2 Điều 45 dự thảo Nghị định quy định: "<i>Trước ngày 20 tháng 7 năm thứ năm của kế hoạch tài chính 05 năm giai đoạn trước, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hoàn thiện kế hoạch tài chính 05 năm của địa phương, gửi Bộ Tài chính cùng với tài liệu về dự toán ngân sách nhà nước hằng năm.</i>" Quy định tại điểm c khoản 4 Điều 13 và điểm d khoản 2 Điều 45 dự thảo Nghị định chưa thống nhất về mốc thời gian, đề nghị Bộ Tài chính điều chỉnh mốc thời gian quy định tại điểm b khoản 4 Điều 13 dự thảo từ "<i>Trước ngày 10 tháng 7 hàng năm</i>" thành "<i>Trước ngày 20 tháng 7 hàng năm</i>" để đảm bảo tính thống nhất tại các Điều, khoản có liên quan quy định tại Nghị định. (2) Bộ Tư pháp: Đề nghị Bộ Tài chính phối hợp với Bộ KHCN để đảm bảo phân định rõ trình tự, thủ tục lập dự toán, phân bổ đối với phân chi KHCN, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số. Việc lập, phân bổ dự toán phải theo quy định chung của dự thảo Nghị định này hay theo quy định riêng của dự thảo Nghị định quy định về đầu tư và cơ chế tài chính đối với hoạt động khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo	Ý kiến giải trình: (1) Hoàn thiện tại điểm d khoản 2 Điều 45: "Trước ngày 10 tháng 7 năm thứ năm của kế hoạch...". (2) Theo Điều 28 Luật NSNN năm 2025, Bộ KHCN có nhiệm vụ, quyền hạn quyết định hoặc trình cấp có thẩm quyền ban hành chế độ, tiêu chuẩn, định mức chi ngân sách đối với lĩnh vực khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số; hướng dẫn, tổng hợp và đề xuất dự toán chi ngân sách nhà nước cho lĩnh vực khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số (bao gồm chi đầu tư phát triển và chi thường xuyên) của các cơ quan trung ương và các địa phương; gửi Bộ Tài chính tổng hợp, trình cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định. Vì vậy, đối với dự toán, phân bổ lĩnh vực khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số thực hiện theo Nghị định do Bộ KHCN quy định, đảm bảo phù hợp với chủ trương của Đảng và pháp luật của Nhà nước.

ĐIỀU	KHOẢN, ĐIỂM	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
	Khoản 11.	Thành Hóa	Khoản 11 Điều 13 quy định thời gian hướng dẫn lập, xây dựng, tổng hợp, quyết định và giao dự toán ngân sách nhà nước: “<i>Căn cứ quyết định giao dự toán ngân sách của Thủ tướng Chính phủ, Bộ Tài chính, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trình Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định dự toán ngân sách địa phương, phương án phân bổ dự toán ngân sách cấp tỉnh, mức bổ sung từ ngân sách cấp tỉnh cho ngân sách cấp xã và tỷ lệ phần trăm (%) phân chia giữa các khoản thu giữa ngân sách cấp tỉnh và ngân sách cấp xã (trước ngày 10 tháng 12 năm trước)</i>” Như vậy, có thể hiểu việc quy định tỷ lệ phần trăm (%) phân chia giữa các khoản thu giữa ngân sách cấp tỉnh và ngân sách cấp xã được quyết định theo từng năm ngân sách. Để đảm bảo tỷ lệ phân chia các khoản thu giữa ngân sách tỉnh và ngân sách xã được ổn định, lâu dài, tạo tính chủ động cho ngân sách các cấp của địa phương, đề nghị Bộ Tài chính nghiên cứu, xem xét, điều chỉnh theo hướng giao UBND tỉnh trình HĐND cùng cấp quyết định tỷ lệ phần trăm (%) phân chia giữa các khoản thu giữa ngân sách cấp tỉnh và ngân sách cấp xã theo hướng ổn định trong từng thời kỳ; trong trường hợp có biến động lớn về số thu, chi ngân sách nhà nước giữa các địa phương cần phải điều chỉnh tỷ lệ phân chia các khoản thu thì mới điều chỉnh lại tỷ lệ cho phù hợp với các chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước trong từng thời kỳ về phát triển kinh tế - xã hội.
	Khoản 12.	Hà Tĩnh	Tại khoản 12 Điều 13 quy định: “Căn cứ quyết định giao dự toán ngân sách của UBND cấp tỉnh, UBND xã trình HĐND cùng cấp quyết định dự toán thu, chi ngân sách xã, UBND xã quyết định giao dự toán thu, chi ngân sách cho từng cơ quan, đơn vị...”. Tuy nhiên, theo quy định của Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025 thì đơn vị hành chính cấp xã bao gồm xã, phường và đặc khu trực thuộc cấp tỉnh. Do đó, đề nghị sửa nội dung trên thành UBND cấp xã để đảm bảo đầy đủ.

Ý kiến giải trình:

Khoản 3 Điều 36 Luật NSNN tỷ lệ phân bổ theo

Tại Điều 41 Luật NSNN năm 2025 đã quy định HĐND cấp tỉnh quyết định phân cấp cụ thể nguồn thu, tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu và nhiệm vụ chi giữa ngân sách cấp tỉnh và ngân sách cấp xã phù hợp với phân cấp nhiệm vụ kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh đối với từng lĩnh vực và đặc điểm kinh tế, địa lý, dân cư, khả năng quản lý của từng địa phương. Theo đó, việc này thuộc thẩm quyền của HĐND cấp tỉnh.

Vì vậy, đề nghị giữ như dự thảo.

Tiếp thu, hoàn thiện tại Dự thảo.

ĐIỀU	KHOẢN, ĐIỂM	CHỦ THỂ GÓP Ý		NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
	Khoản 13.	(1) Hà Tĩnh (2) Quảng Ngãi	(1) Đề nghị Bộ Tài chính sửa đổi thành: “Trước ngày 10 tháng 01 năm tiếp kế, các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan khác ở Trung ương, Ủy ban nhân dân các cấp phải hoàn thành việc giao dự toán ngân sách cho từng cơ quan, đơn vị trực thuộc và Ủy ban nhân dân cấp dưới, trừ trường hợp quy định tại Điều 14 của Nghị định này”. (2) Về hướng dẫn lập, xây dựng, tổng hợp, quyết định và giao dự toán ngân sách nhà nước quy định tại Điều 13 thống nhất như dự thảo. Tuy nhiên, đến với năm 2026 đề nghị Bộ Tài chính có hướng dẫn cụ thể về lập, xây dựng dự toán ngân sách địa phương cho phù hợp với tình hình thực tế đang xây dựng mô hình tổ chức chính quyền 02 cấp và cấp tỉnh.	<i>Ý kiến giải trình:</i> (1) Do nội dung này đã được quy định tại Khoản 8 Điều 46 Luật NSNN số 89/2025/QH15. (2) Quy định này đảm bảo thống nhất với Luật NSNN, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 56/2025/TT-BTC ngày 25/6/2025 về hướng dẫn xây dựng dự toán năm 2026.
Điều 15. Trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị trong việc lập dự toán ngân sách, phương án phân bổ dự toán ngân sách	Khoản 1.	Bình Thuận	Đối với nội dung tại điểm b khoản 1 Điều 15 dự thảo Nghị định, đề nghị Bộ Tài chính xem xét, điều chỉnh chi gửi báo cáo cho Thường trực HĐND tỉnh vì thời gian làm dự toán với Bộ Tài chính khá gấp nên cho Thường trực HĐND tỉnh có ý kiến xong mới gửi Bộ Tài chính thì không kịp thời gian thảo luận dự toán với Bộ Tài chính.	<i>Ý kiến giải trình:</i> Quy định tại dự thảo bảo đảm thống nhất với Luật NSNN năm 2025. Vì vậy, đề nghị giữ như dự thảo.

ĐIỀU	KHOẢN, ĐIỂM	CHỮ THỂ GÓP Ý		NỘI DUNG TIẾP THEO, GIẢI TRÌNH
	Khoản 1.	Đặc Lặc	Tại điểm c khoản 1 Điều 15 của dự thảo Ngh; định quy định về Trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị trong việc lập dự toán ngân sách, phân bổ và phân bổ dự toán ngân sách của Ủy ban nhân dân các cấp: Đề nghị điều chỉnh, bổ sung như sau: "Căn cứ dự toán thu, chi ngân sách được cấp trên giao, trình Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định dự toán ngân sách địa phương và phương án phân bổ ngân sách cấp mình (trường hợp được cấp trên giao bổ sung dự toán trong năm, Ủy ban nhân dân cấp dưới hoàn thành việc phân bổ và giao dự toán theo quy định, báo cáo Hội đồng nhân dân cùng cấp tại kỳ họp đầu nhất về việc quyết định giao dự toán bổ sung). Ủy ban nhân dân cấp tỉnh gửi Sở Tài chính, Ủy ban nhân dân cấp xã gửi Sở Tài chính và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh dự toán ngân sách đã được Hội đồng nhân dân quyết định và kết quả phân bổ dự toán ngân sách cấp mình đã được Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định". Lý do: - Bổ sung quy định thẩm quyền phân bổ dự toán đối với các khoản kinh phí được ngân sách cấp trên bổ sung có mục tiêu ngoài dự toán, giao đầu năm theo hướng đầy mạnh phân cấp, phân quyền. - Đảm bảo theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 52 của dự thảo Luật Ngân sách nhà nước (sửa đổi) quy định về Yêu cầu và thời hạn về phân bổ và giao dự toán ngân sách nhà nước.	<i>Ý kiến giải trình:</i> Điểm b khoản 2 Điều 52 Luật NSNN năm 2025 đã quy định cụ thể về thời hạn phân bổ và giao dự toán NSNN bổ sung. Vì vậy, đề nghị giữ như dự thảo.
	Khoản 2.	(1) Cao Bằng, Vĩnh Phúc (2) Đà Nẵng	(1) Đề nghị sửa đổi như sau: "Sở Tài chính phối hợp với Chi cục Thuế khu vực, Ban Kinh tế - ngân sách HĐND tỉnh và các cơ quan có liên quan..."; "Sở Tài chính phối hợp với cơ quan Thuế cấp tỉnh, thành phố..." (2) Đề nghị điều chỉnh theo hướng chỉ thực hiện trong trường hợp cần thiết do số lượng đầu mối ngân sách cấp xã là rất lớn.	<i>Ý kiến giải trình:</i> (1) Quy định tại dự thảo bảo đảm phù hợp với Quyết định số 1376/QĐ-CT ngày 30/6/2025 của Cục trưởng Cục Thuế ban hành quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Thuế tỉnh, thành phố thuộc Cục Thuế. Đồng thời, Sở Tài chính phối hợp với các cơ quan có liên quan, bao gồm cả Ban Kinh tế - ngân sách HĐND tỉnh (nếu cần thiết) để tổ chức thảo luận dự toán. Vì vậy, đề nghị giữ như dự thảo. (2) Dự thảo quy định được thẩm luận phù hợp với tình hình thực tế tại địa phương. Vì vậy, đề nghị giữ như dự thảo.

ĐIỀU	KHOẢN, CHỮ THẺ ĐIỂM GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
	Khoản 3. Hà Nội, Bộ Tư pháp	(1) Hà Nội: Tại khoản 3 quy định về trách nhiệm của cơ quan nhà nước trung ương và địa phương: Đề nghị cơ quan soạn thảo nghiên cứu bổ sung trách nhiệm của tổ chức chính trị, cơ quan Mặt trận Tổ quốc và đơn vị sự nghiệp công lập trong việc lập dự toán ngân sách để đảm bảo bao quát đầy đủ các đối tượng. (2) Bộ Tư pháp: Điểm a khoản 3 Điều 15 dự thảo Nghị định quy định về trách nhiệm xây dựng danh mục, chế độ, tiêu chuẩn chi NSNN là chưa phù hợp với toàn bộ nội dung cũng như tiêu đề của Điều 15
	Đề nghị bổ sung Hà Nội	Đề nghị cơ quan soạn thảo nghiên cứu bổ sung nội dung quy định trách nhiệm của cơ quan khoa học và công nghệ các cấp trong việc hướng dẫn, tổng hợp và đề xuất dự toán chi ngân sách nhà nước cho lĩnh vực khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số (hoặc KHCN tại địa phương thực hiện theo phân cấp địa phương và do Chủ tịch UBND cấp tỉnh quy định, gửi cơ quan tài chính tổng hợp trình cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định. <i>Ý kiến giải trình:</i> Đề nghị giữ như dự thảo. Dự KHCN đã được quy định, cơ quan

ĐIỀU	KHOẢN, ĐIỂM	CHỮ THỂ GÓP Ý		NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
Chương III. Chấp hành NSNN				
Điều 17: Phân bổ và giao dự toán ngân sách nhà nước cho các đơn vị sử dụng ngân sách	Khoản 1.	Bộ Xây dựng	Tại điểm c khoản 1 Điều 17 đề nghị sửa cụm từ: "... khoản 6 Điều 9 Luật Ngân sách nhà nước", thành "... khoản 5 Điều 9 Luật Ngân sách nhà nước".	Ý kiến giải trình: Quy định như dự thảo luật là đúng, do khoản 6 Điều 9 Luật NSNN quy định về trường hợp cơ quan quản lý nhà nước thuộc ngân sách cấp trên ủy quyền cho cơ quan quản lý nhà nước thuộc ngân sách cấp dưới thực hiện nhiệm vụ chi của mình. Khoản 5 Điều 9 Luật NSNN quy định đối với trường hợp các đơn vị cấp trên quản lý đồng trên địa bàn khi thực hiện chức năng của mình, kết hợp thực hiện một số nhiệm vụ theo yêu cầu của cấp dưới
Điều 18: Tổ chức thu ngân sách nhà nước		Bộ pháp	Bổ sung nội dung quy định về tổ chức thu NSNN đối với các khoản đóng góp tự nguyện của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước	Tiếp thu, quy định tại Điều 7 dự thảo Nghị định
Điều 19: Tổ chức chi ngân sách nhà nước	Khoản 1.	(1) Lạng Sơn (2) Ngân hàng Nhà nước (3) Bộ Tư pháp	(1) Tại khoản 1 Điều 19 dự thảo Nghị định quy định: "...Các nhiệm vụ chi phát sinh thường xuyên phải chia đều trong năm để chi;...", Đề nghị xem xét bổ sung nội dung "Giao Bộ Tài chính hướng dẫn cụ thể nội dung này" để hướng dẫn cụ thể nhiệm vụ chi phát sinh thường xuyên, gồm những nhiệm vụ gì, do thực tế trong tổ chức chi ngân sách có nhiều nhiệm vụ được thực hiện ngay từ những tháng đầu năm. (2) đề nghị làm rõ nguyên tắc "chia đều" đối với các nhiệm vụ chi thường xuyên trong năm để đảm bảo tính thống nhất khi thực hiện. (3) đề nghị làm rõ nhiệm vụ chi thường xuyên phải "chia đều"	Ý kiến giải trình: (1) (2) Không tiếp thu. Khoản 10 Điều 19 dự thảo Nghị định đã quy định giao Bộ Tài chính quy định chi tiết. (3) Các nhiệm vụ chi thường xuyên được chia đều là nhiệm vụ chi hàng tháng với số tiền tương đương nhau, ví dụ như các khoản về lương, duy trì hoạt động của cơ quan,... Vì vậy đề nghị giữ như dự thảo

ĐIỀU	KHOẢN, ĐIỂM	CHÚ THÍCH GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH	
	Khoản 3	Đỗ Khắc Lãm, Đỗ Năng	(1) Đề nghị điều chỉnh, bổ sung khoản 3 thành: "Cơ quan tài chính có ý kiến đồng ý làm cho phép việc tạm cấp kinh phí của các đơn vị dự toán để Khu vực Nhà nước thực hiện. Trên cơ sở đề nghị tạm cấp của các đơn vị, Khu vực Nhà nước có trách nhiệm thực hiện tạm cấp cho các nhiệm vụ chi không thể trì hoãn đảm bảo theo quy định tại Điều 53 Luật Ngân sách Nhà nước và thực hiện thu hồi tạm cấp ngân sách sau khi dự toán ngân sách được cấp có thẩm quyền phê duyệt" (2) Đề nghị điều chỉnh, bổ sung khoản 3 thành: "3. Việc tạm cấp kinh phí thực hiện theo quy định tại Điều 53 của Luật NSNN. Căn cứ đề nghị tạm cấp của UVSĐNS cho các nhiệm vụ chi không thể trì hoãn được, Khu vực Nhà nước thực hiện tạm cấp dự toán theo quy định và thu hồi tạm cấp ngân sách sau khi dự toán ngân sách được cấp có thẩm quyền phê duyệt"	Ý kiến tiếp thu: sửa đổi như sau. "Căn cứ đề nghị tạm cấp của đơn vị sử dụng ngân sách, cơ quan tài chính, Khu vực Nhà nước quyết định tạm cấp ngân sách cho các nhiệm vụ chi lương, các khoản có tính chất tiền lương và chi nghiệp vụ phí, công vụ phí quy định tại điểm a và điểm b khoản 2 Điều 53 Luật Ngân sách nhà nước"
Điều 20: Tổ chức điều hành ngân sách nhà nước	Khoản 1.	Hà Tĩnh	Tại điểm b khoản 1 Điều 20 quy định: "Trùng hợp sau khi tạm ứng từ các nguồn này còn thiếu nguồn, UBND cấp tỉnh đề nghị Bộ Tài chính tạm ứng từ quỹ dự trữ tài chính trung ương và ngân sách trung ương". Tuy nhiên, tại điểm a khoản 3 Điều 9 dự thảo quy định thẩm quyền quyết định tạm ứng của quỹ ngân sách cấp tỉnh từ quỹ dự trữ tài chính trung ương thuộc Bộ trưởng Bộ Tài chính mà không phải là Bộ Tài chính. Do đó, đề nghị Bộ Tài chính sửa nội dung trên để đảm bảo thống nhất trong dự thảo.	Ý kiến giải trình: do Bộ trưởng là người đại diện cho Bộ Tài chính trong việc quyết định tạm ứng từ Quỹ dự trữ; còn việc đề nghị là UBND phải đề nghị Bộ Tài chính.
Điều 21: Nguyên tắc, tiêu chí và điều kiện ứng trước dự toán ngân sách năm sau	Khoản 2.	Đỗ Khắc Lãm	Tại điểm b khoản 2, đề nghị sửa thành: "Nhiệm vụ chi quan trọng, cấp bách về quốc phòng, an ninh, khắc phục thiên tai, thảm họa, dịch bệnh, các chính sách an sinh xã hội và các nhiệm vụ quan trọng, cấp bách khác theo quy định của cấp có thẩm quyền quyết định ứng trước". Việc sử dụng vốn từ này giúp làm rõ thẩm quyền pháp lý trong các trường hợp cần ứng trước kinh phí (cho các nhiệm vụ quan trọng, cấp bách khác), đảm bảo tính minh bạch, chặt chẽ.	Ý kiến giải trình: Không tiếp thu. Khoản 1, Điều 21 dự thảo Nghị định đã quy định rõ về thẩm quyền cho phép ứng trước dự toán năm sau

ĐIỀU	KHOẢN, ĐIỂM	CHỦ THỂ GÓP Ý		NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
			(1) Thanh Hoá: Đề nghị sửa đổi điểm d khoản 2 thành " <i>d) Tổng chỉ dẫn tư liệu từ dự án</i> " Lý do: Tại khoản 9 Điều 4 Luật NSNN năm 2025 sửa đổi quy định nguyên tắc quản lý ngân sách nhà nước. " <i>Việc quyết định đầu tư và chi đầu tư chương trình, nhiệm vụ, dự án có sử dụng vốn ngân sách nhà nước phải phù hợp với Luật Đầu tư công và quy định của pháp luật có liên quan</i> ". Đồng thời, tại khoản 4 Điều 61 quy định: " <i>Trường hợp phân bổ cho các chương trình, nhiệm vụ, dự án ngoài kế hoạch đầu tư công trung hạn từ nguồn tài trợ so với dự toán, dự toán chỉ còn lại của cấp ngân sách theo quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều này thực hiện theo quy định của Chính phủ</i> ." Mặt khác, Luật Đầu tư công năm 2024 chỉ quy định chi phí phân loại dự án quan trọng quốc gia, dự án đầu tư công cấp bách; không quy định cụ thể về " <i>dự án chiến lược</i> ". Vì vậy, đề nghị Bộ Tài chính xem xét, nghiên cứu, sửa đổi cho phù hợp với quy định nêu trên (2) Vĩnh Phúc: Đề nghị bổ sung điểm e) Các nhiệm vụ phát sinh chưa được dự toán (3) Bộ Xây dựng: Đề nghị sắp xếp lại thứ tự theo các nhiệm vụ ưu tiên (4) Quảng Ngãi: đề nghị điều chỉnh thành " <i>d) Tổng chỉ dẫn tư cho một số dự án quan trọng quốc gia, dự án cấp bách, có ý nghĩa chiến lược đối với phát triển kinh tế - xã hội của đất nước và phù hợp với định hướng, mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của từng địa phương</i> ;"	<i>Ý kiến tiếp thu:</i> (1) (4) đã rà soát, sửa theo hướng được đề cập. Luật để đảm bảo nhất quán. <i>Ý kiến giải trình:</i> (2) Do Luật không quy định. (3) Do Luật không quy định, thủ tục ưu tiên
			(1) Đắk Lắk: Tại điểm b khoản 3, đề nghị sửa: " <i>Đối với ngân sách địa phương: Trước ngày 28 tháng 02, cơ quan tài chính địa phương ... báo cáo Thường trực HĐND quyết định và Hội đồng nhân dân cùng cấp tại kỳ họp gần nhất</i> ". (2) Thanh Hóa: sửa thành " <i>Đối với ngân sách địa phương. Trước ngày 10 tháng 3, ...</i> ". (3) Hà Tĩnh: Tại Khoản 2 Điều 29 chỉ cho phép chuyển nguồn nếu đã có phương án sử dụng được cấp có thẩm quyền quyết định sử dụng vào năm sau, không phù hợp với điểm b khoản 3 Điều 24. (4) Vĩnh Phúc: Đề nghị sửa lại điểm b như sau: " <i>Đối với NSDP: ... báo cáo Thường trực Hội đồng nhân dân cùng cấp kết quả thực hiện, báo cáo Hội đồng nhân dân cùng cấp lại kỳ họp gần nhất</i> ." để phù hợp quy định tại Khoản 2, Điều 61 Luật NSNN. (5) Đà Nẵng: Đề nghị xem xét điều chỉnh điểm b; " <i>b) Đối với, NSDP: Trước ngày 20 tháng 02 (đối với ngân sách cấp xã), trước ngày 31/3 (đối với ngân sách cấp tỉnh), cơ quan tài chính ...</i> "	<i>Ý kiến giải trình:</i> (1) (2) (5) Tiếp thu. Sửa thống nhất với cấp NSTW là 28/2 (3) Khoản 2 Điều 29 quy định đối với các khoản tăng thu, dự toán chỉ còn lại được cấp thẩm quyền quyết định phân bổ thì được chuyển nguồn, còn điểm b Điều này quy định trình tự thực hiện việc sử dụng tăng thu, dự toán còn lại, không mâu thuẫn. (4) Tiếp thu, hoàn thiện tại dự thảo

ĐIỀU	KHOẢN, ĐIỂM	CHỦ YẾU GÓP Ý		NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
	Khoản 4.	Hà Tĩnh	Tại điểm b dự thảo quy định "UBND cấp tỉnh, UBND cấp xã quyết định ứng trước dự toán ngân sách năm sau của cấp mình; báo cáo Thường trực HĐND, báo cáo HĐND cùng cấp cùng với báo cáo tình hình thực hiện ngân sách năm". Tuy nhiên, để đảm bảo chặt chẽ, tạo thuận lợi trong quá trình thi hành Nghị định, đồng thời thống nhất với quy định tại điểm a khoản này, đề nghị xem xét bổ sung nội dung cơ quan tài chính chủ trì trình UBND cùng cấp quyết định việc ứng trước dự toán ngân sách năm sau của cấp mình.	Ý kiến giải trình: Quy định giao UBND các cấp quyết định là phù hợp, cơ quan tài chính có trách nhiệm tham mưu theo quy định. Vì vậy, đề nghị giữ như dự thảo.
	Khoản 4.	Hà Tĩnh, Quảng Ngãi	(1) Hà Tĩnh: Tại điểm d khoản 4 và khoản 6 Điều 24 cũng quy định nội dung giao UBND cấp tỉnh trình HĐND cùng cấp quy định việc thường vượt thu so với dự toán từ các khoản thu phân chia giữa ngân sách cấp tỉnh và ngân sách cấp xã. Do đó, đề nghị Bộ Tài chính xem xét sửa nội dung này để tránh trùng lặp; (2) Quảng Ngãi: Đối với thương thuế xuất, nhập khẩu qua biên giới đất liền quy định tại điểm b khoản 4 Điều 24 là chưa phù hợp với thực tế, đề nghị không phân biệt qua biên giới đất liền hay là cảng biển.	Ý kiến tiếp thu: (1) Bổ khoản 6 Điều 24 để tránh trùng lặp với điểm d khoản 4 Điều 24. Ý kiến giải trình: (2) Quy định tại dự thảo báo đảm đúng nhất với khoản 3 Điều 61 Luật NSNN năm 2025. Vì vậy, đề nghị giữ như dự thảo.
Điều 23. Sử dụng dự phòng ngân sách nhà nước	Khoản 1.	Vĩnh Long	(1) Đề nghị quy định cụ thể nội dung chi được quy định tại điểm a khoản 2 Điều 10 Luật NSNN (2) Đề nghị hướng dẫn cụ thể các nhiệm vụ chi từ nguồn dự phòng NSNN để chi các nhiệm vụ cần thiết khác.	Ý kiến giải trình: (1) Dự thảo Nghị định đã quy định theo hướng tham chiếu các nội dung chi từ dự phòng theo khoản 2, khoản 3 Điều 10 Luật NSNN, do đó không quy định chi tiết tại Nghị định. (2) Quy định như trên để các địa phương chủ động, linh hoạt trong quản lý, điều hành NSDP. Vì vậy, đề nghị giữ như dự thảo.
Điều 24. Xử lý tăng, giảm thu, chi so với dự toán trong quá trình chấp hành ngân sách nhà nước	Khoản 1.	Hà Nội	Hà Nội: Đề nghị cơ quan soạn thảo làm rõ "quyết định bổ sung dự toán số tăng thu ngân sách" vì nếu bổ sung dự toán số tăng thu này vào dự toán thì sẽ không thi hiện được số tăng thu dự toán so với số thực hiện dự toán	(1) Ý kiến giải trình: Sửa trong dự thảo Nghị định như sau: "1. Đối với ngân sách trung ương" Trước ngày 28 tháng 2 hằng năm, Bộ Tài chính chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan tổng hợp, xây dựng phương án sử dụng số thu vượt dự toán và dự toán chi còn lại của ngân sách trung ương năm trước, trình Chính phủ xem xét, quyết định và báo cáo Ủy ban Thường vụ Quốc hội kết quả thực hiện, đồng thời báo cáo Quốc hội tại kỳ họp gần nhất"

ĐIỀU	KHOẢN, ĐIỂM	CHỮ TÊN GÓP Ý		NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
	Khoản 3	Thái Nguyên, Thanh Hóa, Đà Nẵng, Quảng Ngãi, Đắk Lắk, Khánh Hòa	(1) Do thời điểm ngày 10/02 hết số năm sẽ vào thời gian nghỉ Tết Nguyên đán. Vì vậy, đề nghị sửa đổi như sau: "b) Đối với ngân sách địa phương: Trước ngày 28 tháng 2 năm sau, cơ quan tài chính,...". (2) Đề nghị chỉ báo cáo HĐND do Thường trực HĐND cũng thuộc HĐND. (3) Xem xét bổ sung quy định trách nhiệm của Kho bạc Nhà nước và thời gian chốt: nhất Kho bạc Nhà nước hoàn thành việc chuyển số dự toán sang năm sau và gửi cơ quan tài chính để phối hợp chuyển nguồn ngân sách. (4) Bổ sung quy định thẩm quyền UBND các cấp được phép điều chỉnh phương án sử dụng số tăng thu và dự toán chi còn lại của cấp ngân sách.	<i>Ý kiến giải trình:</i> (1) Tiếp thu, hoàn thiện dự thảo. (2) Quy định tại dự thảo báo cáo thống nhất với khoản 2 Điều 61 Luật NSNN năm 2025. Vì vậy, đề nghị giữ như dự thảo. (3) Dự thảo nghị định quy định về dự toán chi còn lại của cấp ngân sách, không phải dự toán chi còn lại của cơ quan, đơn vị. Vì vậy, đề nghị giữ như dự thảo. (4) Luật NSNN năm 2025 quy định UBND quyết định sử dụng số tăng thu so với dự toán, dự toán chi còn lại của NSDP, như vậy, việc này thuộc thẩm quyền UBND các cấp.
	Đề nghị bổ sung	Bộ Tài chính	Điều này chủ yếu tập trung về sử dụng nguồn thu vượt dự toán (sử dụng số tăng thu) mà chưa quy định về quy trình, thủ tục giao bổ sung chỉ tiêu thu NSNN khi các cơ quan, đơn vị thực hiện chi vượt so với dự toán đã được cấp có thẩm quyền giao. Do đó cơ quan chủ trì soạn thảo cần nghiên cứu, bổ sung quy định này	<i>Ý kiến giải trình:</i> Dự thảo Nghị định quy định tại Điều 26 về Phân bổ sử dụng nguồn tăng thu so với dự toán, dự toán chi còn lại của cấp ngân sách; Nghị định quy định về quy trình, thủ tục giao bổ sung chỉ tiêu thu thực hiện theo quy định của Luật NSNN

ĐIỀU	KHOẢN, ĐỀ	CHỦ THỂ GÓP Ý		NỘI DUNG TIẾP THEO, GIẢI TRÌNH
Điều 25. Quy định trình tự, thủ tục phân bổ vốn cho các chương trình, nhiệm vụ, dự án ngoài kế hoạch đầu tư công trung hạn	Khoản 2.	(1) Vĩnh Phúc (2) Lạng Sơn	(1) Đề nghị Ủy Ban Tài chính làm rõ đoạn sau: "Căn cứ quyết định của Chính phủ (đối với ngân sách trung ương), Ủy ban nhân dân (đối với ngân sách địa phương) quyết định phân bổ vốn cho cơ quan, đơn vị và địa phương cấp dưới theo tổng mức hoặc chi tiết từng chương trình, nhiệm vụ, dự án" (2) Do các nhiệm vụ, dự án ngoài kế hoạch đầu tư công trung hạn được bổ sung từ nguồn tăng thu, tiết kiệm chi và dự phòng NSNN (không sử dụng vốn đầu tư công), không phù hợp với phạm vi điều chỉnh tại Điều 1 và khoản 8 Điều 4 Luật Đầu tư công năm 2024. Vì vậy đề nghị sửa đổi như sau: "Trình tự, thủ tục đầu tư, quyết định chủ trương đầu tư, quyết định đầu tư và tổ chức thực hiện chương trình, nhiệm vụ, dự án được hiện theo quy định của pháp luật về xây dựng/pháp luật chuyên ngành có liên quan".	<i>Ý kiến giải trình:</i> (1) Tiếp thu, hoàn thiện tại dự thảo (2) Tại khoản 24 Điều 4 Luật Đầu tư công năm 2024: "24. Vốn đầu tư công bao gồm vốn NSNN chi cho đầu tư công;..."; theo đó, vốn đầu tư công bao gồm cả nguồn tăng thu so với dự toán, dự toán chi còn lại của cấp ngân sách, dự phòng NSNN. Vì vậy, đề nghị giữ như dự thảo.
	Đề nghị bổ sung	Ngân hàng nhà nước	Đề nghị xem xét, bổ sung quy định về mối quan hệ giữa NSNN và tạm ứng từ dự trữ ngoại hối nhà nước để giải quyết các vướng mắc: (i) các khoản sử dụng DTNNNN có mục đích đáp ứng nhu cầu đột xuất, cấp bách về đầu tư phát triển, xoá đói, giảm nghèo ... thực hiện theo các Quyết định của Thủ tướng Chính phủ, đều thuộc nhiệm vụ chi của NSNN, trong khi đó, Quỹ DTNNNN được tạo nên từ nguồn ngoại tệ do NNNN mua được bằng tiền trong ứng nên xét về bản chất, đây là việc sử dụng tiếp phát hành để tạm ứng cho NSNN thực hiện các nhiệm vụ chi của NSNN; (ii) Việc sử dụng DTNNNN để thực hiện các nhiệm vụ chi của NSNN mà không được cân đối, phản ánh vào NSNN trong một thời gian dài đã làm ảnh hưởng đến tính minh bạch trong hoạch định và thực thi giữa chính sách tiền tệ và chính sách tài khoá.	<i>Ý kiến giải trình:</i> Không tiếp thu Khoản 1 Điều 60 Luật NSNN quy định trường hợp quỹ ngân sách trung ương thiếu hụt tạm thời thì được tạm ứng từ quỹ dự trữ tài chính trung ương, NNNN và các nguồn tài chính hợp pháp khác để xử lý; nền quỹ dự trữ tài chính, ngân quỹ nhà nước và các nguồn tài chính hợp pháp khác không đáp ứng được thì Ngân hàng Nhà nước Việt Nam tạm ứng cho NSTW theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ. Việc tạm ứng từ Ngân hàng Nhà nước Việt Nam phải được hoàn trả trong năm ngân sách, tại trường hợp đặc biệt do Ủy ban Thường vụ Quốc hội quyết định. Vì vậy, đã có quy định về mối quan hệ giữa NSNN và Ngân hàng nhà nước (bao gồm dự trữ ngoại hối).

ĐIỀU	KHOẢN, ĐIỂM	CHỮ TIẾ GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
Chương IV. Kế toán và quyết toán NSNN			
Điều 28. Khóa sổ kế toán và xử lý thu, chi ngân sách nhà nước cuối năm	Khoản 3.	Hà Nội.	Đề nghị cơ quan soạn thảo nghiên cứu bổ sung nội dung các cơ quan, tổ chức, đơn vị được thực hiện chỉ trong thời gian chính lý quyết toán bao gồm chi sử dụng kinh phí quản lý hành chính tiết kiệm: được đối với cơ quan hành chính và phân phối kết quả tái chính trong năm đối với đơn vị sự nghiệp công lập từ nguồn ngân sách nhà nước do việc xác định kinh phí tiết kiệm được chỉ thực hiện sau khi đơn vị hoàn thành các nhiệm vụ thu chi trong năm <i>Ý kiến tiếp thu:</i> Bổ sung thêm điểm c vào khoản 2 Điều 28 dự thảo Nghị định như sau: <i>c) Được chi từ số tiết kiệm kinh phí quản lý hành chính đối với cơ quan hành chính và phân phối kết quả tái chính trong năm đối với đơn vị sự nghiệp công lập từ nguồn ngân sách nhà nước</i> Đồng thời, chuyển điểm c dự thảo Nghị định thành thành điểm d
Điều 29. Chuyển nguồn ngân sách từ năm trước sang năm sau	Khoản 1.	Đắk Lắk. Đề nghị bỏ nội dung quy định tại điểm n) "Số dư tài khoản tiền gửi các khoản ngân sách cấp cho các nhiệm vụ chi được chuyển nguồn sang năm sau" do nội dung này đã được quy định chung tại đoạn đầu của khoản 1. Nội dung chuyển nguồn số dư tài khoản tiền gửi cũng phải đảm bảo theo quy định tại các nội dung quy định từ điểm a) đến điểm m) khoản 1 Lạng Sơn. Tại điểm b, đề nghị xem xét bổ sung hướng dẫn chuyển nguồn đối với nhiệm vụ chi đầu tư phát triển khác. Vĩnh Phúc. Đề nghị bổ sung thêm mục: 0. Các khoản chuyển nguồn khác Phước Bình. (4) Bình Thuận: tại điểm m, đề nghị quy định chi tiết nội dung: "...hoặc nhiệm vụ chi được chuyển nguồn sang năm sau." Thuận, Bộ Xây dựng. Đề nghị bổ sung quy định nội dung thời hạn chuyển nguồn đối với nguồn tài thương xuyên (nguồn thương xuyên không nhà nước, giao tự chủ), tránh trường hợp chuyển nguồn nhiều năm Quảng Ninh. (6) Đà Nẵng: Đề nghị bổ sung quy định cách nhiệm của KBNN và thời gian chậm nhất: KBNN hoàn thành việc chuyển số dư dự toán sang năm sau và tổng hợp gửi cơ quan tài chính để phối hợp chuyển nguồn ngân sách là trước ngày 15 tháng 02 (đối với ngân sách cấp xã) và trước ngày 10 tháng 3 (đối với ngân sách cấp tỉnh) Quảng Ninh. Đề nghị làm rõ các chính sách ASXH bao gồm những chính sách gì? Những chính sách ASXH do địa phương ban hành có được chuyển nguồn sang năm sau không? Thanh Hóa: Đề nghị sửa đổi điểm 1 như sau: "1) Các khoản kinh phí phân bổ hoặc trả ngân sách cấp trên theo kết luận, kiến nghị của cơ quan thanh tra, kiểm toán và hết nhiệm vụ chi theo quy định".	<i>Ý kiến giải trình:</i> (1) Không tiếp thu, các điểm từ a đến l là chuyển nguồn số dư dự toán, điểm m là số dư tạm ứng và n là số dư tiền gửi; việc quy định để đảm bảo số dư tiền gửi được chuyển sang năm sau tiếp tục thực hiện (2) Không tiếp thu, việc chuyển nguồn đầu tư công được quy định ở Luật đầu tư công và văn bản hướng dẫn Luật Đầu tư công; chi đầu tư phát triển không thuộc đối tượng của đầu tư công, nên không có cơ sở đề hướng dẫn (trừ các nhiệm vụ được cấp bổ sung dự toán sau 30/9). (3) Không tiếp thu, Luật NSNN không quy định, nên không có cơ sở để hướng dẫn nội dung chuyển nguồn khác. (4) Tiếp thu, hoàn thiện tại dự thảo (5) Không tiếp thu, do Luật không quy định, không có cơ sở để hướng dẫn chi tiết (6) Không tiếp thu. Việc quy định cụ thể trách nhiệm của KBNN và thời gian sẽ do Bộ Tài chính quy định cụ thể tại Thông tư hướng dẫn Nghị định (7) Nghiên cứu, bổ sung quy định chi tiết các chính sách ASXH. (8) Quy định tại dự thảo bảo đảm thống nhất với điểm 1 khoản 3 Điều 66 Luật NSNN năm 2025. Vì vậy, đề nghị giữ như dự thảo.

ĐIỀU	KHOẢN, ĐIỂM	CHỨC THỂ GÓP Ý		NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
	Khoản 2.	Vịnh Phúc	Đề nghị sửa lại: "Các khoản tăng thu sơ dự toán,... Tại Khoản 2 Điều 61 của Luật Ngân sách Nhà nước, trường hợp phương án sử dụng đã cấp có thẩm quyền..."	Tiếp thu, hoàn thiện tại Dự thảo.
Điều 30. Yêu cầu, trình tự báo cáo quyết toán ngân sách nhà nước	Khoản 3	Bộ Xây dựng, Hà Nội	(1) BXD: Đề nghị bổ sung thời gian lập báo cáo quyết toán của các đơn vị sử dụng ngân sách, cụ thể. Tại điểm a. đơn vị sử dụng ngân sách lập báo cáo quyết toán NSNN theo quy định gửi đơn vị dự toán cấp trên trực tiếp trước ngày 15/3 năm sau; Tại điểm c: Đơn vị dự toán cấp trên trực tiếp (không phải đơn vị dự toán cấp 1) của đơn vị sử dụng ngân sách thực hiện xét duyệt, ra thông báo và tổng hợp báo cáo quyết toán NSNN theo quy định gửi đơn vị dự toán cấp 1 trước ngày 15/4 năm sau. Trường hợp, đơn vị sử dụng ngân sách trực thuộc đơn vị dự toán cấp 1, thì đơn vị dự toán cấp 1 xét duyệt, ra thông báo và tổng hợp chung vào báo cáo quyết toán NSNN gửi cơ quan tài chính cùng cấp theo quy định. UBDg thời đề nghị Bộ Tài chính xem xét, sửa đổi, bổ sung nội dung xét duyệt quyết toán năm tại Thông tư số 117/2017/TT-BTC để đảm bảo thời gian lập báo cáo quyết toán thu, chi ngân sách nhà nước theo quy định. (2) Hà Nội: Đề nghị cơ quan soạn thảo nghiên cứu bổ sung thời hạn các đơn vị sử dụng ngân sách phải lập báo cáo gửi đơn vị dự toán cấp trên trực tiếp, đơn vị giao dự toán và thời hạn các đơn vị dự toán cấp 1 phải hoàn thành tổng hợp báo cáo quyết toán NSNN thuộc phạm vi quản lý gửi cơ quan tài chính, hoặc giao trách nhiệm cho UBND cấp tỉnh quy định cụ thể để đảm bảo thời hạn quyết toán ngân sách địa phương.	Ý kiến giải trình: (1)(2) Không tiếp thu, việc quy định cụ thể sẽ do Bộ Tài chính hướng dẫn tại Thông tư

ĐIỀU	KHOẢN, ĐỀ M	CHỨC THỂ GÓP Ý		NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
	Khoản 4.	Hà Nội, Bộ KHCN	(1) Hà Nội: Đề đảm bảo thống nhất trong cách hiểu, đề nghị cơ quan soạn thảo làm rõ phạm vi các chương trình, dự án, đề án phải thực hiện báo cáo quyết toán toàn bộ nguồn vốn (có bao gồm các chương trình dự án chương trình mục tiêu quốc gia, chương trình, dự án, đề tài nghiên cứu khoa học không?) (2) Bộ KHCN: Đề nghị sửa thành "4. Trình tự lập, thẩm định quyết toán ngân sách chi đầu tư phát triển đối với các chương trình, dự án, nhiệm vụ chi đầu tư phát triển, dự án quan trọng quốc gia, chương trình, dự án, đề tài nghiên cứu khoa học và chương trình mục tiêu quốc gia..... chương trình, dự án, nhiệm vụ đầu tư phát triển, dự án quan trọng quốc gia, chương trình mục tiêu quốc gia, chương trình, dự án, đề tài nghiên cứu khoa học."	<i>Ý kiến tiếp thu:</i> (1) Đã bỏ 3 cụm từ "chương trình, dự án, đề tài nghiên cứu khoa học" tại khoản 4 (2) Tiếp thu, hoàn thiện tại dự thảo.
	Khoản 5	Hải Phòng, Đà Nẵng, Thái Nguyên	(1) Hải Phòng: Đề nghị bổ sung quy định về thời gian HĐND cấp xã lập quyết toán gửi Ban Kinh tế - xã hội của HĐND cấp xã để thẩm tra. (2) Đà Nẵng: Đề nghị bỏ nội dung gửi Ban Kinh tế - xã hội do việc thẩm tra do HĐND phản công. (3) Thái Nguyên: Đề đảm bảo thời gian xử lý, đề nghị sửa đổi như sau: "Hội đồng nhân dân cấp xã xem xét, phê chuẩn báo cáo quyết toán ngân sách cấp mình trước ngày 30 tháng 4 năm sau, gửi Sở Tài chính và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh. ."	<i>Ý kiến tiếp thu:</i> (1) (2) tiếp thu, hoàn thiện tại dự thảo
	Khoản 6	Hà Tĩnh	đề nghị xem xét điều chỉnh lại thời gian quyết toán ngân sách, từ "trước ngày 01 tháng 5 năm sau" thành "trước ngày 01 tháng 6 năm sau", vì hết ngày 31 tháng 01 năm sau mới hết dưới gian chỉnh lý ngân sách, ĐVSDNS lập báo cáo quyết toán gửi cơ quan quản lý cấp trên, cơ quan quản lý cấp trên cần có thời gian để thực hiện xét NSNN, đảm bảo rút ngắn thời gian quyết toán NSNN. Vì vậy, đề nghị giữ như dự duyệt quyết toán, nhất là những ngành có nhiều đơn vị sự nghiệp trực thuộc như ngành giáo dục và đào tạo, ngành y tế; tổng hợp quyết toán, gửi Sở Tài chính. Thời gian quy định như trên rất khó để thực hiện đúng quy định.	<i>Ý kiến giải trình:</i> Việc quy định các mốc thời gian tuân thủ theo quy định của Luật

ĐIỀU	KHOẢN, ĐIỂM	CHỦ THỂ GÓP Ý		NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
		Bộ Xây dựng	Đề nghị bổ sung khoản và nội dung của Điều 30 của dự thảo để hướng dẫn và yêu cầu nội dung quyết toán theo hướng tách riêng phần quyết toán đối với các khoản chuyển nguồn, không cộng vào năm hiện hành để tránh quyết toán trùng.	<i>Ý kiến giải trình:</i> Việc quy định cụ thể sẽ do Bộ Tài chính hướng dẫn tại Thông tư
Điều 31. Xả lý kết dư ngân sách nhà nước	Khoản 2	Lang Son, Quảng Ninh, Hà Tĩnh, Đà Nẵng	(1) Lạng Sơn: Đề nghị hướng dẫn cụ thể đối với các địa phương chưa bố trí, cân đối được từ các nguồn khác thì sử dụng kết dư ngân sách để trả nợ gốc và chỉ trả nợ lãi các khoản vay của NSNN đến hạn trong năm xử lý kết dư theo quy định (2) Quảng Ninh, Hà Tĩnh: Luật NSNN không có nội dung quy định sử dụng kết dư để thực hiện các khoản chi được bố trí tương ứng từ các khoản thu cụ thể (nếu có). Vì vậy, đề nghị hướng dẫn cụ thể về điểm này (3) Đà Nẵng: Đề nghị bổ sung vào điểm c nội dung thu kết dư được loại trừ khi xác định tăng thu so với dự toán và được sử dụng cho các nhiệm vụ chi theo phân cấp.	<i>Ý kiến giải trình:</i> (1) (2) Tiếp thu, hoàn thiện dự thảo. (3) Bộ Tài chính sẽ nghiên cứu, báo cáo cấp có thẩm quyền khi xác định tăng thu so với dự toán.
Chương V. Công khai NSNN; giám sát của cộng đồng về NSNN				
Điều 33: Trách nhiệm và nội dung công khai ngân sách nhà nước đối với các cấp ngân sách, đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được ngân sách hỗ trợ, quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách		Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Đề nghị giữ nguyên công khai 6 tháng, năm và bổ kỳ công khai 3 tháng, 9 tháng do khối lượng báo cáo rất lớn.	<i>Ý kiến giải trình:</i> Luật NSNN số 89/2025/QĐ11.5 tiếp tục kế thừa các quy định về công khai NSNN của Luật NSNN năm 2015, quy định các cấp ngân sách, các đơn vị dự toán ngân sách thực hiện công khai báo cáo tình hình thực hiện NSNN hằng quý, 6 tháng và năm. Theo đó việc thực hiện công khai hằng quý không làm phát sinh tăng thêm khối lượng báo cáo và công việc tổng hợp của đơn vị dự toán, cấp ngân sách. Việc công khai tình hình thực hiện ngân sách hằng quý là cần thiết nhằm cung cấp thông tin về tình hình thực hiện NSNN đầy đủ, kịp thời cho công tác giám sát của cộng đồng.

ĐIỀU	KHOẢN, ĐIỂM	CHỨC THỂ CỘP V		NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
Điều 34: Thời điểm công khai ngân sách	Khoản 5	(1) Tỉnh Lạng Sơn (2) Thanh tra Chính phủ	(1) Đề nghị sửa thành "Các chính sách, chế độ hỗ trợ trực tiếp của Nhà nước cho cá nhân, dân cư phải công khai chậm nhất 03 ngày làm việc, kể từ ngày Ủy ban nhân dân cấp xã nhận được văn bản chế độ". Lý do: UBND cấp xã sau khi nhận được văn bản chế độ cần có thời gian nghiên cứu nội dung văn bản, chuẩn bị tài liệu, lựa chọn hình thức công khai phù hợp và phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan. Nếu thời điểm nhận được văn bản trùng vào ngày nghỉ, ngày lễ hoặc cuối tuần thì việc hoàn thành công khai trong vòng 03 ngày sẽ không khả thi. (2) Đề nghị nghiên cứu, thống nhất quy định về thời điểm công khai ngân sách theo ngày làm việc hoặc theo ngày liên tục để đảm bảo chất lượng khi thực hiện.	Ý kiến giải trình: (1) Tiếp thu sửa lại thành "Các chính sách, chế độ hỗ trợ trực tiếp của Nhà nước cho cá nhân, dân cư phải công khai chậm nhất 03 ngày làm việc, kể từ ngày Ủy ban nhân dân cấp xã nhận được văn bản chế độ". (2) Không tiếp thu, do: Đối với những tài liệu, số liệu có thời hạn công khai ngắn như dự toán ngân sách trình Quốc hội/Hội đồng nhân dân (05 ngày), chế độ chính sách hỗ trợ của Nhà nước đối với cá nhân, dân cư (03 ngày), quy định thời gian tính theo ngày làm việc để các đơn vị có đủ thời gian thực hiện công khai khi bị trùng với ngày nghỉ. Đối với những tài liệu, số liệu có thời hạn công khai dài như dự toán, quyết toán ngân sách đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt (30 ngày), thanh toán thực hiện dự toán trong năm (15 ngày), quy định theo ngày liên tục để người dân tiện theo dõi mà vẫn đảm bảo khả năng được hiện công khai.
Chương VI, Sử dụng vốn đầu tư phát triển của ngân sách địa phương cho các dự án đầu tư xây dựng công trình kết cấu hạ tầng trên địa bàn thuộc nhiệm vụ chi của ngân sách cấp trên trực tiếp; hỗ trợ địa phương khác đầu tư xây dựng dự án, công trình trọng điểm, liên kết vùng, liên kết quốc gia, liên kết quốc tế, có sức lan tỏa, tạo động lực phát triển KT-XH và nhiệm vụ quan trọng khác				
Điều Nguyên thực hiện	38. Khoản 3. Tắc	Trung tâm ĐMSTQG	Đề nghị sửa đổi như sau: "3. Địa phương hỗ trợ trao đổi, thống nhất với cơ quan, tổ chức được giao trực tiếp quản lý dự án đầu tư thuộc nhiệm vụ chi của ngân sách cấp trên trực tiếp và địa phương nhận hỗ trợ bằng văn bản đồng thuận giữa hai bên hoặc quyết định của cơ quan có thẩm quyền về tổng mức chi (hoặc hỗ trợ), phương thức chi (hoặc hỗ trợ) và thời gian thực hiện".	Ý kiến giải trình: Dự thảo quy định nhằm đảm bảo sự chủ động, linh hoạt của các địa phương trong tổ chức thực hiện. Vì vậy, đề nghị giữ như dự thảo.

ĐIỀU	KHOẢN, ĐIỂM	CHỦ THỂ GÓP Ý		NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
Điều 39. Lập kế hoạch đầu tư công trung hạn, lập dự toán, quyết toán ngân sách nhà nước hằng năm và quyết toán dự án hoàn thành đối với các dự án đầu tư trên địa bàn thuộc nhiệm vụ chỉ của ngân sách cấp trên trực tiếp và hỗ trợ địa phương khác		Bộ Tư pháp	Đề nghị rà soát nội dung tại điểm 39 Nghị định này với dự thảo Nghị định quy định về quản lý, thanh toán, quyết toán dự án sử dụng vốn đầu tư công (thay thế Nghị định số 99/2021/NĐ-CP)	Ý kiến giải trình: Điều 39 Nghị định này không mâu thuẫn, chồng chéo đối với quy định về thanh quyết toán vốn Đầu tư công của dự thảo Nghị định thay thế Nghị định số 99/2021/NĐ-CP). Vì vậy đề nghị giữ như dự thảo
Chương VII. Lập kế hoạch tài chính 05 năm				
Điều 46. Nhiệm vụ, quyền hạn của các cơ quan, tổ chức trong lập kế hoạch tài chính 05 năm	Khoản 3.	Hà Tĩnh, Lạng Sơn, Thái Nguyên, Nam Định	(1) Hà Tĩnh: Đề nghị bổ sung quy định về điều chỉnh kế hoạch tài chính 05 năm. (2) Lạng Sơn: Đề nghị bổ sung nội dung hướng dẫn việc loại trừ khoản thu gắn với nhiệm vụ chỉ cụ thể khi xác định số bổ sung cân đối từ NSTW cho NSDP. (3) Thái Nguyên, Nam Định: Các nội dung về lập dự toán NSDP, quyết toán ngân sách cấp xã, cấp tỉnh, đề nghị xem xét không xin ý kiến Thường trực HĐND để giải: bất quy trình, thủ tục và phù hợp Luật Tổ chức chính quyền địa phương.	Ý kiến giải trình: (1) Tiếp thu, bổ quy định điều chỉnh tại khoản 3 Điều 46. (2) Các khoản thu được loại trừ khi xác định số bổ sung cân đối từ NSTW cho NSDP đã được quy định cụ thể tại điểm b, khoản 2 Điều 42 Luật NSNN năm 2025. Vì vậy, đề nghị giữ như dự thảo. (3) Quy định tại dự thảo bảo đảm thống nhất với Luật NSNN năm 2025. Vì vậy, đề nghị giữ như dự thảo.

ĐIỀU	KHOẢN, ĐIỂM	CHỦ TRƯỞNG Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
Ý kiến khác:			
		Hà Tĩnh	Tại điểm b khoản 3 Điều 46 dự thảo quy định UBND cấp tỉnh có nhiệm vụ, quyền hạn "Chỉ đạo Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với cơ quan thuế, cơ quan hải quan và các cơ quan, đơn vị có liên quan khác ở địa phương lập, điều chỉnh kế hoạch tài chính 05 năm tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương báo cáo Ủy ban nhân dân trình Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định và gửi Bộ Tài chính theo quy định tại Nghị định này". Tuy nhiên, dự thảo Nghị định chưa có quy định về việc điều chỉnh kế hoạch tài chính 05 năm. Do đó, đề nghị Bộ Tài chính xem xét bổ sung.
		Điền Hiên	Đề nghị bổ sung một điều tại Chương I (Những quy định chung) quy định đối với nội dung: "Các nhiệm vụ chi ngân sách nhà nước được bố trí từ hai nguồn chi đầu tư công và chi thường xuyên"
		Bộ Nội vụ	(1) Quy thời gian lập dự toán ngân sách nhà nước từ thời điểm Bộ Tài chính ban hành Thông tư hướng dẫn xây dựng dự toán ngân sách nhà nước hằng năm là rất ngắn, không đủ đảm bảo thời gian cho các Bộ, ngành thẩm định dự toán của các đơn vị trực thuộc gây ảnh hưởng đến chất lượng tổng hợp của dự toán ngân sách. (2) Việc lập kế hoạch và phân bổ dự toán theo quyết định phê duyệt nhiệm vụ của cấp có thẩm quyền gây khó khăn khi quyết định giá; không phù hợp với thực tế triển khai, hoặc khi có sự thay đổi và mục tiêu, nội dung, hoặc quy mô của nhiệm vụ so với quyết định phê duyệt ban đầu (3) Đề nghị Bộ Tài chính hướng dẫn thống nhất nếu quyết định phê duyệt nhiệm vụ và dự toán kinh phí NSNN thực hiện nhiệm vụ để các Bộ, ngành triển khai thực hiện.
			Ý kiến giải trình: Bộ Tài chính sẽ có Nghị định riêng hướng dẫn về vấn đề này cho nên không quy định tại Nghị định Quy định chi tiêu thi hành một số điều của Luật NSNN. Ý kiến giải trình: (1) Không tiếp thu: Thời điểm bắt đầu và kết thúc đã được quy định tại Luật NSNN để phù hợp yêu cầu tổng hợp dự toán NSNN, trình cấp có thẩm quyền; việc hướng dẫn trên cơ bản phù hợp với quy định tại Luật và kế thừa Nghị định số 163/2016/NĐ-CP hướng dẫn Luật NSNN năm 2015. (2) Không tiếp thu: Cơ quan tài chính ứng hợp trên cơ sở đề xuất của Bộ, ngành, địa phương; một số nhiệm vụ ưu tiên đảm bảo kinh phí theo phê duyệt (chương trình MTQG, Đề án, nhiệm vụ quan trọng theo phê duyệt của cấp có thẩm quyền từ Thủ tướng Chính phủ (tên); các nhiệm vụ khoản chi thuộc tự chủ của Bộ, ngành; các chế độ, chính sách đảm bảo theo quy định. Các nhiệm vụ còn lại tổng hợp theo nguyên tắc ưu tiên, phù hợp với chủ trương của Đảng, Nhà nước từng thời kỳ và khả năng cần đổi của NSNN. (3) Không tiếp thu: Từng loại nhiệm vụ đã có biểu mẫu theo quy định ở các văn bản pháp luật chuyên ngành (ví dụ: Nghị định số 98/2015/NĐ-CP; quy định về khoa học công nghệ tại pháp luật về khoa học công nghệ); Nghị định chi quy định quản lý đối với chi thường xuyên, chi đầu tư, chi viện trợ, .



Phụ lục

SO SÁNH NGHỊ ĐỊNH 163/2016/NĐ-CP, 45/2017/NĐ-CP, 149/2025/NĐ-CP VÀ DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH QUY ĐỊNH CHI TIẾT THI HÀNH MỘT SỐ ĐIỀU CỦA LUẬT NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025

Nghị định số 163/2016/NĐ-CP, Nghị định số 45/2017/NĐ-CP và Nghị định số 149/2025/NĐ-CP	Dự thảo Nghị định quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước năm 2025	Thuyết minh
Chương I: NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG	Chương I: NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG	Hướng dẫn khoản 3 Điều 11,
Điều 1. Phạm vi và đối tượng áp dụng 1. Phạm vi áp dụng a) Nghị định này quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật ngân sách nhà nước về lập dự toán ngân sách; thu nộp ngân sách; kiểm soát, thanh toán chi ngân sách; quản lý ngân sách nhà nước theo kết quả thực hiện nhiệm vụ; quyết toán ngân sách; nguyên tắc, điều kiện, thẩm quyền ứng trước dự toán, chi chuyển nguồn, sử dụng dự phòng ngân sách; sử dụng quỹ dự trữ tài chính; công khai ngân sách nhà nước, giám sát ngân sách nhà nước của cộng đồng và một số nội dung khác theo quy định của Luật ngân sách nhà nước; b) Các nội dung về kế hoạch tài chính 05 năm, kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước 03 năm; quản lý, sử dụng ngân sách đối với một số hoạt động thuộc lĩnh vực quốc phòng, an ninh, đối ngoại; cơ chế, chính sách tài chính - ngân sách đặc thù đối với một số tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương; chế độ quản lý ngân quỹ nhà nước; quy chế xem xét, quyết định dự toán và phân bổ ngân sách địa phương, phê chuẩn quyết toán ngân sách địa phương được thực hiện theo quy định riêng của Chính phủ. 2. Đối tượng áp dụng: a) Các cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị và các tổ chức chính trị - xã hội; b) Các tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp được ngân sách nhà nước hỗ trợ theo nhiệm vụ Nhà nước giao c) Các đơn vị sự nghiệp công lập; d) Các tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến ngân sách nhà nước	Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng 1. Phạm vi điều chỉnh Nghị định này quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành khoản 3 Điều 10, khoản 3 Điều 11, khoản 5 Điều 15, khoản 2 Điều 16, khoản 5 Điều 17, khoản 9, 15, 16, 17, 18 và khoản 19 Điều 25, điểm h và điểm l khoản 9 Điều 31, khoản 11 Điều 32, điểm c khoản 2 Điều 45, khoản 1 Điều 51, khoản 5 Điều 58, khoản 2 Điều 59, khoản 4 Điều 61, khoản 5 Điều 66, khoản 6 Điều 69 và khoản 2 Điều 74 Luật Ngân sách nhà nước. 2. Đối tượng áp dụng: a) Các cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị và các tổ chức chính trị - xã hội - Mặt trận Tổ quốc Việt Nam; eb) Các đơn vị sự nghiệp công lập; đc) Các tổ chức và; cá nhân khác có liên quan đến ngân sách nhà nước	khoản 9, 15, 16, 17 và 19 Điều 25; điểm h và điểm l, khoản 9 Điều 31 Luật NSNN số 89/2025/QH15
Điều 2. Thu ngân sách nhà nước 1. Thuế do các tổ chức, cá nhân nộp theo quy định của các luật thuế. 2. Lệ phí do các tổ chức, cá nhân nộp theo quy định của pháp luật. 3. Phí thu từ các hoạt động dịch vụ do cơ quan nhà nước thực hiện; trường hợp được khoản chi phí hoạt động thì được khấu trừ. 4. Phí thu từ các hoạt động dịch vụ do đơn vị sự nghiệp công lập và doanh nghiệp nhà nước thực hiện, sau khi trừ phần được trích lại để bù đắp chi phí theo quy định của pháp luật. 5. Các khoản nộp ngân sách nhà nước từ hoạt động kinh tế của Nhà nước, gồm:	Bỏ Điều này - Không giao Chính phủ hướng dẫn	

Nghị định số 163/2016/NĐ-CP, Nghị định số 45/2017/NĐ-CP và Nghị định số 149/2025/NĐ-CP	Dự thảo Nghị định quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước năm 2025	Thuyết minh
a) Lợi được chia cho nước chủ nhà và các khoản thu khác từ hoạt động thăm dò, khai thác dầu, khí; b) Các khoản thu hồi vốn của Nhà nước đầu tư tại các tổ chức kinh tế; c) Lợi cổ tức, lợi nhuận được chia tại các công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên có vốn góp của Nhà nước; d) Thu phần lợi nhuận sau thuế còn lại sau khi trích lập các quỹ của doanh nghiệp nhà nước; đ) Chênh lệch thu lớn hơn chi của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam; e) Tho hồi tiền cho vay của Nhà nước (bao gồm cả gốc và lãi), trả vay lại vốn vay nước ngoài của Chính phủ 6. Huy động đóng góp từ các cơ quan, tổ chức, cá nhân theo quy định của pháp luật. 7. Thu từ bán tài sản nhà nước, kể cả thu từ chuyển nhượng quyền sử dụng đất, chuyển mục đích sử dụng đất do các cơ quan, đơn vị, tổ chức của Nhà nước quản lý. 8. Tiền sử dụng đất; tiền cho thuê đất, thuê mặt nước; tiền sử dụng khu vực biển; tiền cho thuê và tiền bán nhà ở thuộc sở hữu nhà nước. 9. Thu từ tài sản được xác lập quyền sở hữu của Nhà nước; thu cấp quyền khai thác khoáng sản, thu cấp quyền khai thác tài nguyên nước. 10. Tiền phạt tù xử phạt vi phạm hành chính, phạt, tịch thu khác theo quy định của pháp luật. 11. Các khoản đóng góp từ nguyện của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước. 12. Các khoản viện trợ không hoàn lại của Chính phủ các nước, các tổ chức, cá nhân ở ngoài nước cho Nhà nước, Chính phủ Việt Nam, cho cơ quan nhà nước ở địa phương. 13. Thu từ quỹ dự trữ tài chính theo quy định tại Điều 11 Luật ngân sách nhà nước. 14. Các khoản thu khác theo quy định của pháp luật.		
	Điều 2. Nguyên tắc cân đối, quản lý và phân cấp ngân sách nhà nước 1. Nguyên tắc cân đối, quản lý và phân cấp quản lý nguồn thu, nhiệm vụ chi, quan hệ giữa các cấp ngân sách thực hiện theo quy định tại Điều 7, 8 và 9 Luật Ngân sách nhà nước.	

Nghị định số 163/2016/NĐ-CP, Nghị định số 45/2017/NĐ-CP và Nghị định số 149/2025/NĐ-CP	Dự thảo Nghị định quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước năm 2025	Thuyết minh
	2. Nguồn thu, nhiệm vụ chi của ngân sách trung ương, ngân sách địa phương thực hiện theo quy định tại Điều 36, 37, 38 và Điều 39 Luật Ngân sách nhà nước. Bộ Tài chính hướng dẫn chi tiết việc phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi giữa ngân sách trung ương và ngân sách địa phương, xác định số bổ sung từ ngân sách cấp trên cho ngân sách cấp dưới; quản lý ngân sách cấp xã và các hoạt động tài chính khác của cấp xã.	
Điều 3. Chi ngân sách nhà nước 1. Chi đầu tư phát triển gồm: a) Chi đầu tư xây dựng cơ bản cho các dự án theo các lĩnh vực được quy định tại khoản 3 Điều này; b) Đầu tư và hỗ trợ vốn cho các doanh nghiệp cung cấp sản phẩm, dịch vụ công ích do Nhà nước đại hàng; các tổ chức kinh tế; các tổ chức tài chính của trung ương và địa phương; đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp theo quy định của pháp luật; c) Các khoản chi đầu tư phát triển khác theo quy định của pháp luật 2. Chi dự trữ quốc gia. 3. Chi thường xuyên cho các lĩnh vực: a) Quốc phòng; b) An ninh và trật tự, an toàn xã hội; c) Sự nghiệp giáo dục - đào tạo và dạy nghề; d) Sự nghiệp khoa học và công nghệ; đ) Sự nghiệp y tế, dân số và gia đình; e) Sự nghiệp văn hóa thông tin; g) Sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tin; h) Sự nghiệp thể dục thể thao; i) Sự nghiệp bảo vệ môi trường; k) Các hoạt động kinh tế; l) Hoạt động của các cơ quan nhà nước, cơ quan Đảng cộng sản Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội bao gồm: Ủy ban Mặt trận tổ quốc Việt Nam, Liên đoàn lao động Việt Nam, Đoàn thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh, Hội Cựu chiến binh Việt Nam, Hội Liên hiệp phụ nữ Việt Nam, Hội Nông dân Việt Nam; hỗ trợ hoạt động cho các tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp theo quy định của pháp luật;	Đó Điều này - Không giao Chính phủ hướng dẫn	

Nghị định số 163/2016/NĐ-CP, Nghị định số 45/2017/NĐ-CP và Nghị định số 149/2015/NĐ-CP	Dự thảo Nghị định quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước năm 2025	Thuyết minh
m) Chi bảo đảm xã hội, bao gồm cả chi hỗ trợ thực hiện các chính sách xã hội theo quy định của pháp luật; n) Các khoản chi thường xuyên khác theo quy định của pháp luật. 4. Chi trả lãi, phí và chi phí phát sinh khác từ các khoản tiền do Chính phủ, chính quyền địa phương cấp tỉnh vay. 5. Chi viện trợ của ngân sách trung ương cho các Chính phủ, tổ chức ngoài nước. 6. Chi cho vay theo quy định của pháp luật. 7. Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính. 8. Chi chuyển nguồn từ ngân sách nhà nước sang ngân sách khác sau. 9. Chi bổ sung cân đối ngân sách, bổ sung có mục tiêu từ ngân sách cấp trên cho ngân sách cấp dưới.		
Điều 4. Bội chi ngân sách nhà nước 1. Bội chi ngân sách nhà nước bao gồm bội chi ngân sách trung ương và bội chi ngân sách địa phương cấp tỉnh: a) Bội chi ngân sách trung ương được xác định bằng chênh lệch lớn hơn giữa tổng chi ngân sách trung ương và tổng thu ngân sách trung ương trong một năm ngân sách; b) Bội chi ngân sách địa phương cấp tỉnh là tổng hợp bội chi ngân sách cấp tỉnh của từng địa phương, được xác định bằng chênh lệch lớn hơn giữa tổng chi ngân sách cấp tỉnh và tổng thu ngân sách cấp tỉnh của từng địa phương trong một năm ngân sách. 2. Bội chi ngân sách trung ương được bù đắp từ các nguồn sau: a) Vay trong nước từ phát hành trái phiếu Chính phủ, công trái xây dựng Tổ quốc và các khoản vay trong nước khác theo quy định của pháp luật; b) Vay ngoài nước từ các khoản vay hỗ trợ phát triển chính thức (ODA), vay ưu đãi của Chính phủ các nước, các định chế tài chính các nước và các tổ chức quốc tế; phát hành trái phiếu Chính phủ ra thị trường quốc tế; không bao gồm các khoản Chính phủ vay về cho các tổ chức kinh tế vay lại. 3. Bội chi ngân sách địa phương được bù đắp từ các nguồn sau:	Điều 3. Bội chi ngân sách nhà nước 1. Bội chi ngân sách nhà nước bao gồm bội chi ngân sách trung ương và bội chi ngân sách địa phương cấp tỉnh được quy định tại khoản 1 Điều 4 Luật Ngân sách nhà nước. Bù Bù Giữ nguyên Giữ nguyên b) Vay ngoài nước từ các khoản vay hỗ trợ phát triển chính thức (ODA), vay ưu đãi của Chính phủ các nước, các định chế tài chính các nước và các tổ chức quốc tế và 1 phát hành trái phiếu Chính phủ ra thị trường quốc tế; không bao gồm các khoản Chính phủ vay và cho các tổ chức kinh tế vay lại. 3. Bội chi ngân sách địa phương cấp tỉnh được bù đắp từ các nguồn sau:	

Nghị định số 163/2016/NĐ-CP, Nghị định số 45/2017/NĐ-CP và Nghị định số 149/2025/NĐ-CP	Dự thảo Nghị định quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước năm 2025	Thuyết minh
a) Vay trong nước từ phát hành trái phiếu chính quyền địa phương và các khoản vay trong nước khác theo quy định của pháp luật; b) Vay từ nguồn Chính phủ vay về cho ngân sách địa phương vay lại. 4. Vay để bù đắp bội chi ngân sách quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều này không bao gồm số vay để trả nợ gốc. 5. Ngân sách cấp tỉnh từng địa phương được phép bội chi khi đáp ứng đủ các quy định và điều kiện sau: a) Chỉ được sử dụng để đầu tư các dự án thuộc kế hoạch đầu tư công trung hạn đã được Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 7 Luật ngân sách nhà nước; b) Bội chi ngân sách cấp tỉnh hằng năm không vượt quá mức bội chi ngân sách hằng năm được Quốc hội quyết định cho từng địa phương cấp tỉnh theo quy định tại điểm c khoản 5 Điều 7 Luật ngân sách nhà nước; c) Trong thời hạn 90 ngày, kể từ ngày kết thúc năm ngân sách trước năm xây dựng dự toán, không phát sinh nợ quá hạn đối với các khoản nợ vay phải thanh toán trong năm ngân sách trước năm xây dựng dự toán. Trường hợp đặc biệt, Bộ Tài chính trình Chính phủ; d) Vay bù đắp bội chi ngân sách địa phương được huy động chủ yếu từ các khoản vay trung và dài hạn. Hằng năm, căn cứ diễn biến thị trường vốn, Bộ Tài chính trình Chính phủ tỷ lệ tối thiểu các khoản vay bù đắp bội chi ngân sách địa phương có thời hạn vay trung và dài hạn; đ) Số dư nợ vay của ngân sách địa phương, bao gồm cả số vay bù đắp bội chi ngân sách theo dự toán, không vượt mức dư nợ vay quy định tại khoản 6 Điều này. 6. Mức dư nợ vay của ngân sách địa phương:	Giữ nguyên Giữ nguyên Bỏ khoản này 4. Ngân sách cấp tỉnh từng địa phương được phép bội chi trong phạm vi mức bội chi do Quốc hội quyết định trong dự toán ngân sách nhà nước hằng năm, đồng thời khi đáp ứng đủ các quy định và điều kiện sau: a) Chỉ được sử dụng để đầu tư các dự án thuộc kế hoạch đầu tư công trung hạn đã được Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 7 Luật ngân sách nhà nước; Bỏ b) Tính đến ngày 31 tháng 3 năm hiện hành, ngân sách địa phương không có nợ quá hạn đối với các khoản nợ vay đến hạn phải thanh toán. Bỏ 5. Trong tổ chức thực hiện, trường hợp cần phải thay đổi mức vay, bội chi ngân sách giữa các địa phương, Bộ Tài chính báo cáo Chính phủ điều chỉnh mức vay, bội chi ngân sách giữa các địa phương bảo đảm không vượt quá tổng mức bội chi ngân sách địa phương đã được Quốc hội quyết định và mức dư nợ vay của ngân sách địa phương quy định tại điểm a và điểm b khoản 6 Điều 7 Luật Ngân sách nhà nước, báo cáo Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Quốc hội tại kỳ họp gần nhất. đ) Số dư nợ vay của ngân sách địa phương, bao gồm cả số vay bù đắp bội chi ngân sách theo dự toán, không vượt mức dư nợ vay quy định tại khoản 6 Điều 7 Luật Ngân sách nhà nước này. Bỏ khoản này	

Nghị định số 163/2016/NĐ-CP, Nghị định số 45/2017/NĐ-CP và Nghị định số 149/2015/NĐ-CP	Dự thảo Nghị định quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước năm 2025	Thuyết minh
a) Đối với thành phố Hà Nội và thành phố Hồ Chí Minh, không vượt quá 60% số thu ngân sách địa phương được hưởng theo phân cấp; b) Đối với các địa phương có số thu ngân sách địa phương được hưởng theo phân cấp lớn hơn chỉ thường xuyên của ngân sách địa phương, không vượt quá 30% số thu ngân sách được hưởng theo phân cấp; c) Đối với các địa phương có số thu ngân sách địa phương được hưởng theo phân cấp nhỏ hơn hoặc bằng chỉ thường xuyên của ngân sách địa phương, không vượt quá 20% số thu ngân sách được hưởng theo phân cấp. d) Việc xác định số thu ngân sách địa phương được hưởng theo phân cấp lớn hơn, bằng hoặc nhỏ hơn chỉ thường xuyên quy định tại điểm b và điểm c của khoản này trên cơ sở dự toán thu, chi ngân sách địa phương được Quốc hội quyết định của năm dự toán ngân sách. Số thu ngân sách địa phương được hưởng theo phân cấp được xác định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 15 của Nghị định này, không bao gồm khoản thu kết dư ngân sách địa phương. 7. Giao Bộ Tài chính quy định chi tiết và hướng dẫn nội dung vay và trả nợ của chính quyền địa phương.	Bổ khoản này	
	Điều 4. Quy định quản lý, hạch toán vay, trả nợ vay của ngân sách nhà nước 1. Các khoản vay của ngân sách trung ương và ngân sách cấp tỉnh để bù đắp bội chi và trả nợ gốc quy định tại khoản 5 Điều 5, khoản 4 và điểm b khoản 5 Điều 7 Luật Ngân sách nhà nước được quản lý, hạch toán trên tài khoản của từng cấp ngân sách. Trường hợp khoản vay ngoài nước theo hiệp định hoặc thỏa thuận tài trợ quy định gửi ngân trực tiếp đến chương trình, dự án, thì định kỳ phải hạch toán vào ngân sách nhà nước theo quy định của Bộ Tài chính. 2. Nợ gốc, lãi, phí và chi phí phát sinh khác từ các khoản vay được chi trả đúng hạn theo cam kết quy định, hợp đồng đã ký và trong phạm vi dự toán. 3. Hạch toán các khoản chi trả nợ: a) Các khoản chi trả nợ lãi, phí và chi phí phát sinh khác từ các khoản vay được hạch toán vào chỉ cân đối ngân sách của từng cấp ngân sách; b) Các khoản trả nợ gốc được hạch toán giảm số dư nợ vay của từng cấp ngân sách.	

Nghị định số 163/2016/NĐ-CP, Nghị định số 45/2017/NĐ-CP và Nghị định số 149/2025/NĐ-CP	Dự thảo Nghị định quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước năm 2025	Thuyết minh
	4. Giao Bộ Tài chính quy định chi tiết việc quản lý, hạch toán kế toán đối với các khoản vay; trả nợ gốc; chi trả nợ lãi, phí và các chi phí phát sinh khác từ các khoản vay của ngân sách nhà nước.	
Điều 5. Chi trả nợ gốc các khoản vay 1. Nguồn chi trả nợ gốc các khoản vay, gồm: a) Số vay để trả nợ gốc được Quốc hội, Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định hằng năm; b) Bội thu ngân sách trung ương và bội thu ngân sách địa phương cấp tỉnh, Bội thu ngân sách trung ương được xác định bằng chênh lệch kết luận giữa tổng dự toán thu ngân sách trung ương và tổng dự toán chi ngân sách trung ương trong một năm ngân sách. Bội thu ngân sách địa phương cấp tỉnh được xác định bằng chênh lệch kết luận giữa tổng dự toán thu ngân sách cấp tỉnh và tổng dự toán chi ngân sách cấp tỉnh của từng địa phương trong một năm ngân sách; c) Kê dư ngân sách trung ương và ngân sách cấp tỉnh theo quy định tại khoản 1 Điều 72 Luật ngân sách nhà nước; d) Tăng thu, tiết kiệm chi so với dự toán trong quá trình chấp hành ngân sách nhà nước theo quy định tại khoản 2 Điều 59 Luật Ngân sách nhà nước 2. Các khoản nợ gốc đến hạn phải được chi trả đầy đủ, đúng hạn theo cam kết và hợp đồng đã ký. 3. Khoản chi trả nợ gốc phải được quản lý, hạch toán qua Kho bạc Nhà nước.	Bổ Điều này	
Điều 6. Hệ thống ngân sách nhà nước và quan hệ giữa các cấp ngân sách 1. Ngân sách nhà nước gồm ngân sách trung ương và ngân sách địa phương. 2. Ngân sách địa phương gồm ngân sách của các cấp chính quyền địa phương, trong đó: a) Ngân sách tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (gọi chung là ngân sách tỉnh), bao gồm ngân sách cấp tỉnh và ngân sách của các huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố thuộc thành phố trực thuộc trung ương; b) Ngân sách huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố thuộc thành phố trực thuộc trung ương (gọi chung là ngân sách huyện), bao gồm ngân sách cấp huyện và ngân sách của các xã, phường, thị trấn; c) Ngân sách các xã, phường, thị trấn (gọi chung là ngân sách cấp xã).	Bổ Điều này	

Nghị định số 163/2016/NĐ-CP, Nghị định số 45/2017/NĐ-CP và Nghị định số 149/2025/NĐ-CP	Dự thảo Nghị định quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước năm 2025	Thuyết minh
3. Nguyên tắc phân cấp quản lý nguồn thu, nhiệm vụ chi và quan hệ giữa các cấp ngân sách thực hiện theo quy định tại Điều 9 Luật ngân sách nhà nước.		
Điều 7. Dự phòng ngân sách nhà nước 1. Dự toán chi ngân sách trung ương và dự toán chi ngân sách các cấp chính quyền địa phương được bố trí khoản dự phòng từ 2% đến 4% tổng chi ngân sách mỗi cấp 2. Dự phòng ngân sách nhà nước được sử dụng cho các nội dung quy định tại khoản 2 Điều 10 Luật ngân sách nhà nước. 3. Thẩm quyền quyết định sử dụng dự phòng ngân sách trung ương: a) Đối với các khoản chi trên 03 tỷ đồng đối với mỗi nhiệm vụ phát sinh, Bộ Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với Bộ Tài chính và các cơ quan liên quan trình Thủ tướng Chính phủ quyết định các khoản chi đầu tư phát triển và các khoản chi thuộc chức năng quản lý của Bộ Kế hoạch và Đầu tư. Bộ Tài chính chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan trình Thủ tướng Chính phủ quyết định các khoản chi còn lại. Bộ trưởng Bộ Tài chính quyết định mức chi không quá 03 tỷ đồng đối với mỗi nhiệm vụ phát sinh, định kỳ hằng quý tổng hợp báo cáo Thủ tướng Chính phủ; b) Căn cứ các chính sách, chế độ đã được cấp có thẩm quyền quyết định chi từ nguồn dự phòng ngân sách trung ương, Bộ trưởng Bộ Tài chính quyết định chi, trừ các khoản chi quy định tại điểm a khoản này và tổng hợp, báo cáo Thủ tướng Chính phủ kết quả thực hiện; c) Hằng quý, Bộ Tài chính báo cáo Chính phủ để báo cáo Ủy ban thường vụ Quốc hội việc sử dụng dự phòng ngân sách trung ương tại điểm a và điểm b khoản này, báo cáo Quốc hội tại kỳ họp gần nhất.	Điều 25. Sử dụng dự phòng ngân sách nhà nước Bố quy định Gộp khoản 2, khoản 3 và sửa thành 1. Dự phòng ngân sách nhà nước được sử dụng cho các nội dung quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 10 Luật ngân sách nhà nước. Thẩm quyền quyết định sử dụng dự phòng ngân sách nhà nước của cấp ở địa phương thực hiện theo quy định tại điểm b khoản 4 3- Điều 10 Luật ngân sách nhà nước. Bố quy định Điểm 4. Định kỳ hằng quý, Bộ Tài chính báo cáo Chính phủ để báo cáo Ủy ban thường vụ Quốc hội việc sử dụng dự phòng ngân sách trung ương tại điểm a và điểm b khoản này, báo cáo Quốc hội tại kỳ họp gần nhất; Ủy ban nhân dân báo cáo Thường trực Hội đồng nhân dân việc sử dụng dự phòng ngân sách địa phương, báo cáo Hội đồng nhân dân tại kỳ họp gần nhất.	

Nghị định số 163/2016/NĐ-CP, Nghị định số 45/2017/NĐ-CP và Nghị định số 149/2023/NĐ-CP	Dự thảo Nghị định quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước năm 2025	Thuyết minh
4. Trong quá trình tổ chức thực hiện ngân sách, khi phát sinh nhiệm vụ thuộc các nội dung chỉ của dự phòng ngân sách trung ương quy định tại khoản 2 Điều này, các bộ, cơ quan trung ương, địa phương phải lập dự toán và thuyết minh chi tiết gửi Bộ Tài chính, Bộ Kế hoạch và Đầu tư xem xét, quyết định theo thẩm quyền hoặc tổng hợp trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định bổ sung kinh phí cho các bộ, cơ quan trung ương và địa phương thực hiện nhiệm vụ. 5. Thẩm quyền quyết định sử dụng dự phòng ngân sách các cấp ở địa phương thực hiện theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều 10 Luật ngân sách nhà nước.	2. Trong năm, trường hợp phát sinh nhiệm vụ được chi từ dự phòng ngân sách nhà nước, các Bộ, cơ quan trung ương và cơ quan, đơn vị ở địa phương tổng hợp, lập đề xuất bổ sung dự toán, kèm thuyết minh chi tiết, gửi cơ quan tài chính cùng cấp: a) Đối với dự phòng ngân sách trung ương, căn cứ đề nghị của các Bộ, cơ quan trung ương và địa phương, Bộ Tài chính chủ trì, tổng hợp trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định bổ sung dự toán chi từ dự phòng để thực hiện; b) Đối với dự phòng ngân sách các cấp ở địa phương, căn cứ đề nghị của các cơ quan, đơn vị, cơ quan tài chính trình Ủy ban nhân dân cùng cấp quyết định bổ sung dự toán chi từ dự phòng để thực hiện; 3. Đối với dự phòng ngân sách các cấp được sử dụng, phản hồi vốn cho các chương trình, nhiệm vụ, dự án ngoài kế hoạch đầu tư công trung hạn thực hiện theo quy định tại Điều 27 Nghị định này.	
	Điều 7. Quản lý nguồn tài trợ, đóng góp tự nguyện thuộc nguồn ngân sách nhà nước 1. Nguyên tắc quản lý nguồn tài trợ, đóng góp tự nguyện: a) Khoản tài trợ, đóng góp tự nguyện phải được thực hiện trên cơ sở tự nguyện và từ thu nhập, tài sản hợp pháp của tổ chức, cá nhân; b) Việc tiếp nhận, quản lý và sử dụng phải bảo đảm công khai, minh bạch, đúng mục đích, hiệu quả và tuân thủ quy định của pháp luật; c) Các khoản tài trợ, đóng góp tự nguyện được phản ánh đầy đủ, kịp thời vào ngân sách nhà nước. 2. Nghiêm cấm mọi hành vi lợi dụng việc tài trợ, đóng góp để trục lợi hoặc vi phạm pháp luật. 3. Quy trình tiếp nhận nguồn tài trợ, đóng góp tự nguyện:	

Nghị định số 163/2014/NĐ-CP, Nghị định số 45/2017/NĐ-CP và Nghị định số 149/2023/NĐ-CP	Dự thảo Nghị định quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước năm 2023	Thuyết minh
	a) Cơ quan, đơn vị, tổ chức (sau đây gọi chung là đơn vị) được tiếp nhận khoản tài trợ, đóng góp bằng tiền hoặc hiện vật nếu nội dung tài trợ, đóng góp phù hợp với chức năng, nhiệm vụ và đảm bảo các nguyên tắc quy định tại khoản 1 Điều này, đồng thời báo cáo cơ quan quản lý cấp trên để báo cáo Bộ trưởng các Bộ, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ và các cơ quan khác ở Trung ương (đối với đơn vị do trung ương quản lý) hoặc Chủ tịch Ủy ban nhân dân cùng cấp (đối với đơn vị do địa phương quản lý) về việc tiếp nhận; b) Trường hợp phải hiện việc tiếp nhận nguồn tài trợ, đóng góp tự nguyện của đơn vị có dấu hiệu vi phạm các nguyên tắc quy định tại khoản 1 Điều này, chậm nhất là 10 ngày kể từ ngày nhận được báo cáo của đơn vị tiếp nhận, cơ quan có thẩm quyền quy định tại điểm a khoản này quyết định đình chỉ việc tiếp nhận và yêu cầu đơn vị tiếp nhận phải hoàn trả cho tổ chức, cá nhân thực hiện tài trợ, đóng góp; c) Việc tiếp nhận phải được lập thành biên bản hoặc văn bản xác nhận giữa đơn vị tiếp nhận và bên tài trợ, đóng góp tự nguyện, trong đó nêu rõ các thông tin tên của tổ chức, cá nhân, mục đích, hình thức và nội dung tài trợ, đóng góp tự nguyện. 4. Quản lý, sử dụng nguồn tài trợ, đóng góp tự nguyện hằng năm: a) Đơn vị tiếp nhận mở tài khoản tại Kho bạc Nhà nước hoặc ngân hàng thương mại để quản lý nguồn tài trợ, đóng góp tự nguyện và theo dõi riêng theo từng nội dung tài trợ, đóng góp tự nguyện; b) Đơn vị tiếp nhận chủ động triển khai thực hiện quản lý, sử dụng nguồn tài trợ, đóng góp tự nguyện theo đúng cam kết; báo cáo kết quả thực hiện gửi cơ quan quản lý cấp trên (nếu có) để gửi cơ quan tài chính cùng cấp tổng hợp, trình cấp có thẩm quyền bổ sung dự toán và tổng hợp quyết toán ngân sách nhà nước theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước. 5. Việc quản lý, sử dụng nguồn tài trợ, đóng góp tự nguyện bằng hiện vật thực hiện theo quy định của pháp luật về tài sản công và pháp luật có liên quan. 6. Đơn vị tiếp nhận có trách nhiệm thực hiện công khai thông tin về tình hình tiếp nhận, quản lý và kết quả sử dụng nguồn tài trợ, đóng góp tự nguyện theo quy định tại Nghị định này và quy định của pháp luật có liên quan.	

Nghị định số 163/2016/NĐ-CP, Nghị định số 45/2017/NĐ-CP và Nghị định số 149/2025/NĐ-CP	Dự thảo Nghị định quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước năm 2025	Thuyết minh
	Điều 8. Kinh phí hỗ trợ các tổ chức xã hội thực hiện các nhiệm vụ được Nhà nước giao 1. Kinh phí hoạt động của các tổ chức xã hội được thực hiện theo nguyên tắc tự bảo đảm. 2. Các tổ chức xã hội được cấp có thẩm quyền giao biên chế, ngân sách nhà nước bảo đảm tiền lương, các chế độ, chính sách khác theo quy định và kinh phí hoạt động gắn với số biên chế được giao. Kinh phí hỗ trợ bố trí trong dự toán chi ngân sách nhà nước hằng năm của cơ quan Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các cấp. 3. Quy trình hỗ trợ kinh phí từ ngân sách nhà nước đối với nhiệm vụ được Đảng, Nhà nước giao a) Đối với các tổ chức xã hội hoạt động trong phạm vi toàn quốc và liên tỉnh: Trên cơ sở quyết định giao nhiệm vụ của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ; các tổ chức xã hội lập dự toán chi thực hiện nhiệm vụ theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước và pháp luật có liên quan gửi cơ quan Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam rà soát, tổng hợp gửi Bộ Tài chính để tổng hợp trình cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định; b) Đối với các tổ chức xã hội hoạt động trong phạm vi tỉnh, xã theo phân cấp: Trên cơ sở quyết định giao nhiệm vụ của Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cấp xã; các tổ chức xã hội lập dự toán chi thực hiện nhiệm vụ theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước và pháp luật có liên quan gửi cơ quan Ủy ban Mặt trận Tổ quốc cùng cấp ở địa phương rà soát, tổng hợp gửi cơ quan tài chính cùng cấp để tổng hợp trình cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định; c) Việc phân bổ, quản lý, sử dụng, quyết toán và công khai kinh phí hỗ trợ thực hiện theo quy định của pháp luật ngân sách nhà nước và pháp luật có liên quan.	
	Điều 9. Thẩm quyền của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh về quyết định chế độ, tiêu chuẩn, định mức chi ngân sách địa phương	

Nghị định số 163/2016/NĐ-CP, Nghị định số 45/2017/NĐ-CP và Nghị định số 149/2025/NĐ-CP	Dự thảo Nghị định quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước năm 2025	Thuyết minh
	1. Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định cụ thể hoặc giao Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định các chế độ, tiêu chuẩn, định mức chi ngân sách địa phương và các chế độ chi ngân sách để thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, an ninh xã hội, bảo đảm trật tự, an toàn xã hội trên địa bàn theo quy định tại điểm b và điểm l khoản 9 Điều 31 Luật Ngân sách nhà nước. 2. Việc quyết định các chế độ, tiêu chuẩn, định mức chi ngân sách tại khoản 1 Điều này phải bảo đảm các nguyên tắc sau: a) Tuân thủ quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước và các quy định pháp luật có liên quan; b) Phù hợp với khả năng cân đối ngân sách của địa phương trong từng thời kỳ; c) Bảo đảm tính công khai, minh bạch, tiết kiệm, hiệu quả trong quản lý và sử dụng ngân sách nhà nước; d) Góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, nâng cao đời sống Nhân dân, giữ vững an ninh, quốc phòng trên địa bàn.	
Điều 8. Quỹ dự trữ tài chính 1. Quỹ dự trữ tài chính là quỹ của Nhà nước được thành lập ở trung ương và cấp tỉnh. 2. Quỹ dự trữ tài chính được hình thành từ các nguồn: a) Bố trí trong dự toán chi ngân sách hằng năm; b) Kết dư ngân sách theo quy định tại khoản 1 Điều 72 Luật ngân sách nhà nước; c) Tăng thu ngân sách theo quy định tại khoản 2 Điều 59 Luật ngân sách nhà nước; d) Lãi tiền gửi quỹ dự trữ tài chính; đ) Các nguồn tài chính khác theo quy định của pháp luật.	Điều 10. Sử dụng quỹ dự trữ tài chính Bỏ 2. Quỹ dự trữ tài chính được sử dụng theo quy định tại khoản 2 Điều 11 Luật Ngân sách nhà nước. Bỏ điểm này Bỏ điểm này Bỏ điểm này Bỏ điểm này Bỏ điểm này	

Nghị định số 163/2016/NĐ-CP, Nghị định số 45/2017/NĐ-CP và Nghị định số 149/2025/NĐ-CP	Dự thảo Nghị định quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước năm 2025	Thuyết minh
3. Số dư của quỹ dự trữ tài chính ở mỗi cấp không vượt quá 25% dự toán chi ngân sách hàng năm của cấp đó, không bao gồm số chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu từ ngân sách cấp trên 4. Quỹ dự trữ tài chính được sử dụng trong các trường hợp sau: a) Cho ngân sách tạm ứng để đáp ứng các nhu cầu chi theo dự toán chi ngân sách khi nguồn thu chưa tập trung kịp và phải hoàn trả ngay trong năm ngân sách; b) Trường hợp thu ngân sách nhà nước hoặc vay để bù đắp bội chi không đạt mức dự toán được Quốc hội, Hội đồng nhân dân quyết định và cần thực hiện các nhiệm vụ phòng, chống, khắc phục hậu quả thiên tai, thảm họa, dịch bệnh trên diện rộng, với mức độ nghiêm trọng, nhiệm vụ về quốc phòng, an ninh và nhiệm vụ cấp bách khác phải sinh ngoài dự toán; sau khi sắp xếp lại ngân sách, sự dụng hết dự phòng ngân sách mà vẫn chưa đủ nguồn, được sử dụng quỹ dự trữ tài chính để đáp ứng các nhu cầu chi nhưng mức sử dụng trong năm tối đa không quá 70% số dư đầu năm của quỹ. 5. Thẩm quyền quyết định sử dụng quỹ dự trữ tài chính: a) Đối với quỹ dự trữ tài chính trung ương, Bộ trưởng Bộ Tài chính quyết định tạm ứng để đáp ứng nhu cầu chi quy định tại điểm a khoản 4 Điều này; Thủ tướng Chính phủ quyết định sử dụng để chi cho các trường hợp quy định tại điểm b khoản 4 Điều này; b) Đối với quỹ dự trữ tài chính cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định sử dụng trong các trường hợp quy định tại khoản 4 Điều này. 6. Quỹ dự trữ tài chính của trung ương do Bộ trưởng Bộ Tài chính làm chủ tài khoản. Quỹ dự trữ tài chính cấp tỉnh do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hoặc ủy quyền cho giám đốc Sở Tài chính làm chủ tài khoản.	Hồ khoản này Hồ khoản này Bộ điểm này Bộ điểm này 53. Thẩm quyền quyết định sử dụng quỹ dự trữ tài chính: a) Đối với quỹ dự trữ tài chính trung ương: Thủ tướng Chính phủ quyết định sử dụng quỹ cho ngân sách trung ương để đáp ứng các nhu cầu chi theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 11 Luật Ngân sách nhà nước; . Bộ trưởng Bộ Tài chính quyết định sử dụng quỹ tạm ứng cho quỹ ngân sách trung ương và quỹ ngân sách cấp tỉnh để xử lý thiếu hụt tạm thời theo quy định tại Điểm a khoản 2 Điều 11 và khoản 1 Điều 60 Luật Ngân sách nhà nước; để đáp ứng nhu cầu chi quy định tại Điểm a khoản 4 Điều này; Thủ tướng Chính phủ quyết định sử dụng để chi cho các trường hợp quy định tại điểm b khoản 4 Điều này; b) Đối với quỹ dự trữ tài chính cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định sử dụng quỹ cho ngân sách cấp tỉnh để đáp ứng các nhu cầu chi theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 11 Luật Ngân sách nhà nước; tạm ứng cho quỹ ngân sách cấp tỉnh, quỹ ngân sách cấp xã để xử lý thiếu hụt tạm thời theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 11 và khoản 2, khoản 3 Điều 60 Luật Ngân sách nhà nước; tạm ứng cho các công trình, nhiệm vụ, dự án hạ tầng quan trọng trên địa bàn theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 11 Luật Ngân sách nhà nước trong các trường hợp quy định tại khoản 4 Điều này. 6 1. Quỹ dự trữ tài chính của trung ương do Bộ trưởng Bộ Tài chính làm chủ tài khoản. Quỹ dự trữ tài chính cấp tỉnh do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hoặc ủy quyền cho giám đốc Sở Tài chính làm chủ tài khoản.	

Nghị định số 163/2016/NĐ-CP, Nghị định số 45/2017/NĐ-CP và Nghị định số 149/2025/NĐ-CP	Dự thảo Nghị định quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước năm 2025	Thuyết minh
7. Việc sử dụng quỹ dự trữ tài chính trong các trường hợp quy định tại điểm b khoản 4 Điều này được thực hiện theo phương thức chuyển từ quỹ dự trữ tài chính vào tài khoản ngân sách nhà nước để thực hiện nhiệm vụ chi đã được quyết định. 8. Quỹ dự trữ tài chính được gửi tại Kho bạc Nhà nước và được Kho bạc Nhà nước trả lãi theo mức lãi suất quy định của pháp luật về chế độ quản lý ngân quỹ nhà nước. 9. Ngân sách cấp tỉnh được làm ứng từ quỹ dự trữ tài chính của trung ương, ngân sách cấp huyện và ngân sách cấp xã được làm ứng từ quỹ dự trữ tài chính của tỉnh và phải hoàn trả ứng ngay trung tâm ngân sách đã quy định của pháp luật về chế độ quản lý ngân quỹ nhà nước.	Bỏ điểm này Bỏ điểm này Bỏ điểm này	
Điều 9. Kinh phí hoạt động của Đảng Cộng sản Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội 1. Kinh phí hoạt động của Đảng Cộng sản Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội bao gồm: Ủy ban Mặt trận tổ quốc Việt Nam, Liên đoàn lao động Việt Nam, Đoàn thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh, Hội Cựu chiến binh Việt Nam, Hội Liên hiệp phụ nữ Việt Nam, Hội Nông dân Việt Nam, được ngân sách nhà nước bảo đảm theo nguyên tắc ngân sách nhà nước cấp phần chênh lệch giữa dự toán chi được xác định theo chế độ, tiêu chuẩn, định mức do cấp có thẩm quyền quy định với các nguồn thu theo Điều lệ của các tổ chức này. 2. Việc lập dự toán, thực hiện dự toán, quyết toán ngân sách của các tổ chức quy định tại khoản 1 Điều này được thực hiện theo quy định của Luật ngân sách nhà nước, quy định của Nghị định này và pháp luật có liên quan. 3. Giao Bộ Tài chính quy định cụ thể về quản lý, sử dụng ngân sách nhà nước đối với các cơ quan của Đảng Cộng sản Việt Nam.	Bỏ Điều này	
Điều 10. Kinh phí hoạt động của các tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp 1. Kinh phí hoạt động của các tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp được thực hiện theo nguyên tắc tự bảo đảm. Trường hợp các tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp được cơ quan nhà nước có thẩm quyền giao nhiệm vụ thì được ngân sách nhà nước hỗ trợ kinh phí để thực hiện.	Bỏ Điều này	

Nghị định số 163/2016/NĐ-CP, Nghị định số 45/2017/NĐ-CP và Nghị định số 149/2025/NĐ-CP	Dự thảo Nghị định quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước năm 2025	Thuyết minh
2. Kinh phí hỗ trợ cho các tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp được bố trí trong dự toán ngân sách của từng cấp ngân sách trình Quốc hội, Hội đồng nhân dân quyết định. 3. Việc lập dự toán, thực hiện dự toán, quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước hỗ trợ được thực hiện theo quy định của Luật ngân sách nhà nước, quy định tại Nghị định này và pháp luật có liên quan. 4. Chính phủ có quy định cụ thể về hỗ trợ của ngân sách nhà nước đối với các tổ chức quy định tại khoản 1 Điều này.		
Điều 11. Quản lý ngân sách nhà nước theo kết quả thực hiện nhiệm vụ 1. Quản lý ngân sách nhà nước theo kết quả thực hiện nhiệm vụ là việc lập, phân bổ, chấp hành, quyết toán ngân sách nhà nước trên cơ sở xác định rõ kinh phí ngân sách gắn với nhiệm vụ, dịch vụ, sản phẩm cần hoàn thành với khối lượng, số lượng và chất lượng, tiêu chuẩn kỹ thuật theo quy định. 2. Đối tượng thực hiện quản lý ngân sách nhà nước theo kết quả thực hiện nhiệm vụ là các đơn vị sử dụng ngân sách nhà nước đáp ứng đủ điều kiện sau: a) Xác định được khối lượng, số lượng, chất lượng, thời gian hoàn thành; b) Có cơ sở, căn cứ tính toán để lập và giao du toán kinh phí theo tiêu chuẩn định mức kỹ thuật kinh tế, định mức chi tiêu hoặc đơn giá giá trị của nhiệm vụ, dịch vụ, sản phẩm tương đương trong điều kiện tương tự để lập, phân bổ, thực hiện, quyết toán ngân sách và giám sát đánh giá kết quả thực hiện; (bao gồm cả các khoản thuế, phí, lệ phí phải nộp theo quy định của pháp luật); c) Phải có tiêu chí, cơ chế giám sát, đánh giá kết quả thực hiện;	Điều 5. Quản lý ngân sách nhà nước theo kết quả thực hiện nhiệm vụ 1. Quản lý ngân sách nhà nước theo kết quả thực hiện nhiệm vụ là việc sử dụng thông tin về đầu ra, kết quả thực hiện và hiệu quả hoạt động của nhiệm vụ, dịch vụ, sản phẩm gắn với khả năng cần đối của ngân sách nhà nước hàng năm, đáp ứng điều kiện quy định tại khoản 2 Điều này để làm cơ sở để lập, phân bổ, chấp hành, quyết toán ngân sách nhà nước, nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng ngân sách, trên cơ sở xác định rõ kinh phí ngân sách gắn với nhiệm vụ, dịch vụ, sản phẩm cần hoàn thành với khối lượng, số lượng và chất lượng, tiêu chuẩn kỹ thuật theo quy định. 2. Điều kiện áp dụng quản lý ngân sách nhà nước theo kết quả thực hiện nhiệm vụ: a) Xác định được kết quả cần đạt được của nhiệm vụ, dịch vụ, sản phẩm với các chỉ tiêu về khối lượng, số lượng, chất lượng, tiêu chuẩn kỹ thuật và thời gian hoàn thành; b) Có đầy đủ cơ sở, căn cứ tính toán để lập và giao dự toán kinh phí theo tiêu chuẩn định mức kỹ thuật kinh tế, định mức chi tiêu hoặc đơn giá giá trị của nhiệm vụ, dịch vụ, sản phẩm tương đương trong điều kiện tương tự để lập, phân bổ, thực hiện, quyết toán ngân sách và giám sát đánh giá kết quả thực hiện; (bao gồm cả các khoản thuế, phí, lệ phí phải nộp theo quy định của pháp luật); Bổ	

Nghị định số 163/2016/NĐ-CP, Nghị định số 43/2017/NĐ-CP và Nghị định số 149/2025/NĐ-CP	Dự thảo Nghị định quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước năm 2025	Thuyết minh
d) Có sự thỏa thuận bằng văn bản giữa cơ quan giao nhiệm vụ và cơ quan nhận nhiệm vụ về việc quản lý ngân sách theo kết quả thực hiện nhiệm vụ. 3. Phạm vi áp dụng là các nhiệm vụ, dịch vụ, sản phẩm có thể xác định được rõ yêu cầu và khối lượng, số lượng, chất lượng, tiêu chuẩn kỹ thuật của nhiệm vụ, dịch vụ, sản phẩm hoàn thành và nhu cầu kinh phí ngân sách cần bảo đảm trên cơ sở định mức kỹ thuật kinh tế, tiêu chí, định mức chi ngân sách được cơ quan có thẩm quyền quyết định. 4. Nguyên tắc áp dụng: a) Tăng thẩm quyền, đi đôi với tăng trách nhiệm cá nhân, tự chịu trách nhiệm trước pháp luật của thủ trưởng đơn vị; b) Đơn giản hóa quy trình quản lý ngân sách nhà nước trong khâu kiểm soát chi, quyết toán chi ngân sách nhà nước; c) Khối lượng, số lượng, chất lượng, tiêu chuẩn kỹ thuật, thời gian cung cấp, dự toán chi phí của nhiệm vụ, dịch vụ, sản phẩm phải bảo đảm tối thiểu bằng hoặc tốt hơn so với phương thức quản lý ngân sách nhà nước theo các yếu tố đầu vào; đ) Giao Bộ Tài chính quy định chi tiết và hướng dẫn việc quản lý ngân sách nhà nước theo kết quả thực hiện nhiệm vụ.	đc) Có văn bản sự thỏa thuận bằng văn bản giữa cơ quan giao nhiệm vụ và cơ quan nhận nhiệm vụ về yêu cầu, kết quả đầu ra, trách nhiệm thực hiện và phương thức thanh toán, quyết toán ngân sách nhà nước. Việc quản lý ngân sách theo kết quả thực hiện nhiệm vụ. 3. Phạm vi áp dụng là các chính sách, chương trình, dự án, đề án, nhiệm vụ mà kết quả thực hiện là các mục tiêu, nhiệm vụ, dịch vụ, sản phẩm có thể xác định được rõ yêu cầu cụ thể về khối lượng, số lượng, chất lượng, theo tiêu chuẩn kỹ thuật của nhiệm vụ, dịch vụ, sản phẩm hoàn thành và nhu cầu kinh phí ngân sách được xác định, phân bổ dựa trên cơ sở định mức hoặc đơn giá kỹ thuật kinh tế, tiêu chí, định mức chi ngân sách được cơ quan có thẩm quyền quyết định. 4. Hình thức quản lý ngân sách nhà nước theo kết quả thực hiện nhiệm vụ bao gồm: a) Quản lý ngân sách theo chương trình; b) Quản lý ngân sách dựa trên số lượng đầu ra dự kiến; c) Quản lý ngân sách dựa trên kết quả thực hiện thực tế; d) Quản lý ngân sách dựa trên mục tiêu hiệu quả hoạt động. 4.5. Nguyên tắc áp dụng: a) Tăng thẩm quyền, đi đôi gắn với tăng trách nhiệm cá nhân, người đứng đầu đơn vị tự chịu trách nhiệm toàn diện trước pháp luật và kết quả thực hiện nhiệm vụ và sử dụng ngân sách của thủ trưởng đơn vị; b) Đơn giản hóa quy trình thanh toán quản lý ngân sách nhà nước trong khâu kiểm soát chi, quyết toán chi ngân sách nhà nước; c) Kết quả thực hiện nhiệm vụ (về khối lượng, số lượng, chất lượng, tiêu chuẩn kỹ thuật, thời gian và chi phí) cung cấp, dự toán chi phí của nhiệm vụ, dịch vụ, sản phẩm phải bảo đảm tối thiểu bằng hoặc tốt hơn so với phương thức quản lý ngân sách nhà nước theo các yếu tố đầu vào; Bổ quy định	

Nghị định số 163/2016/NĐ-CP, Nghị định số 45/2017/NĐ-CP và Nghị định số 149/2023/NĐ-CP	Dự thảo Nghị định quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước năm 2025	Thuyết minh
	6. Trách nhiệm của Bộ quản lý ngành, lĩnh vực: a) Căn cứ quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều này, các định phạm vi, đối tượng, áp dụng quản lý ngân sách theo kết quả thực hiện nhiệm vụ thuộc ngành, lĩnh vực quản lý; b) Ban hành văn bản hướng dẫn việc xác định kết quả đầu ra, tiêu chuẩn và định mức kỹ thuật – kinh tế, quy trình thực hiện nhiệm vụ, cơ chế giám sát và đánh giá kết quả thuộc ngành, lĩnh vực quản lý; yêu cầu thỏa thuận giữa cơ quan giao và cơ quan nhận nhiệm vụ; c) Trong quá trình xây dựng chiến lược, kế hoạch phát triển ngành, lĩnh vực gắn với kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 05 năm và hằng năm, xác định rõ mục tiêu, kết quả đầu ra cần đạt được, làm cơ sở giao nhiệm vụ và bố trí ngân sách theo cơ chế quản lý theo kết quả thực hiện nhiệm vụ. 7. Căn cứ quyết định của cấp có thẩm quyền, đơn vị dự toán ngân sách, đơn vị sử dụng ngân sách có trách nhiệm lập dự toán, tổ chức thực hiện và quyết toán ngân sách nhà nước về quản lý ngân sách theo kết quả thực hiện nhiệm vụ theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và hướng dẫn tại Nghị định này.	
Điều 12. Quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách 1. Quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách là quỹ được thành lập theo quy định tại khoản 19 Điều 4 Luật ngân sách nhà nước. 2. Ngân sách nhà nước không hỗ trợ kinh phí hoạt động cho các quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách. 3. Căn cứ khả năng của ngân sách nhà nước, quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách được cơ quan có thẩm quyền xem xét bổ trợ vốn điều lệ từ ngân sách nhà nước khi đáp ứng đủ các điều kiện: a) Được thành lập và hoạt động theo đúng quy định của pháp luật; b) Có khả năng tài chính độc lập;	Điều 6. Quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách 1. Quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách tự bảo đảm kinh phí hoạt động, ngân sách nhà nước không hỗ trợ. Ngân sách nhà nước bố trí kinh phí cho các quỹ thực hiện nhiệm vụ về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số, xây dựng chính sách, pháp luật theo quy định của pháp luật quản lý ngành, lĩnh vực phù hợp với khả năng của ngân sách nhà nước. 32. Căn cứ khả năng của ngân sách nhà nước, quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách được cơ quan có thẩm quyền xem xét hỗ trợ vốn điều lệ từ ngân sách nhà nước khi đáp ứng đủ các điều kiện: Giữ nguyên Giữ nguyên	

Nghị định số 163/2016/NĐ-CP, Nghị định số 45/2017/NĐ-CP và Nghị định số 149/2025/NĐ-CP	Dự thảo Nghị định quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước năm 2025	Thuyết minh
c) Có nguồn thu, nhiệm vụ chi không trùng với nguồn thu, nhiệm vụ chi của ngân sách nhà nước. 4. Quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách và cơ quan quản lý quỹ phải thực hiện theo quy định của Luật ngân sách nhà nước và quy định của Nghị định này về lập, chấp hành, quyết toán, kiểm toán ngân sách nhà nước đối với phần vốn ngân sách nhà nước hỗ trợ. 5. Hằng năm, cơ quan quản lý quỹ do trung ương quản lý báo cáo Bộ Tài chính tình hình thực hiện kế hoạch tài chính, kế hoạch tài chính năm sau và quyết toán thu, chi quỹ để tổng hợp báo cáo Chính phủ để báo cáo Quốc hội cùng với báo cáo dự toán và quyết toán ngân sách nhà nước; cơ quan quản lý quỹ do địa phương quản lý báo cáo Sở Tài chính tình hình thực hiện kế hoạch tài chính, kế hoạch tài chính năm sau và quyết toán thu, chi quỹ để tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân để báo cáo Hội đồng nhân dân cấp tỉnh cùng với báo cáo dự toán và quyết toán ngân sách địa phương. 6. Cơ quan quản lý quỹ tài chính ngoài ngân sách ở trung ương có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với Bộ Tài chính báo cáo Chính phủ để giải trình với Quốc hội khi có yêu cầu; cơ quan quản lý quỹ tài chính ngoài ngân sách ở địa phương có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính báo cáo Ủy ban nhân dân cấp tỉnh để giải trình với Hội đồng nhân dân cùng cấp khi có yêu cầu.	Giữ nguyên. 3. Quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách và cơ quan quản lý quỹ phải thực hiện theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và quy định của Nghị định này về lập dự toán, chấp hành, quyết toán, kiểm toán, công khai đối với phần vốn ngân sách nhà nước hỗ trợ. Đối với các quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách theo quy định của pháp luật về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số thì thực hiện theo quy định tại Điều này và pháp luật về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số. 4. Hằng năm, cơ quan quản lý quỹ do trung ương quản lý báo cáo Bộ Tài chính tình hình thực hiện kế hoạch tài chính năm hiện hành, kế hoạch tài chính năm sau và quyết toán tài chính của thu, chi quỹ để tổng hợp báo cáo Chính phủ để báo cáo Quốc hội cùng với báo cáo dự toán và quyết toán ngân sách nhà nước; cơ quan quản lý quỹ do địa phương quản lý báo cáo Sở Tài chính tình hình thực hiện kế hoạch tài chính năm hiện hành, kế hoạch tài chính năm sau và quyết toán tài chính của thu, chi quỹ để tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân để báo cáo Hội đồng nhân dân cùng cấp tiếp tỉnh cùng với báo cáo dự toán và quyết toán ngân sách địa phương. 5. Quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách chịu trách nhiệm về việc quản lý, sử dụng, quyết toán, đánh giá kết quả, hiệu quả thực hiện nhiệm vụ của quỹ, báo cáo cơ quan quản lý quỹ cùng với báo cáo quyết toán tài chính của quỹ. Cơ quan quản lý quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách có trách nhiệm rà soát, sửa đổi, bổ sung quy định về tổ chức, hoạt động để từng cường quản lý, nâng cao tính minh bạch, hiệu quả hoạt động của các quỹ, sắp xếp lại các quỹ có nguồn thu, nhiệm vụ chi trùng với nguồn thu, nhiệm vụ chi của ngân sách nhà nước hoặc không còn phù hợp, hoạt động không hiệu quả. 6. Cơ quan quản lý quỹ tài chính ngoài ngân sách ở trung ương có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với Bộ Tài chính báo cáo Chính phủ để giải trình với các cơ quan của Quốc hội, Quốc hội khi có yêu cầu; cơ quan quản lý quỹ tài chính ngoài ngân sách ở địa phương có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính báo cáo Ủy ban nhân dân cấp tỉnh để giải trình với Thường trực Hội đồng nhân dân, Hội đồng nhân dân cùng cấp khi có yêu cầu.	

Nghị định số 163/2016/NĐ-CP, Nghị định số 45/2017/NĐ-CP và Nghị định số 149/2025/NĐ-CP	Dự thảo Nghị định quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước năm 2025	Thuyết minh
	Bổ sung Điều 11. Ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong quản lý ngân sách nhà nước 1. Các cơ quan, tổ chức có trách nhiệm ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong việc lập dự toán, chấp hành, kế toán, quyết toán, công khai và giám sát ngân sách nhà nước. 2. Hệ thống thông tin quản lý ngân sách nhà nước, các cơ sở dữ liệu ngành tài chính được tích hợp, liên thông, phục vụ công tác quản lý ngân sách thống nhất, công khai, minh bạch. 3. Bộ Tài chính chủ trì xây dựng, hoàn thiện các hệ thống thông tin quản lý ngân sách nhà nước thống nhất, tập trung, kết nối, liên thông với Cơ sở dữ liệu quốc gia về tài chính; quản lý thống nhất thông tin, dữ liệu về ngân sách nhà nước; ban hành tiêu chuẩn kỹ thuật và hướng dẫn kết nối, chia sẻ dữ liệu tài chính - ngân sách với các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan khác ở trung ương (sau đây gọi tắt là các Bộ, cơ quan trung ương) và địa phương.	
PHẦN II. PHÂN CẤP QUẢN LÝ NGÂN SÁCH CHO CÁC MỐI QUAN HỆ GIỮA CÁC CẤP QUẢN LÝ NGÂN SÁCH CÁC CẤP	BỘ CHƯƠng này	
Điều 13. Nguồn thu của ngân sách trung ương 1. Các khoản thu ngân sách trung ương hưởng 100%: a) Thuế giá trị gia tăng thu từ hàng hoá nhập khẩu; b) Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu; c) Thuế tiêu thụ đặc biệt từ hàng hóa nhập khẩu, bao gồm cả thuế tiêu thụ đặc biệt hàng hóa nhập khẩu do cơ sở kinh doanh nhập khẩu tiếp tục bán ra trong nước; d) Thuế bảo vệ môi trường thu từ hàng hoá nhập khẩu; đ) Thuế tài nguyên, thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế giá trị gia tăng, lãi được chia nước chủ nhà, các loại phí, tiền thuê mặt nước, các khoản thuế, phí và thu khác từ hoạt động thăm dò, khai thác dầu, khí; e) Viện trợ không hoàn lại của Chính phủ các nước, các tổ chức quốc tế, các tổ chức khác, các cá nhân ở nước ngoài cho Chính phủ Việt Nam;		Luật NSNN số 89/2025/QH15 không giao Chính phủ quy định chi tiết

Nghị định số 163/2016/NĐ-CP, Nghị định số 45/2017/NĐ-CP và Nghị định số 149/2023/NĐ-CP	Dự thảo Nghị định quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước năm 2025	Thuyết minh
g) Phí thu từ các hoạt động dịch vụ do các cơ quan nhà nước trung ương thực hiện, trường hợp được cấp có thẩm quyền cho khoản chi phí hoạt động thì được khấu trừ; phí thu từ các hoạt động dịch vụ do đơn vị sự nghiệp công lập trung ương và doanh nghiệp nhà nước trung ương thực hiện, sau khi trừ phần được trích lại để bù đắp chi phí theo quy định của pháp luật; h) Lệ phí do các cơ quan nhà nước trung ương thu; không kể lệ phí môn bài quy định tại điểm g và lệ phí trước bạ quy định tại điểm b khoản 1 Điều 15 của Nghị định này; i) Tiền thu từ xử phạt vi phạm hành chính, phạt, tịch thu khác theo quy định của pháp luật do các cơ quan nhà nước trung ương quyết định thực hiện xử phạt, tịch thu; k) Thu từ bán tài sản nhà nước, kể cả thu từ chuyển nhượng quyền sử dụng đất gắn với tài sản trên đất, chuyển mục đích sử dụng đất do các cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, các tổ chức chính trị - xã hội, các đơn vị sự nghiệp công lập, các công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do nhà nước làm chủ sở hữu hoặc doanh nghiệp mà có vốn của trung ương tham gia trước khi thực hiện cổ phần hóa, sắp xếp lại và các đơn vị, tổ chức khác thuộc trung ương quản lý; l) Thu từ tài sản được xác lập quyền sở hữu của nhà nước do các cơ quan, đơn vị, tổ chức thuộc trung ương xử lý, sau khi trừ đi các chi phí theo quy định của pháp luật; m) Các khoản thu hồi vốn của ngân sách trung ương đầu tư tại các tổ chức kinh tế (bao gồm cả gốc và lãi); thu cổ tức, lợi nhuận được chia tại công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên có vốn góp của Nhà nước do bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan khác ở trung ương đại diện chủ sở hữu; thu phần lợi nhuận sau thuế còn lại sau khi trích lập quỹ của doanh nghiệp nhà nước do bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan khác ở trung ương đại diện chủ sở hữu; n) Thu từ tiền cấp quyền khai thác khoáng sản, cấp quyền khai thác tại nguyên nước phần ngân sách trung ương được hưởng theo quy định của pháp luật; o) Tiền sử dụng khu vực biển đối với khu vực biển thuộc thẩm quyền giao của trung ương; p) Chính sách thu lớn hơn chi của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam; q) Thu kết dư ngân sách trung ương.		

Nghị định số 163/2016/NĐ-CP, Nghị định số 45/2017/NĐ-CP và Nghị định số 149/2025/NĐ-CP	Dự thảo Nghị định quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước năm 2025	Thuyết minh
s) Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang cân ngân sách trung ương; t) Các khoản thu khác theo quy định của pháp luật. 2. Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%) giữa ngân sách trung ương và ngân sách địa phương: a) Thuế giá trị gia tăng, bao gồm cả thuế giá trị gia tăng của các nhà thầu phụ phát sinh từ các hoạt động dịch vụ phục vụ hoạt động thăm dò và khai thác dầu, khí; không kể thuế giá trị gia tăng quy định tại điểm a và điểm đ khoản 1 Điều này; b) Thuế thu nhập doanh nghiệp, bao gồm cả thuế thu nhập doanh nghiệp của các nhà thầu phụ phát sinh từ các hoạt động dịch vụ phục vụ hoạt động thăm dò và khai thác dầu, khí; không kể thuế thu nhập doanh nghiệp quy định tại điểm đ khoản 1 Điều này. c) Thuế thu nhập cá nhân; đ) Thuế tiêu thụ đặc biệt, không kể thuế tiêu thụ đặc biệt quy định tại điểm c khoản 1 Điều này; đ) Thuế bảo vệ môi trường, không kể thuế bảo vệ môi trường quy định tại điểm đ khoản 1 Điều này. Đối với thuế bảo vệ môi trường thu từ xăng dầu sản xuất trong nước, việc xác định số thu phát sinh căn cứ vào sản lượng do doanh nghiệp đầu mối bán ra trên thị trường và tỷ trọng tổng sản lượng xăng dầu sản xuất trong nước và tổng sản lượng xăng dầu nhập khẩu. Giao Bộ Tài chính hướng dẫn cụ thể nội dung này.		
Điều 14. Nhiệm vụ chi của ngân sách trung ương 1. Chi đầu tư phát triển: a) Đầu tư xây dựng cơ bản cho các chương trình, dự án của các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan khác ở trung ương theo các lĩnh vực được quy định tại khoản 3 Điều này; Chi đầu tư phát triển: b) Đầu tư và hỗ trợ vốn cho các doanh nghiệp cung cấp sản phẩm, dịch vụ công ích do nhà nước đặt hàng; các tổ chức kinh tế; các tổ chức tài chính của trung ương; đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp theo quy định của pháp luật; c) Các khoản chi đầu tư phát triển khác theo quy định của pháp luật. 2. Chi dự trữ quốc gia.		

Nghị định số 163/2016/NĐ-CP, Nghị định số 45/2017/NĐ-CP và Nghị định số 149/2025/NĐ-CP	Dự thảo Nghị định quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước năm 2025	Thuyết minh
3. Chi thường xuyên của các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan khác ở trung ương được phân cấp trong các lĩnh vực: a) Quốc phòng; b) An ninh và trật tự an toàn xã hội; c) Sự nghiệp giáo dục - đào tạo và dạy nghề; d) Sự nghiệp khoa học và công nghệ; đ) Sự nghiệp y tế, dân số và gia đình; e) Sự nghiệp văn hoá thông tin; g) Sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tin; h) Sự nghiệp thể dục thể thao; i) Sự nghiệp bảo vệ môi trường; k) Các hoạt động kinh tế: Lĩnh vực nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy lợi, thủy sản; giao thông; tài nguyên; phân giới cắm mốc biên giới; quy hoạch; thương mại, du lịch; chi hoạt động nhập, xuất, bảo quản, bảo vệ, bảo hiểm hàng dự trữ quốc gia do nhà nước thực hiện; các hoạt động kinh tế khác; l) Hoạt động của các cơ quan nhà nước, cơ quan Đảng cộng sản Việt Nam; Ủy ban Trung ương Mặt trận tổ quốc Việt Nam, Tổng Liên đoàn lao động Việt Nam, Trung ương Đoàn thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh, Trung ương Hội Cựu chiến binh Việt Nam, Trung ương Hội Liên hiệp phụ nữ Việt Nam, Trung ương Hội Nông dân Việt Nam; m) Hỗ trợ hoạt động cho các tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp ở trung ương theo quy định của pháp luật; n) Chi bù đắp đầu tư xã hội, bao gồm cả chi hỗ trợ thực hiện các chính sách xã hội theo quy định của pháp luật; o) Các khoản chi thường xuyên khác theo quy định của pháp luật. 4. Chi trả lãi, phí và chi phí phát sinh khác từ các khoản vay của Chính phủ. 5. Chi viện trợ.		

Nghị định số 163/2016/NĐ-CP, Nghị định số 45/2017/NĐ-CP và Nghị định số 149/2025/NĐ-CP	Dự thảo Nghị định quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước năm 2025	Thuyết minh
6. Chỉ cho vay theo quy định của pháp luật. 7. Chỉ bổ sung quỹ dự trữ tài chính trung ương. 8. Chỉ chuyển nguồn của ngân sách trung ương sang như sau. 9. Chỉ bổ sung cân đối ngân sách, bổ sung có mục tiêu cho ngân sách địa phương.		
Điều 15. Nguồn thu của ngân sách địa phương 1. Các khoản thu ngân sách địa phương hưởng 100%: a) Thuế tài nguyên, không kể thuế tài nguyên thu từ hoạt động thăm dò, khai thác dầu, khí; b) Thuế sử dụng đất nông nghiệp; c) Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp; d) Tiền sử dụng đất; đ) Tiền cho thuê đất, thuê mặt nước, không kể tiền thuê đất, thuê mặt nước từ hoạt động thăm dò, khai thác dầu, khí; e) Tiền cho thuê và tiền bán nhà ở thuộc sở hữu nhà nước; g) Lệ phí môn bài; h) Lệ phí trước bạ; i) Thu từ hoạt động xổ số kiến thiết, kể cả hoạt động xổ số điện toán; k) Các khoản thu hồi vốn của ngân sách địa phương đầu tư tại các tổ chức kinh tế (bao gồm cả gốc và lãi); thu cổ tức, lợi nhuận được chia tại công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên có vốn góp của Nhà nước do Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương đại diện chủ sở hữu; thu phần lợi nhuận sau thuế còn lại sau khi trích lập các quỹ của doanh nghiệp nhà nước do Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương đại diện chủ sở hữu;		

Nghị định số 163/2016/NĐ-CP, Nghị định số 45/2017/NĐ-CP và Nghị định số 149/2025/NĐ-CP	Dự thảo Nghị định quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước năm 2025	Thuyết minh
l) Thu từ bán tài sản nhà nước, kể cả thu từ chuyển nhượng quyền sử dụng đất gắn liền với tài sản trên đất, chuyển mục đích sử dụng đất do các cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, các tổ chức chính trị - xã hội, các đơn vị sự nghiệp công lập, các công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do nhà nước làm chủ sở hữu đơn vị hoặc doanh nghiệp mà có vốn của ngân sách địa phương tham gia trước khi thực hiện cổ phần hóa, sắp xếp lại và các đơn vị, tổ chức khác thuộc địa phương quản lý; m) Viện trợ không hoàn lại của các tổ chức quốc tế, các tổ chức khác, các cá nhân ở nước ngoài trực tiếp cho địa phương; n) Phí thu từ các hoạt động dịch vụ do các cơ quan nhà nước địa phương thực hiện, trường hợp được cấp có thẩm quyền cho khoản chi phí hoạt động thì được khấu trừ; phí thu từ các hoạt động dịch vụ do đơn vị sự nghiệp công lập địa phương và doanh nghiệp nhà nước địa phương thực hiện, sau khi trừ phần được trích lại để bù đắp chi phí theo quy định của pháp luật; o) Lệ phí do các cơ quan nhà nước địa phương thực hiện thu; p) Tiền thu từ xử phạt vi phạm hành chính, phạt, tịch thu khác theo quy định của pháp luật do các cơ quan nhà nước địa phương quyết định thực hiện xử phạt, tịch thu; q) Thu từ tài sản được xác lập quyền sở hữu của nhà nước do các cơ quan, đơn vị, tổ chức thuộc địa phương xử lý, sau khi trừ đi các chi phí theo quy định của pháp luật; r) Thu từ tiền cấp quyền khai thác khoáng sản, cấp quyền khai thác tài nguyên nước phần ngân sách địa phương được hưởng theo quy định của pháp luật; s) Tiền sử dụng khu vực biển đối với khu vực biển thuộc thẩm quyền giao của địa phương; t) Thu từ quỹ đất công ích và thu hoa lợi công sản khác; u) Huy động đóng góp từ các tổ chức, cá nhân theo quy định của pháp luật; v) Thu từ quỹ dự trữ tài chính địa phương; x) Thu kết dư ngân sách địa phương; y) Các khoản thu khác theo quy định của pháp luật. 2. Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%) giữa ngân sách trung ương và ngân sách địa phương theo quy định tại khoản 2 Điều 13 của Nghị định này. 3. Thu bổ sung cân đối ngân sách, bổ sung có mục tiêu từ ngân sách trung ương.		

Nghị định số 163/2016/NĐ-CP, Nghị định số 45/2017/NĐ-CP và Nghị định số 149/2025/NĐ-CP	Dự thảo Nghị định quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước năm 2025	Thuyết minh
4. Thu chuyển nguồn của ngân sách địa phương từ năm trước chuyển sang.		
Điều 16. Nhiệm vụ chi của ngân sách địa phương 1. Chi đầu tư phát triển: a) Đầu tư xây dựng cơ bản cho các chương trình, dự án do địa phương quản lý theo các lĩnh vực được quy định tại khoản 2 Điều này; b) Đầu tư và hỗ trợ vốn cho các doanh nghiệp cung cấp sản phẩm, dịch vụ công ích do nhà nước đặt hàng, các tổ chức kinh tế, các tổ chức tài chính của địa phương theo quy định của pháp luật; đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp do địa phương quản lý theo quy định của pháp luật; c) Các khoản chi đầu tư phát triển khác theo quy định của pháp luật. 2. Chi thường xuyên của các cơ quan, đơn vị ở địa phương được phân cấp trong các lĩnh vực: a) Sự nghiệp giáo dục - đào tạo và dạy nghề; b) Sự nghiệp khoa học và công nghệ; c) Quốc phòng, an ninh, trật tự, an toàn xã hội, phần giao cho địa phương quản lý; d) Sự nghiệp y tế, dân số và gia đình; đ) Sự nghiệp văn hoá thông tin; e) Sự nghiệp phát thanh, truyền hình; g) Sự nghiệp thể dục thể thao; h) Sự nghiệp bảo vệ môi trường; i) Các hoạt động kinh tế: Lĩnh vực nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy lợi, thủy sản, giao thông; tài nguyên; quy hoạch; thương mại, du lịch; hoạt động kiến thiết thị chính; các hoạt động kinh tế khác; k) Hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước, cơ quan Đảng cộng sản Việt Nam; Ủy ban Mặt trận tổ quốc Việt Nam, Đoàn thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh, Hội Cựu chiến binh Việt Nam, Hội Liên hiệp phụ nữ Việt Nam, Hội Nông dân Việt Nam ở địa phương; l) Hỗ trợ hoạt động cho các tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp ở địa phương theo quy định của pháp luật; m) Chi bảo đảm xã hội, bao gồm cả chi thực hiện các chính sách xã hội theo quy định của pháp luật; n) Các khoản chi thường xuyên khác theo quy định của pháp luật. 3. Chi trả lãi, phí và chi phí phát sinh khác từ các khoản tiền do chính quyền cấp tỉnh vay. 4. Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính địa phương. 5. Chi chuyển nguồn sang năm sau của ngân sách địa phương.		

Nghị định số 163/2016/NH-CP, Nghị định số 45/2017/NĐ-CP và Nghị định số 149/2025/NĐ-CP	Dự thảo Nghị định quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước năm 2025	Thuyết minh
6. Chỉ bổ sung cân đối ngân sách, bổ sung có mục tiêu cho ngân sách cấp dưới.		
Điều 17. Nguyên tắc phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi giữa ngân sách các cấp ở địa phương 1. Cấu trúc và nguồn thu, nhiệm vụ chi của ngân sách địa phương quy định tại Điều 15 và Điều 16 của Nghị định này, Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định phân cấp cụ thể nguồn thu, nhiệm vụ chi giữa ngân sách các cấp ở địa phương theo nguyên tắc sau: a) Phù hợp với phân cấp nhiệm vụ kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh đối với từng lĩnh vực và đặc điểm kinh tế, địa lý, dân cư, trình độ quản lý của từng vùng, từng địa phương; b) Ngân sách xã, thị trấn được phân chia nguồn thu từ các khoản thuế sử dụng đất phi nông nghiệp; lệ phí môn bài thu từ cá nhân, hộ kinh doanh; thuế sử dụng đất nông nghiệp thu từ hộ gia đình; lệ phí trước bạ nhà, đất; c) Ngân sách cấp huyện, ngân sách cấp xã không có nhiệm vụ chi nghiên cứu khoa học và công nghệ. Ngân sách cấp huyện, ngân sách cấp xã được chỉ cho nhiệm vụ ứng dụng, chuyển giao công nghệ; d) Trung phần cấp nhiệm vụ chi đối với thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố thuộc thành phố trực thuộc trung ương phải có nhiệm vụ chi đầu tư xây dựng các trường phổ thông công lập các cấp, điện chiếu sáng, cấp thoát nước, giao thông đô thị, vệ sinh đô thị và các công trình phục lợi cộng đồng khác. 2. Căn cứ nguồn thu ngân sách địa phương hưởng 100% và các khoản thu phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%) do Quốc hội quyết định, Thủ tướng Chính phủ giao, Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định tỷ lệ phần trăm (%) đối với các khoản thu phân chia giữa ngân sách các cấp ở địa phương. Đối với các khoản thu phân chia giữa ngân sách trung ương và ngân sách địa phương, khi phân chia cho ngân sách các cấp chính quyền địa phương thì tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu không được vượt quá tỷ lệ do Quốc hội quyết định, Thủ tướng Chính phủ giao cho từng tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương. 3. Giao Bộ Tài chính quy định cụ thể về quản lý ngân sách và các hoạt động tài chính khác của xã, phường, thị trấn.		
Điều 18. Nguyên tắc xác định tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu phân chia và số bổ sung cân đối từ ngân sách cấp trên cho ngân sách cấp dưới 1. Tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu phân chia giữa ngân sách trung ương và ngân sách địa phương được xác định nhằm bảo đảm nguồn thu cho ngân sách địa phương cân đối với nhu cầu chi theo nhiệm vụ được giao. Đối với các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương sau khi đã được chia lại 100% các khoản thu phân chia giữa ngân sách trung ương và ngân sách địa phương, mà nhiệm vụ chi theo quy định vẫn lớn hơn nguồn thu ngân sách địa phương được hưởng, thì ngân sách trung ương sẽ thực hiện bổ sung cân đối cho ngân sách địa phương tương ứng với số chênh lệch thiếu giữa nguồn thu và nhiệm vụ.		

Nghị định số 163/2016/NĐ-CP, Nghị định số 45/2017/NĐ-CP và Nghị định số 149/2025/NĐ-CP	Dự thảo Nghị định quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước năm 2025	Thuyết minh
2. Tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu giữa các cấp ngân sách ở địa phương được xác định nhằm bảo đảm nguồn thu cân đối với nhu cầu chi theo nhiệm vụ được giao. Căn cứ vào điều kiện thực tế ở địa phương, Hội đồng nhân dân cấp tỉnh có thể vừa phân cấp các khoản thu phân chia, vừa thực hiện bổ sung cân đối ngân sách cho các huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố thuộc thành phố trực thuộc trung ương. 3. Tỷ lệ phần trăm (%) phân chia đối với các khoản thu phân chia và số bổ sung cân đối được xác định trên cơ sở tính toán các nguồn thu, nhiệm vụ chi của ngân sách từng cấp theo các tiêu chí về dân số, điều kiện tự nhiên, điều kiện kinh tế - xã hội của từng vùng; chú ý tới vùng sâu, vùng xa, vùng căn cứ cách mạng, vùng có đông đồng bào dân tộc thiểu số sinh sống và vùng có khó khăn, vùng đặc biệt khó khăn; vùng có diện tích đất trồng lúa nước lớn, vùng rừng phòng hộ, rừng đặc dụng; vùng kinh tế trọng điểm. 4. Tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu được áp dụng chung đối với tất cả các khoản thu phân chia giữa ngân sách trung ương và ngân sách địa phương. Đối với các khoản thu phân chia giữa các cấp chính quyền địa phương do Hội đồng nhân dân cấp tỉnh		
Điều 19. Số bổ sung từ ngân sách cấp trên cho ngân sách cấp dưới 1. Chính phủ trình Quốc hội quyết định số bổ sung từ ngân sách trung ương cho ngân sách rừng tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương. Ủy ban nhân dân trình Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định số bổ sung từ ngân sách cấp mình cho ngân sách cấp dưới trực tiếp. 2. Bổ sung cân đối ngân sách nhằm bảo đảm cho chính quyền cấp dưới cân đối nguồn ngân sách để thực hiện nhiệm vụ kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh được giao. Các năm trong thời kỳ ổn định ngân sách, căn cứ khả năng cân đối của ngân sách cấp trên, cơ quan có thẩm quyền quyết định tăng thêm số bổ sung cân đối ngân sách từ ngân sách cấp trên cho ngân sách cấp dưới so với năm đầu thời kỳ ổn định ngân sách. 3. Bổ sung có mục tiêu nhằm hỗ trợ ngân sách cấp dưới: a) Thực hiện các chính sách, chế độ mới do cấp trên ban hành, nhưng chưa được bố trí hoặc bố trí chưa đủ trong dự toán ngân sách của năm đầu thời kỳ ổn định ngân sách; mức hỗ trợ cụ thể được xác định trên cơ sở nhu cầu chi theo chế độ, chính sách và khả năng cân đối của ngân sách các cấp có liên quan; b) Thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia và các chương trình, dự án khác của cấp trên, phân giao cho cấp dưới thực hiện; mức hỗ trợ cụ thể thực hiện theo dự toán chi được cấp có thẩm quyền giao; c) Khắc phục hậu quả thiên tai, thảm họa, dịch bệnh trên diện rộng, sau khi ngân sách cấp dưới đã sử dụng dự phòng ngân sách, quỹ dự trữ tài chính theo quy định nhưng chưa đáp ứng được nhu cầu; d) Hỗ trợ thực hiện một số chương trình, dự án lớn, đặc biệt quan trọng có tác động lớn đến phát triển kinh tế - xã hội của địa phương. Mức hỗ trợ được xác định cụ thể cho từng chương trình, dự án. Tổng mức hỗ trợ vốn đầu tư phát triển hằng năm của ngân sách trung ương cho ngân sách địa phương quy định tại điểm này tối đa không vượt quá 30% tổng chi, đầu tư xây dựng cơ bản của ngân sách trung ương. Điều 20. Thẩm quyền của Bộ Tài chính ban hành chế độ, tiêu chuẩn, định mức chi ngân sách áp dụng chung cho cả nước		

Nghị định số 163/2016/NĐ-CP, Nghị định số 45/2017/NĐ-CP và Nghị định số 149/2025/NĐ-CP	Dự thảo Nghị định quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước năm 2025	Thuyết minh
1. Quyết định ban hành mức chi ngân sách đối với các chế độ, tiêu chuẩn đã được Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ quyết định nhưng chưa có mức chi cụ thể. 2. Quyết định ban hành chế độ, tiêu chuẩn, định mức chi ngân sách đối với các ngành, lĩnh vực sau khi thống nhất với các bộ quản lý ngành, lĩnh vực; trường hợp không thống nhất, Bộ Tài chính trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, chủ ý kiến trước khi quyết định theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Luật ngân sách nhà nước. 3. Quyết định ban hành chế độ, tiêu chuẩn, định mức chi ngân sách theo phân công của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ.		
Điều 21. Thẩm quyền của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định định mức phân bổ và chế độ, tiêu chuẩn, định mức chi tiêu ngân sách 1. Căn cứ nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ ngân sách ở địa phương do Ủy ban thường vụ Quốc hội ban hành, khả năng ngân sách địa phương và đặc điểm tình hình ở địa phương, Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ ngân sách ở địa phương làm căn cứ xây dựng dự toán ngân sách ở địa phương. 2. Quyết định cụ thể đối với một số chế độ, tiêu chuẩn, định mức chi ngân sách theo quy định trong của Chính phủ. 3. Quyết định các chế độ chi ngân sách đối với một số nhiệm vụ chi có tính chất đặc thù ở địa phương ngoài các chế độ, tiêu chuẩn, định mức chi tiêu do Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành để thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm trật tự, an toàn xã hội trên địa bàn, phù hợp với khả năng cân đối của ngân sách địa phương, ngân sách trung ương không hỗ trợ. Riêng những chế độ chi có tính chất tiền lương, tiền công, phụ cấp, trước khi quyết định phải có ý kiến của Bộ Tài chính, Bộ Nội vụ, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội và các bộ quản lý ngành, lĩnh vực trực tiếp. Chậm nhất 10 ngày làm việc, kể từ ngày Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định ban hành, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh gửi Bộ Tài chính và các bộ, ngành liên quan chế độ chi ngân sách đặc thù ở địa phương để tổng hợp và giám sát việc thực hiện.		
Chương II. LẬP DỰ TOÁN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC	Chương II. LẬP DỰ TOÁN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC	Hướng dẫn
Điều 22. Thời gian hướng dẫn lập, xây dựng, tổng hợp, quyết định và giao dự toán ngân sách nhà nước 1. Trước ngày 15 tháng 5 hằng năm, Thủ tướng Chính phủ ban hành quy định về việc xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, dự toán ngân sách nhà nước năm sau. 2. Trước ngày 01 tháng 6 hằng năm, Bộ Kế hoạch và Đầu tư: a) Ban hành thông tư hướng dẫn về xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, kế hoạch đầu tư phát triển năm sau;	Điều 18. Thời gian hướng dẫn lập, xây dựng, tổng hợp, quyết định và giao dự toán ngân sách nhà nước 1. Trước ngày 15 tháng 5 hằng năm, Thủ tướng Chính phủ ban hành quy định về việc xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, dự toán ngân sách nhà nước năm sau; trên cơ sở đó, chậm nhất sau 10 ngày, Bộ Tài chính ban hành văn bản hướng dẫn. Bộ Kế hoạch và Đầu tư:	khoản 9 Điều 25 và điểm c khoản 2 Điều 45 Luật NSNN số 89/2025/QH15

Nghị định số 163/2016/NĐ-CP, Nghị định số 45/2017/NĐ-CP và Nghị định số 149/2025/NĐ-CP	Dự thảo Nghị định quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước năm 2025	Thuyết minh
b) Thông báo số kiểm tra dự toán chi đầu tư phát triển thuộc ngân sách nhà nước năm sau đến từng bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, các cơ quan khác ở trung ương và từng tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương; c) Thông báo số kiểm tra dự toán chi đầu tư phát triển thuộc ngân sách nhà nước năm sau của từng chương trình mục tiêu quốc gia, chương trình mục tiêu đến từng bộ, cơ quan quản lý chương trình mục tiêu quốc gia, chương trình mục tiêu. 3. Trước ngày 01 tháng 6 hằng năm, Bộ Tài chính: a) Ban hành Thông tư hướng dẫn xây dựng dự toán ngân sách nhà nước năm sau; b) Thông báo số kiểm tra về dự toán ngân sách với tổng mức và từng khoản thu, chi: ngân sách cho dự trữ quốc gia, từng lĩnh vực chi ngân sách thường xuyên năm sau đến từng bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, các cơ quan khác ở trung ương; c) Thông báo số kiểm tra dự toán chi: ngân sách thường xuyên chi tiêu theo từng lĩnh vực năm sau của từng chương trình mục tiêu quốc gia, chương trình mục tiêu đến từng bộ, cơ quan quản lý chương trình mục tiêu quốc gia, chương trình mục tiêu; d) Thông báo số kiểm tra dự toán tổng số thu ngân sách nhà nước trên địa bàn, tổng số chi ngân sách địa phương và một số lĩnh vực chi quan trọng đến từng tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương. 4. Trước ngày 15 tháng 6 hằng năm: a) Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan khác ở trung ương hướng dẫn xây dựng dự toán ngân sách năm sau trong phạm vi được giao quản lý, thông báo số kiểm tra dự toán thu, chi ngân sách năm sau đến từng cơ quan, đơn vị trực thuộc; b) Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hướng dẫn xây dựng dự toán ngân sách năm sau ở địa phương phù hợp với yêu cầu, nội dung và thời gian lập dự toán ngân sách tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương; thông báo số kiểm tra dự toán thu, chi ngân sách năm sau đến từng cơ quan, đơn vị trực thuộc và Ủy ban nhân dân cấp huyện; Ủy ban nhân dân cấp huyện thông báo số kiểm tra dự toán thu, chi ngân sách năm sau đến từng cơ quan, đơn vị trực thuộc và Ủy ban nhân dân cấp xã. 5. Trước ngày 20 tháng 7 hằng năm:	Bộ khoản này 2. Căn cứ quy định của Thủ tướng Chính phủ và hướng dẫn của Bộ Tài chính tại khoản 1 Điều này, chậm nhất sau 07 ngày kể từ ngày Bộ Tài chính ban hành văn bản hướng dẫn: a) Các bộ, cơ quan trung ương hướng dẫn xây dựng dự toán ngân sách năm sau trong phạm vi, lĩnh vực được giao quản lý; b) Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hướng dẫn xây dựng dự toán ngân sách năm sau ở địa phương phù hợp với yêu cầu, nội dung và thời gian lập dự toán ngân sách của địa phương. 3. Trước ngày 10 tháng 7 hằng năm:	

Nghị định số 163/2016/NĐ-CP, Nghị định số 45/2017/NĐ-CP và Nghị định số 149/2025/NĐ-CP	Dự thảo Nghị định quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước năm 2025	Thuyết minh
a) Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan khác ở trung ương lập dự toán thu, chi ngân sách, phương án phân bổ ngân sách năm sau chi tiết theo từng lĩnh vực và chi tiết tới từng cơ quan, đơn vị sử dụng ngân sách, gửi Bộ Tài chính, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, các cơ quan quản lý chương trình mục tiêu quốc gia, chương trình mục tiêu (đối với phần chi chương trình mục tiêu quốc gia, chương trình mục tiêu); b) Ủy ban nhân dân cấp tỉnh lập, tổng hợp dự toán ngân sách địa phương năm sau gửi Bộ Tài chính, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, các cơ quan quản lý chương trình mục tiêu quốc gia, chương trình mục tiêu (phần dự toán chi chương trình mục tiêu quốc gia, chương trình mục tiêu); 6. Trước ngày 15 tháng 8 hằng năm, các bộ, cơ quan quản lý chương trình mục tiêu quốc gia, chương trình mục tiêu chủ trì lập dự toán chi và phương án phân bổ năm sau của chương trình mục tiêu quốc gia, chương trình mục tiêu gửi Bộ Tài chính, Bộ Kế hoạch và Đầu tư.	a) Các Bộ, cơ quan trung ương gửi Bộ Tài chính, Kiểm toán nhà nước dự toán thu, chi ngân sách, phương án phân bổ ngân sách năm sau, chi tiết theo từng lĩnh vực và từng đơn vị dự toán ngân sách, đơn vị sử dụng ngân sách; đồng gửi Bộ Khoa học và Công nghệ (đối với dự toán chi khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số), Bộ chủ chương trình mục tiêu quốc gia (đối với dự toán chi chương trình mục tiêu quốc gia); b) Ủy ban nhân dân cấp tỉnh gửi Bộ Tài chính, Kiểm toán nhà nước dự toán ngân sách địa phương năm sau; đồng gửi Bộ Khoa học và Công nghệ (đối với dự toán chi khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số), Bộ chủ chương trình mục tiêu quốc gia (đối với dự toán chi chương trình mục tiêu quốc gia). c) Trường hợp cơ quan có thẩm quyền yêu cầu bổ sung cơ sở, căn cứ tính toán số liệu, tài liệu thuyết minh dự toán thì các Bộ, cơ quan trung ương và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ở địa phương có trách nhiệm hoàn thiện và gửi báo cáo bổ sung chậm nhất sau 15 ngày kể từ ngày cơ quan có thẩm quyền yêu cầu. Sau thời gian trên, các Bộ, cơ quan trung ương và địa phương chịu trách nhiệm toàn diện trước pháp luật về việc chậm báo cáo bổ sung. 4. Trước ngày 01 tháng 8 hằng năm: a) Bộ Khoa học và Công nghệ gửi Bộ Tài chính báo cáo tổng hợp, đề xuất dự kiến tổng mức chi ngân sách nhà nước cho lĩnh vực chi khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trên cơ sở tổng hợp đề xuất của các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan khác ở trung ương và các địa phương, chi tiết chi đầu tư phát triển và chi thường xuyên, bảo đảm tổng mức và cơ cấu phù hợp với chủ trương của Đảng và pháp luật của Nhà nước; b) Các Bộ chủ chương trình mục tiêu quốc gia gửi Bộ Tài chính dự kiến tổng mức kinh phí cho từng chương trình, chi tiết chi đầu tư phát triển và chi thường xuyên, bảo đảm trong phạm vi tổng mức kinh phí đã được phê duyệt và khả năng thực hiện. 5. Trước ngày 10 tháng 8 hằng năm: a) Bộ Tài chính báo cáo Thủ tướng Chính phủ dự kiến các nguyên tắc, các chi tiêu chủ yếu và khung cân đối dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm sau; b) Bộ Khoa học và Công nghệ (đối với lĩnh vực chi khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số) và các Bộ chủ chương trình mục tiêu quốc gia (đối với chương trình mục tiêu quốc gia) gửi Bộ Tài chính phương án dự toán chi năm sau cho từng Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan khác ở trung ương và từng tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương theo mẫu biểu quy định tại Điều 18 Nghị định này.	

Nghị định số 163/2016/NĐ-CP, Nghị định số 45/2017/NĐ-CP và Nghị định số 149/2025/NĐ-CP	Dự thảo Nghị định quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước năm 2025	Thuyết minh
7. Trước ngày 31 tháng 8 hằng năm, Bộ Kế hoạch và Đầu tư gửi phương án phân bổ chỉ tiêu đầu tư phát triển của ngân sách trung ương năm sau tới Bộ Tài chính để tổng hợp. 8. Bộ Tài chính chủ trì, tổng hợp và lập dự toán thu, chi ngân sách nhà nước, phương án phân bổ ngân sách trung ương năm sau báo cáo Chính phủ để trình Ủy ban thường vụ Quốc hội cho ý kiến trước ngày 20 tháng 9 theo quy định tại khoản 2 Điều 44 Luật ngân sách nhà nước. 9. Trên cơ sở ý kiến thẩm tra của các cơ quan của Quốc hội, Bộ Tài chính chủ trì hoàn thiện báo cáo đánh giá tình hình thực hiện ngân sách nhà nước năm hiện hành, dự toán ngân sách nhà nước, báo cáo phân bổ ngân sách trung ương năm sau trình Chính phủ để gửi đến các Đại biểu Quốc hội chậm nhất là 20 ngày, trước ngày khai mạc kỳ họp Quốc hội cuối năm. 10. Sau khi Quốc hội quyết định dự toán ngân sách nhà nước, phân bổ ngân sách trung ương, Thủ tướng Chính phủ giao dự toán thu, chi ngân sách năm sau cho từng bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan khác ở trung ương và từng tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương trước ngày 20 tháng 11 năm trước. 11. Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định dự toán ngân sách địa phương, phân bổ ngân sách cấp tỉnh năm sau trước ngày 10 tháng 12. Hội đồng nhân dân cấp dưới quyết định dự toán ngân sách địa phương, phân bổ ngân sách năm sau của cấp mình chậm nhất là 10 ngày, kể từ ngày Hội đồng nhân dân cấp trên trực tiếp quyết định dự toán và phân bổ ngân sách.	Bổ khoản này 6. Trên cơ sở ý kiến của Thủ tướng Chính phủ về dự kiến các nguyên tắc, các chỉ tiêu chủ yếu và khung cân đối dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm sau, Bộ Tài chính hoàn thiện báo cáo dự toán thu, chi ngân sách nhà nước và phương án phân bổ ngân sách trung ương năm sau, báo cáo Chính phủ để trình Ủy ban Thường vụ Quốc hội cho ý kiến trước ngày 20 tháng 9 theo quy định tại khoản 2 Điều 46 Luật Ngân sách nhà nước. 79. Trên cơ sở ý kiến thẩm tra của các cơ quan của Quốc hội, Bộ Tài chính chủ trì hoàn thiện báo cáo đánh giá tình hình thực hiện ngân sách nhà nước năm hiện hành, dự toán ngân sách nhà nước, báo cáo phân bổ ngân sách trung ương năm sau trình Chính phủ để gửi đến các Đại biểu Quốc hội chậm nhất là 20 ngày, trước ngày khai mạc kỳ họp Quốc hội cuối năm. 8. Căn cứ nghị quyết của Quốc hội về dự toán ngân sách và phương án phân bổ ngân sách trung ương, trước ngày 20 tháng 11 Thủ tướng Chính phủ giao dự toán thu, chi ngân sách cho từng Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan khác ở trung ương và từng tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Luật Ngân sách nhà nước. 9. Chậm nhất 05 ngày kể từ ngày Thủ tướng Chính phủ có quyết định giao dự toán, Bộ Tài chính giao chỉ tiêu nhiệm vụ thu, chi ngân sách nhà nước cho từng Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan khác ở trung ương và từng tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương theo quy định tại khoản 6 Điều 27 Luật Ngân sách nhà nước. 10. Căn cứ quyết định giao dự toán ngân sách của Thủ tướng Chính phủ và Bộ Tài chính, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trình Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định trước ngày 10 tháng 12 dự toán thu, chi ngân sách nhà nước và phân bổ dự toán ngân sách cấp tỉnh theo quy định tại khoản 1, 2, điểm b và điểm c khoản 9 Điều 31 Luật Ngân sách nhà nước. Chậm nhất 05 ngày làm việc kể từ ngày Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định dự toán ngân sách, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao dự toán thu, chi ngân sách năm sau cho từng cơ quan, đơn vị thuộc cấp mình và cấp xã (theo quy định tại khoản 5 Điều 32 Luật Ngân sách nhà nước, đồng thời báo cáo Bộ Tài chính về dự toán ngân sách đã được Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao.	

Nghị định số 163/2016/NĐ-CP, Nghị định số 45/2017/NĐ-CP và Nghị định số 149/2025/NĐ-CP	Dự thảo Nghị định quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước năm 2025	Thuyết minh
12. Chậm nhất là 05 ngày làm việc, kể từ ngày Hội đồng nhân dân quyết định dự toán ngân sách, Ủy ban nhân dân cùng cấp giao dự toán thu, chi ngân sách năm sau cho từng cơ quan, đơn vị thuộc cấp mình và cấp dưới; đồng thời, báo cáo Ủy ban nhân dân và cơ quan tài chính cấp trên trực tiếp, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh báo cáo Bộ Tài chính về dự toán ngân sách đã được Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định. 13. Trước ngày 31 tháng 12, các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan khác ở trung ương, Ủy ban nhân dân các cấp ở địa phương phải hoàn thành việc giao dự toán ngân sách cho từng cơ quan, đơn vị trực thuộc và Ủy ban nhân dân cấp dưới, trừ trường hợp quy định tại Điều 27 của Nghị định này.	11. Chậm nhất sau 10 ngày kể từ ngày Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định dự toán và phân bổ ngân sách, căn cứ quyết định giao dự toán ngân sách của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Hội đồng nhân dân cấp và quyết định dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn, thu, chi ngân sách cấp xã và phân bổ dự toán ngân sách cấp xã. Chậm nhất sau 05 ngày làm việc kể từ ngày Hội đồng nhân dân cấp xã quyết định dự toán ngân sách, Ủy ban nhân dân cấp xã giao dự toán thu, chi ngân sách cho từng cơ quan, đơn vị trực thuộc, đồng thời báo cáo Sở Tài chính về dự toán ngân sách đã được Hội đồng nhân dân cấp xã quyết định và Ủy ban nhân dân cấp xã giao. Bổ khoản này	
Điều 23. Lập dự toán ngân sách tại các đơn vị dự toán ngân sách và các tổ chức được ngân sách hỗ trợ 1. Các đơn vị sử dụng ngân sách, chủ đầu tư lập dự toán thu, chi ngân sách thuộc phạm vi nhiệm vụ được giao, gửi cơ quan quản lý cấp trên trực tiếp. 2. Đối với đơn vị sử dụng ngân sách được cấp có thẩm quyền cho thực hiện quản lý ngân sách theo kết quả thực hiện nhiệm vụ, thì phải lập riêng phần kinh phí này cho từng nhiệm vụ, dịch vụ và sản phẩm cụ thể. Việc lập dự toán cho từng nhiệm vụ, dịch vụ, sản phẩm phải căn cứ yêu cầu về kết quả, tiêu chuẩn kỹ thuật, thời gian hoàn thành cụ thể cho từng nhiệm vụ, dịch vụ, sản phẩm; định mức kỹ thuật kinh tế, chế độ, định mức chi tiêu theo quy định hiện hành hoặc giá trị của nhiệm vụ, dịch vụ, sản phẩm tương đương, cùng loại. 3. Cơ quan quản lý cấp trên trực tiếp (trường hợp không phải là đơn vị dự toán cấp I) xem xét, tổng hợp dự toán của các đơn vị cấp dưới trực thuộc gửi đơn vị dự toán cấp I. 4. Các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ lập dự toán thu, chi ngân sách thuộc phạm vi nhiệm vụ được giao gửi cơ quan tài chính, cơ quan kế hoạch và đầu tư cùng cấp.	Điều 13. Lập dự toán ngân sách tại các đơn vị dự toán ngân sách và các tổ chức được ngân sách hỗ trợ 1. Các đơn vị sử dụng ngân sách, chủ đầu tư lập dự toán thu, chi ngân sách thuộc phạm vi nhiệm vụ được giao, chịu trách nhiệm về cơ sở pháp lý và đề xuất số liệu dự toán, gửi cơ quan quản lý đơn vị dự toán ngân sách cấp trên trực tiếp. Trường hợp đơn vị sử dụng ngân sách là cơ quan hành chính nhà nước được giao thực hiện hoạt động cung cấp dịch vụ, thu phí thì phải lập riêng dự toán kinh phí thực hiện nhiệm vụ cung cấp dịch vụ, thu phí. Trường hợp đơn vị sử dụng ngân sách được cấp có thẩm quyền cho phép thực hiện quản lý ngân sách theo kết quả thực hiện nhiệm vụ theo quy định tại Điều 5 Nghị định này, thì phải lập riêng phần kinh phí cho từng nhiệm vụ, dịch vụ và sản phẩm cụ thể. 2. Cơ quan quản lý cấp trên trực tiếp (trường hợp không phải là đơn vị dự toán cấp I) xem xét, tổng hợp dự toán thu, chi ngân sách của các đơn vị thuộc phạm vi quản lý, chịu trách nhiệm về hồ sơ và số liệu báo cáo, của các đơn vị cấp dưới trực thuộc gửi đơn vị dự toán cấp I. Bổ khoản này	

Nghị định số 163/2016/NĐ-CP, Nghị định số 45/2017/NĐ-CP và Nghị định số 149/2025/NĐ-CP	Dự thảo Nghị định quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước năm 2025	Thuyết minh
5. Các đơn vị dự toán cấp I xem xét dự toán do các đơn vị cấp dưới trực thuộc lập; tổng hợp và lập dự toán thu, chi ngân sách thuộc phạm vi quản lý gửi cơ quan tài chính, cơ quan kế hoạch và đầu tư cùng cấp. 6. Dự toán thu, chi ngân sách được lập phải đáp ứng đúng yêu cầu lập dự toán ngân sách nhà nước quy định tại Điều 42 Luật ngân sách nhà nước.	3. Đối với đơn vị được giao quản lý tài sản kết cấu hạ tầng, đơn vị được phân cấp quản lý vận hành khai thác, bảo trì tài sản kết cấu hạ tầng, đơn vị được giao thực hiện nhiệm vụ lập dự toán kinh phí thực hiện nhiệm vụ, gửi cơ quan quản lý nhà nước về lĩnh vực hoạt động chuyên môn tương ứng để xem xét, tổng hợp riêng với dự toán chi ngân sách của cơ quan quản lý nhà nước. 45. Các đơn vị dự toán cấp I xem xét, tổng hợp dự toán thu, chi ngân sách do các đơn vị cấp dưới trực thuộc và các đơn vị quy định tại khoản 3 Điều này lập, chịu trách nhiệm về hồ sơ và số liệu báo cáo, lập tổng hợp và lập dự toán thu, chi ngân sách thuộc phạm vi quản lý gửi cơ quan tài chính, cơ quan kế hoạch và đầu tư cùng cấp. 65. Việc lập Dự toán thu, chi ngân sách nhà nước của các đơn vị được lập phải đáp ứng đúng yêu cầu lập dự toán ngân sách nhà nước phải đảm bảo căn cứ, yêu cầu quy định tại Điều 44 và khoản 2 Điều 45 Luật ngân sách nhà nước.	
Điều 24. Lập dự toán ngân sách nhà nước tại các cơ quan thu ngân sách 1. Cục Thuế: a) Lập dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn thuộc phạm vi quản lý, số thuế giá trị gia tăng phải hoàn theo chế độ thuộc phạm vi quản lý gửi Tổng cục Thuế, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Sở Tài chính, Sở Kế hoạch và Đầu tư; b) Hướng dẫn cơ quan thuế trực thuộc lập dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn gửi Ủy ban nhân dân, cơ quan tài chính và cơ quan kế hoạch và đầu tư, bảo đảm yêu cầu, nội dung và thời gian lập dự toán ngân sách của địa phương. 2. Cục Hải quan lập dự toán thu thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu, thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế giá trị gia tăng, thuế bảo vệ môi trường hàng nhập khẩu, các khoản thu khác có liên quan đến hoạt động xuất, nhập khẩu thuộc phạm vi quản lý và theo địa bàn từng tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương gửi Tổng cục Hải quan và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Sở Tài chính, Sở Kế hoạch và Đầu tư.	Điều 12. Lập dự toán ngân sách nhà nước tại các cơ quan thu ngân sách 1. Cơ quan Thuế tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương: a) Lập dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn thuộc phạm vi quản lý, số thuế giá trị gia tăng phải hoàn, dự toán hoàn thuế theo chế độ thuộc phạm vi quản lý gửi Tổng cục Thuế, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Sở Tài chính, Sở Kế hoạch và Đầu tư; b) Hướng dẫn cơ quan Thuế cơ sở trực thuộc lập dự toán thu ngân sách nhà nước thuộc phạm vi quản lý trên địa bàn gửi Ủy ban nhân dân, cơ quan tài chính cấp xã và cơ quan kế hoạch và đầu tư, bảo đảm yêu cầu, nội dung và thời gian lập dự toán ngân sách của địa phương. 2. Cục Cơ quan Hải quan lập dự toán thu ngân sách nhà nước từ thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu, thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế giá trị gia tăng, thuế bảo vệ môi trường hàng nhập khẩu, các khoản thu khác có liên quan đến hoạt động xuất, nhập khẩu theo chế độ thuộc phạm vi quản lý và theo địa bàn từng tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương thuộc phạm vi quản lý gửi Tổng cục Hải quan và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Sở Tài chính, Sở Kế hoạch và Đầu tư.	

Nghị định số 163/2016/NĐ-CP, Nghị định số 45/2017/NĐ-CP và Nghị định số 149/2023/NĐ-CP	Dự thảo Nghị định quy định chi tiết tại hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước năm 2023	Thuyết minh
3. Các cơ quan, đơn vị được cấp có thẩm quyền giao thu ngân sách nhà nước từ các khoản phí, lệ phí phải lập dự toán thu các khoản thu phí, lệ phí được giao gửi cơ quan thuế và cơ quan tài chính cùng cấp.	3. Các cơ quan, đơn vị được cấp có thẩm quyền giao tổ chức thực hiện thu ngân sách nhà nước từ các khoản phí, lệ phí và các khoản thu khác thuộc ngân sách nhà nước theo quy định của pháp luật phải lập dự toán thu ngân sách thuộc phạm vi quản lý các khoản thu phí, lệ phí được giao gửi cơ quan thuế và cơ quan tài chính cùng cấp.	
Điều 25. Lập dự toán ngân sách địa phương 1. Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư xem xét dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn do các cơ quan thu ngân sách lập, dự toán thu, chi ngân sách của đơn vị dự toán cấp I thuộc phạm vi quản lý và dự toán thu, chi ngân sách của cấp xã; báo cáo Ủy ban nhân dân cấp tỉnh để trình Thường trực Hội đồng nhân dân cấp tỉnh xem xét, cho ý kiến. 2. Sau khi có ý kiến của Thường trực Hội đồng nhân dân cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh gửi báo cáo dự toán ngân sách địa phương đến Bộ Tài chính, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, các cơ quan quản lý chương trình mục tiêu quốc gia, chương trình mục tiêu đối với phần dự toán chi chương trình mục tiêu quốc gia, chương trình mục tiêu.	Khoản 2 Điều 14. Về lập dự toán ngân sách địa phương a) Cơ quan tài chính cấp xã chủ trì tổng hợp dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn do các cơ quan thu ngân sách lập, dự toán thu, chi ngân sách của đơn vị dự toán cấp I thuộc phạm vi quản lý và dự toán thu, chi ngân sách của cấp xã; báo cáo Ủy ban nhân dân cấp xã để trình Thường trực Hội đồng nhân dân cấp xã xem xét, cho ý kiến; Sau khi có ý kiến của Thường trực Hội đồng nhân dân cấp xã, Ủy ban nhân dân cấp xã gửi dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn, dự toán thu, chi ngân sách cấp xã đến Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Sở Tài chính. b) Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư xem xét tổng hợp dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn do các cơ quan thu ngân sách lập, dự toán thu, chi ngân sách của đơn vị dự toán cấp I thuộc phạm vi quản lý và dự toán thu, chi ngân sách của cấp xã huyện; lập dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn, dự toán thu, chi ngân sách địa phương báo cáo Ủy ban nhân dân cấp tỉnh để trình Thường trực Hội đồng nhân dân cấp tỉnh xem xét, cho ý kiến. 2-Sau khi có ý kiến của Thường trực Hội đồng nhân dân cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh gửi dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn, dự toán thu, chi ngân sách địa phương đến Bộ Tài chính, Kiểm toán nhà nước, Bộ Khoa học và Công nghệ (đối với dự toán chi cho lĩnh vực khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số), các Bộ chủ chương trình mục tiêu quốc gia (đối với dự toán chi chương trình mục tiêu quốc gia), báo cáo dự toán ngân sách địa phương đến Bộ Tài chính, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, các cơ quan quản lý chương trình mục tiêu quốc gia, chương trình mục tiêu đối với phần dự toán chi chương trình mục tiêu quốc gia, chương trình mục tiêu.	
Điều 26. Lập dự toán ngân sách nhà nước, phương án phân bổ ngân sách trung ương 1. Bộ Tài chính chủ trì, phối hợp với Bộ Kế hoạch và Đầu tư và các bộ, cơ quan liên quan, tổng hợp và lập dự toán thu, chi ngân sách nhà nước, phương án phân bổ ngân sách trung ương trình Chính phủ theo các tài liệu quy định tại khoản 1 Điều 47 Luật ngân sách nhà nước.	Điều 14. Lập dự toán ngân sách nhà nước, phương án phân bổ ngân sách trung ương và lập dự toán ngân sách địa phương 1. Về lập dự toán ngân sách nhà nước, phương án phân bổ ngân sách trung ương: a)- Bộ Tài chính chủ trì, phối hợp với Bộ Kế hoạch và Đầu tư và các bộ, cơ quan liên quan, tổng hợp và lập dự toán thu, chi ngân sách nhà nước, phương án phân bổ ngân sách trung ương trình Chính phủ theo các tài liệu quy định tại khoản 1 Điều 49/47 Luật ngân sách nhà nước,	

Nghị định số 163/2016/NĐ-CP, Nghị định số 45/2017/NĐ-CP và Nghị định số 149/2025/NĐ-CP	Dự thảo Nghị định quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước năm 2025	Thuyết minh
2. Theo phân công của Chính phủ, thừa ủy quyền Thủ tướng Chính phủ, Bộ trưởng Bộ Tài chính thay mặt Chính phủ báo cáo và giải trình về lập dự toán thu, chi ngân sách nhà nước, phương án phân bổ ngân sách trung ương với Quốc hội và các cơ quan của Quốc hội theo quy định của pháp luật.	b) Theo phân công của Chính phủ, thừa ủy quyền Thủ tướng Chính phủ, Bộ trưởng Bộ Tài chính thay mặt Chính phủ báo cáo và giải trình về lập dự toán thu, chi ngân sách nhà nước, phương án phân bổ ngân sách trung ương với các cơ quan của Quốc hội và Quốc hội theo quy định của pháp luật; c) Các Hội, cơ quan trung ương chủ trì, phối hợp với Bộ Tài chính giải trình các nội dung để suất dự toán ngân sách nhà nước trong phạm vi ngành, lĩnh vực phụ trách khi được yêu cầu.	
Điều 27. Lập lại dự toán ngân sách nhà nước 1. Việc lập lại dự toán ngân sách nhà nước, phương án phân bổ ngân sách trung ương, dự toán ngân sách địa phương, phương án phân bổ ngân sách địa phương theo quy định tại Điều 48 Luật ngân sách nhà nước. 2. Thời gian lập lại dự toán ngân sách nhà nước, phương án phân bổ ngân sách trung ương do Quốc hội quyết định. 3. Thời gian lập lại dự toán ngân sách địa phương được thực hiện như sau: a) Đối với dự toán ngân sách nhà nước, phân bổ ngân sách trung ương đã được Quốc hội quyết định, Thủ tướng Chính phủ giao, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trình Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định dự toán ngân sách địa phương, phân bổ ngân sách cấp tỉnh trước ngày 10 tháng 12. Trường hợp Hội đồng nhân dân cấp tỉnh đề nghị Ủy ban nhân dân cấp tỉnh lập lại dự toán ngân sách địa phương, phương án phân bổ ngân sách cấp tỉnh trình Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định vào thời gian do Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định, nhưng phải trước ngày 20 tháng 12 năm trước;	Điều 16. Lập lại dự toán ngân sách nhà nước 1. Việc lập lại dự toán ngân sách nhà nước và phương án phân bổ ngân sách trung ương, dự toán ngân sách địa phương, phương án phân bổ ngân sách địa phương thực hiện theo quy định tại Điều 48-50 Luật ngân sách nhà nước thời gian lập lại do Quốc hội quyết định. Bổ khoản này 32. Việc Thời gian lập lại dự toán ngân sách địa phương và phương án phân bổ ngân sách cấp tỉnh được thực hiện như sau: a) Đối với dự toán ngân sách nhà nước, phân bổ ngân sách trung ương đã được Quốc hội quyết định, Thủ tướng Chính phủ giao, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trình Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định dự toán ngân sách địa phương, phân bổ ngân sách cấp tỉnh trước ngày 10 tháng 12. Trường hợp dự toán ngân sách địa phương và phương án phân bổ ngân sách cấp tỉnh chưa được Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định, đề nghị Ủy ban nhân dân cấp tỉnh lập lại dự toán đối với nội dung chưa được quyết định, ngân sách địa phương, phương án phân bổ ngân sách cấp tỉnh trình Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định vào thời gian do Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định, nhưng phải bảo đảm việc quyết định dự toán trước ngày 20/12 tháng 12 năm trước;	

Nghị định số 163/2016/NĐ-CP, Nghị định số 45/2017/NĐ-CP và Nghị định số 149/2025/NĐ-CP	Dự thảo Nghị định quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước năm 2025	Thuyết minh
b) Việc lập lại dự toán ngân sách địa phương, phân bổ ngân sách cấp minh theo quy định tại khoản 2 Điều này, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trình Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định dự toán ngân sách địa phương, phương án phân bổ ngân sách cấp tỉnh chậm nhất 15 ngày, kể từ ngày Thủ tướng Chính phủ giao dự toán ngân sách cho địa phương; c) Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định cụ thể thời gian giao lập lại dự toán ngân sách đối với cấp huyện và cấp xã, nhưng phải bảo đảm Hội đồng nhân dân cấp dưới quyết định dự toán ngân sách địa phương, phân bổ ngân sách cấp minh chậm nhất là 10 ngày, kể từ ngày Hội đồng nhân dân cấp trên trực tiếp quyết định dự toán và phân bổ ngân sách.	b) Trường hợp Thủ tướng Chính phủ giao dự toán thu, chi ngân sách năm sau cho các tỉnh, thành phố (trực thuộc trung ương muốn hơn thời hạn quy định tại khoản 5 Điều 46 của Luật Ngân sách nhà nước (sau ngày 20 tháng 11), Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trình dự toán ngân sách địa phương và phương án phân bổ ngân sách cấp tỉnh chậm nhất sau 5 ngày kể từ ngày được giao dự toán để Hội đồng nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định. Trường hợp chưa được Hội đồng nhân dân cấp tỉnh thông qua, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh lập lại dự toán đối với nội dung chưa được thông qua, trình Hội đồng nhân dân cấp tỉnh vào thời gian do Hội đồng nhân dân quyết định, nhưng phải bảo đảm việc quyết định dự toán hoàn thành trước ngày 18 tháng 12. c) Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định cụ thể thời gian lập lại dự toán ngân sách đối với cấp huyện và ngân sách cấp xã, bảo đảm việc trình, quyết định và giao dự toán ngân sách cho các cơ quan, đơn vị trực thuộc và đơn vị được giao dự toán tại cấp xã hoàn thành trước ngày 31 tháng 12 theo quy định tại khoản 8 Điều 46 của Luật Ngân sách nhà nước, nhưng phải bảo đảm Hội đồng nhân dân cấp dưới quyết định dự toán ngân sách địa phương, phân bổ ngân sách cấp minh chậm nhất là 10 ngày, kể từ ngày Hội đồng nhân dân cấp trên trực tiếp quyết định dự toán và phân bổ ngân sách.	
Điều 28. Trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị trong việc lập dự toán ngân sách, phương án phân bổ dự toán ngân sách 1. Ủy ban nhân dân các cấp: a) Hướng dẫn, tổ chức và chỉ đạo các đơn vị trực thuộc, chính quyền cấp dưới lập dự toán thu, chi ngân sách thuộc phạm vi quản lý; phối hợp và chỉ đạo cơ quan thuế, hải quan ở địa phương lập dự toán thu ngân sách nhà nước, dự kiến số thuế giá trị gia tăng phải hoàn theo chế độ quy định; b) Lập dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn, dự toán thu, chi ngân sách địa phương; báo cáo Thường trực Hội đồng nhân dân xem xét trước khi báo cáo cơ quan hành chính nhà nước cấp trên; c) Căn cứ dự toán thu, chi ngân sách được cấp trên giao, trình Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định dự toán ngân sách địa phương và phương án phân bổ ngân sách cấp tỉnh, báo cáo cơ quan hành chính nhà nước, cơ quan tài chính, cơ quan kế hoạch và đầu tư cấp trên trực tiếp dự toán ngân sách địa phương và kết quả phân bổ dự toán ngân sách cấp minh đã được Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định; d) Căn cứ vào Nghị quyết của Hội đồng nhân dân cùng cấp, giao dự toán thu, chi ngân sách cho từng cơ quan, đơn vị trực thuộc, dự toán thu, chi và mức bổ sung ngân sách cho	Bổ Điều này	

Nghị định số 163/2016/NĐ-CP, Nghị định số 45/2017/NĐ-CP và Nghị định số 149/2025/NĐ-CP	Dự thảo Nghị định quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước năm 2025	Thuyết minh
d) Lập phương án điều chỉnh dự toán ngân sách dự phòng và phương án phân bổ dự toán thu, chi ngân sách cấp mình, trình Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định theo yêu cầu của cơ quan hành chính nhà nước cấp trên trong trường hợp Nghị quyết của Hội đồng nhân dân cùng cấp không phù hợp với dự toán thu, chi ngân sách cấp trên giao; e) Yêu cầu Hội đồng nhân dân cấp dưới điều chỉnh lại dự toán ngân sách trong trường hợp cần thiết. 2. Cơ quan tài chính các cấp: a) Chủ trì, phối hợp với cơ quan kế hoạch và đầu tư tổ chức thảo luận về dự toán ngân sách hằng năm với các cơ quan, đơn vị cùng cấp. Đối với năm đầu thời kỳ ổn định ngân sách, cơ quan tài chính chủ trì, phối hợp với cơ quan kế hoạch và đầu tư, cơ quan thuế và các cơ quan có liên quan tổ chức thảo luận với Ủy ban nhân dân cấp dưới trực tiếp để xác định dự toán thu, chi ngân sách, tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu phân chia giữa ngân sách cấp trên và ngân sách cấp dưới, số bổ sung cân đối ngân sách từ ngân sách cấp trên cho ngân sách cấp dưới. Đối với các năm tiếp theo trong thời kỳ ổn định ngân sách, cơ quan tài chính cấp trên tổ chức thảo luận với Ủy ban nhân dân cấp dưới trực tiếp khi Ủy ban nhân dân cấp dưới đề nghị. Trong quá trình thảo luận dự toán ngân sách, phương án phân bổ ngân sách, cơ quan tài chính có quyền yêu cầu bố trí lại những khoản thu, chi trong dự toán chưa đúng quy định của pháp luật, chưa đúng chế độ, tiêu chuẩn, chưa hợp lý, chưa tiết kiệm, chưa phù hợp với khả năng ngân sách và định hướng phát triển kinh tế - xã hội. Trường hợp còn ý kiến khác nhau giữa cơ quan tài chính với các cơ quan, đơn vị cùng cấp và Ủy ban nhân dân cấp b) Chủ trì, phối hợp với cơ quan kế hoạch và đầu tư và các cơ quan liên quan cùng cấp trong việc tổng hợp, lập dự toán ngân sách và phương án phân bổ dự toán ngân sách theo từng lĩnh vực của ngân sách cấp dưới. Trong chi đầu tư phát triển và chi thường xuyên phải tổng hợp, lập dự toán chi cụ thể cho các lĩnh vực giáo dục - đào tạo và dạy nghề, khoa học và công nghệ ở địa phương và trong phạm vi cả nước; c) Chủ trì, phối hợp với cơ quan kế hoạch và đầu tư và các cơ quan liên quan cùng cấp trong việc tổng hợp, lập dự toán ngân sách, phương án phân bổ dự toán ngân sách của cấp d) Phối hợp với cơ quan kế hoạch và đầu tư cùng cấp trong việc lập dự toán chi đầu tư phát triển của ngân sách cấp mình; đ) Bộ Tài chính thẩm định chương trình mục tiêu quốc gia, chương trình mục tiêu đối với phần chi thường xuyên do các cơ quan quản lý chương trình mục tiêu quốc gia, chương trình mục tiêu lập và tổng hợp dự toán, phương án phân bổ chi chương trình mục tiêu quốc gia, chương trình mục tiêu do Bộ Kế hoạch và Đầu tư gửi, trình Chính phủ; e) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan để xuất các phương án cân đối ngân sách và các biện pháp nhằm thực hiện chính sách tăng thu, tiết kiệm chi ngân sách; g) Bộ Tài chính kiểm tra nghị quyết về dự toán ngân sách của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh, có ý kiến đề nghị điều chỉnh lại dự toán ngân sách trong trường hợp cần thiết. Cơ quan tài chính các cấp ở địa phương kiểm tra nghị quyết về dự toán ngân sách của Hội đồng nhân dân cấp dưới để đề xuất ý kiến trình Ủy ban nhân dân cùng cấp, yêu cầu Hội đồng nhân dân cấp dưới điều chỉnh lại dự toán ngân sách trong trường hợp cần thiết. 3. Cơ quan kế hoạch và đầu tư các cấp:		

Nghị định số 163/2016/NĐ-CP, Nghị định số 45/2017/NĐ-CP và Nghị định số 149/2025/NĐ-CP	Dự thảo Nghị định quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước năm 2025	Thuyết minh
a) Bộ Kế hoạch và Đầu tư trình Chính phủ kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của cả nước và các cân đối chủ yếu của nền kinh tế quốc dân, trong đó có cân đối tài chính, tiền tệ, vốn đầu tư phát triển làm cơ sở cho việc xây dựng dự toán ngân sách; b) Cơ quan kế hoạch và đầu tư phối hợp với cơ quan tài chính cùng cấp trong việc tổng hợp, lập dự toán ngân sách cấp tỉnh; chỉ trì, phối hợp với cơ quan tài chính cùng cấp lập dự toán chi đầu tư phát triển, lập phương án phân bổ chi đầu tư xây dựng cơ bản; gửi cơ quan tài chính cùng cấp để tổng hợp lập dự toán ngân sách nhà nước và phương án phân bổ; c) Bộ Kế hoạch và Đầu tư thẩm định dự toán và phương án phân bổ chi chương trình mục tiêu quốc gia, chương trình mục tiêu đối với phần chi đầu tư xây dựng cơ bản do các cơ quan quản lý chương trình mục tiêu quốc gia, chương trình mục tiêu lập; tổng hợp dự toán và phương án phân bổ chi chương trình mục tiêu quốc gia, chương trình mục tiêu gửi Bộ 4. Cơ quan nhà nước trung ương và địa phương. a) Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan khác ở trung ương phối hợp với Bộ Tài chính trong việc xây dựng chế độ, tiêu chuẩn, định mức chi ngân sách nhà nước thuộc ngành, lĩnh vực phụ trách; b) Các cơ quan nhà nước trung ương và địa phương tổ chức lập dự toán thu, chi ngân sách thuộc phạm vi quản lý gửi cơ quan tài chính, cơ quan kế hoạch và đầu tư cùng cấp; lập dự toán chi các chương trình mục tiêu quốc gia, chương trình mục tiêu gửi cơ quan tài chính, cơ quan kế hoạch và đầu tư và cơ quan quản lý chương trình mục tiêu quốc gia, chương trình mục tiêu; phối hợp với cơ quan tài chính cùng cấp lập và phân bổ dự toán ngân sách theo lĩnh vực của ngân sách cấp tỉnh; c) Các cơ quan quản lý chương trình mục tiêu quốc gia, chương trình mục tiêu chủ trì, phối hợp với cơ quan tài chính, cơ quan kế hoạch và đầu tư lập dự toán và phương án phân bổ chi chương trình mục tiêu quốc gia, chương trình mục tiêu cho các đơn vị, địa phương gửi cơ quan tài chính, cơ quan kế hoạch và đầu tư cùng cấp để lồng hợp vào dự toán ngân sách và phương án phân bổ dự toán ngân sách trình cấp có thẩm quyền quyết định. Trường hợp còn có ý kiến khác nhau giữa cơ quan quản lý chương trình mục tiêu quốc gia, chương trình mục tiêu với ý kiến của Bộ Tài chính, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, thì cơ quan quản lý chương trình mục tiêu quốc gia, chương trình mục tiêu báo cáo Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định.		
	Điều 17. Tổ chức thảo luận dự toán ngân sách nhà nước 1. Các Bộ, cơ quan trung ương và các cơ quan, đơn vị ở địa phương tổ chức thảo luận dự toán ngân sách với các cơ quan, đơn vị trực thuộc theo quy định tại khoản 1 Điều 48 Luật Ngân sách nhà nước. 2. Cơ quan tài chính các cấp	

Nghị định số 163/2016/NĐ-CP, Nghị định số 45/2017/NĐ-CP và Nghị định số 149/2025/NĐ-CP	Dự thảo Nghị định quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước năm 2025	Thuyết minh
	a) Chủ trì tổ chức thảo luận về dự toán ngân sách hằng năm với các cơ quan, đơn vị cùng cấp và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (đối với Bộ Tài chính), Ủy ban nhân dân cấp xã (đối với Sở Tài chính) theo nội dung quy định tại khoản 2 Điều 48 Luật Ngân sách nhà nước. Sở Tài chính quyết định hình thức thảo luận dự toán ngân sách với Ủy ban nhân dân cấp xã phù hợp với tình hình thực tế tại địa phương. b) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan cùng cấp trong việc tổng hợp, lập dự toán ngân sách và phương án phân bổ dự toán ngân sách của ngân sách cấp mình báo cáo cấp có thẩm quyền theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước; c) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan đề xuất các phương án cải thiện ngân sách và các biện pháp nhằm thực hiện chính sách tăng thu, tiết kiệm chi ngân sách;	
Điều 29. Quyết định, giao dự toán ngân sách nhà nước 1. Căn cứ nghị quyết của Quốc hội về dự toán ngân sách, Thủ tướng Chính phủ giao dự toán thu, chi ngân sách cho từng bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan khác ở trung ương theo từng lĩnh vực; dự toán thu, chi, tổng mức vay để bù đắp bội chi và để trả nợ gốc của từng địa phương, tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu phân chia giữa ngân sách trung ương và ngân sách địa phương và mức bổ sung cân đối ngân sách, mức bổ sung có mục tiêu từ ngân sách trung ương cho từng địa phương trước ngày 20 tháng 11 năm trước. 2. Căn cứ quyết định giao dự toán ngân sách của Thủ tướng Chính phủ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trình Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định dự toán ngân sách địa phương, phương án phân bổ dự toán ngân sách cấp tỉnh, mức bổ sung từ ngân sách cấp tỉnh cho ngân sách cấp dưới và tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu giữa ngân sách các cấp chính quyền địa phương trước ngày 10 tháng 12 năm trước; báo cáo Bộ Tài chính, Bộ Kế hoạch và Đầu tư dự toán ngân sách địa phương và kết quả phân bổ dự toán ngân sách cấp tỉnh đã được Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định. 3. Căn cứ vào nghị quyết của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định giao dự toán thu, chi ngân sách cho từng cơ quan, đơn vị trực thuộc tỉnh; dự toán thu, chi ngân sách, tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu giữa ngân sách các cấp chính quyền địa phương; mức bổ sung từ ngân sách cấp tỉnh cho từng huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố thuộc thành phố trực thuộc trung ương.	Bổ Điều này	

Nghị định số 163/2016/NĐ-CP, Nghị định số 43/2017/NĐ-CP và Nghị định số 149/2025/NĐ-CP	Dự thảo Nghị định quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước năm 2025	Thuyết minh
4. Sau khi nhận được quyết định giao dự toán ngân sách của Ủy ban nhân dân cấp trên, Ủy ban nhân dân trình Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định dự toán ngân sách địa phương và phương án phân bổ ngân sách cấp mình, bảo đảm dự toán ngân sách cấp xã được quyết định trước ngày 31 tháng 12 năm trước. Sau khi dự toán ngân sách được Hội đồng nhân dân quyết định, Ủy ban nhân dân cùng cấp báo cáo Ủy ban nhân dân và cơ quan tài chính cấp trên trực tiếp về dự toán ngân sách đã được Hội đồng nhân dân quyết định.		
Điều 30. Mẫu biểu lập dự toán ngân sách nhà nước Giao Bộ Tài chính quy định cụ thể hệ thống mẫu biểu lập, xây dựng, tổng hợp dự toán ngân sách nhà nước, phương án phân bổ ngân sách trung ương; dự toán ngân sách địa phương, phương án phân bổ ngân sách địa phương.	Điều 18. Mẫu biểu lập dự toán ngân sách nhà nước Giữ nguyên	
Chương IV. CHẤP HÀNH NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC	Chương VI. CHẤP HÀNH NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC	
Điều 31. Phân bổ và giao dự toán ngân sách nhà nước của đơn vị dự toán 1. Sau khi được Thủ tướng Chính phủ, Ủy ban nhân dân giao dự toán ngân sách, đơn vị dự toán cấp 1 ở trung ương và địa phương thực hiện phân bổ, giao dự toán ngân sách nhà nước cho các đơn vị sử dụng ngân sách trực thuộc và cấp dưới theo đúng quy trình, yêu cầu và thời hạn quy định tại Điều 49 và Điều 50 Luật ngân sách nhà nước. 2. Dự toán giao cho các đơn vị sử dụng ngân sách phải chi tiết theo từng lĩnh vực, nhiệm vụ chi. Trường hợp có các nhiệm vụ chi thực hiện quản lý ngân sách theo kết quả thực hiện nhiệm vụ, thì dự toán phải chi tiết theo từng nhiệm vụ, dịch vụ, sản phẩm.	Điều 19. Phân bổ và giao dự toán ngân sách nhà nước 1. Sau khi được Thủ tướng Chính phủ, Bộ Tài chính, Ủy ban nhân dân giao dự toán ngân sách, đơn vị dự toán cấp 1 ở trung ương và địa phương thực hiện phân bổ và giao dự toán ngân sách nhà nước cho các đơn vị, bảo đảm thời hạn và quy định tại Điều 52 Luật Ngân sách nhà nước, gửi cơ quan tài chính cùng cấp và Kho bạc Nhà nước nơi giao dịch để thực hiện. Các đơn vị được phân bổ và giao dự toán ngân sách bao gồm: a) Đơn vị sử dụng ngân sách thuộc phạm vi quản lý; b) Cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập được giao quản lý tài sản kết cấu hạ tầng theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công; đơn vị được phân cấp quản lý vận hành, khai thác, bảo trì tài sản kết cấu hạ tầng (theo quy định của pháp luật có liên quan; doanh nghiệp được giao quản lý tài sản kết cấu hạ tầng theo hình thức không tách thành phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp để thực hiện công tác bảo trì tài sản theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công; đơn vị được người có thẩm quyền giao thực hiện nhiệm vụ có sử dụng ngân sách nhà nước theo quy định của Luật Đầu tư công, Luật Xây dựng và pháp luật có liên quan; c) Đơn vị thuộc ngân sách cấp dưới trong trường hợp có ủy quyền thực hiện nhiệm vụ chi của mình theo quy định tại khoản 6 Điều 9 Luật Ngân sách nhà nước. 2. Ủy toán giao cho các đơn vị sử dụng ngân sách phải chi tiết theo từng lĩnh vực, nhiệm vụ chi. Trường hợp nhiệm vụ chi thực hiện quản lý ngân sách theo kết quả thực hiện nhiệm vụ, thì dự toán phải chi tiết theo từng nhiệm vụ, dịch vụ, sản phẩm; các nhiệm vụ chi ủy quyền thì dự toán phải chi tiết theo từng nhiệm vụ được ủy quyền.	Hướng dẫn khoản 3 Điều 10, khoản 9 Điều 25, khoản 1 Điều 31, khoản 3 Điều 38, khoản 2 Điều 59 và khoản 4 Điều 61 Luật NSNN số 89/2015/QH15

Nghị định số 163/2016/NĐ-CP, Nghị định số 45/2017/NĐ-CP và Nghị định số 149/2023/NĐ-CP	Dự thảo Nghị định quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước năm 2025	Thuyết minh
3. Trường hợp cơ quan quản lý nhà nước thuộc ngân sách cấp trên ủy quyền cho cơ quan quản lý nhà nước thuộc ngân sách cấp dưới thực hiện nhiệm vụ chỉ của mình thì cơ quan ủy quyền thực hiện phân bổ, giao dự toán cho cơ quan được ủy quyền như đối với các đơn vị sử dụng ngân sách trực thuộc của mình chi tiết theo từng nhiệm vụ được ủy quyền. 4. Cơ quan tài chính cũng cấp thực hiện kiểm tra dự toán đơn vị dự toán cấp I đã giao cho các đơn vị sử dụng ngân sách chậm nhất là 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được báo cáo phân bổ của đơn vị dự toán ngân sách. Trường hợp phát hiện việc phân bổ không đúng tổng mức và chi tiết theo từng lĩnh vực, nhiệm vụ của dự toán ngân sách đã được giao; không đúng chính sách, chế độ quy định thì yêu cầu đơn vị dự toán cấp I điều chỉnh lại. 5. Giao Bộ Tài chính quy định cụ thể mẫu biểu giao dự toán cho các cơ quan, tổ chức, đơn vị.	Bộ khoản này 3. Cơ quan tài chính cũng cấp thực hiện kiểm tra, có ý kiến đối với dự toán của đơn vị dự toán cấp I đã giao cho các đơn vị sử dụng ngân sách theo quy định tại khoản 2 Điều 51 Luật Ngân sách nhà nước sau khi nhận được báo cáo kèm theo thuyết minh phân bổ dự toán của đơn vị dự toán ngân sách. chậm nhất là 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được báo cáo phân bổ của đơn vị dự toán ngân sách. Trường hợp phát hiện việc phân bổ không đúng tổng mức và chi tiết theo từng lĩnh vực, nhiệm vụ của dự toán ngân sách đã được giao; không đúng chính sách, chế độ quy định thì yêu cầu đơn vị dự toán cấp I điều chỉnh lại. 4. Bộ Tài chính quy định cụ thể nội dung báo cáo, thuyết minh phân bổ của đơn vị dự toán ngân sách, mẫu biểu giao dự toán của đơn vị dự toán cấp I cho đơn vị sử dụng ngân sách, hạch toán kế toán và nhập dữ liệu dự toán đã giao cho các đơn vị sử dụng ngân sách trên hệ thống thông tin quản lý ngân sách và kho bạc.	
Điều 32. Tổ chức thu ngân sách nhà nước 1. Tổ chức quản lý và thực hiện thu thuế, phí, lệ phí và các khoản thu khác nộp trực tiếp vào Kho bạc Nhà nước. Trường hợp được phép thu qua ủy nhiệm thu thì phải nộp đầy đủ, đúng thời hạn vào Kho bạc Nhà nước theo quy định của Bộ Tài chính. 2. Các khoản viện trợ không hoàn lại bằng tiền phát thu nộp kịp thời vào ngân sách nhà nước, trường hợp theo hiệp định hoặc thỏa thuận tài trợ có quy định giải ngân trực tiếp đến chương trình, dự án, thì định kỳ phải hạch toán đầy đủ vào ngân sách nhà nước theo quy định của Bộ Tài chính. 3. Kho bạc Nhà nước được mở tài khoản tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và ngân hàng thương mại theo quy định tại Điều 40 Nghị định này để tập trung các khoản thu của ngân sách nhà nước; hạch toán đầy đủ, kịp thời các khoản thu vào ngân sách, điều tiết các khoản thu cho ngân sách các cấp theo đúng quy định.	Điều 20. Tổ chức thu ngân sách nhà nước 1. Tổ chức quản lý và thực hiện thu thuế, phí, lệ phí và các khoản thu khác thuộc ngân sách nhà nước theo quy định của pháp luật nộp trực tiếp vào Kho bạc Nhà nước. Trường hợp được phép thu qua ủy nhiệm thu thì phải nộp đầy đủ, đúng thời hạn vào Kho bạc Nhà nước theo quy định của Bộ Tài chính. 2. Các khoản viện trợ không hoàn lại bằng tiền của Chính phủ các nước, các tổ chức, cá nhân ngoài nước cho Nhà nước, Chính phủ Việt Nam và chính quyền địa phương phải thu nộp kịp thời vào ngân sách nhà nước, trường hợp theo hiệp định hoặc thỏa thuận tài trợ có quy định giải ngân trực tiếp đến chương trình, dự án, thì định kỳ phải hạch toán đầy đủ vào ngân sách nhà nước theo quy định của Bộ Tài chính. 3. Kho bạc Nhà nước được mở tài khoản tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và ngân hàng thương mại theo quy định tại Điều 40 Nghị định này để tập trung các khoản thu của ngân sách nhà nước; hạch toán đầy đủ, kịp thời các khoản thu vào ngân sách, điều tiết các khoản thu cho ngân sách các cấp theo đúng quy định.	

Nghị định số 163/2016/NĐ-CP, Nghị định số 45/2017/NĐ-CP và Nghị định số 149/2025/NĐ-CP	Dự thảo Nghị định quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước năm 2025	Thuyết minh
4. Giao Bộ Tài chính quy định cụ thể về việc tổ chức thu và hạch toán kế toán đối với các khoản thu, viện trợ không hoàn lại vào Kho bạc Nhà nước.	4. Giao Bộ Tài chính quy định cụ thể về việc tổ chức thu, và hạch toán kế toán đối với các khoản thu, hoàn trả các khoản thu, viện trợ không hoàn lại vào Kho bạc Nhà nước.	
Điều 33. Quản lý, hạch toán vay của ngân sách nhà nước 1. Các khoản vay của ngân sách nhà nước được quản lý, hạch toán theo dõi trên tài khoản của từng cấp ngân sách. Trường hợp có khoản vay ngoài nước theo hiệp định hoặc thỏa thuận tài trợ quy định giải ngân trực tiếp đến chương trình, dự án, thì định kỳ phải hạch toán vào ngân sách nhà nước theo quy định của Bộ Tài chính. 2. Liên Bộ Tài chính quy định chi tiết việc quản lý, hạch toán kế toán đối với các khoản vay của ngân sách nhà nước.	Bỏ quy định	
Điều 34. Tổ chức chi ngân sách nhà nước 1. Cơ quan tài chính, Kho bạc Nhà nước có trách nhiệm kiểm tra, kiểm soát và thanh toán đầy đủ, kịp thời theo tiến độ thực hiện các nhiệm vụ chi đã bố trí trong dự toán. Thủ trưởng cơ quan tài chính, Kho bạc Nhà nước có quyền từ chối các khoản chi không đủ điều kiện chi theo quy định tại khoản 2 Điều 12 Luật ngân sách nhà nước, chịu trách nhiệm và quyết định của mình theo quy định của pháp luật và phải thông báo kịp thời cho cơ quan, tổ chức, đơn vị biết. Trường hợp cơ quan, tổ chức, đơn vị bị từ chối chi không đồng nhất với quyết định của cơ quan tài chính, Kho bạc Nhà nước, thì cơ quan, tổ chức, đơn vị có quyền báo cáo với cơ quan giao dự toán trực tiếp và cơ quan tài chính, Kho bạc Nhà nước cấp trên để xem xét xử lý.	Điều 21. Tổ chức chi ngân sách nhà nước 2. Căn cứ hồ sơ đề nghị chi của Thủ trưởng đơn vị sử dụng ngân sách, Kho bạc Nhà nước kiểm tra hồ sơ, đối chiếu với dự toán đã giao cho đơn vị và thực hiện thanh toán theo đề nghị; có quyền từ chối các khoản chi không đủ điều kiện chi, không có trong dự toán, trừ trường hợp tạm rấp ngân sách theo quy định tại Điều 53 Luật Ngân sách nhà nước. 3. Bộ Tài chính quy định chi tiết về kiểm tra chuyên ngành việc thực hiện dự toán được giao và chấp hành điều kiện chi ngân sách nhà nước của đơn vị sử dụng ngân sách.	

Nghị định số 163/2016/NĐ-CP, Nghị định số 45/2017/NĐ-CP và Nghị định số 149/2015/NĐ-CP	Dự thảo Nghị định quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước năm 2025	Thuyết minh
2. Các cơ quan, tổ chức, đơn vị dự toán ngân sách không chấp hành đầy đủ kịp thời chế độ báo cáo kế toán, quyết toán, báo cáo tài chính khác theo quy định, cơ quan tài chính có quyền yêu cầu Kho bạc Nhà nước tạm đình chỉ chi ngân sách, trừ các khoản chi lương, phụ cấp, trợ cấp xã hội, học bổng và một số khoản chi cấp thiết theo quy định của Bộ Tài chính và chịu trách nhiệm về quyết định của mình. Khi quyết định tạm đình chỉ chi ngân sách, cơ quan tài chính đồng thời thông báo cho cơ quan quản lý cấp trên của các cơ quan, tổ chức, đơn vị bị tạm đình chỉ chi biết. 3. Việc tạm ứng vốn, kinh phí thực hiện theo quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều 56 Luật ngân sách nhà nước và phải thu hồi tạm ứng ngay khi có đủ điều kiện chi theo quy định.	4. Việc tạm cấp ngân sách thực hiện theo quy định tại Điều 53 của Luật Ngân sách nhà nước: a) Căn cứ đề nghị của đơn vị sử dụng ngân sách, Kho bạc Nhà nước nơi giao dịch thực hiện tạm cấp ngân sách cho các nhiệm vụ chi lương, các khoản có tính chất tiền lương và chi nghiệp vụ phí, công vụ phí quy định tại điểm a và điểm b khoản 2 Điều 53 Luật Ngân sách nhà nước; b) Căn cứ đề nghị của đơn vị dự toán cấp 1, cơ quan tài chính cùng cấp có ý kiến bằng văn bản về việc tạm cấp ngân sách cho các nhiệm vụ chi quy định tại điểm d và điểm đ khoản 2 Điều 53 Luật Ngân sách nhà nước, gửi Kho bạc Nhà nước để thực hiện tạm cấp; c) Căn cứ đề nghị của Ủy ban nhân dân các cấp, Bộ Tài chính (đối với đề nghị của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh) và Sở Tài chính (đối với đề nghị của Ủy ban nhân dân cấp xã) có ý kiến bằng văn bản về việc tạm cấp số bổ sung cần đối từ ngân sách cấp trên cho ngân sách cấp dưới theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 53 Luật Ngân sách nhà nước, gửi Kho bạc Nhà nước để thực hiện; d) Sau khi dự toán ngân sách được cấp có thẩm quyền giao, Kho bạc Nhà nước hạch toán thu hồi các khoản kinh phí đã tạm cấp tại điểm a, b và c khoản này. 25. Trường hợp các cơ quan, tổ chức, đơn vị dự toán ngân sách không chấp hành đầy đủ kịp thời chế độ báo cáo kế toán, quyết toán, báo cáo tài chính và báo cáo khác theo quy định, cơ quan tài chính có quyền yêu cầu Kho bạc Nhà nước tạm đình chỉ chi ngân sách, trừ các khoản chi lương, phụ cấp, trợ cấp xã hội, học bổng và một số khoản chi cấp thiết theo quy định của Bộ Tài chính và chịu trách nhiệm về quyết định của mình. Khi quyết định tạm đình chỉ chi ngân sách, cơ quan tài chính đồng thời thông báo cho cơ quan quản lý cấp trên của các cơ quan, tổ chức, đơn vị bị tạm đình chỉ chi biết. 6. Việc tạm ứng và thu hồi vốn, kinh phí cho các đơn vị sử dụng ngân sách, chủ đầu tư thực hiện các nhiệm vụ chi thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 58 Luật Ngân sách nhà nước. Trường hợp đến hết thời gian chính lý quyết toán mà chưa thu hồi hết số vốn, kinh phí đã tạm ứng, việc xử lý số dư tạm ứng thực hiện theo quy định tại điểm c khoản 3 Điều 30 Nghị định này.	

Nghị định số 163/2016/NĐ-CP, Nghị định số 45/2017/NĐ-CP và Nghị định số 149/2025/NĐ-CP	Dự thảo Nghị định quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước năm 2025	Thuyết minh
4. Các nhiệm vụ chi có tính chất thường xuyên phải chia đều trong năm để chi; các nhiệm vụ chi đầu tư xây dựng cơ bản, mua sắm, sửa chữa lớn và các khoản chi không thường xuyên khác được đảm bảo nguồn thanh toán theo tiến độ thực hiện và trong phạm vi dự toán được giao. 5. Chi ngân sách nhà nước thực hiện theo nguyên tắc thanh toán trực tiếp từ Kho bạc Nhà nước cho người hưởng lương, phụ cấp, trợ cấp và người cung cấp hàng hóa, dịch vụ. Trường hợp một số khoản chi chưa có đủ điều kiện thực hiện việc thanh toán trực tiếp từ Kho bạc Nhà nước, đơn vị sử dụng ngân sách được tạm ứng kinh phí để chi động chi theo dự toán được giao, sau đó đơn vị thanh toán với Kho bạc Nhà nước theo đúng quy định của Bộ Tài chính. Riêng đối với các khoản chi từ nguồn vốn vay ngoài nước của Chính phủ, viện trợ không hoàn lại theo hiệp định hoặc thỏa thuận tài trợ có quy định giải ngân qua ngân hàng phục vụ để chuyển tiền trực tiếp cho chương trình, dự án, trường hợp được bố trí trong dự toán chi đầu tư cũng thực hiện theo quy định của Chính phủ về quản lý, thanh toán, quyết toán dự án sử dụng vốn đầu tư công; trường hợp được bố trí trong dự toán chi thường xuyên, căn cứ đề nghị của đơn vị sử dụng ngân sách Kho bạc Nhà nước hạch toán đồng thời ghi thu, ghi chi ngân sách nhà nước. 6. Đối với các khoản chi đầu tư xây dựng cơ bản: a) Căn cứ vào dự toán công trình, hạng mục công trình được cấp có thẩm quyền quyết định và dự toán ngân sách được giao, giá trị khối lượng đã thực hiện và điều kiện chi ngân sách, chủ đầu tư lập hồ sơ gửi Kho bạc Nhà nước nơi giao dịch đề nghị thanh toán nếu đã đủ điều kiện chi theo quy định tại khoản 2 Điều 12 hoặc đề nghị tạm ứng vốn theo quy định tại khoản 2 Điều 36 Luật ngân sách nhà nước; b) Kho bạc Nhà nước kiểm tra số dư dự toán và tính hợp pháp của hồ sơ, tài liệu của chủ đầu tư gửi đến và các điều kiện chi theo quy định tại khoản 2 Điều 12 hoặc đề nghị tạm ứng vốn theo quy định tại khoản 2 Điều 36 Luật ngân sách nhà nước thực hiện xuất quỹ và hạch toán chi ngân sách theo quy định. 7. Đối với các khoản chi thực hiện quản lý theo kết quả thực hiện nhiệm vụ được thực hiện như sau:	4. 1. Căn cứ các điều kiện chi ngân sách nhà nước quy định tại khoản 2 Điều 12 Luật Ngân sách nhà nước, Thủ tướng đơn vị sử dụng ngân sách quy định tại khoản 1 Điều 19 Nghị định này lập hồ sơ đề nghị chi gửi Kho bạc Nhà nước để thanh toán hoặc tạm ứng theo quy định. Các nhiệm vụ chi phát sinh có tính chất thường xuyên phải chia đều trong năm để chi; các nhiệm vụ chi đầu tư phát triển xây dựng cơ bản, mua sắm, sửa chữa lớn, các nhiệm vụ chi ngân sách nhà nước theo quy định tại Điều 40 Luật Ngân sách nhà nước và các khoản chi không phải sinh thường xuyên khác được đảm bảo nguồn thanh toán theo tiến độ thực hiện và trong phạm vi dự toán được giao. 9. Đối với các khoản chi từ nguồn vốn vay ngoài nước của Chính phủ, viện trợ không hoàn lại theo hiệp định hoặc thỏa thuận tài trợ có quy định giải ngân qua ngân hàng phục vụ để chuyển tiền trực tiếp cho chương trình, dự án, trường hợp được bố trí trong dự toán chi đầu tư cũng thực hiện theo quy định của Chính phủ về quản lý, thanh toán, quyết toán dự án sử dụng vốn đầu tư công; trường hợp được bố trí trong dự toán chi thường xuyên, căn cứ đề nghị của đơn vị sử dụng ngân sách Kho bạc Nhà nước hạch toán đồng thời ghi thu, ghi chi ngân sách nhà nước. 7. Đối với các khoản chi đầu tư phát triển: a) Việc chi cho các chương trình, dự án, nhiệm vụ thuộc đối tượng đầu tư công (không bao gồm các nhiệm vụ quy định tại điểm b và điểm c khoản này) thực hiện theo quy định của Chính phủ về quản lý, thanh toán, quyết toán chương trình, nhiệm vụ, dự án sử dụng vốn đầu tư công; b) Việc chi cấp bù lãi suất, phí quản lý cho ngân hàng chính sách được thực hiện theo tiến độ và trong phạm vi dự toán được giao; c) Việc chi cấp vốn điều lệ cho các ngân hàng chính sách, quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách và hỗ trợ đầu tư cho các đối tượng khác theo quyết định của Chính phủ hoặc Thủ tướng Chính phủ được thực hiện trong phạm vi dự toán được giao và theo quy định của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ có liên quan; d) Các khoản chi đầu tư phát triển khác được thực hiện theo tiến độ và trong phạm vi dự toán được giao. 8. Đối với các khoản chi thực hiện quản lý theo kết quả thực hiện nhiệm vụ được thực hiện như sau:	

Nghị định số 163/2016/NĐ-CP, Nghị định số 45/2017/NĐ-CP và Nghị định số 149/2025/NĐ-CP	Dự thảo Nghị định quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước năm 2025	Thuyết minh
a) Căn cứ vào dự toán được giao, hợp đồng, thỏa thuận đã ký kết, tiến độ, khối lượng, chất lượng triển khai thực hiện nhiệm vụ, dịch vụ, sản phẩm, thủ trưởng đơn vị sử dụng ngân sách quyết định chi và chịu trách nhiệm về quyết định của mình, gửi hồ sơ đề nghị Kho bạc Nhà nước nơi giao dịch thanh toán hoặc tạm ứng theo chế độ quy định; b) Kho bạc Nhà nước kiểm tra số dư dự toán và tính hợp pháp của hồ sơ đề nghị của đơn vị gửi, thực hiện xuất quỹ và hạch toán chi hoặc tạm ứng ngân sách theo quy định.	Căn cứ vào dự toán được giao, hợp đồng, thỏa thuận đã ký kết, tiến độ triển khai thực hiện nhiệm vụ, dịch vụ, sản phẩm và mức độ đạt được các chỉ tiêu kết quả đã được cơ quan giao nhiệm vụ phê duyệt, thủ trưởng đơn vị sử dụng ngân sách lập hồ sơ đề nghị chi gửi Kho bạc Nhà nước nơi giao dịch để thanh toán hoặc tạm ứng theo chế độ quy định 9. Đối với các khoản chi từ nguồn vốn vay ngoài nước của Chính phủ, viện trợ không hoàn lại theo hiệp định hoặc thỏa thuận tài trợ có quy định gửi ngân qua ngân hàng nước ngoài để chuyển tiền trực tiếp cho chương trình, dự án, trường hợp được bố trí trong dự toán chi đầu tư công thực hiện theo quy định của Chính phủ về quản lý, thanh toán, quyết toán dự án sử dụng vốn đầu tư công; trường hợp được bố trí trong dự toán chi thường xuyên, căn cứ đề nghị của đơn vị sử dụng ngân sách Kho bạc Nhà nước hạch toán ghi thu, ghi chi ngân sách nhà	
8. Đối với các khoản chi thường xuyên: a) Căn cứ điều kiện chi ngân sách và tiến độ triển khai công việc, thủ trưởng đơn vị sử dụng ngân sách quyết định chi, gửi hồ sơ đề nghị Kho bạc Nhà nước nơi giao dịch thanh toán hoặc tạm ứng theo chế độ quy định; b) Kho bạc Nhà nước kiểm tra số dư dự toán, tính hợp pháp của hồ sơ do đơn vị gửi đến và các điều kiện chi theo quy định tại khoản 2 Điều 12 Luật ngân sách nhà nước, thực hiện xuất quỹ và hạch toán chi hoặc tạm ứng ngân sách theo quy định. 9. Đối với chi bổ sung từ ngân sách cấp trên cho ngân sách cấp dưới, thực hiện rút dự toán tại Kho bạc Nhà nước. 10. Đối với chi kinh phí ủy quyền: a) Việc thanh toán các khoản kinh phí ủy quyền của đơn vị nhận ủy quyền áp dụng theo quy định tại khoản 6, 7 và khoản 8 Điều này; b) Kho bạc Nhà nước và đơn vị được ủy quyền thực hiện kế toán, báo cáo riêng các khoản chi về kinh phí ủy quyền. 11. Đối với chi trả nợ lãi, phí và chi phí phát sinh khác từ các khoản vay của ngân sách nhà nước thực hiện theo quy định tại Điều 35 của Nghị định này.	Bỏ Bỏ 10. Đối với chi bổ sung từ ngân sách cấp trên cho ngân sách cấp dưới, cơ quan tài chính cấp dưới thực hiện rút dự toán tại Kho bạc Nhà nước. Bỏ Bỏ Bỏ Bỏ	

Nghị định số 163/2016/NĐ-CP, Nghị định số 45/2017/NĐ-CP và Nghị định số 149/2025/NĐ-CP	Dự thảo Nghị định quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước năm 2025	Thuyết minh
12. Giao Bộ Tài chính quy định chi tiết và hướng dẫn quy trình, thủ tục, hạch toán kế toán, kiểm soát chi ngân sách đối với các nhiệm vụ chi đầu tư xuyên, chi đầu tư xây dựng cơ bản, chi trả nợ, chi hỗ trợ doanh nghiệp và các nhiệm vụ chi có tính chất đặc thù khác của ngân sách nhà nước, chi bổ sung từ ngân sách cấp trên cho ngân sách cấp dưới.	11. Đối với các khoản chi dự trữ quốc gia thực hiện theo quy định của pháp luật về dự trữ quốc gia và pháp luật khác có liên quan. 12. Giao Bộ Tài chính quy định chi tiết và hướng dẫn quy trình, thủ tục, hồ sơ đề nghị chi, hạch toán kế toán, kiểm soát chi ngân sách thanh toán đối với các nhiệm vụ chi thường xuyên, chi đầu tư phát triển xây dựng cơ bản, chi dự trữ quốc gia, chi từ nguồn vốn vay, viện trợ nước ngoài, chi kinh phí ủy quyền và chi trả nợ, chi hỗ trợ doanh nghiệp và các nhiệm vụ chi có tính chất đặc thù khác của ngân sách nhà nước, chi bổ sung từ ngân sách cấp trên cho ngân sách cấp dưới quy định chi tiết về tổ chức thực hiện công tác kế toán ngân sách nhà nước.	
Điều 35. Quản lý, hạch toán, chi trả nợ vay của ngân sách nhà nước 1. Nợ lãi, phí và chi phí phát sinh khác từ các khoản vay được chi trả theo thực tế phát sinh và trong phạm vi dự toán. 2. Nợ gốc các khoản vay đến hạn được chi trả đúng hạn phải trả theo cam kết quy định, hợp đồng đã ký và trong phạm vi dự toán được cấp có thẩm quyền quyết định theo quy định tại khoản 1 Điều 5 của Nghị định này. 3. Hạch toán các khoản chi trả nợ: a) Các khoản chi trả nợ lãi, phí và chi phí phát sinh khác từ các khoản vay được hạch toán vào chi ngân sách nhà nước; b) Các khoản chi trả nợ gốc được hạch toán giảm số dư nợ của ngân sách nhà nước, không hạch toán vào chi ngân sách nhà nước; c) Giao Bộ Tài chính quy định chi tiết hạch toán chi trả nợ gốc, chi trả nợ lãi, phí và các chi phí phát sinh khác từ các khoản vay của ngân sách nhà nước.	Bỏ Bỏ Bỏ Bỏ Bỏ Bỏ Bỏ	
Điều 36. Tổ chức điều hành ngân sách nhà nước 1. Cơ quan tài chính có trách nhiệm bảo đảm nguồn để thanh toán kịp thời các khoản chi theo dự toán. Trường hợp quỹ ngân sách thiếu hụt tạm thời được xử lý như sau: a) Xử lý thiếu hụt tạm thời quỹ ngân sách trung ương: Bộ Tài chính tạm ứng quỹ dự trữ tài chính của trung ương và các nguồn tài chính hợp pháp khác, bao gồm cả phát hành tín phiếu Kho bạc Nhà nước và phải hoàn trả trong năm ngân sách. Trường hợp sau khi tạm ứng quỹ dự trữ tài chính của trung ương và các nguồn tài chính hợp pháp khác, bao gồm cả phát hành tín phiếu Kho bạc Nhà nước, mà vẫn còn thiếu nguồn, Bộ Tài chính báo cáo Thủ tướng Chính phủ quyết định tạm ứng từ Ngân hàng Nhà nước Việt Nam theo quy định tại khoản 1 Điều 58 Luật ngân sách nhà nước;	Điều 22. Tổ chức điều hành ngân sách nhà nước Giao nguyên a) Xử lý thiếu hụt tạm thời Đối với quỹ ngân sách trung ương: Bộ Tài chính tạm ứng quỹ dự trữ tài chính của trung ương, ngân quỹ nhà nước và các nguồn tài chính hợp pháp khác để xử lý, bao gồm cả phát hành tín phiếu Kho bạc Nhà nước và phải hoàn trả trong năm ngân sách. Trường hợp sau khi tạm ứng từ các nguồn này quỹ dự trữ tài chính của trung ương và các nguồn tài chính hợp pháp khác, bao gồm cả phát hành tín phiếu Kho bạc Nhà nước, mà vẫn còn thiếu nguồn, Bộ Tài chính báo cáo Thủ tướng Chính phủ quyết định tạm ứng từ Ngân hàng Nhà nước Việt Nam theo quy định tại khoản 1 Điều 6058 Luật ngân sách nhà nước;	

Nghị định số 163/2016/NĐ-CP, Nghị định số 45/2017/NĐ-CP và Nghị định số 149/2025/NĐ-CP	Dự thảo Nghị định quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước năm 2025	Thuyết minh
b) Xử lý thiếu hụt tạm thời quỹ ngân sách cấp tỉnh: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định tạm ứng từ quỹ dự trữ tài chính cấp tỉnh và các nguồn tài chính hợp pháp khác và phải hoàn trả trong năm ngân sách. Trường hợp sau khi tạm ứng từ quỹ dự trữ tài chính cấp tỉnh và các nguồn tài chính hợp pháp khác mà vẫn thiếu nguồn, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh báo cáo Bộ Tài chính để tạm ứng từ quỹ dự trữ tài chính của trung ương hoặc tạm ứng ngân sách trung ương và phải hoàn trả trong năm ngân sách; c) Xử lý thiếu hụt tạm thời quỹ ngân sách cấp huyện: Trên cơ sở đề nghị của Ủy ban nhân dân cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định tạm ứng từ quỹ dự trữ tài chính cấp tỉnh, các nguồn tài chính hợp pháp khác hoặc tạm ứng ngân sách cấp tỉnh và thực hiện hoàn trả trong năm ngân sách; d) Xử lý thiếu hụt tạm thời quỹ ngân sách cấp xã: Trên cơ sở đề nghị của Ủy ban nhân dân cấp xã, Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định tạm ứng từ ngân sách cấp huyện cho ngân sách cấp xã và phải hoàn trả trong năm ngân sách. Trường hợp, ngân sách cấp huyện không đáp ứng được, Ủy ban nhân dân huyện đề nghị Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định tạm ứng từ quỹ dự trữ tài chính cấp tỉnh hoặc tạm ứng ngân sách cấp trên và phải hoàn trả trong năm ngân sách.	b) Xử lý thiếu hụt tạm thời Đối với quỹ ngân sách cấp tỉnh: Sở Tài chính trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định tạm ứng từ quỹ dự trữ tài chính cấp tỉnh và các nguồn tài chính hợp pháp khác của địa phương và phải hoàn trả trong năm ngân sách. Trường hợp sau khi tạm ứng từ các nguồn này còn quỹ dự trữ tài chính cấp tỉnh và các nguồn tài chính hợp pháp khác mà vẫn thiếu nguồn, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh đề nghị báo cáo Bộ Tài chính để tạm ứng từ quỹ dự trữ tài chính của trung ương hoặc tạm ứng ngân sách trung ương và các nguồn tài chính hợp pháp khác của trung ương. Số tạm ứng phải hoàn trả trong thời hạn được cơ quan có thẩm quyền quyết định, không quá 12 tháng kể từ ngày tạm ứng; Bổ quy định đe) Xử lý thiếu hụt tạm thời Đối với quỹ ngân sách cấp xã. Trên cơ sở Căn cứ đề nghị của Ủy ban nhân dân cấp xã, Ủy ban nhân dân cấp huyện Sở Tài chính trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định tạm ứng từ ngân sách cấp huyện cho ngân sách cấp xã từ quỹ dự trữ tài chính cấp tỉnh, ngân sách cấp tỉnh và các nguồn tài chính hợp pháp khác của địa phương và phải hoàn trả trong năm ngân sách. Trường hợp, ngân sách cấp huyện không đáp ứng được, Ủy ban nhân dân huyện đề nghị Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định tạm ứng từ quỹ dự trữ tài chính cấp tỉnh hoặc tạm ứng ngân sách cấp trên và phải hoàn trả trong năm ngân sách. Số tạm ứng phải hoàn trả trong thời hạn được cơ quan có thẩm quyền quyết định, không quá 12 tháng kể từ ngày tạm ứng.	

Nghị định số 163/2016/NĐ-CP, Nghị định số 45/2017/NĐ-CP và Nghị định số 149/2023/NĐ-CP	Dự thảo Nghị định quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước năm 2025	Thuyết minh
2. Trong quá trình chấp hành ngân sách nhà nước, trường hợp dự kiến số thu không đạt dự toán được Quốc hội, Hội đồng nhân dân quyết định, Chính phủ trình Ủy ban thường vụ Quốc hội quyết định điều chỉnh giảm một số khoản chi và báo cáo Quốc hội tại kỳ họp gần nhất; Ủy ban nhân dân trình Thường trực Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định điều chỉnh giảm một số khoản chi và báo cáo Hội đồng nhân dân tại kỳ họp gần nhất theo quy định tại điểm a khoản 2 và điểm a khoản 3 Điều 52 Luật ngân sách nhà nước. 3. Việc điều chỉnh dự toán đã giao cho các đơn vị sử dụng ngân sách được thực hiện theo quy định tại Điều 53 Luật ngân sách nhà nước. 4. Trường hợp chi đầu tư các chương trình, dự án sử dụng vốn ODA và vốn vay ưu đãi từ nhà tài trợ chưa được dự toán hoặc vượt so với dự toán được giao, Bộ Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, trình Chính phủ báo cáo Ủy ban thường vụ Quốc hội cho ý kiến trước khi thực hiện và báo cáo Quốc hội tại kỳ họp gần nhất. 5. Việc sử dụng quỹ dự trữ tài chính để đáp ứng các nhu cầu chi của ngân sách nhà nước thực hiện theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 11 Luật ngân sách nhà nước và Điều 8 của Nghị định này. 6. Kết thúc năm ngân sách, trường hợp có tăng thu và tiết kiệm chi ngân sách, Bộ Tài chính trình Chính phủ để báo cáo Ủy ban thường vụ Quốc hội, cơ quan tài chính địa phương trình Ủy ban nhân dân để báo cáo Thường trực Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định số bổ sung dự toán sử dụng thu ngân sách; phân bổ, sử dụng tăng thu, số tiết kiệm chi ngân sách theo quy định khoản 2 Điều 59 Luật Ngân sách nhà nước. 7. Việc thường vượt dự toán các khoản thu phân chia giữa ngân sách trung ương cho ngân sách địa phương được thực hiện theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 59 Luật ngân sách nhà nước và bảo đảm các nguyên tắc sau: a) Tổng thu ngân sách trung ương bằng so với dự toán Quốc hội quyết định; b) Tỷ lệ thường không quá 30% của số tăng thu phần ngân sách trung ương được hưởng, nhưng không vượt qua số tăng thu so với mức thực hiện năm trước. Căn cứ xét thường cho từng địa phương là tổng các khoản thu phân chia trên địa bàn địa phương, không tính riêng từng khoản thu.	2. Trình tự, thủ tục điều chỉnh nhiệm vụ thu, chi trong quá trình chấp hành ngân sách nhà nước: a) Trường hợp điều chỉnh dự toán thu, chi của một số Bộ, cơ quan trung ương và một số tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, nhưng không làm tăng tổng mức vay, bội chi ngân sách nhà nước theo quy định tại khoản 2 Điều 54 Luật Ngân sách nhà nước, Bộ Tài chính chủ trì xây dựng phương án điều chỉnh dự toán, trình Chính phủ quyết định điều chỉnh, định kỳ báo cáo Ủy ban Thường vụ Quốc hội và báo cáo Quốc hội tại kỳ họp gần nhất; b) Trường hợp điều chỉnh dự toán thu, chi ngân sách địa phương theo quy định tại khoản 3 Điều 54 Luật Ngân sách nhà nước, cơ quan tài chính địa phương chủ trì xây dựng phương án điều chỉnh dự toán thu, chi ngân sách địa phương, trình Ủy ban nhân dân cùng cấp quyết định điều chỉnh, định kỳ báo cáo Thường trực Hội đồng nhân dân và báo cáo Hội đồng nhân dân cùng cấp tại kỳ họp gần nhất theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 54 Luật Ngân sách nhà nước. 3. Việc điều chỉnh dự toán đã giao cho các đơn vị sử dụng ngân sách được thực hiện theo quy định tại Điều 53 Luật ngân sách nhà nước. 4. Trường hợp chi đầu tư các chương trình, dự án sử dụng vốn ODA và vốn vay ưu đãi từ nhà tài trợ chưa được dự toán hoặc vượt so với dự toán được giao, Bộ Tài chính Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, trình Chính phủ báo cáo Ủy ban thường vụ Quốc hội cho ý kiến trước khi thực hiện và báo cáo Quốc hội tại kỳ họp gần nhất. Gộp và sửa thành khoản 5. Trường hợp cần sử dụng quỹ dự trữ tài chính để đáp ứng các nhu cầu chi theo quy định tại khoản 2 Điều 11 Luật Ngân sách nhà nước, Bộ Tài chính trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định hoặc quyết định theo thẩm quyền việc sử dụng quỹ dự trữ tài chính trung ương. Sở Tài chính (trình Ủy ban nhân dân cùng cấp trình xem xét, quyết định việc sử dụng quỹ dự trữ tài chính cấp tỉnh theo quy định tại khoản 3 Điều 10 Nghị định này. Bỏ quy định Bỏ quy định Bỏ quy định	

Nghị định số 163/2016/NĐ-CP, Nghị định số 45/2017/NĐ-CP và Nghị định số 149/2025/NĐ-CP	Dự thảo Nghị định quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước năm 2025	Thuyết minh
8. Căn cứ vào mức thưởng do Ủy ban thường vụ Quốc hội quyết định, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh báo cáo Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định sử dụng số thưởng vượt thu được hưởng để đầu tư xây dựng các chương trình, dự án kết cấu hạ tầng, thực hiện các nhiệm vụ quan trọng, đường cho ngân sách cấp dưới.	Bộ quy định	
Điều 37. Nguyên tắc, tiêu chí, điều kiện và thẩm quyền quyết định ứng trước dự toán năm sau 1. Nguyên tắc ứng trước dự toán năm sau: a) Khi phân bổ dự toán năm sau, cơ quan có thẩm quyền giao dự toán phải bố trí đủ để thu hồi số vốn đã được ứng trước; trường hợp không bố trí hoặc bố trí không đủ để thu hồi hết số ngân sách đã ứng trước, thì cơ quan, đơn vị đó sẽ không được ứng tiếp dự toán năm sau; b) Mức ứng trước dự toán ngân sách năm sau tối đa không vượt quá 20% dự toán chi đầu tư xây dựng cơ bản năm thực hiện của các dự án, công trình xây dựng cơ bản thuộc kế hoạch đầu tư công trung hạn nguồn ngân sách nhà nước đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt; 2. Tiêu chí ứng trước dự toán năm sau: a) Các dự án quan trọng quốc gia; b) Các dự án, công trình xây dựng cơ bản cấp bách của trung ương và địa phương; 3. Điều kiện được ứng trước dự toán ngân sách năm sau: a) Phải đảm bảo cân đối được quỹ ngân sách của từng cấp; b) Dự án, công trình xây dựng cơ bản phải có đủ điều kiện thực hiện theo quy định của pháp luật về đầu tư công và xây dựng, thuộc kế hoạch đầu tư công trung hạn nguồn ngân sách nhà nước đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt, cần đẩy nhanh tiến độ; c) Không còn số dư ứng trước dự toán ngân sách.	Điều 23. Nguyên tắc, tiêu chí và điều kiện ứng trước dự toán ngân sách năm sau Giữ nguyên a) Ngân sách các cấp được ứng trước dự toán năm sau để thực hiện các chương trình, nhiệm vụ, dự án quan trọng, cấp bách theo quy định tại khoản 1 Điều 59 Luật Ngân sách nhà nước; đảm bảo tiết kiệm, hiệu quả; b) Mức ứng trước dự toán ngân sách năm sau tối đa không vượt quá 320% tổng dự toán chi của chương trình, nhiệm vụ, dự án đầu tư xây dựng cơ bản năm thực hiện của các dự án, công trình xây dựng cơ bản thuộc kế hoạch đầu tư công trung hạn nguồn ngân sách nhà nước đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt; Bổ sung điểm c) Khi phân bổ dự toán năm sau, cơ quan có thẩm quyền giao dự toán phải bố trí đủ để thu hồi số vốn đã được ứng trước; trường hợp không bố trí hoặc bố trí không đủ để thu hồi hết số ngân sách đã ứng trước, thì không được ứng tiếp dự toán năm sau cho các đơn vị còn dư ứng trước. Giữ nguyên a) Các chương trình, nhiệm vụ, dự án đầu tư đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt, đủ điều kiện thực hiện theo quy định của pháp luật về đầu tư công, xây dựng, ngân sách và các pháp luật khác có liên quan, cần đẩy nhanh tiến độ thực hiện; b) Các nhiệm vụ chỉ huy quan trọng, cấp bách đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt hoặc đã có chủ trương cần phải thực hiện ngay nhưng chưa được bố trí dự toán hoặc bố trí chưa đủ. Giữ nguyên Giữ nguyên Bổ Bổ	

Nghị định số 163/2016/NĐ-CP, Nghị định số 45/2017/NĐ-CP và Nghị định số 149/2015/NĐ-CP	Dự thảo Nghị định quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước năm 2025	Thuyết minh
đ) Chủ đầu tư dự án, công trình xây dựng cơ bản được ứng trước dự toán năm sau phải có hồ sơ, báo cáo thuyết minh về sự cần thiết phải ứng trước dự toán. 4. Thẩm quyền quyết định ứng trước dự toán ngân sách năm sau: a) Theo phân công của Chính phủ và trên cơ sở đề nghị của các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan khác ở trung ương và Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, Bộ Tài chính, Bộ Kế hoạch và Đầu tư chủ trì trình Chính phủ quyết định ứng trước dự toán ngân sách trung ương năm sau; định kỳ 06 tháng báo cáo Ủy ban Thường vụ Quốc hội, báo cáo Quốc hội tại kỳ họp gần nhất. b) Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định ứng trước dự toán ngân sách năm sau của cấp mình; định kỳ 06 tháng báo cáo Thường trực Hội đồng nhân dân, báo cáo Hội đồng nhân dân cùng cấp tại kỳ họp gần nhất.	đb) Cơ quan, đơn vị và chủ đầu tư dự án, công trình xây dựng cơ bản được ứng trước dự toán năm sau phải có hồ sơ, báo cáo thuyết minh về sự cần thiết phải ứng trước dự toán. Bỏ 4. Trên cơ sở đề nghị của các Bộ, cơ quan trung ương và Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, Bộ Tài chính chủ trì trình Chính phủ quyết định ứng trước dự toán ngân sách trung ương năm sau; tổng hợp, báo cáo Ủy ban Thường vụ Quốc hội, báo cáo Quốc hội cùng với báo cáo tình hình thực hiện ngân sách năm. 5. Trên cơ sở đề nghị của các cơ quan, đơn vị, cơ quan tài chính chủ trì trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định ứng trước dự toán ngân sách năm sau của cấp mình; báo cáo Thường trực Hội đồng nhân dân, báo cáo Hội đồng nhân dân cùng cấp cùng với báo cáo tình hình thực hiện ngân sách năm.	
	Điều 24. Phân bổ dự toán chưa chi tiết đầu năm 1. Dự toán chưa phân bổ chi tiết đầu năm là phần dự toán ngân sách đã được cấp có thẩm quyền quyết định, nhưng chưa đủ điều kiện để giao chi tiết cho cơ quan, đơn vị sử dụng ngân sách tại thời điểm giao dự toán đầu năm, bao gồm: a) Kinh phí thực hiện chính sách, chế độ, chương trình, nhiệm vụ do bộ, cơ quan trung ương quản lý ngành, lĩnh vực đề xuất nhưng cần tiếp tục hoàn thiện căn cứ pháp lý hoặc hướng dẫn để triển khai; b) Kinh phí thực hiện các chính sách, chế độ chi ngân sách dự kiến bao quát trong năm dự toán thuộc thẩm quyền của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh theo quy định tại điểm 1 khoản 9 Điều 31 của Luật Ngân sách nhà nước, nhưng đến thời điểm giao dự toán vẫn chưa được ban hành; c) Kinh phí thực hiện nhiệm vụ chi đã được cấp có thẩm quyền quyết định chủ trương thực hiện nhưng chưa đủ hồ sơ, điều kiện theo quy định để giao dự toán chi tiết ngay từ đầu năm;	

Nghị định số 163/2016/NĐ-CP, Nghị định số 45/2017/NĐ-CP và Nghị định số 149/2015/NĐ-CP	Dự thảo Nghị định quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước năm 2025	Thuyết minh
	d) Kinh phí thực hiện nhiệm vụ đã có định mức, tiêu chuẩn chi nhưng tại thời điểm lập dự toán chưa xác định được số lượng đối tượng thụ hưởng cụ thể. 2. Trên cơ sở phê duyệt của cấp có thẩm quyền đối với chính sách, chế độ, chương trình, nhiệm vụ đã được bố trí từ nguồn dự toán chưa phân bổ chi tiết đầu năm và tiến độ thực hiện, đơn vị sử dụng ngân sách có văn bản đề xuất bổ sung kinh phí, kèm theo thuyết minh chi tiết nội dung chi và các tài liệu có liên quan, gửi đơn vị dự toán cấp 1 để tổng hợp, báo cáo cơ quan tài chính cùng cấp. Riêng đối với lĩnh vực khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số, báo cáo cơ quan khoa học và công nghệ để tổng hợp gửi cơ quan tài chính. 3. Căn cứ đề nghị của đơn vị dự toán cấp 1, cơ quan khoa học và công nghệ cùng cấp, Bộ Tài chính có trách nhiệm rà soát, tổng hợp, báo cáo Thủ tướng Chính phủ, cơ quan tài chính các cấp ở địa phương có trách nhiệm rà soát, tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân cùng cấp xem xét, quyết định phân bổ từ nguồn dự toán chưa phân bổ chi tiết để bổ sung cho các nhiệm vụ chi thuộc trách nhiệm bảo đảm của ngân sách cấp mình. 4. Trường hợp nhiệm vụ chi thuộc trách nhiệm bảo đảm của ngân sách cấp trên, Ủy ban nhân dân cấp xã báo cáo Sở Tài chính để tổng hợp, trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, xử lý từ nguồn dự toán chưa phân bổ chi tiết của ngân sách cấp tỉnh. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh báo cáo Bộ Tài chính để tổng hợp, trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, xử lý từ nguồn dự toán chưa phân bổ chi tiết của ngân sách trung ương. 5. Đơn vị dự toán cấp 1 sau khi được cấp có thẩm quyền bổ sung dự toán từ nguồn dự toán chưa phân bổ chi tiết có trách nhiệm kịp thời phân bổ và giao dự toán chi tiết cho các đơn vị trực thuộc để thực hiện, bảo đảm đúng mục tiêu, nội dung chi và tiến độ thực hiện theo quy định tại Điều 51 và Điều 52 của Luật Ngân sách nhà nước.	
	6. Quy trình đề xuất bổ sung kinh phí, thực hiện theo quy trình lập dự toán quy định tại Chương II Nghị định này.	
	Điều 26. Phân bổ sử dụng nguồn tăng thu so với dự toán, dự toán chi còn lại của cấp ngân sách 1. Đối với ngân sách trung ương:	

Nghị định số 163/2016/NĐ-CP, Nghị định số 45/2017/NĐ-CP và Nghị định số 149/2025/NĐ-CP	Dự thảo Nghị định quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước năm 2025	Thuyết minh
	Trước ngày 28 tháng 2 hằng năm, Bộ Tài chính chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan tổng hợp, xây dựng phương án sử dụng số thu vượt dự toán và dự toán chi còn lại của ngân sách trung ương năm trước, trình Chính phủ xem xét, quyết định và báo cáo Ủy ban Thường vụ Quốc hội kết quả thực hiện, báo cáo Quốc 2. Đối với ngân sách địa phương: Trước ngày 28 tháng 2 hằng năm, cơ quan tài chính địa phương chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan xây dựng phương án sử dụng số thu vượt dự toán và dự toán chi còn lại của cấp ngân sách năm trước, trình Ủy ban nhân dân cùng cấp quyết định và báo cáo Thường trực Hội đồng nhân dân kết quả thực hiện, báo cáo Hội đồng nhân dân tại kỳ họp gần nhất. 3. Trường hợp trong năm ngân sách có điều chỉnh dự toán thu theo quy định tại Điều 54 của Luật Ngân sách nhà nước, việc tổng hợp, phân bổ và báo cáo tình hình sử dụng số thu vượt dự toán theo quy định tại các khoản 1, 2 và các điểm a, b khoản 5 Điều này phải đảm bảo không trùng lặp với các nội dung đã được phân bổ sử dụng trong quá trình thực hiện theo quyết định của cấp có thẩm quyền. 4. Trình tự, thủ tục phân bổ vốn cho các chương trình, nhiệm vụ, dự án ngoài kế hoạch đầu tư công trung hạn thực hiện theo quy định tại Điều 27 Nghị định này. 5. Thường vượt dự toán thu bằng năm: a) Việc thường vượt dự toán thu từ các khoản thu phân chia giữa ngân sách trung ương và ngân sách địa phương theo quy định tại các điểm a, b, c và d khoản 2 Điều 36 của Luật Ngân sách nhà nước được thực hiện khi ngân sách trung ương không bị hụt thu so với dự toán và địa phương có số thu thực hiện cao hơn dự toán do Thủ tướng Chính phủ giao; b) Việc thường vượt dự toán thu thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu qua biên giới dẫn liên thực hiện theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều 61 của Luật Ngân sách nhà nước, căn cứ vào chênh lệch số thu thực hiện lớn hơn số dự toán thu Thủ tướng Chính phủ giao; c) Căn cứ vào mức thường do Chính phủ quyết định, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định phương án sử dụng số được thường theo quy định tại Điểm c khoản 3 Điều 61 của Luật Ngân sách nhà nước. 6. Kết thúc năm ngân sách, căn cứ khả năng cân đối ngân sách, ngân sách cấp trên xem xét hỗ trợ ngân sách cấp dưới xử lý hụt thu trong các trường hợp sau:	

Nghị định số 163/2016/NĐ-CP, Nghị định số 45/2017/NĐ-CP và Nghị định số 149/2025/NĐ-CP	Dự thảo Nghị định quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước năm 2025	Thuyết minh
	a) Số thu thực hiện thấp hơn dự toán do nguyên nhân khách quan như thiên tai, thảm họa, dịch bệnh, thay đổi chính sách pháp luật của Nhà nước làm giảm thu, hoặc các trường hợp đặc biệt khác theo quyết định của Chính phủ; b) Ngân sách cấp dưới đã thực hiện điều chỉnh giảm nhiệm vụ chi theo quy định tại khoản 1 Điều 61 của Luật Ngân sách nhà nước và đã sử dụng tối đa các nguồn lực tài chính hợp pháp khác của địa phương nhưng chưa bảo đảm được cân đối ngân sách địa phương; c) Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tổng hợp, báo cáo số hụt thu, nguyên nhân và biện pháp xử lý theo quy định tại các điểm a và điểm b khoản này, gửi Bộ Tài chính để tổng hợp, trình Chính phủ xem xét, quyết định hỗ trợ từ ngân sách trung ương; Ủy ban nhân dân cấp xã gửi báo cáo cho Sở Tài chính để tổng hợp, trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét hỗ trợ từ ngân sách địa phương.	
Điều 3. Nguyên tắc phân bổ, sử dụng nguồn dự phòng ngân sách nhà nước, nguồn tăng thu, tiết kiệm chi ngân sách nhà nước hằng năm cho các chương trình, nhiệm vụ, dự án (Nghị định 149/2025/NĐ-CP) 1. Đúng thẩm quyền, mục tiêu, phạm vi, đối tượng, thứ tự ưu tiên theo quy định Điều 10 và Điều 39 Luật Ngân sách nhà nước 2. Ưu tiên phân bổ vốn tập trung, đồng bộ, chất lượng, tiết kiệm, hiệu quả và đảm bảo khả năng cân đối nguồn lực, công khai, minh bạch, không để thất thoát, lãng phí. 3. Địa phương nhận hỗ trợ vốn từ ngân sách cấp trên phải cân đối, bố trí đủ vốn từ ngân sách cấp mình và các nguồn tài chính hợp pháp khác để hoàn thành chương trình, nhiệm vụ, dự án theo đúng tiến độ, mục tiêu đầu tư được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt. Điều 4. Phân bổ, sử dụng vốn và trình tự, thời hạn đầu tư, thực hiện chương trình, nhiệm vụ, dự án (Nghị định 149/2025/NĐ-CP) 1. Phân bổ, sử dụng vốn thực hiện chương trình, nhiệm vụ, dự án:	Điều 27. Phân bổ, sử dụng nguồn dự phòng ngân sách nhà nước, nguồn tăng thu so với dự toán, dự toán chi còn lại của cấp ngân sách hằng năm cho các chương trình, nhiệm vụ, dự án ngoài kế hoạch đầu tư công trung hạn Chuyển thành khoản 1. Nguyên tắc phân bổ, sử dụng: t a) Đúng thẩm quyền, mục tiêu, phạm vi, đối tượng, thứ tự ưu tiên theo quy định tại Điều 10 và Điều 39 61 Luật Ngân sách nhà nước 2: b) Ưu tiên phân bổ vốn tập trung, đồng bộ, chất lượng, tiết kiệm, hiệu quả và đảm bảo khả năng cân đối nguồn lực, công khai, minh bạch, không để thất thoát, lãng phí. Chuyển thành điểm c) Chuyển thành khoản 2. Phân bổ, sử dụng vốn thực hiện chương trình, nhiệm vụ, dự án từ nguồn dự phòng ngân sách nhà nước hằng năm Bỏ	

Nghị định số 163/2016/NĐ-CP, Nghị định số 45/2017/NĐ-CP và Nghị định số 149/2025/NĐ-CP	Dự thảo Nghị định quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước năm 2025	Thuyết minh
a) Đối với nguồn dự phòng ngân sách nhà nước hằng năm: Căn cứ quy định tại Điều 10 Luật Ngân sách nhà nước; trên cơ sở đề xuất bổ sung, hỗ trợ vốn từ nguồn dự phòng ngân sách nhà nước của các cơ quan, đơn vị và địa phương để thực hiện các chương trình, nhiệm vụ, dự án; Bộ Tài chính tổng hợp trình Thủ tướng Chính phủ (đối với ngân sách trung ương), cơ quan tài chính địa phương tổng hợp trình Ủy ban nhân dân (đối với ngân sách địa phương) quyết định sử dụng nguồn dự phòng ngân sách cấp minh để phân bổ vốn cho cơ quan, đơn vị và địa phương theo tổng mức hoặc chi tiết từng chương trình, nhiệm vụ, dự án. b) Đối với nguồn tăng thu, tiết kiệm chi ngân sách nhà nước hằng năm: Trên cơ sở khả năng cân đối nguồn tăng thu, tiết kiệm chi ngân sách nhà nước hằng năm cho các nhu cầu, nhiệm vụ chi theo quy định và đề xuất bổ sung, hỗ trợ vốn từ nguồn tăng thu, tiết kiệm chi ngân sách của các cơ quan, đơn vị và địa phương để thực hiện các chương trình, nhiệm vụ, dự án; Bộ Tài chính tổng hợp, bố trí vốn thực hiện các chương trình, nhiệm vụ, dự án trong phương án sử dụng số tăng thu, tiết kiệm chi của ngân sách trung ương trình Chính phủ báo cáo Ủy ban Thường vụ Quốc hội quyết định và báo cáo Quốc hội tại kỳ họp gần nhất. Cơ quan tài chính địa phương tổng hợp, bố trí vốn thực hiện các chương trình, nhiệm vụ, dự án trong phương án sử dụng số tăng thu, tiết kiệm chi của ngân sách địa phương trình Ủy ban nhân dân báo cáo Thường trực Hội đồng nhân dân quyết định và báo cáo Hội đồng nhân dân cùng cấp tại kỳ họp gần nhất; Căn cứ quyết định của Ủy ban Thường vụ Quốc hội và Thường trực Hội đồng nhân dân về phương án sử dụng số tăng thu, tiết kiệm chi ngân sách, Thủ tướng Chính phủ (đối với ngân sách trung ương), Ủy ban nhân dân (đối với ngân sách địa phương) quyết định phân bổ vốn cho cơ quan, đơn vị và địa phương cấp dưới theo tổng mức hoặc chi tiết từng chương trình, nhiệm vụ, dự án; 2. Trình tự, thủ tục đầu tư, quyết định chủ trương đầu tư, quyết định đầu tư và tổ chức thực hiện chương trình, nhiệm vụ, dự án thực hiện theo quy định của pháp luật về đầu tư công và pháp luật khác có liên quan. Điều 5. Việc quản lý, thanh toán, quyết toán (Nghị định 149/2025/NĐ-CP) Việc quản lý, thanh toán, quyết toán vốn thực hiện chương trình, nhiệm vụ, dự án theo quy định của pháp luật hiện hành.	a) Đối với nguồn dự phòng ngân sách nhà nước hằng năm: Căn cứ quy định tại Điều 10 Luật Ngân sách nhà nước; trên cơ sở đề xuất bổ sung, hỗ trợ vốn từ nguồn dự phòng ngân sách nhà nước của các cơ quan, đơn vị và địa phương để thực hiện các chương trình, nhiệm vụ, dự án; Bộ Tài chính tổng hợp trình Thủ tướng Chính phủ (đối với ngân sách trung ương), cơ quan tài chính địa phương tổng hợp trình Ủy ban nhân dân (đối với ngân sách địa phương) quyết định sử dụng nguồn dự phòng ngân sách cấp minh để phân bổ vốn cho cơ quan, đơn vị và địa phương theo tổng mức hoặc chi tiết từng chương trình, nhiệm vụ, dự án. Chuyển thành khoản 3. Phân bổ, sử dụng vốn thực hiện chương trình, nhiệm vụ, dự án từ nguồn tăng thu so với dự toán, dự toán chi còn lại của cấp ngân sách hằng năm: Trên cơ sở đề xuất của các cơ quan, đơn vị và địa phương, Bộ Tài chính (đối với ngân sách trung ương), cơ quan tài chính địa phương (đối với ngân sách địa phương) tổng hợp phương án phân bổ vốn cho các chương trình, nhiệm vụ, dự án ngoài kế hoạch đầu tư công trung hạn trong phương án sử dụng nguồn tăng thu so với dự toán và dự toán chi còn lại của ngân sách cấp minh theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị định này; 24. Trình tự, thủ tục đầu tư, quyết định chủ trương đầu tư, quyết định đầu tư và tổ chức thực hiện chương trình, nhiệm vụ, dự án thực hiện theo quy định của pháp luật về đầu tư công và pháp luật khác có liên quan. Gộp lại và chuyển thành khoản 5. Việc quản lý, thanh toán, quyết toán vốn thực hiện chương trình, nhiệm vụ, dự án theo quy định của pháp luật hiện hành.	
Điều 38. Quản lý, sử dụng ngân sách của các đơn vị sử dụng ngân sách 1. Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, các cơ quan khác ở trung ương và địa phương hướng dẫn, kiểm tra, theo dõi việc thực hiện ngân sách thuộc ngành, lĩnh vực do cơ quan quản lý và của các đơn vị trực thuộc; định kỳ báo cáo tình hình thực hiện thu, chi ngân sách và các báo cáo tài chính khác theo quy định của pháp luật.	Bộ quy định Bộ quy định	

Nghị định số 163/2016/NĐ-CP, Nghị định số 45/2017/NĐ-CP và Nghị định số 149/2025/NĐ-CP	Dự thảo Nghị định quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước năm 2025	Thuyết minh
2. Thủ trưởng đơn vị sử dụng ngân sách chịu trách nhiệm về việc quản lý, sử dụng ngân sách theo dự toán được giao bảo đảm hiệu quả, tiết kiệm, đúng chính sách, chế độ, tiêu chuẩn, định mức chi ngân sách; định kỳ, báo cáo đánh giá kết quả thực hiện dự toán ngân sách được giao cho cơ quan quản lý cấp trên trực tiếp. 3. Người phụ trách công tác tài chính, kế toán tại đơn vị sử dụng ngân sách có nhiệm vụ thực hiện đúng chế độ quản lý tài chính - ngân sách, chế độ kế toán nhà nước, chế độ kiểm tra nội bộ và có trách nhiệm ngăn ngừa, phát hiện và kiến nghị thủ trưởng đơn vị, cơ quan tài chính cùng cấp xử lý đối với những trường hợp vi phạm. 4. Thủ trưởng cơ quan, đơn vị, tổ chức và người phụ trách công tác tài chính, kế toán tại đơn vị sử dụng ngân sách quy định tại khoản 1, 2 và khoản 3 Điều này thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn được giao trong lĩnh vực tài chính - ngân sách và chịu trách nhiệm về những sai phạm thuộc phạm vi quản lý theo quy định của pháp luật.	Bổ quy định Bổ quy định Bổ quy định	
Điều 39. Mở tài khoản tại Kho bạc Nhà nước 1. Các đơn vị sử dụng ngân sách và các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ thường xuyên phải mở tài khoản tại Kho bạc Nhà nước, chịu sự kiểm tra, kiểm soát của cơ quan tài chính và Kho bạc Nhà nước trong quá trình thanh toán, sử dụng kinh phí. Trường hợp đơn vị sử dụng ngân sách, tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ thường xuyên được phép mở tài khoản tại ngân hàng để tập trung một số khoản thu thì phải quản lý và sử dụng theo đúng quy định của pháp luật. 2. Giao Bộ Tài chính quy định chi tiết và hướng dẫn về việc mở tài khoản tại Kho bạc Nhà nước.	Điều 28. Mở tài khoản tại Kho bạc Nhà nước 1. Các đơn vị sử dụng ngân sách và các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ thường xuyên phải mở tài khoản tại Kho bạc Nhà nước, chịu sự kiểm tra kiểm soát của cơ quan tài chính và Kho bạc Nhà nước trong quá trình thanh toán, sử dụng kinh phí. Trường hợp đơn vị sử dụng ngân sách, tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ thường xuyên được phép mở tài khoản tại ngân hàng để tập trung một số khoản thu thì phải quản lý và sử dụng theo đúng quy định của pháp luật. Giữ nguyên	
Điều 40. Mở tài khoản của Kho bạc Nhà nước tại ngân hàng 1. Kho bạc Nhà nước mở tài khoản tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và ngân hàng thương mại để tập trung các khoản thu, thanh toán, chi trả các khoản chi của ngân sách nhà nước. 2. Ngân hàng nơi Kho bạc Nhà nước mở tài khoản có trách nhiệm đảm bảo thanh toán, điều hòa tiền mặt, ngoại tệ cho Kho bạc Nhà nước đầy đủ, kịp thời theo nhiệm vụ thu, chi của ngân sách nhà nước. 3. Tiền gửi của Kho bạc Nhà nước tại ngân hàng được ngân hàng trả lãi như đối với các đơn vị, tổ chức kinh tế; các khoản thanh toán của Kho bạc Nhà nước qua ngân hàng phải trả phí thanh toán chu ngân hàng theo quy định của pháp luật.	Bổ quy định Bổ quy định Bổ quy định Bổ quy định	
Điều 41. Báo cáo tình hình chấp hành ngân sách nhà nước 1. Các cơ quan, tổ chức, đơn vị thực hiện báo cáo về tình hình chấp hành ngân sách nhà nước theo quy định tại Điều 60 Luật ngân sách nhà nước. 2. Mẫu biểu và thời hạn báo cáo áp dụng đối với các báo cáo quy định tại các khoản 1, 2, 3, 4, 5, 6 và khoản 7 Điều 60 Luật ngân sách nhà nước thực hiện theo quy định của Bộ Tài chính.	Điều 29. Chế độ báo cáo 1. Các cơ quan, tổ chức, đơn vị thực hiện báo cáo về tình hình chấp hành ngân sách nhà nước theo quy định tại Điều 62B Luật ngân sách nhà nước. 2. Bộ Tài chính quy định mẫu biểu và thời hạn báo cáo áp dụng đối với các báo cáo quy định tại các khoản 1, 2, 3, 4, 5, 6 và khoản 7 Điều 60 Luật ngân sách nhà nước thực hiện theo quy định của Bộ Tài chính.	

Nghị định số 163/2016/NĐ-CP, Nghị định số 45/2017/NĐ-CP và Nghị định số 149/2025/NĐ-CP	Dự thảo Nghị định quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước năm 2025	Thuyết minh
3. Mẫu biểu và thời hạn báo cáo áp dụng đối với các báo cáo quy định tại khoản 8 Điều 60 Luật ngân sách nhà nước thực hiện theo Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc ban hành quy chế lập, thẩm tra, trình Quốc hội quyết định dự toán ngân sách nhà nước, phương án phân bổ ngân sách trung ương và phê chuẩn quyết toán ngân sách nhà nước.	3. Mẫu biểu và thời hạn báo cáo áp dụng đối với các báo cáo quy định tại khoản 8 Điều 60 Luật ngân sách nhà nước thực hiện theo Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc ban hành quy chế lập, thẩm tra, trình Quốc hội quyết định dự toán ngân sách nhà nước, phương án phân bổ ngân sách trung ương và phê chuẩn quyết toán ngân sách nhà nước.	
Chương VI. KẾ TOÁN, KIỂM TOÁN VÀ QUYẾT TOÁN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC	Chương VI. KẾ TOÁN, KIỂM TOÁN VÀ QUYẾT TOÁN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC	Hướng dẫn khoản 9 Điều 25,
Điều 42. Khóa sổ kế toán và xử lý thu, chi ngân sách nhà nước cuối năm 1. Kết thúc năm ngân sách, các cơ quan, đơn vị, tổ chức có liên quan đến thu, chi ngân sách thực hiện khóa sổ kế toán và lập báo cáo quyết toán ngân sách nhà nước theo các nội dung dự toán được giao và theo Mục lục ngân sách nhà nước. Giao Bộ Tài chính quy định hệ thống mục lục ngân sách nhà nước. 2. Việc khóa sổ kế toán phải bảo đảm thực hiện theo các yêu cầu sau: a) Các khoản thu thuộc ngân sách các năm trước, nhưng nộp từ ngày 01 tháng 01 năm sau thì phải hạch toán và quyết toán vào thu ngân sách năm sau, trừ các khoản thu quy định tại khoản 4 Điều này; b) Hết thời gian chính lý quyết toán ngân sách, các khoản dự toán chi, bao gồm cả các khoản bổ sung trong năm, chưa thực hiện hoặc chưa chi hết phải hủy bỏ, trừ các trường hợp được chuyển nguồn sang năm sau để tiếp tục thực hiện theo quy định tại Điều 43 của Nghị định này;	Điều 30. Khóa sổ kế toán và xử lý thu, chi ngân sách nhà nước cuối năm 1. Kết thúc năm ngân sách, các cơ quan, đơn vị, tổ chức có liên quan đến thu, chi ngân sách thực hiện khóa sổ kế toán và xử lý thu chi ngân sách nhà nước cuối năm đảm bảo nội dung, yêu cầu quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều này. Lập báo cáo quyết toán ngân sách nhà nước theo các nội dung dự toán được giao và theo Mục lục ngân sách nhà nước. Giao Bộ Tài chính quy định hệ thống mục lục ngân sách nhà nước. Chuyển thành khoản 3. Việc khóa sổ kế toán phải bảo đảm thực hiện theo các yêu cầu sau: a) Các khoản thu thuộc ngân sách các năm trước, nhưng nộp từ ngày 01 tháng 01 năm sau thì phải hạch toán và quyết toán vào thu ngân sách năm sau, trừ các khoản thu quy định tại điểm a khoản 2 4-Điều này; b) Hết thời gian chính lý quyết toán ngân sách, các khoản dự toán chi, bao gồm cả các khoản bổ sung trong năm, chưa thực hiện, hoặc chưa chi hết hoặc hết nhiệm vụ chi phải hủy dự toán bỏ, trừ các trường hợp được chuyển nguồn sang năm sau để tiếp tục thực hiện theo quy định tại Điều 31 43 của Nghị định này;	khoản 5, Điều 66, khoản 6 Điều 69, khoản 2 Điều 74 Luật số 89/2025/QH15

Nghị định số 163/2016/NĐ-CP, Nghị định số 45/2017/NĐ-CP và Nghị định số 149/2025/NĐ-CP	Dự thảo Nghị định quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước năm 2025	Thuyết minh
c) Các khoản đã tạm ứng trong dự toán được thanh toán đến hết thời gian chính lý quyết toán; nếu hết thời gian chính lý quyết toán mà vẫn chưa đủ thủ tục thanh toán thì xử lý như sau: Trường hợp được chuyển nguồn sang năm sau theo quy định tại Điều 43 của Nghị định này, thì chuyển sang năm sau thực hiện; Trường hợp không được chuyển sang năm sau, thì đơn vị nộp lại ngân sách nhà nước trước ngày 15 tháng 02 năm sau. Sau thời hạn này, đơn vị chưa nộp, Kho bạc Nhà nước thực hiện thu hồi số tạm ứng bằng cách trừ lĩnh vực chi tương ứng thuộc dự toán ngân sách năm sau của đơn vị, nếu dự toán năm sau không bố trí lĩnh vực chi đó hoặc có bố trí nhưng ít hơn số phải thu hồi. Kho bạc Nhà nước thông báo cho cơ quan tài chính cùng cấp để xử lý; d) Các khoản tạm thu, tạm giữ thực hiện xử lý theo quyết định của cấp có thẩm quyền. Trường hợp đến hết ngày 31 tháng 12 số dư trên tài khoản tạm thu, tạm giữ mà chưa được cấp có thẩm quyền quyết định xử lý, được chuyển sang năm sau để theo dõi và xử lý tiếp theo quy định của pháp luật; đ) Đối với các loại vật tư, hàng hóa tồn kho tại các đơn vị dự toán đến cuối ngày 31 tháng 12 thực hiện kiểm kê theo quy định hiện hành và xử lý như sau: Giá trị đã mua hàng hoá, vật tư tồn kho được quyết toán vào chi ngân sách năm trước theo quy định. Trường hợp sử dụng tiếp cho năm sau, đơn vị tổ chức theo dõi chặt chẽ, sử dụng và có báo cáo riêng. Trường hợp không còn sử dụng tiếp cho năm sau, đơn vị thành lập hội đồng thanh lý bán, nộp tiền vào ngân sách nhà nước; đối với đơn vị sự nghiệp công lập được sử dụng theo quy định của pháp luật; e) Số dư tài khoản tiền gửi các khoản ngân sách cấp của đơn vị dự toán mở tại Kho bạc Nhà nước đến cuối ngày 31 tháng 12 được tiếp tục thanh toán theo quy định trong thời gian chính lý quyết toán. Đến hết thời gian chính lý quyết toán mà vẫn còn dư, thì phải nộp trả ngân sách nhà nước; trừ trường hợp được chuyển nguồn sang năm sau theo quy định tại Điều 43 của Nghị định này. Số dư trên tài khoản tiền gửi không thuộc ngân sách nhà nước cấp, được chuyển sang năm sau sử dụng theo quy định của pháp luật có liên quan. 3. Thời gian chính lý quyết toán ngân sách nhà nước kết thúc vào ngày 31 tháng 01 năm	c) Các khoản đã tạm ứng theo chế độ tạm ứng được thanh toán đến hết thời gian chính lý quyết toán; nếu hết thời gian chính lý quyết toán mà vẫn chưa đủ thủ tục thanh toán thì xử lý như sau: Trường hợp được chuyển nguồn sang năm sau theo quy định tại Điều 43 của Nghị định này, thì chuyển sang năm sau thực hiện; Đối với số dư tạm ứng vốn đầu tư công chưa thu hồi không đưa vào quyết toán, thì được chuyển sang năm sau để quản lý, thu hồi tạm ứng và quyết toán khối lượng, nhiệm vụ hoàn thành. Đối với tạm ứng kinh phí cho các nhiệm vụ đang trong quá trình thực hiện hợp đồng hoặc nhiệm vụ chỉ được chuyển nguồn sang năm sau (theo quy định tại Điều 31 Nghị định này, thì số dư tạm được chuyển sang năm sau để quản lý, thu hồi tạm ứng và quyết toán khối lượng, nhiệm vụ hoàn thành. Trường hợp không được chuyển sang số dư tạm ứng sang năm sau, thì cơ quan, tổ chức, đơn vị nộp lại ngân sách nhà nước trước ngày 15 tháng 02 năm sau. Sau thời hạn này, đơn vị chưa nộp, Kho bạc Nhà nước thực hiện thu hồi số tạm ứng bằng cách trừ lĩnh vực chi tương ứng thuộc dự toán ngân sách năm sau của cơ quan, tổ chức, đơn vị, trường hợp nếu dự toán năm sau không bố trí lĩnh vực chi đó hoặc có bố trí nhưng ít hơn số dư tạm ứng phải thu hồi, Kho bạc Nhà nước thông báo cho cơ quan tài chính cùng cấp để xử lý; Giữ nguyên đ) Đối với Các loại vật tư, hàng hóa tồn kho tại các đơn vị dự toán đến cuối ngày 31 tháng 12 năm thực hiện dự toán, cơ quan, tổ chức đơn vị thực hiện kiểm kê theo quy định hiện hành và xử lý như sau: Giá trị đã mua hàng hoá, vật tư tồn kho được quyết toán vào chi ngân sách năm thực hiện dự toán muốn theo quy định. Trường hợp sử dụng tiếp cho năm sau, cơ quan, đơn vị tổ chức theo dõi chặt chẽ, sử dụng và có báo cáo riêng. Trường hợp không còn sử dụng tiếp cho năm sau, cơ quan, tổ chức đơn vị thành lập hội đồng thanh lý bán, nộp tiền vào ngân sách nhà nước; đối với đơn vị sự nghiệp công lập được sử dụng theo quy định của pháp luật; e) Đến ngày 31 tháng 12 số dư tài khoản tiền gửi các khoản ngân sách cấp của đơn vị dự toán mở tại Kho bạc Nhà nước đến cuối ngày 31 tháng 12 được tiếp tục thanh toán theo quy định chi trong thời gian chính lý quyết toán. Đến hết thời gian chính lý quyết toán mà vẫn còn dư, thì phải nộp trả ngân sách nhà nước; trừ trường hợp nhiệm vụ chỉ được chuyển nguồn sang năm sau theo quy định tại Điều 31/43 của Nghị định này. Số dư trên tài khoản tiền gửi không thuộc ngân sách nhà nước cấp, được chuyển sang năm sau sử dụng theo quy định của pháp luật có liên quan. Đó	

Nghị định số 163/2016/NĐ-CP, Nghị định số 45/2017/NĐ-CP và Nghị định số 149/2025/NĐ-CP	Dự thảo Nghị định quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước năm 2025	Thuyết minh
4. Các cơ quan, đơn vị, tổ chức và các cấp ngân sách trong thời gian chính lý quyết toán thực hiện các nội dung sau: a) Hạch toán tiếp các khoản thu, chi ngân sách phát sinh từ ngày 31 tháng 12 trở về trước nhưng chúng từ đang luân chuyển; b) Hạch toán chi ngân sách các khoản tạm ứng đã đủ điều kiện chi, các khoản thanh toán cho công việc, khối lượng đã được thực hiện từ ngày 31 tháng 12 trở về trước được gộp trong dự toán ngân sách; c) Điều chỉnh các sai sót trong quá trình hạch toán kế toán.	42. Các cơ quan, đơn vị, tổ chức và các cấp ngân sách trong thời gian chính lý quyết toán (theo quy định tại khoản 2 Điều 66 Luật Ngân sách nhà nước thực hiện các nội dung sau: Giữ nguyên Giữ nguyên c) Đối với các đơn vị thực hiện cơ chế thực hiện cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập và chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế và kinh phí quản lý hành chính đối với các cơ quan nhà nước được thực hiện và hạch toán các khoản chi từ nguồn tiết kiệm kinh phí quản lý hành chính và phần phối kết quả tài chính của năm trước; ed) Điều chỉnh các sai sót trong quá trình hạch toán kế toán các khoản thu, chi ngân sách nhà nước.	
Điều 43. Chuyển nguồn ngân sách từ năm trước sang năm sau 1. Các khoản dự toán chưa thực hiện hoặc chưa chi hết, các khoản đã tạm ứng trong dự toán, số dư tài khoản tiền gửi đến hết thời gian chính lý quyết toán chưa thực hiện được hoặc chưa sử dụng hết, được chuyển sang năm sau tiếp tục sử dụng gồm: a) Chi đầu tư phát triển thực hiện chuyển sang năm sau theo quy định của Luật Đầu tư công. Trường hợp đặc biệt, Thủ tướng Chính phủ quyết định về việc cho phép chuyển nguồn sang năm sau nữa, nhưng không quá thời hạn giải ngân của dự án nằm trong kế hoạch đầu tư công trung hạn; b) Chi mua sắm trang thiết bị đã đầy đủ hồ sơ, hợp đồng mua sắm trang thiết bị ký trước ngày 31 tháng 12 năm thực hiện dự toán; chi mua tăng, mua bù hàng dự trữ quốc gia; c) Nguồn thực hiện chính sách tiền lương, phụ cấp, trợ cấp và các khoản tính theo tiền lương cơ sở, bảo trợ xã hội; d) Kinh phí được giao tự chủ của các đơn vị sự nghiệp công lập và các cơ quan nhà nước; các khoản viện trợ không hoàn lại đã xác định cụ thể nhiệm vụ chi;	Điều 31. Chuyển nguồn ngân sách từ năm trước sang năm sau 1. Đến hết thời gian chính lý quyết toán, các khoản dự toán chi ngân sách nhà nước, các khoản tạm ứng trong dự toán, số dư tài khoản tiền gửi các khoản ngân sách nhà nước cấp chưa thực hiện được hoặc chưa chi hết, được chuyển nguồn sang năm sau tiếp tục sử dụng, bao gồm: Chuyển thành b) Chi đầu tư phát triển thực hiện chuyển nguồn sang năm sau đối với kế hoạch vốn đầu tư công được kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân theo quy định của Luật Đầu tư công; Bổ sung điểm c) Các chương trình mục tiêu quốc gia đang trong thời gian thực hiện theo nghị quyết của Quốc hội nhưng không quá ngày 31 tháng 12 năm sau; Chuyển thành d) Chi mua sắm hàng hóa, dịch vụ (bao gồm thuê hàng hóa, dịch vụ), sửa chữa, cải tạo, nâng cấp, mở rộng, xây dựng mới hạng mục công trình trong các dự án đã đầu tư xây dựng, đặt hàng, giao nhiệm vụ đã đầy đủ hồ sơ, đã ký hợp đồng hoặc đã hoàn thành đấu thầu (theo quy định của pháp luật về đấu thầu trước ngày 31 tháng 12 năm thực hiện dự toán); Chuyển thành đ) Nguồn thực hiện chính sách tiền lương, phụ cấp, trợ cấp và các khoản tính theo tiền lương; nguồn thực hiện các chính sách an sinh xã hội; đ) e) Kinh phí được giao tự chủ của các đơn vị sự nghiệp công lập và các cơ quan nhà nước; các khoản viện trợ không hoàn lại đã xác định cụ thể nhiệm vụ chi;	

Nghị định số 163/2016/NĐ-CP, Nghị định số 45/2017/NĐ-CP và Nghị định số 149/2025/NĐ-CP	Dự thảo Nghị định quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước năm 2025	Thuyết minh
d) Các khoản dự toán được cấp có thẩm quyền bổ sung sau ngày 30 tháng 9 năm thực hiện dự toán, không bao gồm các khoản bổ sung do các đơn vị dự toán cấp trên điều chỉnh dự toán đã giao của các đơn vị dự toán trực thuộc; e) Kinh phí nghiên cứu khoa học bổ trợ cho các đề tài, dự án nghiên cứu khoa học được cấp có thẩm quyền quyết định đang trong thời gian thực hiện. 2. Các khoản tăng thu, tiết kiệm chi được sử dụng theo quy định tại khoản 2 Điều 59 của Luật Ngân sách nhà nước được cấp có thẩm quyền quyết định cho phép sử dụng vào năm sau.	Chuyển thành a) Các khoản dự toán được Thủ tướng Chính phủ, Ủy ban nhân dân các cấp bổ sung sau ngày 30 tháng 9 năm thực hiện dự toán, trừ trường hợp đã hết nhiệm vụ chi; Bổ quy định Bổ sung điểm g) Chi khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số; Bổ sung điểm h) Chi dự trữ quốc gia; Bổ sung điểm i) Các khoản chi viện trợ cho Chính phủ nước ngoài đã được cấp có thẩm quyền giao dự toán; Bổ sung điểm k) Các khoản chi từ nguồn viện trợ không hoàn lại của Chính phủ các nước, các tổ chức, cá nhân nước ngoài cho Nhà nước, Chính phủ Việt Nam và chính quyền địa phương, các khoản tài trợ, đóng góp tự nguyện của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước đã được xác định nhiệm vụ chi cụ thể; Bổ sung điểm l) Các khoản kinh phí phải hoàn trả ngân sách cấp trên theo kết luận, kiến nghị của cơ quan thanh tra, kiểm toán. Bổ sung điểm m) Số dư tạm ứng vốn đầu tư công chưa thu hồi; số dư tạm ứng kinh phí cho các nhiệm vụ đang trong quá trình thực hiện hợp đồng hoặc tạm ứng cho nhiệm vụ chi quy định tại các điểm a, b, c, d, đ, e, g, h, i, k và l khoản Bổ sung điểm n) Số dư tài khoản tiền gửi các khoản ngân sách nhà nước cấp cho các nhiệm vụ chi quy định tại các điểm a, b, c, d, đ, e, g, h, i, k và l khoản này. 2. Các khoản tăng thu so với dự toán, dự toán chi còn lại của cấp ngân sách được sử dụng theo quy định tại khoản 2 Điều 61 của Luật Ngân sách nhà nước, trường hợp phương án sử dụng đã được cấp có thẩm quyền quyết định sử dụng vào năm sau thì được chuyển nguồn sang ngân sách năm sau để thực hiện. Bổ sung khoản 3. Bộ Tài chính quy định cụ thể quy trình, thủ tục xử lý, hạch toán, kế toán chuyển nguồn sang năm sau.	
Điều 44. Yêu cầu, trình tự báo cáo quyết toán ngân sách nhà nước 1. Việc lập quyết toán ngân sách nhà nước phải bảo đảm các yêu cầu quy định tại Điều 65 Luật ngân sách nhà nước. 2. Đối với đơn vị sử dụng ngân sách thực hiện quản lý ngân sách nhà nước theo kết quả thực hiện nhiệm vụ được quyết toán theo sổ ngân sách nhà nước đã thực chi thực hiện nhiệm vụ	Điều 32. Yêu cầu, trình tự xét duyệt, tổng hợp, báo cáo quyết toán ngân sách nhà nước 1. Việc lập quyết toán ngân sách nhà nước phải bảo đảm các yêu cầu quy định tại Điều 67 của Luật ngân sách nhà nước. 2. Đối với đơn vị sử dụng ngân sách thực hiện quản lý ngân sách nhà nước theo kết quả thực hiện nhiệm vụ được quyết toán theo sổ ngân sách nhà nước đã thực chi thực hiện nhiệm vụ, kèm theo báo cáo kết quả đạt được và mức độ hoàn thành của các mục tiêu, chỉ tiêu, chất lượng, khối lượng sản phẩm, dịch vụ công đã được giao.	

Nghị định số 163/2016/NĐ-CP, Nghị định số 45/2017/NĐ-CP và Nghị định số 149/2025/NĐ-CP	Dự thảo Nghị định quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước năm 2025	Thuyết minh
3. Trình tự lập, xét duyệt, thẩm định quyết toán ngân sách của các đơn vị dự toán ngân sách: a) Đơn vị sử dụng ngân sách lập báo cáo quyết toán ngân sách theo chế độ quy định và gửi đơn vị dự toán cấp trên trực tiếp. Trường hợp cơ quan cấp dưới nhận kinh phí ủy quyền của cơ quan cấp trên, thì báo cáo quyết toán phần kinh phí ủy quyền với cơ quan cấp trên đã ủy quyền; b) Đơn vị dự toán cấp trên trực tiếp xét duyệt quyết toán ngân sách của đơn vị trực thuộc và thông báo kết quả xét duyệt gửi đơn vị được xét duyệt; tổng hợp, lập báo cáo quyết toán ngân sách thuộc phạm vi được giao quản lý, gửi đơn vị dự toán cấp trên trực tiếp; c) Đơn vị dự toán cấp I xét duyệt quyết toán ngân sách của đơn vị trực thuộc và thông báo kết quả xét duyệt gửi đơn vị được xét duyệt; tổng hợp, lập báo cáo quyết toán ngân sách thuộc phạm vi được giao quản lý, gửi cơ quan tài chính cùng cấp; d) Cơ quan tài chính thẩm định quyết toán ngân sách của các đơn vị dự toán cấp I thuộc cấp mình, thông báo thẩm định quyết toán ngân sách gửi đơn vị được thẩm định. Trường hợp đơn vị dự toán cấp I đồng thời là đơn vị sử dụng ngân sách, cơ quan tài chính xét duyệt quyết toán và thông báo kết quả xét duyệt quyết toán cho đơn vị được xét duyệt.	3. Trình tự lập, xét duyệt, tổng hợp thẩm định quyết toán ngân sách của các đơn vị dự toán ngân sách: a) Đơn vị sử dụng ngân sách lập báo cáo quyết toán ngân sách theo chế độ quy định và gửi đơn vị dự toán cấp trên trực tiếp, đơn vị giao dự toán. Trường hợp cơ quan cấp dưới nhận kinh phí ủy quyền của cơ quan cấp trên, thì báo cáo quyết toán phần kinh phí ủy quyền với cơ quan cấp trên đã ủy quyền; Bổ sung khoản b) Việc xét duyệt quyết toán được thực hiện theo khoản 2 Điều 69 Luật Ngân sách nhà nước; Chuyển thành điểm c) Đơn vị dự toán cấp trên trực tiếp của đơn vị sử dụng ngân sách, đơn vị giao dự toán thực hiện xét duyệt, ra thông báo xét duyệt quyết toán đối với đơn vị sử dụng ngân sách thuộc phạm vi quản lý, đơn vị giao dự toán theo quy định tại khoản 1 Điều 31 của Luật Ngân sách nhà nước; Bỏ quy định Bổ sung khoản d) Đơn vị dự toán cấp trên tổng hợp báo cáo quyết toán ngân sách nhà nước thuộc phạm vi quản lý đã được xét duyệt theo quy định tại khoản 2 Điều 69 của Luật Ngân sách nhà nước gửi đơn vị dự toán cấp trên trực tiếp; đối với đơn vị dự toán cấp I tổng hợp quyết toán của các đơn vị thuộc phạm vi quản lý và đơn vị được giao dự toán gửi cơ quan tài chính cùng cấp; Bỏ quy định Bổ sung khoản đ) Cơ quan tài chính các cấp kiểm tra quyết toán của đơn vị dự toán ngân sách cấp I về tính đầy đủ, khớp đúng giữa các số liệu quyết toán với xác nhận của Kho bạc Nhà nước; tổng hợp quyết toán năm của các đơn vị dự toán cấp I thuộc ngân sách cấp mình và quyết toán năm của ngân sách cấp dưới. Trường hợp đơn vị dự toán cấp I đồng thời là đơn vị sử dụng ngân sách, đơn vị lập báo cáo quyết toán gửi cơ quan tài chính để kiểm tra về tính đầy đủ, khớp đúng giữa các số liệu quyết toán với xác nhận của Kho bạc Nhà nước. Thủ trưởng đơn vị chịu trách nhiệm về quyết toán ngân sách của đơn vị mình.	
4. Trình tự lập, thẩm định quyết toán ngân sách đối với các chương trình, dự án đầu tư xây dựng cơ bản, dự án quan trọng quốc gia, chương trình, dự án, đề tài nghiên cứu khoa học và chương trình mục tiêu quốc gia:	4. Trình tự lập, xét duyệt, tổng hợp thẩm định quyết toán ngân sách đối với các chương trình, dự án, nhiệm vụ chi đầu tư phát triển xây dựng cơ bản, dự án quan trọng quốc gia, chương trình, dự án, đề tài nghiên cứu khoa học và chương trình mục tiêu quốc gia:	

Nghị định số 163/2016/NĐ-CP, Nghị định số 45/2017/NĐ-CP và Nghị định số 149/2023/NĐ-CP	Dự thảo Nghị định quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước năm 2025	Thuyết minh
a) Kết thúc năm ngân sách, chủ đầu tư các chương trình, dự án đầu tư xây dựng cơ bản, dự án quan trọng quốc gia, chương trình, dự án, đề tài nghiên cứu khoa học phải báo cáo quyết toán nguồn vốn sử dụng, quyết toán nguồn vốn ngân sách, tình hình sử dụng vốn, giá trị khối lượng, công việc hoàn thành đã được quyết toán trong năm, gửi cơ quan cấp phát vốn đầu tư xây dựng cơ bản, cơ quan cấp trên của chủ đầu tư và cơ quan tài chính cùng cấp. Khi chương trình, dự án xây dựng cơ bản, dự án quan trọng quốc gia hoàn thành phải lập báo cáo quyết toán toàn bộ nguồn vốn, quyết toán nguồn vốn ngân sách kèm theo báo cáo thuyết minh tình hình sử dụng vốn gửi cơ quan cấp phát vốn đầu tư xây dựng cơ bản và cơ quan có thẩm quyền xét duyệt báo cáo quyết toán các chương trình, dự án đầu tư xây dựng cơ bản, dự án quan trọng quốc gia, chương trình, dự án, đề tài nghiên cứu khoa học; b) Cơ quan, tổ chức, đơn vị được giao dự toán chi chương trình mục tiêu quốc gia thực hiện quyết toán phần dự toán ngân sách được giao theo quy định, đồng thời báo cáo cơ quan cấp trên trực tiếp để tổng hợp báo cáo cơ quan quản lý chương trình mục tiêu quốc gia; c) Đối với các chương trình mục tiêu quốc gia, dự án quan trọng quốc gia do Quốc hội quyết định chủ trương đầu tư, ngoài các quy định tại điểm a và điểm b khoản này, cơ quan trực tiếp quản lý chương trình, dự án còn phải lập báo cáo quyết toán trình Chính phủ xem xét đề trình Quốc hội. 5. Trình tự quyết toán ngân sách cấp xã: a) Ủy ban nhân dân cấp xã lập quyết toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn được giao và quyết toán thu, chi ngân sách cấp xã gửi Ban kinh tế - xã hội của Hội đồng nhân dân cấp xã để thẩm tra, đồng thời gửi cơ quan tài chính cấp huyện; b) Ủy ban nhân dân cấp xã báo cáo Thường trực Hội đồng nhân dân cấp xã quyết toán ngân sách để cho ý kiến. Sau khi có ý kiến của Thường trực Hội đồng nhân dân cấp xã, Ủy ban nhân dân cấp xã trình Hội đồng nhân dân cấp xã xem xét, phê chuẩn quyết toán ngân sách. c) Chậm nhất là 05 ngày làm việc, kể từ ngày báo cáo quyết toán ngân sách xã được phê chuẩn, Ủy ban nhân dân cấp xã gửi báo cáo quyết toán ngân sách xã cho Ủy ban nhân dân cấp huyện, cơ quan tài chính cấp huyện. 6. Trình tự quyết toán ngân sách huyện: a) Cơ quan tài chính cấp huyện thẩm định quyết toán thu, chi ngân sách xã đã được Hội đồng nhân dân cấp xã phê chuẩn, thẩm định, xét duyệt quyết toán ngân sách các đơn vị dự toán cấp 1 thuộc cấp mình; tổng hợp, lập báo cáo quyết toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn huyện được giao và quyết toán thu, chi ngân sách huyện trình Ủy ban nhân dân cấp huyện để gửi Ban kinh tế - xã hội của Hội đồng nhân dân cấp huyện để thẩm tra, đồng thời	a) Kết thúc năm ngân sách, chủ đầu tư các chương trình, dự án, nhiệm vụ đầu tư phát triển xây dựng cơ bản, dự án quan trọng quốc gia, chương trình mục tiêu quốc gia, chương trình, dự án, đề tài nghiên cứu khoa học phải báo cáo quyết toán nguồn vốn sử dụng, quyết toán nguồn vốn ngân sách, tình hình sử dụng vốn, giá trị khối lượng, công việc hoàn thành đã được quyết toán trong năm, gửi cơ quan cấp phát vốn đầu tư xây dựng cơ bản, cơ quan cấp trên của chủ đầu tư và cơ quan tài chính cùng cấp. Khi chương trình, dự án phát triển xây dựng cơ bản, dự án quan trọng quốc gia hoàn thành phải lập báo cáo quyết toán toàn bộ nguồn vốn, quyết toán nguồn vốn ngân sách kèm theo báo cáo thuyết minh tình hình sử dụng vốn gửi cơ quan cấp phát vốn đầu tư xây dựng cơ bản và cơ quan có thẩm quyền xét duyệt báo cáo quyết toán các chương trình, dự án đầu tư đầu tư phát triển xây dựng cơ bản, dự án quan trọng quốc gia, chương trình mục tiêu quốc gia, chương trình, dự án, đề tài nghiên cứu khoa học, b) Cơ quan, tổ chức, đơn vị được giao dự toán chi chương trình mục tiêu quốc gia thực hiện quyết toán phần dự toán ngân sách được giao theo quy định, đồng thời báo cáo cơ quan cấp trên trực tiếp để tổng hợp báo cáo cơ quan quản lý chương trình mục tiêu quốc gia; c) Đối với các chương trình mục tiêu quốc gia, dự án quan trọng quốc gia do Quốc hội quyết định chủ trương đầu tư, ngoài các quy định tại điểm a và điểm b khoản này, cơ quan trực tiếp quản lý chủ trương đầu tư, dự án còn phải lập báo cáo quyết toán trình Chính phủ xem xét đề trình Quốc hội. Giữ nguyên Cộng thành điểm a) Ủy ban nhân dân cấp xã lập quyết toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn và quyết toán thu, chi ngân sách cấp xã báo cáo Thường trực Hội đồng nhân dân cùng cấp cho ý kiến trước ngày 10 tháng 3 năm sau và tiếp thu, hoàn chỉnh để trình Hội đồng nhân dân cùng cấp xem xét, phê chuẩn, đồng thời gửi Sở Tài chính; b) Hội đồng nhân dân cấp xã xem xét, phê chuẩn báo cáo quyết toán ngân sách cấp mình trước ngày 31 tháng 3 năm sau, gửi Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Sở Tài chính chậm nhất sau 05 ngày làm việc, kể từ ngày báo cáo quyết toán được phê chuẩn. Bổ quy định Bổ quy định	

Nghị định số 163/2016/NĐ-CP, Nghị định số 43/2017/NĐ-CP và Nghị định số 149/2025/NĐ-CP	Dự thảo Nghị định quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước năm 2023	Thuyết minh
b) Ủy ban nhân dân cấp huyện báo cáo Thường trực Hội đồng nhân dân cấp huyện quyết toán ngân sách để cho ý kiến. Sau khi có ý kiến của Thường trực Hội đồng nhân dân cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp huyện trình Hội đồng nhân dân cấp huyện xem xét, phê chuẩn quyết toán ngân sách; c) Chậm nhất là 05 ngày làm việc, kể từ ngày báo cáo quyết toán được phê chuẩn, Ủy ban nhân dân cấp huyện gửi báo cáo quyết toán ngân sách huyện cho Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Sở Tài chính. 7. Trình tự quyết toán ngân sách tỉnh: a) Sở Tài chính thẩm định quyết toán ngân sách huyện đã được Hội đồng nhân dân cấp huyện phê chuẩn; thẩm định, xét duyệt quyết toán ngân sách các đơn vị dự toán cấp 1 thuộc cấp mình; tổng hợp, lập báo cáo quyết toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh và quyết toán thu, chi ngân sách địa phương trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh để gửi Ban kinh tế - ngân sách của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh để thẩm tra, đồng thời gửi Bộ Tài chính, Kiểm toán Nhà nước; b) Ủy ban nhân dân cấp tỉnh báo cáo Thường trực Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết toán ngân sách để cho ý kiến. Sau khi có ý kiến của Thường trực Hội đồng nhân dân cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trình Hội đồng nhân dân cấp tỉnh phê chuẩn quyết toán ngân sách; c) Chậm nhất là 05 ngày làm việc, kể từ ngày báo cáo quyết toán được phê chuẩn, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh gửi báo cáo quyết toán ngân sách cho Bộ Tài chính và Kiểm toán Nhà nước; 8. Trình tự quyết toán ngân sách nhà nước: a) Các đơn vị dự toán cấp 1 thuộc ngân sách trung ương lập báo cáo quyết toán thu, chi ngân sách thuộc phạm vi quản lý gửi về Bộ Tài chính, Kiểm toán Nhà nước trước ngày 01 tháng 10 năm sau; b) Ủy ban nhân dân cấp tỉnh gửi Bộ Tài chính, Kiểm toán Nhà nước báo cáo quyết toán ngân sách địa phương trước ngày 01 tháng 10 năm sau; c) Bộ Tài chính thẩm định, xét duyệt báo cáo quyết toán thu, chi ngân sách của các đơn vị dự toán cấp 1 thuộc ngân sách trung ương; d) Căn cứ kết quả thẩm định, xét duyệt báo cáo quyết toán của các đơn vị dự toán cấp 1 thuộc ngân sách trung ương và quyết toán ngân sách địa phương đã được Hội đồng nhân dân cấp tỉnh phê chuẩn, Bộ Tài chính tổng hợp, lập báo cáo quyết toán ngân sách nhà nước trình Chính phủ và gửi Kiểm toán Nhà nước chậm nhất là 14 tháng sau khi kết thúc năm	Bỏ quy định Bỏ quy định Giữ nguyên a) Sở Tài chính tổng hợp quyết toán ngân sách cấp xã đã được Hội đồng nhân dân cấp xã phê chuẩn; kiểm tra quyết toán của đơn vị dự toán cấp 1 thuộc ngân sách cấp tỉnh về tính đầy đủ, khớp đúng giữa các số liệu quyết toán với xác nhận của Kho bạc Nhà nước; tổng hợp quyết toán ngân sách các đơn vị dự toán cấp 1 thuộc ngân sách cấp tỉnh; tổng hợp, lập báo cáo quyết toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn và quyết toán thu, chi ngân sách địa phương trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh để gửi Bộ Tài chính, Kiểm toán Nhà nước trước ngày 01 tháng 5 năm sau; Gộp và sửa thành điểm b) Ủy ban nhân dân cấp tỉnh báo cáo Thường trực Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết toán ngân sách để cho ý kiến và tiếp thu, hoàn chỉnh để trình Hội đồng nhân dân cấp tỉnh phê chuẩn quyết toán ngân sách địa phương trước ngày 01 tháng 7 năm sau. 87. Trình tự quyết toán ngân sách nhà nước: a) Các đơn vị dự toán cấp 1 thuộc ngân sách trung ương lập báo cáo quyết toán thu, chi ngân sách thuộc phạm vi quản lý gửi về Bộ Tài chính, Kiểm toán Nhà nước trước ngày 05 tháng 7 năm sau; b) Ủy ban nhân dân cấp tỉnh gửi Bộ Tài chính, Kiểm toán Nhà nước báo cáo quyết toán ngân sách địa phương đã được Hội đồng nhân dân cấp tỉnh phê chuẩn trước ngày 05 tháng 7 năm sau trước ngày 01 tháng 10 năm sau; c) Trên cơ sở kết quả xét duyệt, tổng hợp đối với quyết toán ngân sách của đơn vị dự toán cấp 1 thuộc ngân sách trung ương và báo cáo quyết toán ngân sách địa phương đã được Hội đồng nhân dân cấp tỉnh phê chuẩn, Bộ Tài chính tổng hợp, lập báo cáo quyết toán ngân sách nhà nước trình Chính phủ và gửi Kiểm toán nhà nước chậm nhất ngày 15 tháng 8 năm sau; d) Chính phủ báo cáo Ủy ban Thường vụ Quốc hội quyết toán ngân sách nhà nước chậm nhất ngày 20 tháng 9 năm sau để cho ý kiến và tiếp thu, hoàn chỉnh để trình Quốc hội;	

Nghị định số 163/2016/NĐ-CP, Nghị định số 45/2017/NĐ-CP và Nghị định số 149/2025/NĐ-CP	Dự thảo Nghị định quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước năm 2025	Thuyết minh
đ) Trình tự, thủ tục thẩm tra của các cơ quan của Quốc hội đối với quyết toán ngân sách nhà nước được thực hiện theo Nghị quyết của Ủy ban thường vụ Quốc hội về việc ban hành quy chế lập, thẩm tra, trình Quốc hội quyết định dự toán ngân sách nhà nước, phương án phân bổ ngân sách trung ương và phê chuẩn quyết toán ngân sách nhà nước; e) Quốc hội xem xét, phê chuẩn quyết toán ngân sách nhà nước chậm nhất là 18 tháng sau khi kết thúc năm ngân sách.	Giữ nguyên c) Quốc hội xem xét, phê chuẩn quyết toán ngân sách nhà nước chậm nhất là 12-18 tháng sau khi kết thúc năm ngân sách.	
	8. Sau khi quyết toán ngân sách cấp tỉnh và ngân sách cấp xã đã được Hội đồng nhân dân phê chuẩn, quyết toán ngân sách nhà nước đã được Quốc hội phê chuẩn, trường hợp phát hiện thu, chi ngân sách không đúng quy định, bao gồm các kiến nghị thanh tra, kiểm toán, thì thực hiện xử lý theo quy định tại khoản 6 Điều 67 của Luật ngân sách nhà nước và được tổng hợp vào quyết toán vào ngân sách năm xử lý, như sau: Số thu, chi ngân sách không đúng quy định được thu hồi năm nào thì tổng hợp vào quyết toán thu ngân sách năm đó; chi hoàn trả năm nào thì tổng hợp vào quyết toán chi ngân sách năm đó; những điều chỉnh vào quyết toán ngân sách nhà nước đã được Quốc hội, Hội đồng nhân dân các cấp phê chuẩn.	
	Bổ sung Điều 33. Xử lý kết dư ngân sách nhà nước 1. Số kết dư ngân sách trung ương, kết dư ngân sách cấp tỉnh theo quy định tại khoản 15 Điều 4 của Luật Ngân sách nhà nước được xác định sau khi kết thúc năm ngân sách, trên cơ sở so sánh giữa tổng số thu lớn hơn tổng số chi ngân sách nhà nước không bao gồm các khoản vay và các khoản chi từ nguồn vay, bao gồm cả chi trả nợ gốc. 2. Việc xử lý kết dư ngân sách thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 74 Luật Ngân sách nhà nước sau khi Quốc hội, Hội đồng nhân dân các cấp phê chuẩn quyết toán ngân sách, cụ thể: a) Kết dư ngân sách trung ương, ngân sách cấp tỉnh được sử dụng để trả nợ gốc và chi trả nợ lãi các khoản vay của ngân sách nhà nước trong năm xử lý kết dư; mà đầu năm chưa bố trí hoặc bố trí chưa đủ nguồn để chi trả; số kết dư còn lại được trích 50% vào quỹ dự trữ tài chính cùng cấp, 50% hạch toán vào thu ngân sách năm sau. Trường hợp quỹ dự trữ tài chính cùng cấp đã đủ mức 25% dự toán chi ngân sách hằng năm thì số kết dư còn lại hạch toán vào thu ngân sách năm sau; b) Kết dư ngân sách cấp xã được hạch toán vào thu ngân sách năm sau.	
Điều 45. Mẫu biểu báo cáo quyết toán ngân sách nhà nước 1. Mẫu biểu báo cáo quyết toán ngân sách nhà nước Chính phủ trình Quốc hội thực hiện theo Nghị quyết của Ủy ban thường vụ Quốc hội về việc ban hành quy chế lập, thẩm tra, trình Quốc hội quyết định dự toán ngân sách nhà nước, phương án phân bổ ngân sách trung ương và phê chuẩn quyết toán ngân sách nhà nước.	Điều 34. Mẫu biểu báo cáo quyết toán ngân sách nhà nước 1. Mẫu biểu báo cáo quyết toán ngân sách nhà nước Chính phủ trình Quốc hội thực hiện theo Nghị quyết của Ủy ban thường vụ Quốc hội về việc ban hành quy chế lập, thẩm tra, trình Quốc hội quyết định dự toán ngân sách nhà nước, phương án phân bổ ngân sách trung ương và phê chuẩn quyết toán ngân sách nhà nước.	

Nghị định số 163/2016/NĐ-CP, Nghị định số 43/2017/NĐ-CP và Nghị định số 149/2023/NĐ-CP	Dự thảo Nghị định quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước năm 2025	Thuyết minh
2. Giao Bộ Tài chính quy định chi tiết mẫu biểu báo cáo quyết toán ngân sách nhà nước. Giữ nguyên		
Chương VI: CÔNG KHAI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC, GIÁM SÁT CỦA CÔNG DÂN VÀ TỔNG VỀ NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC Điều 46. Đối tượng và phạm vi thực hiện công khai ngân sách 1. Đối tượng phải thực hiện công khai ngân sách, gồm: a) Các cấp ngân sách nhà nước; b) Đơn vị dự toán ngân sách; c) Tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ; d) Chương trình, dự án đầu tư xây dựng cơ bản có sử dụng vốn ngân sách nhà nước. 2. Đối tượng phải công khai thi tục ngân sách nhà nước gồm: Cơ quan thu, cơ quan tài chính và Kho bạc Nhà nước.	Chương V: CÔNG KHAI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC, GIÁM SÁT CỦA CÔNG DÂN VÀ TỔNG VỀ NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC Điều 35. Phạm vi, đối tượng thực hiện công khai ngân sách nhà nước 1. Đối tượng phải thực hiện công khai ngân sách, gồm: Giữ nguyên Giữ nguyên Giữ nguyên d) Các quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách. 23. Đối tượng phải thực hiện công khai thi tục ngân sách nhà nước gồm: a) Cơ quan thu, b) Cơ quan tài chính và c) Kho bạc Nhà nước. Bổ sung khoản 1. Phạm vi công khai: a) Dự toán ngân sách nhà nước trình Quốc hội, Hội đồng nhân dân; dự toán ngân sách nhà nước đã được cấp có thẩm quyền quyết định; báo cáo tình hình thực hiện ngân sách nhà nước; quyết toán ngân sách nhà nước được Quốc hội, Hội đồng nhân dân phê chuẩn; b) Dự toán, tình hình thực hiện, quyết toán ngân sách của các đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ; c) Kế hoạch tài chính, tình hình thực hiện kế hoạch tài chính và quyết toán tài chính của các quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách; d) Việc công khai trong đầu tư công thực hiện theo quy định tại Điều 15 Luật Đầu tư công; đ) Số liệu và báo cáo thuyết minh các tài liệu ngân sách được công khai không bao gồm số liệu chi tiết, báo cáo thuyết minh thuộc lĩnh vực quốc phòng, an ninh, dự trữ quốc gia và các tài liệu, số liệu giao dự toán theo quy định của pháp luật về bảo vệ bí mật nhà nước.	Hướng dẫn khoản 5 Điều 15. Công khai ngân sách nhà nước của Luật số 89/2025/QH15
Điều 47. Nội dung công khai ngân sách nhà nước 1. Nội dung công khai ngân sách nhà nước và ngân sách trung ương:	Điều 36. Trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị trong công khai ngân sách nhà nước 1. Bộ Tài chính thực hiện công khai các nội dung sau:	

Nghị định số 163/2016/NĐ-CP, Nghị định số 45/2017/NĐ-CP và Nghị định số 149/2015/NĐ-CP	Dự thảo Nghị định quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước năm 2025	Thuyết minh
a) Công khai số liệu, thuyết minh dự toán ngân sách nhà nước trình Quốc hội, dự toán ngân sách nhà nước được Quốc hội quyết định; quyết toán ngân sách nhà nước được Quốc hội phê chuẩn; gồm: Cân đối thu, chi ngân sách nhà nước; Thu ngân sách nhà nước theo lĩnh vực và theo từng loại thuế; Chi ngân sách nhà nước, trong đó chi đầu tư phát triển, chi thường xuyên, chi trả nợ lãi, chi viện trợ, chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính, dự phòng ngân sách; Đội chi ngân sách nhà nước; tổng mức vay của ngân sách nhà nước, bao gồm vay bù đắp bội chi và vay để trả nợ gốc của ngân sách nhà nước; Chi ngân sách trung ương theo từng lĩnh vực; tổng số và chi tiết theo từng lĩnh vực chi ngân sách trung ương cho từng bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan khác ở trung ương; chi ngân sách trung ương cho các chương trình mục tiêu quốc gia; Thu ngân sách nhà nước trên địa bàn, chi ngân sách địa phương, số bổ sung cân đối ngân sách, bổ sung có mục tiêu từ ngân sách trung ương cho ngân sách từng tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương; tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu phân chia giữa ngân sách trung ương và ngân sách từng tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương; b) Công khai số liệu, thuyết minh tình hình thực hiện dự toán thu, chi ngân sách nhà nước, bao gồm cân đối thu, chi ngân sách nhà nước, thu ngân sách nhà nước theo từng lĩnh vực, chi ngân sách nhà nước chi tiết theo chi đầu tư phát triển, chi thường xuyên.	a) Số liệu và thuyết minh dự toán ngân sách nhà nước, phân bổ ngân sách trung ương trình Quốc hội quyết định; dự kiến kế hoạch tài chính năm của các quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách do trung ương quản lý; b) Số liệu dự toán ngân sách nhà nước, phân bổ ngân sách trung ương đã được Quốc hội quyết định, Thủ tướng Chính phủ giao; c) Số liệu và thuyết minh tình hình thực hiện ngân sách nhà nước (3 tháng, 6 tháng, 9 tháng, năm) đã báo cáo Chính phủ; d) Số liệu và thuyết minh quyết toán ngân sách nhà nước đã được Quốc hội phê chuẩn. 2. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thực hiện công khai hoặc giao Sở Tài chính thực hiện công khai các nội dung sau:	
2. Nội dung công khai ngân sách các cấp ở địa phương: a) Công khai số liệu, thuyết minh dự toán ngân sách địa phương trình Hội đồng nhân dân, dự toán ngân sách địa phương được Hội đồng nhân dân quyết định; quyết toán ngân sách được Hội đồng nhân dân phê chuẩn; gồm: Thu ngân sách nhà nước trên địa bàn theo từng lĩnh vực và theo từng loại thuế; Cân đối thu, chi ngân sách địa phương; Thu ngân sách địa phương được hưởng theo phân cấp; Chi ngân sách địa phương, trong đó chi đầu tư phát triển, chi thường xuyên; chi trả nợ lãi và chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính đối với ngân sách cấp tỉnh, dự phòng ngân sách; Chi ngân sách cấp mình theo từng lĩnh vực; tổng số và chi tiết theo từng lĩnh vực chi ngân sách cấp mình cho từng cơ quan, đơn vị thuộc cấp mình; chi xây dựng cơ bản từ ngân sách cấp mình cho từng dự án, công trình; chi cho các dự án, chương trình mục tiêu quốc gia; Thu ngân sách nhà nước trên địa bàn từng địa phương cấp dưới, chi ngân sách cấp dưới, số bổ sung cân đối và bổ sung có mục tiêu từ ngân sách cấp mình cho từng ngân sách cấp dưới; Tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu phân chia giữa ngân sách các cấp chính b) Công khai số liệu, thuyết minh tình hình thực hiện dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn, dự toán thu ngân sách địa phương, dự toán chi ngân sách địa phương.	a) Số liệu và thuyết minh dự toán ngân sách địa phương, phân bổ ngân sách cấp tỉnh trình Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định; dự kiến kế hoạch tài chính năm của các quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách do cấp tỉnh quản lý; b) Số liệu dự toán ngân sách địa phương, phân bổ ngân sách cấp tỉnh đã được Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao;	

Nghị định số 163/2016/NĐ-CP, Nghị định số 45/2017/NĐ-CP và Nghị định số 149/2025/NĐ-CP	Dự thảo Nghị định quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước năm 2025	Thuyết minh
3. Đối với số liệu chi tiết, báo cáo thuyết minh ngân sách của lĩnh vực quốc phòng, an ninh, dự trù quốc gia thực hiện theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 15 Luật ngân sách nhà nước. 4. Nội dung công khai thu tự ngân sách nhà nước thực hiện theo điểm b khoản 2 Điều 15 Luật ngân sách nhà nước.	c) Số liệu và thuyết minh tình hình thực hiện ngân sách địa phương (03 tháng, 06 tháng, 09 tháng, năm) đã báo cáo Ủy ban nhân dân cấp tỉnh; d) Số liệu và thuyết minh quyết toán ngân sách địa phương đã được Hội đồng nhân dân cấp tỉnh phê chuẩn. 3. Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện công khai ngân sách cấp xã, các hoạt động tài chính khác ở cấp xã và các khoản hỗ trợ trực tiếp của ngân sách nhà nước cho người dân trên địa bàn: a) Số liệu và thuyết minh dự toán ngân sách cấp xã, kế hoạch hoạt động tài chính khác ở cấp xã trình Hội đồng nhân dân cấp xã; b) Số liệu dự toán ngân sách cấp xã, kế hoạch hoạt động tài chính khác ở cấp xã đã được Hội đồng nhân dân cấp xã quyết định; c) Số liệu và thuyết minh tình hình thực hiện dự toán ngân sách xã 03 tháng, 06 tháng, 09 tháng, năm; d) Số liệu và thuyết minh quyết toán ngân sách cấp xã, kết quả thực hiện các hoạt động tài chính khác ở cấp xã đã được Hội đồng nhân dân cấp xã phê chuẩn; đ) Các khoản hỗ trợ trực tiếp của ngân sách nhà nước cho người dân trên địa bàn, bao gồm: Chính sách, chế độ hỗ trợ của Nhà nước; quy trình và thủ tục xét duyệt, trả lại; kết quả xét duyệt, chi trả cho các đối tượng thụ hưởng. Bổ Bổ	
Điều 48. Nội dung công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ kinh phí, các chương trình, dự án đầu tư xây dựng cơ bản có sử dụng vốn ngân sách nhà nước 1. Đối với đơn vị dự toán ngân sách: a) Dự toán thu, chi ngân sách đã được cấp có thẩm quyền giao, tình hình thực hiện dự toán ngân sách và quyết toán ngân sách đã được cấp có thẩm quyền duyệt; b) Dự toán thu, chi ngân sách đã giao cho các đơn vị dự toán cấp dưới; công bố công khai quyết toán ngân sách đã duyệt hoặc thẩm định cho các đơn vị dự toán cấp dưới. 2. Các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ thực hiện công khai số liệu dự toán thu, chi ngân sách được cấp có thẩm quyền giao, tình hình thực hiện và quyết toán thu, chi tài chính, các khoản đóng góp của tổ chức và cá nhân; cơ sở xác định mức hỗ trợ và số tiền ngân sách nhà nước hỗ trợ cho đơn vị.	4. Các đơn vị dự toán ngân sách thực hiện công khai dự toán thu, chi ngân sách nhà nước được cấp có thẩm quyền giao và nguồn kinh phí khác (nếu có); tình hình thực hiện dự toán ngân sách nhà nước 03 tháng, 06 tháng, 09 tháng, năm; quyết toán ngân sách nhà nước đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt. 2. 5. Các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ thực hiện công khai số liệu dự toán thu, chi ngân sách nhà nước được cấp có thẩm quyền giao và nguồn kinh phí khác (nếu có); tình hình thực hiện dự toán ngân sách nhà nước 03 tháng, 06 tháng, 09 tháng, năm; và quyết toán thu, chi tài chính, các khoản đóng góp của tổ chức và cá nhân; cơ sở xác định mức hỗ trợ và số tiền ngân sách nhà nước hỗ trợ cho đơn vị.	

Nghị định số 163/2016/NĐ-CP, Nghị định số 45/2017/NĐ-CP và Nghị định số 149/2015/NĐ-CP	Dự thảo Nghị định quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước năm 2015	Thuyết minh
3. Công khai ngân sách đối với các chương trình, dự án đầu tư xây dựng cơ bản có sử dụng vốn ngân sách nhà nước thực hiện theo quy định của Luật Đầu tư công và các văn bản pháp luật có liên quan.	6. Các quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách thực hiện công khai; Kế hoạch tài chính được cấp có thẩm quyền giao, bao gồm cả kế hoạch bổ sung, điều chỉnh (nếu có); tình hình thực hiện kế hoạch tài chính (06 tháng, năm); quyết toán tài chính hàng năm được cấp có thẩm quyền phê duyệt.	
Điều 49. Thời điểm công khai ngân sách	Điều 37. Thời điểm thực hiện công khai ngân sách	
1. Báo cáo dự toán ngân sách nhà nước phải được công khai chậm nhất là 05 ngày làm việc kể từ ngày Chính phủ gửi đến các đại biểu Quốc hội, Ủy ban nhân dân gửi đại biểu Hội đồng nhân dân. 2. Báo cáo dự toán ngân sách nhà nước đã được cấp có thẩm quyền quyết định, báo cáo quyết toán ngân sách nhà nước đã được cấp có thẩm quyền phê chuẩn, phải được công khai chậm nhất là 30 ngày, kể từ ngày văn bản được ban hành. 3. Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách nhà nước hằng quý, 06 tháng phải được công khai chậm nhất là 15 ngày, kể từ ngày kết thúc quý và 06 tháng. 4. Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách nhà nước hằng năm được công khai khi Chính phủ, Ủy ban nhân dân trình Quốc hội, Hội đồng nhân dân. 5. Công khai dự toán các đơn vị dự toán ngân sách và các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ chậm nhất là 15 ngày, kể từ ngày được cấp có thẩm quyền giao; công khai tình hình thực hiện ngân sách cả năm của các đơn vị dự toán ngân sách chậm nhất là 05 ngày làm việc, kể từ ngày đơn vị báo cáo đơn vị dự toán ngân sách cấp trên trực tiếp; công khai quyết toán ngân sách của các đơn vị dự toán ngân sách chậm nhất là 15 ngày, kể từ ngày được cấp có thẩm quyền phê duyệt, thẩm định. 6. Công khai thu tự ngân sách nhà nước chậm nhất là 05 ngày làm việc, kể từ ngày cấp có thẩm quyền ban hành quy định.	1. Báo cáo Dự toán ngân sách nhà nước, phương án phân bổ ngân sách hằng năm trình Quốc hội, Hội đồng nhân dân phải được công khai chậm nhất là sau 05 ngày làm việc kể từ ngày khai mạc kỳ họp Chính phủ gửi đến các đại biểu Quốc hội, Ủy ban nhân dân gửi đại biểu Hội đồng nhân dân. 2. Báo cáo dự toán ngân sách nhà nước, phương án phân bổ ngân sách hằng năm đã được cấp có thẩm quyền quyết định, giao; báo cáo quyết toán ngân sách nhà nước hằng năm đã được cấp có thẩm quyền phê chuẩn, phê duyệt phải được công khai chậm nhất là 30 ngày, kể từ ngày văn bản phê chuẩn được ban hành. 3. Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách nhà nước 03 tháng hằng quý, 06 tháng, 09 tháng phải được công khai chậm nhất là 15 sau 10 ngày, kể từ ngày kết thúc quý và 06 tháng kỳ báo cáo; tình hình thực hiện ngân sách nhà nước năm phải được công khai chậm nhất sau 10 ngày kể từ ngày báo cáo được trình cấp có thẩm quyền. 4. Văn bản về chính sách, chế độ hỗ trợ trực tiếp của Nhà nước cho người dân trên địa bàn được công khai chậm nhất sau 03 ngày làm việc kể từ ngày Ủy ban nhân dân cấp xã nhận được văn bản; kết quả xét duyệt, chi trả chính thức cho các đối tượng được hưởng các chính sách, chế độ của nhà nước theo quy định được công khai chậm nhất sau 30 ngày kể từ ngày Ủy ban nhân dân cấp xã duyệt, chi trả. 5. Các quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách phải công khai kế hoạch tài chính và quyết toán tài chính chậm nhất sau 10 ngày kể từ ngày được cấp có thẩm quyền giao hoặc phê duyệt; công khai tình hình thực hiện tài chính 06 tháng, năm chậm nhất sau 10 ngày kể từ ngày báo cáo cấp có thẩm quyền. 6. Công khai Thu tự ngân sách nhà nước phải được công khai chậm nhất là sau 05 ngày làm việc, kể từ ngày cấp có thẩm quyền ban hành quy định.	
Điều 50. Công khai kết quả thực hiện các kiến nghị của Kiểm toán Nhà nước 1. Nội dung công khai. a) Công khai kết quả những nội dung đã được thực hiện theo kiến nghị của Kiểm toán Nhà nước,	Bỏ quy định	

Nghị định số 163/2016/NĐ-CP, Nghị định số 45/2017/NĐ-CP và Nghị định số 149/2023/NĐ-CP	Dự thảo Nghị định quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước năm 2023	Thuyết minh
b) Công khai những nội dung còn chưa thực hiện theo các kiến nghị của Kiểm toán Nhà nước và giải trình, thuyết minh lý do chưa thực hiện. 2. Công khai kết quả thực hiện các kiến nghị của Kiểm toán Nhà nước chậm nhất là 30 ngày, kể từ ngày văn bản được ban hành		
Điều 51. Hình thức, chi tiêu, mẫu biểu công khai ngân sách 1. Việc công khai ngân sách nhà nước được thực hiện bằng một hoặc một số hình thức: công bố tại ký hợp, niêm yết tại trụ sở làm việc của cơ quan, tổ chức, đơn vị; phát hành ấn phẩm; thông báo hàng văn bản đến các cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân có liên quan; đưa lên cổng thông tin điện tử; thông báo trên các phương tiện thông tin đại chúng. Đối với tổ chức, cơ quan, đơn vị có cổng thông tin điện tử thì phải thực hiện công khai ngân sách qua cổng thông tin điện tử của tổ chức, cơ quan, đơn vị mình. 2. Bộ Tài chính quy định cụ thể về chi tiêu, mẫu biểu và hình thức công khai ngân sách đối với các đối tượng thực hiện công khai ngân sách.	Điều 36. Hình thức, chi tiêu, mẫu biểu và chế độ báo cáo công khai ngân sách nhà nước 1. Hình thức công khai ngân sách nhà nước thực hiện theo quy định tại điểm b, khoản 1, Điều 15 Luật Ngân sách nhà nước. 2. Bộ Tài chính quy định cụ thể về chi tiêu, mẫu biểu và chế độ báo cáo hình thức công khai ngân sách đối với các đối tượng thực hiện công khai ngân sách nhà nước.	
	Bổ sung Điều 39. Trách nhiệm của cơ quan nhà nước trong việc kiểm tra, giám sát thực hiện công khai ngân sách nhà nước 1. Bộ Tài chính có trách nhiệm kiểm tra, giám sát việc thực hiện công khai ngân sách của các Bộ, cơ quan trung ương và Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; trường hợp phát hiện không thực hiện công khai hoặc thực hiện công khai không đúng quy định tại các điều 35, 36 và 37 Nghị định này thì có văn bản yêu cầu khắc phục kịp thời hoặc công khai danh sách cơ quan, đơn vị tùy theo tính chất, mức độ vi phạm. 2. Các Bộ, cơ quan trung ương có trách nhiệm kiểm tra, giám sát và kịp thời xử lý các hành vi không thực hiện công khai hoặc thực hiện công khai ngân sách không đúng quy định của các cơ quan, đơn vị trực thuộc. 3. Ủy ban nhân dân có trách nhiệm kiểm tra, giám sát việc thực hiện công khai ngân sách của các cơ quan, đơn vị trực thuộc và Ủy ban nhân dân cấp xã (đối với Ủy ban nhân dân cấp tỉnh); trường hợp phát hiện không thực hiện công khai hoặc thực hiện công khai không đúng quy định thì có văn bản yêu cầu khắc phục kịp thời hoặc công khai danh sách cơ quan, đơn vị tùy theo tính chất, mức độ vi phạm.	

Nghị định số 163/2016/NĐ-CP, Nghị định số 45/2017/NĐ-CP và Nghị định số 149/2025/NĐ-CP	Dự thảo Nghị định quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước năm 2025	Thuyết minh
Điều 52. Giám sát ngân sách của cộng đồng 1. Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các cấp chủ trì, phối hợp với các thành viên của Mặt trận tổ chức việc giám sát ngân sách nhà nước của cộng đồng. 2. Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các cấp trực tiếp hoặc thông qua các thành viên của Mặt trận có trách nhiệm tiếp nhận thông tin, đề nghị giám sát; chủ trì xây dựng kế hoạch và tổ chức thực hiện giám sát ngân sách nhà nước theo kế hoạch và quy định của pháp luật. 3. Nội dung giám sát thực hiện theo quy định tại điểm a, b và điểm c khoản 1 Điều 16 Luật ngân sách nhà nước. 4. Hình thức giám sát: a) Nghiên cứu, xem xét văn bản của cơ quan nhà nước có thẩm quyền về lĩnh vực ngân sách nhà nước liên quan đến quyền lợi và lợi ích hợp pháp, chính đáng của nhân dân; b) Tổ chức đoàn giám sát; c) Tham gia giám sát với cơ quan, tổ chức có thẩm quyền; d) Thông qua hoạt động của Ban thanh tra nhân dân được thành lập ở cấp xã, Ban giám sát đầu tư cộng đồng. 5. Cơ quan, đơn vị, tổ chức được giám sát và các cơ quan có liên quan có trách nhiệm: a) Cung cấp thông tin, tài liệu theo nội dung giám sát cho Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các cấp; b) Xem xét giải quyết, giải trình và trả lời kịp thời kiến nghị của nhân dân, kiến nghị của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các cấp hoặc báo cáo cơ quan có thẩm quyền về những vấn đề không thuộc thẩm quyền giải quyết của mình; c) Thực hiện công khai nội dung giải quyết, giải trình đối với các kiến nghị của nhân dân, kiến nghị của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các cấp về hoạt động giám sát.	Điều 40. Giám sát ngân sách nhà nước của cộng đồng Gộp khoản 1,2,3 và sửa thành khoản 1. Giám sát ngân sách nhà nước của cộng đồng là hoạt động do Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các cấp thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 16 Luật Ngân sách nhà nước, Luật Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và quy chế giám sát, phản biện xã hội của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam. 4. 2.Hình thức giám sát thực hiện theo quy định của Luật Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các văn bản pháp luật có liên quan. Bộ Bộ Bộ Bộ 5. 3.Cơ quan, đơn vị, tổ chức được giám sát và các cơ quan có liên quan có trách nhiệm: a) Cung cấp đầy đủ, kịp thời thông tin, tài liệu liên quan đến theo nội dung giám sát theo yêu cầu của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các cấp hoặc các tổ chức thành viên của Mặt trận; b) Xem xét giải quyết, giải trình và trả lời kịp thời kiến nghị của nhân dân, kiến nghị của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các cấp hoặc các tổ chức thành viên của Mặt trận trong phạm vi thẩm quyền cho phép; trường hợp vượt thẩm quyền, kịp thời báo cáo cơ quan có thẩm quyền xem xét, giải quyết; báo cáo cơ quan có thẩm quyền về những vấn đề không thuộc thẩm quyền giải quyết của mình; c) Công khai công khai kết quả nội dung giải quyết, giải trình đối với các kiến nghị của nhân dân, kiến nghị của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các cấp hoặc các tổ chức thành viên của Mặt trận liên quan đến nội dung về hoạt động giám sát.	Hướng dẫn khoản 2 Điều 16. (giám sát ngân sách nhà nước của cộng đồng Luật số 89/2025/QH15

Nghị định số 163/2016/NĐ-CP, Nghị định số 45/2017/NĐ-CP và Nghị định số 149/2025/NĐ-CP	Dự thảo Nghị định quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước năm 2025	Thuyết minh
Nghị định số 149/NĐ-CP quy định chi tiết một số nội dung của Luật NSNN tại điều 4 Luật số 26/2024/QH15	Chương V. SỬ DỤNG VỐN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN CỦA NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG CHO CÁC DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG KẾT CẤU HẠ TẦNG TRÊN ĐỊA BÀN THUỘC NHIỆM VỤ CHI CỦA NGÂN SÁCH CẤP TRÊN TRỰC TIẾP, HỖ TRỢ ĐỊA PHƯƠNG KHÁC ĐẠI TIẾP XÂY DỰNG DỰ ÁN CÔNG TRÌNH TRỌNG ĐIỂM, LIÊN KẾT VÙNG, LIÊN KẾT QUỐC GIA, BIÊN KÊ QUỐC TẾ, CƠ SỞ LAN TỎA, TẠO ĐỘNG LỰC PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI VÀ NHIỆM VỤ QUAN TRỌNG KHÁC	
Điều 6. Nguyên tắc chung 1. Tuân thủ quy định của pháp luật về quản lý ngân sách nhà nước, đầu tư công và pháp luật khác có liên quan. 2. Địa phương sử dụng vốn đầu tư phát triển của ngân sách địa phương cho các dự án đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng trên địa bàn thuộc nhiệm vụ chi của ngân sách cấp trên trực tiếp; hỗ trợ địa phương khác đầu tư xây dựng dự án, công trình trọng điểm, liên kết vùng, liên kết quốc gia, liên kết quốc tế, cơ sở lan tỏa, tạo động lực phát triển kinh tế - xã hội và nhiệm vụ quan trọng khác (sau đây gọi (tên là địa phương hỗ trợ) phải đảm bảo trong khả năng cân đối ngân sách địa phương và không làm ảnh hưởng đến việc thực hiện nhiệm vụ được trách nhiệm của ngân sách cấp trên. 3. Địa phương hỗ trợ trao đổi, thống nhất với cơ quan, tổ chức được giao trực tiếp quản lý dự án đầu tư thuộc nhiệm vụ chi của ngân sách cấp trên trực tiếp và địa phương nhận hỗ trợ về tổng mức chi (hoặc hỗ trợ), phương thức chi (hoặc hỗ trợ) và thời gian thực hiện. 4. Cơ quan, tổ chức được giao trực tiếp quản lý dự án đầu tư thuộc nhiệm vụ chi của ngân sách cấp trên trực tiếp và địa phương nhận hỗ trợ có trách nhiệm phối hợp với địa phương hỗ trợ để xây dựng, hoàn thành dự án, công trình theo đúng tiến độ, mục tiêu, đảm bảo hiệu quả, công khai, minh bạch, không để thất thoát, lãng phí. 5. Phương thức chi cho các dự án đầu tư trên địa bàn thuộc nhiệm vụ chi của ngân sách cấp trên trực tiếp và hỗ trợ địa phương khác thực hiện theo hình thức trực tiếp đầu tư hoặc bằng tiền. 6. Việc lập kế hoạch đầu tư công trung hạn, lập dự toán và quyết toán ngân sách nhà nước hàng năm đối với khoản chi cho các dự án đầu tư trên địa bàn thuộc nhiệm vụ chi của ngân sách cấp trên trực tiếp và hỗ trợ địa phương khác; quyết toán dự án hoàn thành thực hiện theo quy định pháp luật về ngân sách nhà nước, đầu tư công, pháp luật khác có liên quan và quy định tại Điều 7 Nghị định này.	Điều 41. Nguyên tắc thực hiện Bố Giữ nguyên và chuyển thành khoản 1. Giữ nguyên và chuyển thành khoản 2. Giữ nguyên và chuyển thành khoản 3. Giữ nguyên và chuyển thành khoản 4. 6. 5. Việc lập kế hoạch đầu tư công trung hạn, lập dự toán và quyết toán ngân sách nhà nước hàng năm đối với khoản chi cho các dự án đầu tư trên địa bàn thuộc nhiệm vụ chi của ngân sách cấp trên trực tiếp và hỗ trợ địa phương khác; quyết toán dự án hoàn thành thực hiện theo quy định pháp luật về ngân sách nhà nước, đầu tư công, pháp luật khác có liên quan và quy định tại Điều 42 7-Nghị định này.	Hướng dẫn khoản 18 Điều 25 Luật số 89/2025/QH15

Nghị định số 163/2016/NĐ-CP, Nghị định số 45/2017/NĐ-CP và Nghị định số 149/2025/NĐ-CP	Dự thảo Nghị định quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước năm 2025	Thuyết minh
Điều 7. Lập kế hoạch đầu tư công trung hạn, lập dự toán, quyết toán ngân sách nhà nước hằng năm và quyết toán dự án hoàn thành đối với các dự án đầu tư trên địa bàn thuộc nhiệm vụ chi của ngân sách cấp trên trực tiếp và hỗ trợ địa phương khác 1. Theo hình thức trực tiếp đầu tư: a) Căn cứ quy định của pháp luật về đầu tư công và nội dung trao đổi, thống nhất quy định tại khoản 3 Điều 6 Nghị định này, địa phương hỗ trợ: Tổng hợp khoản chi cho các dự án đầu tư trên địa bàn thuộc nhiệm vụ chi của ngân sách cấp trên trực tiếp và hỗ trợ địa phương khác vào kế hoạch đầu tư công trung hạn của địa phương mình, làm cơ sở để lập dự toán chi đầu tư phát triển của địa phương hằng năm phù hợp với khả năng cân đối ngân sách địa phương; Tổ chức triển khai thực hiện dự án, công trình theo tiến độ đã trao đổi, thống nhất; quyết toán nguồn vốn hỗ trợ, quyết toán dự án hoàn thành theo đúng quy định của pháp luật và thực hiện bàn giao công trình sau khi hoàn thành đầu tư xây dựng theo quy định tại Điều 8 Nghị định này; b) Cơ quan, tổ chức được giao trực tiếp quản lý dự án đầu tư thuộc nhiệm vụ chi của ngân sách cấp trên trực tiếp và địa phương nhận hỗ trợ có trách nhiệm phối hợp với địa phương hỗ trợ trong việc lập dự toán ngân sách nhà nước hằng năm; tiếp nhận, quản lý công trình sau khi hoàn thành đầu tư xây dựng theo quy định tại Điều 8 Nghị định này. 2. Theo hình thức bằng tiền: a) Căn cứ nội dung trao đổi, thống nhất quy định tại khoản 3 Điều 6 Nghị định này, địa phương hỗ trợ: Lập dự toán chi đầu tư phát triển của địa phương hằng năm đối với khoản chi cho các dự án đầu tư trên địa bàn thuộc nhiệm vụ chi của ngân sách cấp trên trực tiếp và hỗ trợ địa phương khác, phù hợp với khả năng cân đối ngân sách địa phương; Thực hiện chuyển tiền cho cơ quan cấp trên, địa phương nhận hỗ trợ theo tiến độ thực hiện dự án, công trình, nhiệm vụ; quyết toán nguồn vốn hỗ trợ theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước; b) Cơ quan, tổ chức được giao trực tiếp quản lý dự án đầu tư thuộc nhiệm vụ chi của ngân sách cấp trên trực tiếp và địa phương nhận hỗ trợ có trách nhiệm tiếp nhận, quản lý, sử dụng nguồn vốn được hỗ trợ đúng mục tiêu, đúng chế độ quy định; thực hiện quyết toán vốn đầu tư dự án hoàn thành theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước, đầu tư công, pháp luật khác có liên quan. Điều 8. Quản lý công trình kết cấu hạ tầng sau đầu tư	Điều 42. Lập kế hoạch đầu tư công trung hạn, lập dự toán, quyết toán ngân sách nhà nước hằng năm và quyết toán dự án hoàn thành đối với các dự án đầu tư trên địa bàn thuộc nhiệm vụ chi của ngân sách cấp trên trực tiếp và hỗ trợ địa phương khác Giữ nguyên a) Căn cứ quy định của pháp luật về đầu tư công và nội dung trao đổi, thống nhất quy định tại khoản 2 & Điều 41 & Nghị định này, địa phương hỗ trợ: Tổng hợp khoản chi cho các dự án đầu tư trên địa bàn thuộc nhiệm vụ chi của ngân sách cấp trên trực tiếp và hỗ trợ địa phương khác vào kế hoạch đầu tư công trung hạn của địa phương mình, làm cơ sở để lập dự toán chi đầu tư phát triển của địa phương hằng năm phù hợp với khả năng cân đối ngân sách địa phương; Tổ chức triển khai thực hiện dự án, công trình theo tiến độ đã trao đổi, thống nhất; quyết toán nguồn vốn hỗ trợ, quyết toán dự án hoàn thành theo đúng quy định của pháp luật và thực hiện bàn giao công trình sau khi hoàn thành đầu tư xây dựng theo quy định tại Điều 41 & Nghị định này; b) Cơ quan, tổ chức được giao trực tiếp quản lý dự án đầu tư thuộc nhiệm vụ chi của ngân sách cấp trên trực tiếp, và địa phương nhận hỗ trợ có trách nhiệm phối hợp với địa phương hỗ trợ trong việc lập dự toán ngân sách nhà nước hằng năm; tiếp nhận, quản lý công trình sau khi hoàn thành đầu tư xây dựng theo quy định tại Điều 43 & Nghị định này. Giữ nguyên a) Căn cứ nội dung trao đổi, thống nhất quy định tại khoản 2 & Điều 41 & Nghị định này, địa phương hỗ trợ: Lập dự toán chi đầu tư phát triển của địa phương hằng năm đối với khoản chi cho các dự án đầu tư trên địa bàn thuộc nhiệm vụ chi của ngân sách cấp trên trực tiếp và hỗ trợ địa phương khác, phù hợp với khả năng cân đối ngân sách địa phương; Thực hiện chuyển tiền cho cơ quan cấp trên, địa phương nhận hỗ trợ theo tiến độ thực hiện dự án, công trình, nhiệm vụ; quyết toán nguồn vốn hỗ trợ theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước; b) Cơ quan, tổ chức được giao trực tiếp quản lý dự án đầu tư thuộc nhiệm vụ chi của ngân sách cấp trên trực tiếp, và địa phương nhận hỗ trợ có trách nhiệm tiếp nhận, quản lý, sử dụng nguồn vốn được hỗ trợ đúng mục tiêu, đúng chế độ quy định; thực hiện quyết toán vốn đầu tư dự án hoàn thành theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước, đầu tư công, pháp luật khác có liên quan. Điều 43. Quản lý công trình kết cấu hạ tầng sau đầu tư	

Nghị định số 163/2016/NĐ-CP, Nghị định số 45/2017/NĐ-CP và Nghị định số 149/2025/NĐ-CP	Dự thảo Nghị định quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước năm 2025	Thuyết minh
1. Công trình thuộc trung ương quản lý, sau khi hoàn thành đầu tư xây dựng, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chuyển giao, điều chuyển cho cơ quan quản lý nhà nước ở trung ương để quản lý, vận hành, khai thác, bảo trì; trường hợp chuyển giao, điều chuyển về địa phương quản lý thì địa phương việc bảo giao, điều chuyển công trình và việc quản lý, vận hành, khai thác, bảo trì theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công. 2. Công trình thuộc địa phương quản lý, sau khi hoàn thành đầu tư xây dựng dự án, công trình, Ủy ban nhân dân cấp dưới chuyển giao, điều chuyển cho cơ quan quản lý nhà nước cấp trên trực tiếp để quản lý, vận hành, khai thác, bảo trì; trường hợp chuyển giao, điều chuyển về địa phương quản lý (bao gồm cả trường hợp hỗ trợ địa phương khác) thì việc chuyển giao, điều chuyển công trình và việc quản lý, vận hành, khai thác, bảo trì theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công.	1. Công trình thuộc trung ương quản lý, sau khi hoàn thành đầu tư xây dựng, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chuyển giao, điều chuyển cho cơ quan quản lý nhà nước ở trung ương để quản lý, vận hành, khai thác, bảo trì; trường hợp chuyển giao, điều chuyển về địa phương quản lý thì địa phương việc bảo giao, điều chuyển công trình và việc quản lý, vận hành, khai thác, bảo trì theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công. 2. Công trình thuộc địa phương quản lý, sau khi hoàn thành đầu tư xây dựng dự án, công trình, Ủy ban nhân dân cấp dưới chuyển giao, điều chuyển cho cơ quan quản lý nhà nước cấp trên trực tiếp để quản lý, vận hành, khai thác, bảo trì; trường hợp chuyển giao, điều chuyển về địa phương quản lý (bao gồm cả trường hợp hỗ trợ địa phương khác) thì việc chuyển giao, điều chuyển công trình và việc quản lý, vận hành, khai thác, bảo trì theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công.	
Nghị định số 45/2017/NĐ-CP Quy định chi tiết lập kế hoạch tài chính 05 năm và kế hoạch tài chính ngân sách nhà nước 03 năm	Chương VII: LẬP KẾ HOẠCH TÀI CHÍNH 05 NĂM	
Điều 5. Đối tượng lập kế hoạch tài chính 05 năm 1. Bộ Tài chính chủ trì, phối hợp với Bộ Kế hoạch và Đầu tư và các Bộ, cơ quan trung ương có liên quan lập kế hoạch tài chính 05 năm quốc gia báo cáo Chính phủ trình Quốc hội xem xét, quyết định. 2. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chỉ đạo Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư và các cơ quan có liên quan khác ở địa phương xây dựng kế hoạch tài chính 05 năm tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương báo cáo Hội đồng nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định.	Điều 44. Đối tượng lập kế hoạch tài chính 05 năm 1. Bộ Tài chính chủ trì, phối hợp với Bộ Kế hoạch và Đầu tư và các Bộ, cơ quan trung ương có liên quan lập kế hoạch tài chính 05 năm quốc gia báo cáo Chính phủ trình Quốc hội xem xét, quyết định. 2. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chỉ đạo Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư và các cơ quan có liên quan khác ở địa phương xây dựng kế hoạch tài chính 05 năm tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương báo cáo Hội đồng nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định.	Hướng dẫn khoản 5 điều 17. Kế hoạch tài chính 05 năm của Luật số 89/2025/QĐ11
Điều 6. Căn cứ lập kế hoạch tài chính 05 năm 1. Căn cứ lập kế hoạch tài chính 05 năm quốc gia: a) Tình hình thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, kế hoạch tài chính 05 năm quốc gia giai đoạn trước; b) Mục tiêu, chỉ tiêu, định hướng phát triển kinh tế - xã hội, tài chính - ngân sách nhà nước trong Chiến lược quốc gia, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 05 năm; các chiến lược về tài chính, nợ công, cải cách hệ thống thuế; c) Quy định của pháp luật về tài chính - ngân sách nhà nước, bao gồm cả điều ước quốc tế mà Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam ký kết hoặc gia nhập; định hướng sửa đổi, bổ sung, ban hành mới trong thời gian 05 năm kế hoạch;	Điều 45. Căn cứ lập kế hoạch tài chính 05 năm a) Nguyên Giữ nguyên b) Các chiến lược phát triển kinh tế - xã hội, tài chính, nợ công và cải cách hệ thống thuế; quy hoạch có liên quan theo quy định của pháp luật về quy hoạch; dự kiến mục tiêu, chỉ tiêu và định hướng phát triển kinh tế - xã hội 05 năm kế hoạch của quốc gia, ngành và lĩnh vực; c) Quy định của pháp luật về tài chính - ngân sách nhà nước, bao gồm cả điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên ký kết hoặc gia nhập; định hướng sửa đổi, bổ sung, ban hành mới trong thời gian 05 năm kế hoạch;	

Nghị định số 163/2016/NĐ-CP, Nghị định số 45/2017/NĐ-CP và Nghị định số 149/2023/NĐ-CP	Dự thảo Nghị định quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước năm 2025	Thuyết minh
d) Dự báo tình hình kinh tế, tài chính thế giới và trong nước có ảnh hưởng đến khả năng huy động và nhu cầu sử dụng các nguồn lực tài chính - ngân sách nhà nước trong thời gian 05 năm kế hoạch; đ) Chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ về xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và kế hoạch tài chính 05 năm. 2. Căn cứ lập kế hoạch tài chính 05 năm tính, thành phố trực thuộc trung ương: a) Tình hình thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 05 năm và kế hoạch tài chính 05 năm giai đoạn trước của địa phương; b) Mục tiêu, chủ tiêu, định hướng phát triển kinh tế - xã hội, tài chính - ngân sách nhà nước trong Chiến lược quốc gia, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 05 năm; các chiến lược về tài chính, nợ công, cải cách hệ thống thuế; và những mục tiêu, chỉ tiêu, định hướng phát triển kinh tế - xã hội trong thời gian 05 năm kế hoạch của địa phương; quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội đã được phê duyệt của địa phương; c) Dự báo tình hình kinh tế - xã hội có ảnh hưởng đến khả năng huy động và nhu cầu sử dụng các nguồn lực tài chính - ngân sách nhà nước của địa phương trong thời gian 05 năm kế hoạch; d) Quy định của pháp luật về tài chính - ngân sách nhà nước, bao gồm cả cơ chế phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi giữa ngân sách trung ương và ngân sách địa phương, giữa các cấp chính quyền địa phương; định hướng sửa đổi, bổ sung, ban hành mới trong thời gian 05 năm kế hoạch; đ) Chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh về xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và kế hoạch tài chính 05 năm.	d) Dự báo tác động của tình hình kinh tế, tài chính thế giới và trong nước có ảnh hưởng đến khả năng huy động và nhu cầu sử dụng các nguồn lực tài chính - ngân sách nhà nước trong thời gian 05 năm kế hoạch; Giữ nguyên Giữ nguyên Giữ nguyên b) Các chiến lược phát triển kinh tế - xã hội, tài chính, nợ công; quy hoạch có liên quan theo quy định của pháp luật về quy hoạch; dự kiến mục tiêu, chỉ tiêu và định hướng phát triển kinh tế - xã hội 05 năm kế hoạch của quốc gia, ngành, lĩnh vực và địa phương; c) Dự báo tình hình kinh tế - xã hội có ảnh hưởng đến khả năng huy động và nhu cầu sử dụng các nguồn lực tài chính - ngân sách nhà nước của địa phương trong thời gian 05 năm kế hoạch; đ) Quy định của pháp luật về tài chính - ngân sách nhà nước, bao gồm cả cơ chế phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi giữa ngân sách trung ương và ngân sách địa phương; giữa các cấp chính quyền địa phương; định hướng sửa đổi, bổ sung, ban hành mới trong thời gian 05 năm kế hoạch; Giữ nguyên	
Điều 7. Yêu cầu lập kế hoạch tài chính 05 năm 1. Phù hợp với mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp đề ra trong Chiến lược quốc gia về phát triển kinh tế - xã hội; các chiến lược về tài chính, nợ công, cải cách hệ thống thuế; mục tiêu, chỉ tiêu, định hướng phát triển kinh tế - xã hội 05 năm kế hoạch của cả nước, địa phương. 2. Phù hợp với dự báo tình hình kinh tế - xã hội, khả năng cân đối nguồn thu ngân sách nhà nước, huy động và trả nợ và các yêu cầu giữ an toàn tài chính quốc gia trong thời gian 05 năm kế hoạch; phù hợp với các nguyên tắc cân đối, quản lý, phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi ngân sách nhà nước, nguyên tắc quản lý an toàn nợ công. 3. Ưu tiên bố trí ngân sách nhà nước để thực hiện các chủ trương, chính sách lớn của Đảng, Nhà nước trong từng thời kỳ cụ thể. 4. Công khai, minh bạch, hiệu quả.	Điều 46. Yêu cầu lập kế hoạch tài chính 05 năm 1. Phù hợp với mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp đề ra trong Chiến lược quốc gia về phát triển kinh tế - xã hội; các chiến lược về tài chính, nợ công, cải cách hệ thống thuế; dự kiến mục tiêu, chỉ tiêu, định hướng phát triển kinh tế - xã hội 05 năm kế hoạch của cả nước, địa phương; 2. Phù hợp với dự báo tình hình kinh tế - xã hội, khả năng cân đối nguồn thu ngân sách nhà nước, huy động và trả nợ, về các yêu cầu bảo đảm giới hạn an toàn tài chính quốc gia trong thời gian 05 năm kế hoạch; phù hợp với các nguyên tắc cân đối, quản lý, phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi ngân sách nhà nước, nguyên tắc quản lý an toàn nợ công. 3. Ưu tiên bố trí ngân sách nhà nước để thực hiện các chủ trương, chính sách lớn của Đảng, Nhà nước trong từng thời kỳ cụ thể. Giữ nguyên	
Điều 8. Nội dung kế hoạch tài chính 05 năm 1. Nội dung kế hoạch tài chính 05 năm quốc gia: a) Đánh giá tình hình thực hiện các mục tiêu, chỉ tiêu, nhiệm vụ chủ yếu trong kế hoạch tài chính 05 năm quốc gia giai đoạn trước, những kết quả đạt được, những hạn chế yếu kém và nguyên nhân, bài học kinh nghiệm;	Điều 47. Nội dung kế hoạch tài chính 05 năm Giữ nguyên a) Đánh giá tình hình thực hiện các mục tiêu, chỉ tiêu, nhiệm vụ chủ yếu trong kế hoạch tài chính 05 năm quốc gia giai đoạn trước, những kết quả đạt được, những hạn chế yếu kém và nguyên nhân, bài học kinh nghiệm;	

Nghị định số 163/2016/NĐ-CP, Nghị định số 45/2017/NĐ-CP và Nghị định số 149/2025/NĐ-CP	Dự thảo Nghị định quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước năm 2025	Thuyết minh
b) Xác định mục tiêu tổng quát của kế hoạch tài chính 05 năm; c) Xác định mục tiêu cụ thể, chủ yếu về tài chính - ngân sách nhà nước, gồm: Thu và cơ cấu thu ngân sách, chi và cơ cấu chi ngân sách; bội chi ngân sách nhà nước; nợ Chính phủ, nợ công, nợ nước ngoài của quốc gia; huy động vốn vay trong và ngoài nước; huy động và phân phối các nguồn lực, cơ cấu ngân sách nhà nước trong thời gian 05 năm kế hoạch; d) Xác định khung cân đối ngân sách nhà nước, bao gồm: Tổng thu ngân sách nhà nước (số tuyệt đối và tỷ lệ so với tổng sản phẩm trong nước - GDP), chi tiết cơ cấu thu theo khu vực; các giải pháp về chính sách và quản lý nhằm huy động nguồn thu ngân sách nhà nước; Tổng chi ngân sách nhà nước (số tuyệt đối và tỷ lệ so với GDP), chi tiết theo cơ cấu chi đầu tư phát triển, chi dự trữ quốc gia, chi thường xuyên, chi trả nợ lãi, chi viện trợ, các khoản chi khác; các yếu tố tác động đến chi ngân sách nhà nước và các giải pháp về chính sách và quản lý nhằm đảm bảo cơ cấu chi hợp lý, bền vững, nâng cao hiệu quả chi ngân sách nhà nước; Cân đối ngân sách nhà nước; Bội chi hoặc bội thu ngân sách nhà nước (số tuyệt đối và tỷ lệ so với GDP); tổng mức vay của ngân sách nhà nước, bao gồm vay bù đắp bội chi và vay để trả nợ gốc của ngân sách nhà nước; các giải pháp để đảm bảo an toàn, bền vững ngân sách nhà nước; đ) Các chỉ tiêu về quản lý nợ, gồm: Các chỉ tiêu giới hạn về nợ, mức dư nợ công, nợ Chính phủ, nợ nước ngoài của quốc gia; tỷ lệ trả nợ so với tổng thu ngân sách nhà nước; tổng mức huy động; các giải pháp về chính sách và quản lý nhằm đảm bảo an toàn, bền vững nợ e) Dự báo những chủ yếu tác động đến khung cân đối ngân sách nhà nước và các chỉ tiêu quản lý về nợ. f) Các giải pháp tài chính khác nhằm thực hiện kế hoạch tài chính 05 năm quốc gia. 2. Nội dung kế hoạch tài chính 05 năm tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương: a) Đánh giá tình hình thực hiện các mục tiêu, chỉ tiêu, nhiệm vụ chủ yếu trong kế hoạch tài chính 05 năm của tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương giai đoạn trước, những kết quả đạt được, những hạn chế yếu kém và nguyên nhân, bài học kinh nghiệm; b) Xác định mục tiêu tổng quát của kế hoạch tài chính 05 năm; c) Xác định mục tiêu cụ thể, chủ yếu về tài chính - ngân sách của địa phương, gồm: thu và cơ cấu thu ngân sách, chi và cơ cấu chi ngân sách; bội chi ngân sách địa phương; nợ của ngân sách cấp tỉnh; huy động và phân phối các nguồn lực, cơ cấu ngân sách địa phương trong thời gian 05 năm kế hoạch;	b) Xác định mục tiêu tổng quát của kế hoạch tài chính 05 năm; Giữ nguyên d) Xác định khung cân đối ngân sách nhà nước, bao gồm: Tổng thu ngân sách nhà nước (số tuyệt đối và tỷ lệ so với tổng sản phẩm trong nước - GDP), trong đó chi tiết thu nội địa, thu đầu thu, (bù trừ đối từ hoạt động xuất, nhập khẩu và thu viện trợ; các yếu tố tác động đến thu ngân sách nhà nước và các giải pháp chủ yếu để thực hiện cơ cấu thu theo khu vực; các giải pháp về chính sách và quản lý nhằm huy động nguồn thu ngân sách nhà nước; Tổng chi ngân sách nhà nước (số tuyệt đối và tỷ lệ so với GDP), trong đó chi tiết theo cơ cấu chi đầu tư phát triển, chi dự trữ quốc gia, chi thường xuyên, chi trả nợ lãi, chi viện trợ, các khoản chi khác; các yếu tố tác động tác động đến chi ngân sách nhà nước và các giải pháp để thực hiện về chính sách và quản lý nhằm đảm bảo cơ cấu chi hợp lý, bền vững, nâng cao hiệu quả chi ngân sách nhà nước; Cân đối ngân sách nhà nước; Bội chi hoặc bội thu ngân sách nhà nước (số tuyệt đối và tỷ lệ so với GDP); tổng mức vay của ngân sách nhà nước, bao gồm vay bù đắp bội chi và vay để trả nợ gốc của ngân sách nhà nước; các yếu tố tác động đến cân đối ngân Giữ nguyên Bỏ f) e) Các giải pháp tài chính khác nhằm thực hiện kế hoạch tài chính 05 năm quốc gia. Giữ nguyên a) Đánh giá tình hình thực hiện các mục tiêu, chỉ tiêu, nhiệm vụ chủ yếu trong kế hoạch tài chính 05 năm của tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương giai đoạn trước, những kết quả đạt được, những hạn chế yếu kém và nguyên nhân, bài học kinh b) Xác định mục tiêu tổng quát của kế hoạch tài chính 05 năm; Giữ nguyên	

Nghị định số 163/2016/NĐ-CP, Nghị định số 45/2017/NĐ-CP và Nghị định số 149/2025/NĐ-CP	Dự thảo Nghị định quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước năm 2025	Thuyết minh
d) Xác định khung cân đối ngân sách địa phương, bao gồm: Thu ngân sách nhà nước trên địa bàn và thu cân đối ngân sách địa phương, gồm tổng thu; số thu và cơ cấu theo thu nội địa, thu từ hoạt động xuất nhập khẩu; các yếu tố tác động đến thu ngân sách nhà nước trên địa bàn và các giải pháp về chính sách và quản lý nhằm huy động nguồn thu ngân sách địa phương; Chi ngân sách địa phương, gồm: Tổng chi; số chi và cơ cấu theo chi đầu tư phát triển, chi thường xuyên, chi trả nợ lãi; các yếu tố tác động đến chi ngân sách địa phương và các giải pháp về chính sách và quản lý nhằm đảm bảo cơ cấu chi hợp lý, bền vững, nâng cao hiệu quả chi ngân sách địa phương; Cân đối ngân sách địa phương: Bội chi hoặc bội thu ngân sách địa phương; tổng mức vay của ngân sách địa phương, bao gồm vay bù đắp bội chi và vay để trả nợ gốc của ngân sách địa phương; các giải pháp để đảm bảo an toàn, bền vững ngân sách địa phương. đ) Các chỉ tiêu về quản lý nợ của địa phương, gồm: Hạn mức vay, dư nợ vay của chính quyền địa phương; dự kiến vay, trả nợ; các giải pháp về chính sách và quản lý nhằm đảm bảo an toàn, bền vững nợ của chính quyền địa phương; e) Dự báo những rủi ro tác động đến khung cân đối ngân sách địa phương và các chỉ tiêu quản lý về nợ của chính quyền địa phương; f) Các giải pháp tài chính khác nhằm thực hiện kế hoạch tài chính 05 năm tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương.	d) Xác định khung cân đối ngân sách địa phương, bao gồm: Tổng T thu ngân sách nhà nước trên địa bàn và thu cân đối ngân sách địa phương, trong đó chi tiết gồm tổng thu; số thu và cơ cấu theo thu nội địa, thu đầu tư, thu cân đối từ hoạt động xuất nhập khẩu và thu viện trợ; các yếu tố tác động đến thu ngân sách nhà nước trên địa bàn và các giải pháp chủ yếu để thực hiện về chính sách và quản lý nhằm huy động nguồn thu ngân sách địa phương; Tổng Chi ngân sách địa phương, gồm: Tổng chi; số chi và cơ cấu theo trong đó chi tiết chi đầu tư phát triển, chi thường xuyên; chi trả nợ lãi, chi viện trợ, chi thường xuyên; các yếu tố tác động đến chi ngân sách địa phương và các giải pháp chủ yếu để thực hiện về chính sách và quản lý nhằm đảm bảo cơ cấu chi hợp lý, bền vững; nâng cao hiệu quả chi ngân sách địa phương; Cân đối ngân sách địa phương: Bội chi hoặc bội thu ngân sách địa phương; tổng mức vay của ngân sách địa phương, bao gồm vay bù đắp bội chi và vay để trả nợ gốc của ngân sách địa phương; các yếu tố tác động đến cân đối ngân sách địa phương và các giải pháp để đảm bảo an toàn, bền vững ngân sách địa phương. Giữ nguyên Đó đ) g) Các giải pháp tài chính khác nhằm thực hiện kế hoạch tài chính 05 năm tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương.	
Điều 9. Trình tự lập kế hoạch tài chính 05 năm 1. Trình tự lập kế hoạch tài chính 05 năm quốc gia: a) Trước ngày 31 tháng 3 năm thứ tư của kế hoạch tài chính 05 năm quốc gia giai đoạn trước, Thủ tướng Chính phủ ban hành Chỉ thị về việc lập kế hoạch tài chính 05 năm giai đoạn sau; b) Trước ngày 31 tháng 12 năm thứ tư của kế hoạch tài chính 05 năm quốc gia giai đoạn trước, Bộ Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với các bộ, cơ quan có liên quan dự kiến các chỉ tiêu kinh tế - xã hội chủ yếu 05 năm giai đoạn sau gửi Bộ Tài chính làm căn cứ xây dựng kế hoạch tài chính 05 năm quốc gia giai đoạn sau;	Điều 48. Trình tự lập kế hoạch tài chính 05 năm Giữ nguyên a) Trước ngày 15-31 tháng 5-3 năm thứ năm tư của kế hoạch tài chính 05 năm quốc gia giai đoạn trước, Thủ tướng Chính phủ ban hành Chỉ thị về việc lập kế hoạch tài chính 05 năm giai đoạn sau cùng với việc ban hành quy định xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, dự toán ngân sách nhà nước năm sau; b) Trước ngày 10-31 tháng 8-12 năm thứ năm tư của kế hoạch tài chính 05 năm quốc gia giai đoạn trước, Bộ Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với các bộ, cơ quan có liên quan dự kiến các chỉ tiêu kinh tế - xã hội chủ yếu 05 năm giai đoạn sau gửi Bộ Tài chính báo cáo Thủ tướng Chính phủ định hướng làm căn cứ xây dựng kế hoạch tài chính 05 năm quốc gia giai đoạn sau;	

Nghị định số 163/2016/NĐ-CP, Nghị định số 45/2017/NĐ-CP và Nghị định số 149/2025/NĐ-CP	Dự thảo Nghị định quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước năm 2025	Thuyết minh
c) Trước ngày 30 tháng 6 năm thứ năm của kế hoạch tài chính 05 năm giai đoạn trước, căn cứ báo cáo Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm giai đoạn sau đã trình Chính phủ, Bộ Tài chính chủ trì, phối hợp với Bộ Kế hoạch và Đầu tư, các bộ, cơ quan có liên quan xây dựng kế hoạch tài chính 05 năm quốc gia giai đoạn sau trình Thủ tướng Chính phủ; d) Trước ngày 20 tháng 9 năm thứ năm của kế hoạch tài chính 05 năm quốc gia giai đoạn trước, căn cứ ý kiến của Thủ tướng Chính phủ, Bộ Tài chính hoàn chỉnh kế hoạch tài chính 05 năm quốc gia giai đoạn sau để báo cáo Chính phủ trình Ủy ban thường vụ Quốc hội và các cơ quan của Quốc hội; đ) Trước ngày 20 tháng 10 năm thứ năm của kế hoạch tài chính 05 năm quốc gia giai đoạn trước, căn cứ ý kiến của Ủy ban thường vụ Quốc hội và các Ủy ban của Quốc hội, Bộ Tài chính hoàn chỉnh kế hoạch tài chính 05 năm quốc gia giai đoạn sau báo cáo Thủ tướng Chính phủ để trình Quốc hội. 2. Trình tự lập kế hoạch tài chính 05 năm tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương: a) Trước ngày 15 tháng 5 năm thứ tư của kế hoạch tài chính 05 năm giai đoạn trước, căn cứ chỉ thị của Thủ tướng Chính phủ về việc lập kế hoạch tài chính 05 năm giai đoạn sau, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chỉ đạo Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư và các cơ quan, đơn vị có liên quan xây dựng kế hoạch tài chính 05 năm tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương giai đoạn sau; b) Trước ngày 30 tháng 11 năm thứ tư của kế hoạch tài chính 05 năm giai đoạn trước, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh báo cáo Thường trực Hội đồng nhân dân cùng cấp kế hoạch tài chính 05 năm tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương giai đoạn sau; c) Trước ngày 31 tháng 12 năm thứ tư của kế hoạch tài chính 05 năm giai đoạn trước, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh gửi kế hoạch tài chính 05 năm của địa phương đã hoàn chỉnh theo ý kiến của Thường trực Hội đồng nhân dân cùng cấp để xin ý kiến Bộ Tài chính, Bộ Kế hoạch và Đầu tư; d) Trước ngày 20 tháng 7 năm thứ năm của kế hoạch tài chính 05 năm giai đoạn trước, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hoàn thiện kế hoạch tài chính 05 năm của địa phương gửi Bộ Tài chính, Bộ Kế hoạch và Đầu tư cùng với tài liệu về dự toán ngân sách nhà nước hằng năm;	c) Trên cơ sở ý kiến của Thủ tướng Chính phủ Trước ngày 30 tháng 6 năm thứ năm của kế hoạch tài chính 05 năm giai đoạn trước, căn cứ báo cáo Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm giai đoạn sau đã trình Chính phủ, Bộ Tài chính chủ trì hoàn thiện kế hoạch tài chính 05 năm quốc gia giai đoạn sau, báo cáo trình Thủ tướng Chính phủ để trình Ủy ban Thường vụ Quốc hội cho ý kiến trước ngày 20 tháng 9 năm thứ năm của kế hoạch tài chính 05 năm quốc gia giai đoạn trước; d) Trên cơ sở ý kiến của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Bộ Tài chính chủ trì hoàn thiện kế hoạch tài chính 05 năm quốc gia giai đoạn sau báo cáo Chính phủ để trình Quốc hội cho ý kiến cùng thời điểm trình dự toán ngân sách nhà nước năm đầu của kế hoạch tài chính 05 năm quốc gia giai đoạn sau; đ) Trên cơ sở ý kiến của Quốc hội khóa trước, Chính phủ trình Quốc hội khóa mới tại kỳ họp thứ nhất để xem xét, quyết định kế hoạch tài chính 05 năm quốc gia giai đoạn sau. Giải nguyên a) Trước ngày 15 tháng 5 năm thứ tư của kế hoạch tài chính 05 năm giai đoạn trước, Căn cứ chỉ thị của Thủ tướng Chính phủ về việc lập kế hoạch tài chính 05 năm giai đoạn sau, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chỉ đạo Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư và các cơ quan, đơn vị có liên quan xây dựng kế hoạch tài chính 05 năm tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương giai đoạn sau; b) Trước ngày 30 tháng 11 năm thứ tư của kế hoạch tài chính 05 năm giai đoạn trước, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh báo cáo Thường trực Hội đồng nhân dân cùng cấp kế hoạch tài chính 05 năm tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương giai đoạn sau để cho ý kiến; c) Trước ngày 31 tháng 12 năm thứ tư của kế hoạch tài chính 05 năm giai đoạn trước, trên cơ sở ý kiến của Thường trực Hội đồng nhân dân cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh gửi hoàn thiện kế hoạch tài chính 05 năm của địa phương để hoàn thiện theo ý kiến của Thường trực Hội đồng nhân dân cùng cấp để xin ý kiến gửi Bộ Tài chính để cho ý kiến, Bộ Kế hoạch và Đầu tư; Đỗ	

Nghị định số 163/2016/NĐ-CP, Nghị định số 45/2017/NĐ-CP và Nghị định số 149/2025/NĐ-CP	Dự thảo Nghị định quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước năm 2025	Thuyết minh
đ) Căn cứ ý kiến của Bộ Tài chính, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hoàn chỉnh kế hoạch tài chính 05 năm tính, thành phố trực thuộc trung ương giai đoạn sau báo cáo Hội đồng nhân dân cùng cấp xem xét, quyết định cùng thời điểm trình dự toán ngân sách năm đầu thời kỳ kế hoạch 05 năm giai đoạn sau; e) Trước ngày 10 tháng 12 năm thứ 5 của kế hoạch tài chính 05 năm giai đoạn trước, căn cứ kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 05 năm giai đoạn sau của địa phương, Hội đồng nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định kế hoạch tài chính 05 năm tính, thành phố trực thuộc trung ương giai đoạn sau.	đ) Căn cứ ý kiến của Bộ Tài chính, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hoàn chỉnh kế hoạch tài chính 05 năm tính, thành phố trực thuộc trung ương giai đoạn sau báo cáo Hội đồng nhân dân cùng cấp cho ý kiến xem xét, quyết định cùng thời điểm trình dự toán ngân sách năm đầu thời kỳ kế hoạch 05 năm giai đoạn sau; e) Trên cơ sở ý kiến của Hội đồng nhân dân khóa trước, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trình trước ngày 10 tháng 12 năm thứ 5 của kế hoạch tài chính 05 năm giai đoạn trước, căn cứ kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 05 năm giai đoạn sau của địa phương, Hội đồng nhân dân khóa mới tại kỳ họp thứ nhất để cấp tỉnh xem xét, quyết định kế hoạch tài chính 05 năm tính, thành phố trực thuộc trung ương giai đoạn sau.	
Điều 10. Điều chỉnh kế hoạch tài chính 05 năm 1. Đối với kế hoạch tài chính 05 năm quốc gia: a) Trường hợp mục tiêu, chỉ tiêu cơ bản của kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 05 năm quốc gia thay đổi hoặc có yêu cầu cấp bách về quốc phòng, an ninh khiến cân đối ngân sách nhà nước, khả năng huy động các nguồn vốn có đột biến lớn, Bộ Tài chính chủ trì, phối hợp với Bộ Kế hoạch và Đầu tư và các cơ quan có liên quan xây dựng phương án điều chỉnh, báo cáo Chính phủ để trình Quốc hội quyết định cùng thời điểm trình dự toán ngân sách năm điều chỉnh kế hoạch; b) Việc lập kế hoạch điều chỉnh kế hoạch tài chính 05 năm quốc gia (nếu có) thực hiện theo đúng trình tự và mốc thời gian đối với việc xây dựng kế hoạch tài chính 05 năm quốc gia. 2. Đối với kế hoạch tài chính 05 năm tính, thành phố trực thuộc trung ương: a) Trường hợp mục tiêu, chỉ tiêu cơ bản của kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 05 năm của địa phương thay đổi hoặc có yêu cầu cấp bách về quốc phòng, an ninh khiến cân đối ngân sách của địa phương, khả năng huy động các nguồn vốn có đột biến lớn, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chỉ đạo Sở Tài chính chủ trì xây dựng phương án điều chỉnh, báo cáo Thường trực Hội đồng nhân dân cho ý kiến, rồi gửi Bộ Tài chính, Bộ Kế hoạch và Đầu tư cho ý kiến trước khi trình Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định cùng thời điểm trình dự toán ngân sách năm điều chỉnh kế hoạch; b) Việc lập kế hoạch điều chỉnh kế hoạch tài chính 05 năm tính, thành phố trực thuộc trung ương (nếu có) theo đúng trình tự và mốc thời gian đối với việc xây dựng kế hoạch tài chính 05 năm tính, thành phố trực thuộc trung ương; c) Ủy ban nhân dân cấp tỉnh gửi Bộ Tài chính, Bộ Kế hoạch và Đầu tư kế hoạch tài chính 05 năm tính, thành phố trực thuộc trung ương điều chỉnh chậm nhất 30 ngày kể từ ngày Hội đồng nhân dân cùng cấp thông qua.	Bổ điều này	
Điều 11. Nhiệm vụ, quyền hạn của các cơ quan, tổ chức trong lập kế hoạch tài chính 05 năm 1. Nhiệm vụ, quyền hạn của Thủ tướng Chính phủ: a) Ban hành Chỉ thị về việc lập kế hoạch tài chính 05 năm giai đoạn sau;	Điều 49. Trách nhiệm của các cơ quan trong lập kế hoạch tài chính 05 năm Bổ quy định	

Nghị định số 163/2016/NĐ-CP, Nghị định số 45/2017/NĐ-CP và Nghị định số 149/2023/NĐ-CP	Dự thảo Nghị định quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước năm 2025	Thuyết minh
3) Chỉ đạo việc lập kế hoạch tài chính 05 năm quốc gia, việc điều chỉnh kế hoạch tài chính 05 năm quốc gia trong trường hợp cần thiết; c) Tổ chức kiểm tra việc lập kế hoạch tài chính 05 năm của các địa phương. 2. Nhiệm vụ, quyền hạn của Bộ Tài chính: a) Trình Thủ tướng Chính phủ ban hành Chỉ thị về việc lập kế hoạch tài chính 05 năm giai đoạn sau; b) Chủ trì lập kế hoạch tài chính 05 năm quốc gia báo cáo Thủ tướng, Chính phủ, Chính phủ tỉnh Ủy ban thường vụ Quốc hội, Quốc hội quyết định; c) Chủ trì lập phương án điều chỉnh kế hoạch tài chính 05 năm quốc gia theo quy định tại khoản 1 Điều 10 Nghị định này; d) Tham gia ý kiến với Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương về lập kế hoạch tài chính 05 năm hoặc điều chỉnh kế hoạch tài chính 05 năm tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương. 3. Nhiệm vụ, quyền hạn của Bộ Kế hoạch và Đầu tư: a) Chủ trì, phối hợp với các bộ, cơ quan trung ương và địa phương xác định các chỉ tiêu kinh tế - xã hội chủ yếu 05 năm giai đoạn sau để làm căn cứ lập kế hoạch tài chính 05 năm quốc gia; b) Phối hợp với Bộ Tài chính và các bộ, cơ quan có liên quan lập, điều chỉnh kế hoạch tài chính 05 năm quốc gia; c) Tham gia ý kiến với Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương về lập, điều chỉnh kế hoạch tài chính 05 năm tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương. 4. Nhiệm vụ, quyền hạn của các bộ, cơ quan trung ương: a) Phối hợp với Bộ Kế hoạch và Đầu tư xác định các chỉ tiêu kinh tế - xã hội chủ yếu 05 năm giai đoạn sau của ngành, lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý để làm căn cứ lập kế hoạch tài chính 05 năm quốc gia; b) Phối hợp với Bộ Tài chính trong quá trình lập, điều chỉnh kế hoạch tài chính 05 năm quốc gia. 5. Nhiệm vụ, quyền hạn của Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương: a) Chỉ đạo Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan ở địa phương xác định các chỉ tiêu kinh tế - xã hội chủ yếu của địa phương 05 năm giai đoạn sau, gửi Sở Tài chính để làm căn cứ lập kế hoạch tài chính 05 năm tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương; b) Chỉ đạo các sở, ban, ngành và cơ quan chức năng khác ở địa phương phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư xác định các chỉ tiêu kinh tế - xã hội 05 năm giai đoạn sau trên địa bàn của ngành, lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý để làm căn cứ lập, điều chỉnh kế hoạch tài chính 05 năm tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;	Gộp lại thành khoản 1. Bộ Tài chính chủ trì xây dựng Chỉ thị của Thủ tướng, Chính phủ về việc lập kế hoạch tài chính 05 năm, xây dựng kế hoạch tài chính 05 năm quốc gia và tham gia ý kiến với Ủy ban nhân dân cấp tỉnh về kế hoạch tài chính 05 năm tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương giai đoạn sau. Bỏ khoản này 2. Nhiệm vụ, quyền hạn của Các bộ, cơ quan trung ương Phối hợp với Bộ Tài chính trong quá trình lập, điều chỉnh kế hoạch tài chính 05 năm quốc gia. Bỏ 3. Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố chỉ đạo Sở Tài chính và các cơ quan, đơn vị có liên quan khác ở địa phương lập kế hoạch tài chính 05 năm tỉnh, thành phố. Bỏ Bỏ	

Nghị định số 163/2016/NĐ-CP, Nghị định số 45/2017/NĐ-CP và Nghị định số 149/2025/NĐ-CP	Dự thảo Nghị định quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước năm 2025	Thuyết minh
c) Chỉ đạo Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư, Cục Thuế, Cục Hải quan và các cơ quan, đơn vị có liên quan khác ở địa phương lập, điều chỉnh kế hoạch tài chính 05 năm tính, thành phố trực thuộc trung ương báo Ủy ban nhân dân tỉnh, Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định và gửi Bộ Tài chính, Bộ Kế hoạch và Đầu tư theo quy định tại Nghị định này.	Bỏ	
Chương VII. ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH	Chương VII. ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH	
Điều 53. Điều khoản chuyển tiếp 1. Đối với quyết toán ngân sách các năm 2015, 2016, áp dụng theo các quy định của Luật ngân sách nhà nước số 01/2002/QH11 và Nghị định số 60/2003/NĐ-CP ngày 06 tháng 6 năm 2003 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật ngân sách nhà nước. 2. Thời kỳ ổn định ngân sách 2011 - 2015 được kéo dài đến hết năm 2016. Thời kỳ ổn định ngân sách tiếp theo được tính từ năm 2017 đến năm 2020. 3. Đối với các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương có mức dư nợ huy động đến ngày 31 tháng 12 năm 2016 vượt mức giới hạn dư nợ vay theo quy định của Luật ngân sách nhà nước, thì trong dự toán ngân sách năm 2017 và các năm tiếp theo phải đánh nguồn thu ngân sách địa phương được hưởng theo phân cấp, giảm kế hoạch chi đầu tư công trung hạn để bố trí tăng chi trả nợ gốc, bảo đảm mức dư nợ vay không vượt quá mức dư nợ vay của địa phương theo quy định của Luật ngân sách nhà nước.	Điều 50. Điều khoản chuyển tiếp Đối với quyết toán ngân sách năm 2024 và quy trình, yêu cầu lập dự toán ngân sách năm 2026 áp dụng theo các quy định của Luật ngân sách nhà nước số 83/2015/QH13 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 59/2020/QH14 và Luật số 56/2024/QH15, Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước.	
Điều 54. Hiệu lực thi hành 1. Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2017 và áp dụng từ năm ngân sách 2017. 2. Dãi bỏ Nghị định số 60/2003/NĐ-CP ngày 06 tháng 6 năm 2003 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật ngân sách nhà nước.	Điều 51. Điều khoản thi hành 1. Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 và áp dụng từ năm ngân sách 2026, trừ trường hợp các quy định tại Nghị định này có liên quan đến nội dung quy định tại khoản 3 Điều 77 Luật Ngân sách nhà nước được thực hiện từ ngày 01 tháng 7 năm 2025, 2. Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước, Nghị định số 45/2017/NĐ-CP ngày 21 tháng 4 năm 2017 quy định chi tiết lập kế hoạch tài chính 05 năm và kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước 03 năm, Nghị định số 149/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung sửa đổi của Luật Ngân sách nhà nước tại Điều 4 Luật số 56/2024/QH15 hết hiệu lực kể từ ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành.	
Điều 55. Trách nhiệm thi hành 1. Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn và tổ chức thực hiện Nghị định này. 2. Bộ trưởng, thủ trưởng cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan khác ở trung ương và Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này/.	Điều 52. Trách nhiệm thi hành Giữ nguyên Giữ nguyên	